

THÍCH THỊ KÊ CỎ LƯỢC

QUYỀN 4

* **Nhà Tống:** Họ Triệu, vương hiệu Thổ Đức, đóng đô đất Biện, nay là Biện Lương lộ, gồm Thái Tổ, Thái Tông, Chân Tông, Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông, Huy Tông, Khâm Tông, Cao Tông, Hiếu Tông, Quang Tông, Ninh Tông, Lý Tông, Độ Tông, Ấu Chúa.

***Thái Tổ:** Húy là Huyền Lăng, ban đầu có tên Quang Dận, Khuông Dận, người Lạc dương, Tây Kinh, họ Triệu, làm quan nhà Chu giữ chức Quy đức quân Tiết độ sứ Điện tiền đô điểm giản, nhận ngôi nhà Chu vào năm ba mươi bốn tuổi. Ông lên ngôi, lấy ngày mười sáu tháng hai làm Tiết Trường Xuân, ở ngôi mười sáu năm, thọ năm mươi tuổi. Đế nhiều lần dựng chùa viện, mỗi năm độ tám ngàn tăng. (Xem trong niên hiệu có ghi đủ). Niên hiệu Kiến Long ba năm, Càn Đức năm, Khai Bảo tám năm.

- Canh Thân: Kiến Long năm đầu. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ mười, đưa Trịnh Vương về Tây Kinh. Tháng giêng năm Khai Bảo năm thứ sáu, Trịnh Vương mất ở Phòng châu, được truy thụy là Cung Đế.

<i>Triệu</i>	<i>Bắc Hán:Thừa Quân</i>	<i>Phụng Tường</i>	<i>Ngô Việt</i>
<i>Kinh Nam họ Cao, Bảo Úc lên ngôi</i>	<i>Đường: Cự lên ngôi</i>	<i>Thục</i>	<i>Hán: Thiên Bảo năm thứ 3</i>

Tháng chín, Đế đánh Lý Trọng Tiến ở Hoài Nam, tháng mười hai hạ chiếu dựng chùa ở chiến địa Quảng Lăng, sắc tứ là chùa Kiến Long, ban bốn khoảnh ruộng hương hỏa để cầu siêu cho chiến sĩ trận vong, thỉnh Sa-môn Đạo Huy trụ trì.

Tân Dậu: Kiến Long năm thứ ba. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ mười một.

<i>Triệu</i>	<i>Bắc Hán: Thừa Quân</i>	<i>Phụng Tường</i>	<i>Ngô Việt</i>
<i>Kinh Nam họ Cao</i>	<i>Đường</i>	<i>Thục</i>	<i>Hán: Thiên Bảo năm thứ 4</i>

Ngày mười sáu tháng hai, ngày sinh của Đế, bãi bỏ luận giảng của ba giáo. Từ năm Khai Bảo về sau, mới triệu tăng của Tam học vào điện đình thi nghĩa. Từ kinh thành ra đến cả nước, cứ vào ngày sinh của Đế hàng năm thỉnh Tăng lên tòa thuyết pháp chúc thọ. Người được kể thế giảng thuyết phải chọn từ những người thi nghĩa kinh.

Nhâm Tuất: Kiến Long năm thứ ba. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ mười hai.

<i>Triệu</i>	<i>Bắc Hán</i>	<i>Phụng Tường</i>	<i>Ngô Việt</i>
<i>Kinh Nam:họ Cao, Kế Xung lên ngôi.</i>	<i>Đường</i>	<i>Thục</i>	<i>Nam Hán: Thiên Bảo năm thứ 5</i>

Đế hạ chiếu cho những vị Tăng đồng chân xuất gia mỗi năm đến bản châu khảo thí, đủ khả năng thì đưa vào Kinh sư đảm trách việc chính sự quan trọng, giám khảo. Ai thông tỏ bảy quyển Diệu Pháp Liên Hoa Kinh thì báo tên với Hạ từ bộ cấp điệp thế phát, nếu người được Đế đặc biệt hạ chiếu cho thì độ khắp Tăng ni không giới hạn số lượng như việc trong năm Thái Bình Hưng Quốc và năm Kiến Long.

- Quý Hợi: Càn Đức năm đầu. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ 13. Kinh Nam Cao Kế Xung dâng biểu nộp đất quy hàng nhà Tống. Kinh Nam tồn tại năm mươi bảy năm, đất nước diệt vong.

<i>Triệu</i>	<i>Bắc Hán:Lưu Thừa Quân</i>	<i>Phụng Tường</i>	<i>Ngô Việt</i>
<i>Kinh Nam diệt vong</i>	<i>Đường</i>	<i>Thục: Mạnh Sửng</i>	<i>Nam Hán:Sửng Thiên Bảo năm thứ 6</i>

- Giáp Tý: Càn Đức năm thứ hai. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ mười bốn.

<i>Triệu</i>	<i>Bắc Hán</i>		<i>Ngô Việt</i>
	<i>Đường</i>	<i>Thục</i>	<i>Nam Hán: Thiên Bảo năm thứ 7</i>

Ất Sửu: Càn Đức năm thứ ba. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ mười lăm.

<i>Triệu</i>	<i>Bắc Hán</i>		<i>Ngô Việt</i>
	<i>Đường</i>	<i>Thục mất</i>	<i>Nam Hán: Thiên Bảo năm thứ 8</i>

Bính Dần: Càn Đức năm thứ tư. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ mười sáu.

<i>Bắc Hán</i>		<i>Ngô Việt</i>
<i>Đường</i>	<i>Thục</i>	<i>Nam Hán: Thiên Bảo năm thứ 9</i>

Đế hạ chiếu “Tần Lương đã thông, sai hơn trăm tăng đi Tây Vực tìm kinh pháp nhà Phật”.

Đinh Mão: Càn Đức năm thứ năm. Đại Liêu, Mục Tông, Ứng Lịch năm thứ mười bảy.

<i>Bắc Hán: Thừa Quân</i>	<i>Ngô Việt</i>
<i>Đường</i>	<i>Nam Hán: Thiên Bảo năm thứ 10</i>

Mậu Thìn: Tháng mười một, đổi niên hiệu Khai Bảo năm đầu. Đại Liêu, Mục Tông bị giết, Cảnh Tông lên ngôi, Bảo Ninh năm đầu.

<i>Bắc Hán: Kế Nguyên lên ngôi, Quảng Vận năm đầu.</i>	<i>Ngô Việt</i>	<i>Đường</i>	<i>Nam Hán: Thiên Bảo năm thứ 11.</i>
--	-----------------	--------------	---------------------------------------

Ngày hai mươi bảy tháng chín, Đế hạ chiếu cho Thành Đô phủ tạo kinh Phật mỗi loại một tạng bằng chữ vàng bạc. Lệnh cho Binh bộ thị lang Lưu Hy Cổ giám sát công việc. Mùa Đông tháng mười một, tế Giao, tế Tụ xong, Đế đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu.

* **Bắc Hán:** Mùa Thu tháng bảy, Thừa Quân bệnh nặng, triệu Bình Chương sự Quách Vô Vi, cầm tay Kế Ân giao phó mọi việc. Kế Ân nổi ngôi, truy thụy Thừa Quân là Hiếu Hòa Đế. Hơn hai tháng sau, vào tháng chín, Hầu Bá Vinh Quách Vô Vi giết Kế Ân, đón Kế Nguyên lập làm Hán chủ, đổi niên hiệu Quảng Vận. Trước đây, con rể của Hán chủ Lưu Bân là Tiết Chiêu rất có tài, sinh người con là Kế Ân thì Chiêu mất. Vợ ông tái giá lấy người họ Hà, sinh ra Kế Nguyên. Vợ chồng họ Hà chết, Định Vương Thừa Quân không có con, Bân mới cho Nguyên, Ân làm con nuôi của Thừa Quân, đến lúc này, giết Kế Ân lập Kế Nguyên làm Hán chủ.

* **Đại Liêu:** Những năm cuối đời, Mục Tông tàn ác bất nhân, người người nín thở vì họa phước không lường. Gặp lúc say, ông ăn không được muốn chém đầu bếp. Ngự thiện sợ họa lây, nhân bưng cơm dâng đã kẹp con dao giết ông dưới chân Hắc Sơn vào tháng chín, truy thụy là Thiên Thuận Hoàng Đế, miếu hiệu Mục Tông. Cảnh Tông lên ngôi, húy Minh Ký, sau đổi tên Hiền, con của Thế Tông Nguyên Dục. Trước đây, khi Thế Tông bị giết, ông mới chín tuổi, ngự trù Lưu Giải Lý bó ông trong chăn bông giấu trong ống củ nhờ vậy thoát chết. Đến lúc này ông lên ngôi. Ông từ nhỏ đã bệnh nhiều, chẳng lo triều chính ông mất tháng mười hai Nhâm Ngọ, Càn Hanh năm thứ chín, thụy là Hiếu Thành Hoàng Đế, miếu hiệu Cảnh Tông.

- Kỷ Ty: Khai Bảo năm thứ hai. Liêu, Cảnh Tông, Bảo Ninh năm thứ hai.

<i>Bắc Hán: Kế Nguyên, Quảng Vận năm thứ 2</i>	<i>Ngô Việt</i>	<i>Đường</i>	<i>Nam Hán</i>
--	-----------------	--------------	----------------

Ngày mười sáu tháng hai, tiết Trường Xuân, Đế đồng ý cho Tăng cả nước dâng biểu vào sân điện tử thí Tam Học, lệnh cho Khai phong phủ công đức sứ sai Tăng kiểm chứng mười điều trong Kinh Luật luận, ai thông suốt hết thì ban cho y tía, hiệu là Thủ Biểu Tăng. Đến Thái Tông, Thái Bình Hưng Quốc năm thứ tư, Công Đức Sứ tâu “Thiên hạ là

một nhà chưởng cần phải thủ biểu”. Từ đó, trong ngày sinh của Hoàng Đế, Tể phụ, Thân vương, Giám ty, Thứ sử mỗi bộ đều phải tiến cử Tam Học Tăng mà mình biết. Riêng những người do Lương Nhai Tăng lục tiến cử thì ngay hôm đó vào cung nhận Môn hạ điệp, đây gọi là Liêm Tiên Sư Hiệu, nếu cấp y tía thì gọi là Liêm Tiên Tử Y, ban xong cùng thiết trai cúng dường. Ngoài ra người do vương hầu tiến cử, thì hôm sau lúc mặt trời vừa mọc. Tiết Chế Liêm gạn hỏi, nếu được chọn thì chuyển xuống mà ban thưởng.

- Canh Ngọ: Khai Bảo năm thứ ba. Liêu, Bảo Ninh năm thứ ba.

<i>Bắc Hán: Quảng năm Vận năm thứ 3</i>	<i>Ngô Việt</i>	<i>Đường</i>	<i>Nam Hán: Sưởng hàng</i>
---	-----------------	--------------	----------------------------

Nam Hán: Ở Lĩnh Nam, Lưu Sưởng đem nước hàng nhà Tống; Sưởng, Ân, Xá, Hầu cả thảy sáu mươi bảy năm, đất nước diệt vong. Năm này Đế lệnh cho tu sửa chùa Phong Thiên cũ ở Kinh Sư làm chùa Khai Bảo, phía trước đến Quang Nhai, bắc giáp sông Ngũ Trượng, đến mấy ngàn gian, đất tiếp giáp mấy phường, nguy nga tráng lệ.

Tân Mùi: Khai Bảo năm thứ tư. Liêu, Bảo Ninh năm thứ tư.

<i>Bắc Hán: Quảng Vận năm thứ 4</i>	<i>Ngô Việt</i>	<i>Đường</i>
-------------------------------------	-----------------	--------------

Ngày mười một tháng sáu, Đế lệnh cho Thành Đô tạo lại một tạng Kinh Phật chữ bằng vàng.

Nhâm Thân: Khai Bảo năm thứ năm. Liêu, Bảo Ninh năm thứ năm.

<i>Bắc Hán: Quảng Vận năm thứ 5</i>	<i>Ngô Việt</i>	<i>Đường</i>
-------------------------------------	-----------------	--------------

Đế từ khi đem quân bình định các nước, cả thảy tạo mấy tạng kinh Phật chữ bằng vàng bạc. Năm này, lệnh khắc in một tạng kinh gồm mười ba vạn bản.

- Quý Dậu: Khai Bảo năm thứ sáu. Tháng giêng Liêu Cung Đế mất. Bảo Ninh năm thứ sáu.

<i>Bắc Hán: Quảng Vận năm thứ 6</i>	<i>Ngô Việt</i>	<i>Đường</i>
---	-----------------	--------------

Giáp Tuất: Khai Bảo năm năm thứ bảy. Liêu, Càn Hanh năm đầu.

<i>Bắc Hán: Quảng Vận năm thứ 7</i>	<i>Ngô Việt</i>	<i>Đường</i>
---	-----------------	--------------

Đế lệnh cho Tào Bân cùng Phan Mỹ, Tào Hàn đánh Giang Nam (Nam Đường). Tháng mười một, khao quân, Bân từng ở trước Đế phụng chỉ không giết người. Mùa Đông năm sau, đánh phá được thành, Bân cáo bệnh không ra cầm quân. Phan Mỹ dẫn các tướng vào thăm ông. Bân nói: “Bệnh tôi không thuốc thang nào chữa khỏi, phải nhờ các ông cùng thể, phá thành nhưng không giết người thì bệnh tôi tự khỏi ngay”. Các tướng đồng ý, họ cùng đốt hương và thể. Ngày hôm đó, phá được Kim Lăng (Kiến Khang), họ Lý hàng, trong thành vẫn yên vững. Bân làm đến chức sứ tướng, cha con cùng hưởng bổng lộc giàu có nhiều đời, đó chính là phước báo của việc không sát sinh.

- Ất Hợi: Khai Bảo năm thứ tám. Liêu, Càn Hanh năm thứ hai. Tháng ba, Liêu sang thăm Tống, Tống bắt đầu ngoại giao với Liêu.

<i>Bắc Hán: Quảng Vận năm thứ 8</i>	<i>Ngô Việt</i>	<i>Nam Đường: Lý Đát hàng Tống, được phong Vi Mệnh Hầu, tồn tại 39 năm, thì diệt vong.</i>
---	-----------------	--

Năm Bính Tý: Mùa hạ tháng tư, Đế xa giá đến Tây Kinh có việc ở Nam Giao. Ngày hai mươi hai tháng mười hai năm này, đổi niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc.

* **Thái Tông:** Húy là Cảnh, em cùng mẹ với Thái Tổ, được phong Tấn Vương. Năm Khai Bảo năm thứ chín, Thái Tổ mất, ông lên ngôi, lúc ấy ba mươi tám tuổi. Ông xếp võ sửa văn, đổi điện Giảng Võ thành điện Sùng Chính, tuyển dụng hiền lương, chọn kỹ Thứ sử vì ông cho rằng Thứ sử là một người gần dân nhất, nếu chọn cầu thả, trái lại nhân dân phải bị họa. Ông cầu chỉ dạy nghe can gián, phong tục thuần hậu.

Ông ở ngôi hai mươi một năm, thọ năm mươi chín tuổi. Ông lấy ngày mười bảy tháng mười làm Tiết Càn Minh. Niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc tám năm, Ung Hy bốn năm, Đoan Cung hai năm, Thuần Hóa năm, Chí Đạo ba năm.

- Bính Tý: Tháng mười hai, đổi Thái Bình Hưng Quốc năm đầu. Liêu, Càn Hanh năm thứ ba.

<i>Bắc Hán: Quảng Vận năm thứ 9</i>	<i>Ngô Việt</i>
-------------------------------------	-----------------

- Đinh Sửu: Thái Bình Hưng Quốc năm thứ hai. Liêu, Càn Hanh năm thứ tư.

<i>Bắc Hán: Quảng Vận năm thứ 10</i>	<i>Ngô Việt</i>
--------------------------------------	-----------------

Chùa Long Hưng cũ ở Kinh Sư vào thời Chu Thế Tông bị phước làm kho Long Hưng. Đến lúc này, Tăng chủ đánh trống kêu oan xin khôi phục chùa. Đế cảm thán hạ chiếu khôi phục lại, sắc tứ là chùa Thái Bình Hưng Quốc, nhưng trùng tu xây dựng thêm, cựa kỳ hoành tráng.

- Mậu Dần: Thái Bình Hưng Quốc năm thứ ba. Liêu, Càn Hanh năm thứ năm.

Tháng ba, Ngô Việt Trung Ý Vương Tiên Thục dâng biểu quy hàng Tống, vào triều dâng hết đất của mười ba châu.

<i>Bắc Hán: Quảng Vận năm thứ 11</i>	<i>Ngô Việt phụng biểu vào triều nộp đất</i>
--------------------------------------	--

Tháng tư, Trần Hồng Tiến dâng biểu hiến hai quận Chương, Tuyền. Ngày mười ba tháng tám, Hàn lâm học sĩ Tri chế cáo Lý Phưởng, Trung thư xá nhân Hồ Mông Trực, sử quán Lý Mậu, Tống Bạch, Trịnh Lâm Kỷ, Từ Huyền phụng lệnh dâng bộ Thái Bình Quảng Ký, gồm năm trăm quyển, trong đó có ba mươi quyển chép Phật pháp.

Sa-môn Tấn Ninh theo Ngô Việt Vương vào triều, Đế ban ngài hiệu Thông Tuệ Đại Sư, thỉnh ở tại chùa Thiên Thọ, Tả Nhai, lệnh sửa lại Tăng Sử. Năm sau, Đế hạ chiếu cho trạm dịch Ninh Thừa nghinh rước xá-lợi chân thân của Phật Thích-ca ở núi A-dục Vương, Minh châu vào cung cúng dường. Do được một viên xá-lợi, nên Đế đã cho dựng một Bảo tháp mười một tầng ở tây bắc cửa cung, trong chùa Khai Bảo.

Dưới tháp, dựng một Thiên Cung để an trí xá-lợi. Tháng mười, năm Thái Bình Hưng Quốc năm thứ bảy, lệnh cho Tấn Ninh biên tập chỉnh sửa Đại Tổng Cao Tăng Truyện, cho phép ngài về Chiết Đông để soạn thảo. Trước đây, Lương Vũ Đế năm Thiên Giám năm thứ mười tám, Sa-môn Tuệ Kiếu ở chùa Gia Tường soạn Cao Tăng Truyện, bắt đầu chép từ Hán Minh Đế Vĩnh Bình thứ mười, đến niên hiệu Thiên Giám, gồm mười bốn quyển. Đường Thái Tông năm Trinh Quán năm thứ mười chín, Luật sư Đạo Tuyên ở chùa Tây Minh, núi Chung nam soạn Tục Cao Tăng Truyện, chép các vị Tăng từ năm Thiên Giám đến Trinh Quán, gồm ba mươi quyển. Ngài Tấn Ninh soạn tiếp những vị từ Đường Trinh Quán năm thứ hai mươi đến lúc này là năm Đoan Cửng, gồm ba mươi quyển. Ngài dựa trên nghĩa của Lương, Đường chia ra mười khoa, gồm:

1. Dịch kinh.
2. Tuệ giải.
3. Thiên định.
4. Giới luật.
5. Hộ pháp.
6. Cảm thông.
7. Di thân.
8. Độc tụng.
9. Hưng phước.
10. Tạp khoa thanh đức.

Chánh truyền năm trăm ba mươi ba người, phụ thêm một trăm ba mươi người. Tháng mười, mùa Đông Đoan Cửng năm đầu, ngài sai đệ tử Hiển Trung, Trí Luân đem sách này vào cung dâng Đế. Đế đóng ngọc tỷ, ban cho lụa, lời khen, cho nhập Đại tạng lưu hành. Tháng mười một, Đế mời ngài vào cung. Thuần Hóa năm đầu, ngài phụng chiếu soạn Thứu Lĩnh Thánh Tích Lục một trăm quyển. Thuần Hóa năm thứ hai, Đế mời ngài làm trong Sử quán biên tu. Năm Chí Đạo năm thứ hai, Đế không cho ngài làm Lạc Kinh Giáo Môn Sư nữa. Năm Mậu Tuất, Chân Tông, Hàm Bình năm đầu, Đế mời ngài làm Biện Kinh Hữu Nhai Tăng Lục Chủ Quản Giáo Môn Công Sự năm sau thăng chúa Tả nhai năm Kỷ Hợi. Hàm Bình năm thứ hai, mùa xuân tháng hai thì Đông Kinh Tả Nhai Tăng Lục Sử quán Biê Tu chủ Quản Giáo Môn công sự Thông Tuệ Đại Sư Tấn Ninh quy tịch, thọ tám mươi hai tuổi. Tháng ba, môn nhân an táng toàn thân ngài ở chùa Thiên thọ. Năm Kỷ Ty, Nhân Tông, Thiên Thánh năm thứ bảy, tăng tôn của ngài là Tông Thạnh mở tháp trà-tỳ

thâu di hài xá-lợi đem về an táng tại làng cũ ở Tiền Đường. Ngài sinh ở huyện Lâm An, Hàng châu, Hậu Đường Minh Tông trong năm Thiên Thành, ngài xuất gia ở chùa Tường phù, Hàng châu. Lộ Vương, đầu năm Thanh Thái, ngài vào Thiên Thai học đủ luật bộ, bác thông Tam tạng. Ngô Việt Trung Ý Vương bổ nhiệm ngài làm Lương nhai tăng thống, ban hiệu Minh Nghĩa Tông Văn Đại Sư. Tăng Sử, Tăng Truyện của ngài soạn đều lưu hành ở đời.

- Kỷ Mão: Thái Bình Hưng Quốc năm thứ tư. Liâu, Càn Hanh năm thứ sáu.

<i>Bắc Hán: Tháng năm, Thái Nguyên Lưu Kế Nguyên hàng Tống, được phong Bình Thành Công, tồn tại hai mươi chín năm thì diệt vong.</i>
--

- Canh Thìn: Thái Bình Hưng Quốc năm thứ năm. Liâu, Càn Hanh năm thứ bảy.

* **Dịch Kinh:** Sa-môn Pháp Tiến truyền Hiển Mật Giáo ở Phủ Hà Trung đã thỉnh tăng Tây Vực là Tam tạng Pháp Thiên dịch kinh ở Bồ Tân. Đế hạ chiếu mời vào Kinh Sư, bắt đầu khởi xướng việc phiên dịch. Đế hạ chiếu cho năm mươi đồng tử học tiếng Phạm.

- Tân Ty: Thái Bình Hưng Quốc năm thứ sáu. Liâu, Càn Hanh năm thứ tám.

Đế hạ chiếu lập Hữu Nhai Phó Tăng Lục, tế tự Bảo Chí Đại Sĩ ở núi Chung Nam, Kiến Khang, ban hiệu Đạo Lâm Chân Giác Bồ-tát.

- Nhâm Ngọ. Thái Bình Hưng Quốc năm thứ bảy. Liâu, Càn Hanh năm thứ chín. Tháng mười hai Đế mất, ở ngôi mười lăm năm, thụy Hiếu Thành Hoàng Đế, miếu hiệu Cảnh Tông.

Đế hạ chiếu lập viện Truyền Pháp Dịch Kinh ở phía Tây chùa Thái Bình Hưng Quốc thuộc Đông kinh, giống như việc của nhà Đường, cho Tể tướng làm Dịch kinh nhuận văn sứ, lập quan chia chức. Tam tạng Thiên Tức Tai chùa Mật Lâm nước Nhạ-lan-đà-la ở Tây Thiên Trung Ấn cùng Pháp Thiên, Thi Hộ v.v.. dịch Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh, Đế viết bài tựa cho Đại Tống Tân Dịch Tam Tạng Thánh Giáo, hạ chiếu độ khắp đồng chân trong thiên hạ cho làm Tăng, không hạn cuộc theo lệ thường của Hữu Ty. Từ Thái Bình Hưng Quốc năm đầu đến năm thứ tám, độ hơn mười bảy vạn Tăng.

* **Đại Liâu:** Thánh Tông lên ngôi. Ông húy Long Tự, con trưởng của Cảnh Tông, lên ngôi năm mười hai tuổi, đổi niên hiệu Thống Hòa,

tôn mẹ Tiêu thị làm Thừa Thiên Thái hậu, lâm triều xưng Đế, cả thầy hai mươi bảy năm mới giao quyền chánh cho ông. Quý Sửu đổi niên hiệu Khai Thái lấy lại Quốc hiệu Đại Khiết Đan. Ngày ba tháng sáu năm Thái Bình thứ mười, ông mất ở Thượng Kinh, thụy là Thiên Phụ Hoàng Đế, trị vì bốn mươi chín năm.

- Quý Mùi: Thái Bình Hưng Quốc năm thứ tám. Liêu, Thánh Tông lên ngôi, Thống Hòa năm đầu.

* **Ngự Tán Xá-Lợi:** Trước đây, Thái Tổ nghênh về Lạc Dương, Đường Cao Tông trong năm Hiển Khánh, Sa-môn Đạo Tuyên nghênh xá-lợi rằng Phật do Thiên Vương Thái tử cúng an trí ở viện Quán Đảnh, chùa Tướng Quốc, Đông kinh. Đến lúc này, Đế dùng lửa mạnh đốt thử, nó trong suốt sáng rực, rất cứng, phát ánh sáng năm màu. Đế làm bài tán rằng:

*Công thành bao kiếp ấn văn đoan
Chẳng phải Nam sơn khó lẫm thay
Mấy lớp vàng tươi nhuần trước mắt
Một vầng ngọc sáng lạnh trên tay.
Luyện qua trăm lửa còn soi thấu
Giấu kín ngàn năm vẫn sáng đầy
Quả định tu hành niêm bí mật
Chánh tâm chớ để luống qua ngày.*

Đổi viện Quán Đảnh thành viện Pháp Hoa, dựng gác hai tầng thỉnh Đại sư Trí Chiếu Tuệ Ôn lo việc hương khói.

- Giáp Thân: Ung Hy năm đầu. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai.

Mùa Xuân tháng ba, tăng Điều Nhiêm người Nhật Bản vào triều, nhân đó nói nước mình truyền đã tám mươi đời, cả thầy ba ngàn hai trăm năm. Đế nói với Phụ Thần: “Trung Quốc từ nhà Đường đến Ngũ Đại bị chia năm xẻ bảy, không những quân vương sớm thành tối bại mà bề tôi bị giết chết ngay sau đó. Trăm canh cánh cầu thái bình, mong trời cao ban phúc làm kế lâu dài cho con cháu, bọn khanh cũng được bổng lộc đời đời”. Đế hạ chiếu trùng tu tháp Tăng-già ở Tứ châu, ban thêm thụy hai chữ Đại Thánh, sắc tứ chùa là Chiếu Phổ.

Tháng mười, Đế triệu ẩn sĩ Trần Bác vào triều kiến, ban cho ông hiệu Hy Di Tiên Sinh, sau đó Bác xin về Hoa Sơn.

- Ất Dậu: Ung Hy năm thứ hai. Liêu, Thống Hòa năm thứ ba.

- Bính Tuất: Ung Hy năm thứ 3. Liêu, Thống Hòa năm thứ 4.

Ngày rằm mùa Thu tháng tám, Cao Tăng Ngô Ân ở Tú Thủy ngôi thặng quay mặt về Tây thị tịch. Trước đây, Thiên Thai Tông vào đời

Đường Đức Tông năm Kiến Trung năm thứ ba, sau khi Tôn giả Kinh Khê nhập diệt truyền đến đời năm thứ năm là ngài Thanh Tủng. Tủng có hai đệ tử là Hy Tịch và Chí Nhân. Tịch đem giáo quán này chánh truyền cho Nghĩa Thông, Thông truyền cho Tri Lễ, Tuân Thức, cứ thế truyền trao. Chí Nhân truyền cho Ngô Ân, Ân được lưu danh trong Tăng Sử. Ân truyền cho Hồng Mẫn Nguyễn Thanh, Thanh truyền cho Trí Viên Khánh Chiêu, Chiêu truyền cho Kế Tề Hàm Nhuận, mỗi người giảng thuyết cảnh quán, giải hành. Tứ Minh Tri Lễ chối từ không nhận trao truyền, tôn túc ở Hoàn Nhạc chê ngài là Sơn Ngoại Tông.

- Đinh Hợi: Ung Hy năm thứ tư. Liêu, Thống Hòa năm thứ năm.

Tháng mười, Pháp sư Tịnh Quang Hy Tịch ở Loa Khê Truyền Giáo Định Tuệ Viện quy tịch. Ngài thuộc đời năm thứ sáu tông Thiên Thai, là đệ tử của Kinh Khê. Ngài nối pháp của Kinh Khê.

Tháng hai, Thiền sư Trường Viên ở viện Hương Lâm, Ích Châu, Tứ Xuyên Tây Lộ quy tịch. Ngài họ Quan, người Miên Trúc Thượng, Hán Châu, Tây Xuyên, nối pháp Thiền sư Vân Môn Văn Yển.

- Mậu Tý: Đoan Cửng năm đầu. Liêu, Thống Hòa năm thứ 6.

Pháp sư Nghĩa Thông hoằng truyền giáo quán Thiên Thai. Ngài quy tịch tại viện Bảo Vân, Minh châu vào ngày mười tám tháng mười năm này. Ngài vốn dòng vương thất ở Cao Ly, ban đầu xuất gia hoằng truyền giáo nghĩa Hoa Nghiêm, khởi tín mà vang danh. Thạch Tấn, trong năm Thiên Phước, ngài vượt biển đến yết kiến Loa Khê Hy Tịch, đốn ngộ huyền chỉ Thập Pháp Giới Viên Dung, nối pháp hoằng dương. Hai mươi bốn năm sau, đệ tử thượng thủ của ngài là Tri Lễ, Tuân Thức càng làm cho giáo nghĩa này hưng thịnh.

- Kỷ Sửu: Đoan Cửng năm thứ hai, Đế dựng xong chùa Khai Bảo. Liêu, Thống hòa năm thứ bảy.

- Canh Dần: Thuần Hóa năm đầu. Liêu, Thống Hòa năm thứ tám.

Đế hạ chiếu sai tham tri chính sự Tô Dị Giản soạn sự tích của Thánh hiền Tam giáo. Dị Giản tâu cho Đại sư Thông Tuệ Tấn Ninh ở chùa Thiên thọ, Đại Át Quan Đạo Sĩ Hàn Đức Thuần cùng làm việc này. Thông Tuệ Tấn Ninh soạn Thấu Lĩnh Thánh Tích Lục một trăm quyển.

- Tân Mão: Thuần Hóa năm thứ hai. Liêu, Thống Hòa năm thứ chín.

- Nhâm Dần: Thuần Hóa năm thứ ba. Liêu, Thống Hòa thứ mười.

- Quý Ty: Thuần Hóa năm thứ tư. Liêu, Thống Hòa năm thứ mười một.

* *Thiền sư Thủ Sơn ở Nhữ châu:* Sư họ Địch, húy Tĩnh Niệm, người Lai Châu, xuất gia thế phát tại chùa Nam Thiên trong quận này. Vừa thọ Cụ túc, Sư liền du phương đến khắp đạo tràng, thường ngậm tụng Pháp Hoa, nên chúng thường gọi Sư là Niệm Pháp Hoa. Sư được Thiền sư Phong Huyệt Diên Chiếu ấn khả, khai pháp ở Thủ Sơn làm đời thứ nhất. Sau, Sư trụ ở viện Quảng Giáo và Bảo Ứng ở Diệp huyện, Nhữ châu. Giờ Ngọ ngày bốn tháng mười hai năm Thuần Hóa năm thứ ba, Sư thượng đường nói bài kệ:

*Năm nay đã sáu mươi bảy
Già bệnh tùy duyên đuổi theo ngày
Năm nay lại nhớ việc năm trước
Năm sau lại nhớ việc hôm nay.*

Đến lúc này cũng vào mồng bốn tháng mười hai, Sư từ biệt chúng, thượng đường nói bài kệ:

*Thân vàng thế giới sắc bạch ngân
Tình với vô tình một tánh chân
Sáng tối cả ngày đều chẳng chiếu
Mặt trời xế ngọ thấy toàn thân.*

Nói xong, Sư an nhiên quy tịch, đồ chúng trà-tỳ thân xá-lợi dựng tháp. Sư nối pháp Phong Huyệt Diên Chiếu, Chiếu nối pháp Nam Viện Tuệ Ngung, Ngung nối pháp Hưng Hóa Tồn Tường, Tường nối pháp Lâm Tế Nghĩa Huyền. Nối đạo pháp của Sư có Phần Dương Thiện Chiêu, Diệp Huyện Quy Tĩnh, Thần Đỉnh Hồng Ân, Cốc Ẩn Uẩn Thông, Quảng Tuệ Nguyên Liên, Thừa Tướng Vương Tùy Công, cả thảy mười hai người. Quy Tĩnh truyền cho Phù Sơn Pháp Viễn, Viễn truyền cho Tịnh Nhân Đạo Trần..v.v.. về sau đạo pháp càng hưng thịnh.

- Giáp Ngọ: Thuần Hóa năm thứ năm. Liêu, Thống Hòa năm thứ mười hai.

- Ất Mùi: Chí Đạo năm đầu. Liêu, Thống Hòa năm thứ mười ba.

Đế Ngự bút phê duyệt Bí Tạng Thuyên hai mươi quyển, Duyên Thức năm quyển, Tiêu Dao Vịnh mười quyển, sai Lương Nhai Tăng chú thích, cho nhập Đại tạng của Phật giáo và lưu hành.

- Bính Thân: Chí Đạo năm thứ hai. Liêu, Thống Hòa năm thứ mười bốn.

- Đinh Dậu: Chí Đạo năm thứ ba, tháng ba, Đế mất. Liêu, Thống Hòa năm thứ mười lăm.

* **Chân Tông:** Húy là Hằng, con năm thứ ba của Thái Tông, lên ngôi năm hai mươi chín tuổi. Ông cần mẫn, giản dị soạn Văn Võ bảy điều để tặng cho trăm quan, điều động thay đổi quan các châu, khuyến khích nông nghiệp, Đông tế Thái Sơn, Tây tế Phần Âm, dùng văn trị, đất nước thái bình hai mươi lăm năm, vua thọ năm mươi bốn tuổi, lấy mồng hai tháng mười hai làm Tiết Thừa Thiên. Niên hiệu Hàm Bình năm thứ sáu. Cảnh Đức năm thứ tư, Đại Trung Tường Phù năm thứ chín, Thiên Hy năm thứ năm, Càn Hưng thứ nhất.

- Mậu Tuất: Hàm Bình năm đầu. Liêu thống Hòa năm thứ mười sáu.

- Kỷ Hợi: Hàm Bình năm thứ hai. Liêu, Thống Hòa năm thứ mười bảy.

- Canh Tý: Hàm Bình năm thứ ba. Liêu, Thống Hòa năm thứ mười tám.

Mùa Hạ, trời đại hạn, Chiết Đông Thiên Thai Giảng Tông Tri Lễ và Tuân Thức cùng tu Hộ Quốc Kim Quang Minh Tam-muội Sám ba ngày, trời mới mưa. Minh châu Thái thú Tô Vi soạn văn bia ca ngợi đức của hai ngài. Ở Chiết Tây, từ mùa Xuân đến mùa Hạ cũng không mưa, Cấp sự trung tri Hoàng châu Trương Khứ Hoa dẫn các quan sắm đủ tràng phan, bảo cái, trống, kèn nghinh Thiên Trúc Viên Thông Đại sĩ đến cầu mưa ở chùa Phạm Thiên, tức thời mưa trút khắp nơi, nước ngập đến chân. Đó là điềm cảm ứng của Bồ-tát Quán Thế Âm từ bi đáp ứng lòng mong mỏi của dân.

- Tân Sửu: Hàm Bình năm thứ tư. Liêu, Thống Hòa năm thứ mười chín.

Thiên Trúc tam tạng Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh Minh Giáo Đại Sư Pháp Hiền dâng kinh mới dịch. Đế viết bài tựa.

- Nhâm Dần: Hàm Bình năm thứ năm. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai mươi.

Tây Thiên dịch kinh Tam tạng Triều Phụng Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh Truyền Pháp Đại sư Thi Hộ dịch Kinh Cấp Cô Trưởng Giả Nữ Đắc Độ Nhân Duyên, xin Đế ngự chế bài tựa kế thừa Thánh giáo.

- Quý Mão: Hàm Bình năm thứ sáu. Liêu, Thống Hòa năm năm thứ hai mươi một.

Đế lệnh cho Hữu Nhai Tăng Lục sắm đủ nghi trượng, âm nhạc, hương hoa, tràng phan để rước xá-lợi răng Phật ở chùa Đại Tướng Quốc về dưới tháp của chùa Khai Bảo cúng dường. Đế viết bài tán:

Tây phương có Thánh Thích-ca Văn

*Tiếp vật đại Từ đời tôn xưng
Thường nguyện tấn tu thêm thắng quả
Ngõ hầu lợi lạc khắp muôn dân.*

- Giáp Thìn: Cảnh Đức năm đầu. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai mươi hai.

Truyền Đăng Lục: Tăng Đạo Nguyên nước Ngô gom tập cơ duyên truyền pháp từ Thích-ca Thế Tôn, Sơ Tổ Ca-diếp cho đến các Thiền sư nối pháp của Đông độ làm thành Cảnh Đức Truyền Đăng Lục ba mươi quyển dâng Đế. Đế xem tán thưởng, lệnh cho hàn lâm học sĩ Dương Ưc... san định chỉnh sửa, soạn bài tựa nhập Đại tạng ban hành khắp nước.

Tăng Nhật Bản là Tịch Chiếu đem hai mươi bảy điều trình bày về danh mục và nghĩa của Kinh Luận do Thiền sư Nguyên Tín nước mình soạn, vấn nghi với Pháp Sư Tứ Minh Tri Lễ, thọ giáo rồi về nước.

Pháp Sư Tứ Minh Tri Lễ soạn Thập Bất Nhị Môn Chỉ Yếu hai quyển, nội dung khai sáng diệu nghĩa Nhất tâm tam quán mà Nam Nhạc Thiên Thai chứng đắc.

- Ất Ty: Cảnh Đức năm thứ hai. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai mươi ba.

- Bính Ngọ: Cảnh Đức năm thứ 3. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai mươi bốn.

- Đinh Mùi: Cảnh Đức năm thứ tư. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai mươi lăm.

- Mậu Thân: Đại Trung Tường Phù năm đầu. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai mươi sáu.

Mùa Đông tháng mười, Đế lên Thái Sơn cúng Thượng đế. Mồng một tháng mười một, xa giá đến Khúc Phụ tế Khổng Tử, Gia thụ là Huyền Thánh Văn Tuyên Vương, truy thụ Tề Thái Công là Chiêu Liệt Vũ Thành Vương, Châu Văn Vương là Văn Hiến Vương, lập miếu cho mỗi người. Sau do tránh tên húy của Thánh Tổ nên đổi Huyền Thánh là Chí Thánh. Tháng hai năm Kỷ Dậu, Đế hạ chiếu cho miếu Tiên Thánh ở Khúc Phụ dựng trường học.

- Kỷ Dậu: Đại Trung Tường Phù năm thứ hai. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai mươi bảy.

Thiền Sư Ngô Hiền: Sư họ Lâm, người Trường Châu, Cô Tô, bảy tuổi xuất gia với Đại đức Khả Y ở Vĩnh An, Gia Hưng. Năm ba mươi tuổi, Sư thế phát thọ Cụ túc, tham vấn Thiền sư Ngạn Cầu ở Long Hoa, tỏ ngộ tâm tông, về trụ ở viện Minh Giác. Sư ngày ngày uống rượu, say

thì ca những lời cảnh tỉnh đời, đạo tục, có tên là Tửu Tiên. Sư ca rằng:

*Đầu sông Dương tử sóng bạc đầu
Hành nhân đến đó bị chìm sâu.*

Ngâm:

*Ngày sau nếu đến nơi không sóng
Lúc sóng dựng tâm có khác nào.*

Hoặc:

*Chén vàng cũng nổi trôi
Núi ngọc lại suy đồi
Đừng ngại nắm bắt hụt
Giành lấy trăng sáng về.*

Hoặc:

*Một sáu hai sáu, việc đã định
Một chín hai chín, ta muốn nhậu say
Đuôi thẳng hai chân làm một giắc
Tĩnh ra trời đất vẫn như xưa.*

Hoặc:

*Trước cửa dây leo không tiếng chim
Dưới sân dây xanh có hoa rơi
Đành mượn gió đông bàn việc ấy
Sắc xuân tươi thắm thuộc nhà ai?*

Hoặc:

*Thu đến núi lạnh nước lạnh Xuân
qua liễu thắm hoa hồng Một chút
động tùy muôn biến Bên sông
mưa khói mờ lung. Có chẳng
có, không chẳng không Dưới đậu
huơ tay bắt gió nồm.*

Hoặc:

*Sống ở Diêm-phù thế giới
Tình người thương ghét bấy nhiêu
Chỉ muốn uống vài chung rượu
Rồi ra say ngủ bên đường
Chết rồi sinh lại Ta-bà
Chẳng nguyện siêu sinh Tịnh độ.
Vì sao vậy?
Tây phương Tịnh độ không hàng rượu.*

Đến ngày Thượng Nguyên năm Tường Phù năm thứ hai, sáng sớm

Sư tắm rửa xong vào thất, tay phải nắm lại đưa cao, tay trái banh miệng mà tịch. Sư nổi pháp Long Hoa Ngạn Cầu, Cầu nổi pháp Trường Khánh Tuệ Lăng, Lăng nổi pháp Tuyết Phong Nghĩa Tồn, Tồn nổi pháp Đứ Sơn Tuyên Giám.

Đế hạ chiếu cho các châu lộ dựng Thiên Khánh quán.

Thân Quốc trưởng công chúa con gái năm thứ bảy của Thái Tông, sinh ra đã không ăn mặn, lúc này bà xin xuất gia. Đế tấn phong bà làm Ngô Quốc, ban tên Thanh Dự, hiệu là Báo Từ Chánh Giác Đại Sư, dựng Sùng Chân Tư Thánh thiền viện phía Tây Đô thành, cấp ba mươi cung nữ theo hầu, xuống chiếu cho hai đạo cấm quân đưa bà vào chùa, thiết trai cho Thân Quốc, bà nhập diệt năm ba mươi tám tuổi, mười sáu hạ lạp.

- Canh Tuất: Đại Trung Tường Phù năm thứ ba. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai mươi tám.

Mùa Đông, tháng mười, trên có chiếu chỉ đổi Bảo Ân viện ở Minh châu thành Diên Khánh viện, lệnh đổi chùa Biệt Nghiệp Đại Minh ở Lục Cơ, Hoa Đình thành Phổ Chiếu, lệnh đổi Thiền Lâm viện ở Hàm Đình là, Nghĩa Hưng thành Thánh Cảm Thiền tự, truyền cho trụ trì khắp nước phụng tế Thần núi, Tế điển, tế Thần đất.

- Tân Hợi: Đại Trung Tường Phù năm thứ tư. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai mươi chín.

Đế hạ chiếu cho Dịch kinh nhuận văn sử Tham tri chánh sự Triệu An Nhân và Hàn lâm học sĩ Dương Úc soạn Đại Tạng Mục Lục.

- Nhâm Tý: Đại Trung Tường Phù năm thứ năm. Liêu, Thống Hòa năm thứ ba mươi.

Thiên Trúc Sa-môn Giác Xưng thuộc dòng Sát-đế-lợi nước Cổ Lan Cổ đến Kinh Sư, ngụ ở Dịch Viện. Lúc này ngài khoảng bốn mươi tuổi, thông suốt hơn bốn mươi bộ kinh, Kinh Luận nhuận văn sử Đinh Tấn Công khen ngài là người thông tuệ, sai dịch giả đến triệu kiến ngài. Hàn Lâm Dương Úc bày tiệc trà quả, cùng ngài trò chuyện. Giác Xưng nói: “Tôi nguyện đến núi Ngũ đài lễ Văn-thù rồi về nước ngay. Vào nước này thấy dân giết heo dê bày thịt khắp chợ búa, xót chẳng nổi. Cả nước bên Tây Trúc không ăn thịt”. Hôm sau, Tấn Công hỏi: “Thầy vượt xa mấy muôn dặm đến đây còn việc gì nữa không?” Ngài đáp: “Cũng muốn lễ tháp Tuyên Luật Sư!”

- Quý Sửu: Đại Trung Tường Phù năm thứ sáu. Đại Khiết Đan, Khai Thái năm đầu.

Mùa Xuân, tháng ba. Đế soạn Pháp Âm Tập, giao cho Truyền

Pháp Viện chú thích.

Đế tặng Dịch Kinh viện bài kệ tu tâm rằng:

*Sơ Tổ an tâm ở Thiếu lâm
Chẳng truyền kinh giáo chỉ truyền tâm
Người theo nếu ngộ chân như tánh
Mật ẩn từ đây diệu lý thâm.*

Đại Liêu lấy lại hiệu Đại Khiết Đan, lấy U châu làm Tích Tân phủ, đổi niên hiệu Khai Thái, đến Bính Ngọ, Hàm Ung năm thứ hai, lại xưng là Đại Liêu.

- Giáp Dần: Đại Trung Tường Phù năm thứ bảy. Đại Khiết Đan, Khai Thái năm thứ hai.

Thiên Trúc Tam tạng Triều Tán Đại Phu Thí Hồng Lô Khanh Truyền Giáo Đại sư Pháp Thiên dịch kinh Kim Cang Đại Giáo Bảo Vương. Mùa Đông tháng mười một, Kinh Sư dựng xong Vương Thanh Chiêu Ứng Cung, bắt đầu từ tháng tư năm Đại Trung Tường Phù năm thứ hai, đến tháng mười một năm này mới hoàn tất, cả thảy hai ngàn sáu trăm mười một khu. Đinh Tấn Công làm Tu cung sứ. Đất đá, cây gỗ, vàng ngọc dụng cụ sơn vẽ đều là những thứ quý hiếm nhất trong cả nước. Trong Bút Đàm của Thẩm Tồn Trung có ghi: “Núi Nhạn Đãng ở Ôn châu là nơi Tôn giả Nột-củ-la ở, trước đây chẳng ai biết, nhân đi tìm gỗ quý để dựng cung Chiêu Ứng người ta mới phát hiện ra ngọn núi này.”

- Ất Mão: Đại Trung Tường Phù năm thứ tám. Đại Khiết Đan Khai Thái năm thứ ba.

Đại Pháp Sư Tuân Thúc: Ngài giảng thuyết tại núi Đông Dịch, Thiên Thai suốt mười hai năm, mới đi qua phía Tây, ngụ cư tại Cổ Linh Sơn tự ở Hàng châu. Trước đây, Pháp sư Tuệ Lý người Thiên Trúc sống trong thời Tây Tấn từng ở chỗ này. Đây là nơi Cao tăng Chân Quán sống trong đời Tùy giảng kinh Pháp Hoa, Đời Đường, Đạo Tiêu kế thế. Đến thời Hy Tông nơi đây bị giặc cướp phá hủy, ngọn núi phía Tây còn sót một gốc Cối khô cháy sém. Ngài đến dùng nước rẫy và chú nguyện, gốc Cối bỗng tươi xanh đâm cành sinh lá. Ngài nỗ lực hành trì bốn loại Tam-muội, dựng Kim Quang Minh Sám Đường. Chỉ một cây kèo, một miếng ngói, ngài tụng bảy biến chú Đại bi, Ngôi Sám Đường bỗng hoàn tất. Ngài tâu xin, triều đình sắc tứ tên chùa là Thiên Trúc Linh Sơn tự, nơi đây hồng truyền giáo quán Thiên Thai.

- Bính Thìn: Đại Trung Tường Phù năm thứ chín. Đại Khiết Đan, Khai Thái năm thứ tư.

- Đinh Ty: Thiên Hy năm đầu. Đại Khiết Đan, Khai Thái năm thứ năm.

Đế hạ chiếu lập ao phóng sinh trong cả nước. Từ mùa Xuân năm Bính Thìn, Đại pháp sư Tri Lễ ở Minh châu đã cùng mười vị Tăng khác thể tu Pháp Hoa Tam-muội. Tu ba năm xong, ngài làm theo hạnh nguyện như Dực Vương, đốt thân cúng dường kinh Diệu Pháp Liên Hoa, cầu sinh Tịnh độ. Hàn lâm học sĩ Dương Úc hay tin, liền sai người đem thư cổ thỉnh ngài trụ thế, ủy nhiệm cho Quận thú Lý Di Canh ngoại hộ cho ngài. Năm Thiên Hy năm thứ tư, Tể tướng Khấu chuẩn theo ý nguyện của hàn lâm Dương Úc đem hạnh nghiệp và việc thiêu thân của ngài tâu với Đế. Đế nói: “Hãy truyền ý Trẫm thỉnh Pháp Sư trụ thế.” Đế đặc biệt ban ngài hiệu Pháp Trí Đại sư.

Mùa Thu tháng bảy, Thái úy Văn Chánh Công Vương Đán mất. Ông làm quan suốt mười tám năm. Bệnh nặng, ông dặn hàn lâm học sĩ Dương Úc rằng: “Ta rất chán phiền não, nguyện đời sau làm Tỳ-kheo thiền tọa trong rừng sâu, quán tâm làm vui. Khi ta chết, ông hãy thế phát, đắp ba y hoại sắc cho ta, dùng lễ hỏa táng, dựng tháp mộ bên cạnh Tiên Oánh”. Úc nói: “Ông ở hàng Tam công, tẩm liệm phải mặc quan bào, lễ đâu lại dùng nghi thức của Sa-môn chằng!” DươngÚc cùng bàn bạc với các quan, cuối cùng chỉ đặt ba y trong quan tài ông, không chôn theo ngọc báu.

- Mậu Ngọ: Thiên Hy năm thứ hai. Đại Khiết Đan, Khai Thái năm thứ sáu.

- Kỷ Mùi: Thiên Hy năm thứ ba. Đại Khiết Đan, Khai Thái năm thứ bảy.

- Canh Thân: Thiên Hy năm thứ tư. Đại Khiết Đan, Khai Thái năm thứ tám.

- Tân Dậu: Thiên Hy năm thứ năm. Đại Khiết Đan, Khai Thái năm thứ chín.

Đế hạ chiếu cho Điện Đầu Du Nguyên Thanh đến viện Diên Khánh ở Minh châu vì đất nước tu sám trong ba ngày ba đêm. Đại Sư Pháp Trí Tri Lễ soạn Tu Sám Yếu chỉ một quyển.

- Nhâm Tuất: Càn Hưng năm đầu. Tháng hai Đế mất. Đại Khiết Đan thái bình năm đầu.

Đế đặc biệt ban cho Pháp sư Tuân Thức ở chùa Thiên Trúc, Hàng châu hiệu là Từ Vân Đại Sư. Chương Hiến Minh Túc Hoàng hậu Lưu Thị sai sứ đến Thiên Trúc tu sám cầu phúc cho đất nước. Pháp Sư soạn Hộ Quốc Kim Quang Minh Tam-muội Nghi một quyển dâng Đế.

Mùa Xuân tháng hai, Pháp sư Pháp Tuệ Trí Viên hiệu Trung Dung Tử ở Cô Sơn, Tây Hồ, Hàng châu vào ngày mười bảy tự làm bài thơ Tế Văn Văn, đến ngày mười chín thì quy tịch. Ngài soạn bộ Thông Kinh Thập Số. Ngài kết giao với xử sĩ Lâm Bô Hòa Tĩnh, làm bạn với Thiên Trúc Tuân Thức Pháp Sư. Ngài thọ bốn mươi bảy tuổi, tăng lạp ba mươi chín hạ, được an táng quan quách bằng đất nung. Nhân Tông năm Cảnh Hựu năm thứ ba, do mưa lớn núi lở, môn nhân khai táp, thấy toàn thân ngài tươi tỉnh như còn sống, tóc móng dài thêm, môi hồng hé mở như mỉm cười, răng trắng như ngọc Kha. Môn nhân thay y phục mới cho ngài, tắm các thứ hương thơm rồi an táng. Cao Tông, trong năm Thiệu Hưng, ở Cô Sơn dựng Tứ Tánh Quán, môn nhân dời táp ngài về đồi Mã Nảo ở phía Bắc núi.

Nhân Tông: Húy là Trinh, con năm thứ sáu của Chân Tông, lên ngôi năm mười ba tuổi. Đế bảm tính nhân hậu, loại bỏ tính cao ngạo, trưng dụng người hiền lương, chuyên đặt sáu viên giám quan, nghe can gián không mỗi một. Đế dựng trường học, lập viện Quảng Tuệ để tiếp dân nghèo. Bản thân đạm bạc, cốt làm lợi cho dân nên ông có hiệu là Cực Trị. Ông lấy ngày mười bốn tháng tư làm tiết Càn Nguyên, ban hành lịch Sùng Thiên, ở ngôi bốn mươi một năm, thọ năm mươi lăm tuổi. Các niên hiệu: Thiên Thánh chín năm, Minh Đạo hai năm, Cảnh Hựu bốn năm, Bảo Nguyên hai năm, Khang Định một năm, Khánh Lịch tám năm, Hoàng Hựu năm, Chí Hòa hai năm, Gia Hựu tám năm.

- Quý Hợi: Thiên Thánh năm đầu, ban hành lịch Sùng Thiên, Đại Khiết Đan, Thái Bình năm thứ hai.

- Giáp Tý: Thiên Thánh năm thứ hai. Đại Khiết Đan, Thái Bình năm thứ ba.

Thiền sư Thiện Chiếu: Sư họ Du người Thái Nguyên, trụ ở viện Thái tử Phần Dương, đời năm thứ năm dòng Lâm Tế. Sau khi thế phát thọ Cụ túc giới, Sư chẩn tích du phương. Đi đến đâu Sư cũng không ở lâu mà chỉ tùy cơ thừa hỏi, tham vấn khắp bảy mươi một Thiện tri thức, sau yết kiến Thiền sư Thủ Sơn Tĩnh Niệm, khế ngộ huyền chỉ, vân du đến vùng Hoành Tương, Tương Miến, thường được quận thú thỉnh trụ trì những chùa viện nổi tiếng, tám lần mời nhưng Sư đều không đến. Đến khi Thủ Sơn quy tịch, đạo tục ở Tây Hà nhờ Tăng là Khế Thông đến thỉnh Sư trụ trì. Sư đóng thất không tiếp, Thông phá cửa vào và trách: “Phật pháp là đại sự, lui về nằm yên là tiểu tiết, Tiên sư tịch rồi, bây giờ là lúc nào mà thầy lại muốn ngủ yên ở đây!” Sư đáp: “Chẳng phải ông thì tôi chẳng nghe được những lời vừa rồi!” Nói xong Sư nhận lời

thỉnh. Đến lúc này, Thiên Thánh năm thứ hai, Long Đức Phủ Doãn Lý Hầu thỉnh Sư trụ ở Thừa Thiên. Sư đến thỉnh ba lần nhưng Sư không đi. Sư giả đến nữa, vừa mở phong thư, Sư nói: “Vốn do già bệnh nên không thể xuống núi, giả như có đi, cũng phải kể trước người sau.” Sư nói: “Trước hay sau tùy thầy chọn lựa.” Sư sai dọn cơm nước, gói ghém hành trang và nói: “Ta đi trước đây!” Nói xong Sư đứng lại và thị tịch. Môn nhân trà-tỳ thâu xá-lợi dựng tháp. Sư nổi pháp Thiên sư Thủ Sơn Tĩnh Niệm. Câu “Thập Trí Đồng Chân” là câu nói của Sư.

- Ất Sửu: Thiên Thánh năm thứ ba. Đại Khiết Đan, Thái Bình năm thứ tư.

- Bính Dần: Thiên Thánh năm thứ tư. Đại Khiết Đan Thái Bình năm thứ năm.

Đế hạ chiếu cho các trước tác Thiên Thai giáo được nhập tạng và lưu hành. Hồi ấy, tăng Tư Ngộ ở chùa Thiên Trúc cầu nguyện cho Giáo quán này được nhập tạng và lưu hành. Từ mùa Xuân năm Kỷ Sửu, ngài đối trước tượng Quán Âm cầu khẩn, đến lúc này hạnh nguyện đã thành tựu, ngài mới đốt thân trước am Nhật Quán để báo đáp ân Phật.

- Đinh Mão: Thiên Thánh năm thứ năm. Đại Khiết Đan, Thái Bình năm thứ sáu.

Tháng chín, Quang lộc đại phu Thái tử thiếu phó Văn Nguyên Công Triệu Hưởng soạn Pháp Tạng Toái Kim mười quyển, đây là tác phẩm thấu đạt lý tánh.

- Mậu Thìn: Thiên Thánh năm thứ sáu. Đại Khiết Đan, Thái Bình năm thứ bảy.

Ngày năm tháng giêng, Tôn giả Pháp Trí Tri Lễ ở Minh châu ngồi kiết già nhóm chúng và dạy rằng: “Ta lập đạo tràng Diên khánh, nguyện lưu thông Pháp Hoa Tam-muội. Các ông chớ làm người sau cùng đoạn mất Phật chủng. Có sống ắt có chết giống như có sớm ắt có chiều vậy. Cần phải tinh tấn liên tục, đời đời kiếp kiếp sẽ mãi mãi gặp nhau”. Nói xong, ngài bỗng niệm A-di-đà Phật và tịch. Thi thể ngài được để khám mở mười bốn ngày, tóc móng dài thêm, nghi dung như người sống. Lúc trà-tỳ, lưỡi ngài không cháy, xá-lợi ngũ sắc nhiều vô số kể. Tư chính điện Đại Học sĩ kiêm Thái tử Thiếu Bảo Thanh Hiến công Triệu Biện soạn văn bia ghi hành trạng của ngài.

- Kỷ Tỵ: Thiên Thánh năm thứ bảy. Đại Khiết Đan, Thái Bình năm thứ tám.

Thiên Tông Quảng Đăng Lục: Do Phò mã đô úy Lý Tuân Úc soạn gồm ba mươi quyển, Đế viết bài tựa tặng. Đô úy mất (Xem phần Từ

Minh Sở Viên Thiên Sư ở chương sau).

- Canh Ngọ: Thiên Thánh năm thứ tám. Đại Khiết Đan, Thái bình năm thứ chín.

Lãng-nghiêm Kinh Số: Hồi ấy, Pháp sư Trường Thủy, húy Tử Duệ, người Gia Hưng, Tú châu theo Hồng Mẫn pháp Sư ở châu này học kinh Lãng-nghiêm, đến đoạn “Hai tướng động tịnh, rõ ràng chẳng sinh”, ngài hoát nhiên tỉnh ngộ. Nghe Thiên sư Tuệ Giác ở núi Lang da, trừ châu đạo phong nổi tiếng nên ngài đến tham vấn. Đến nơi, ngài lên thẳng pháp tòa và hỏi: “Vốn dĩ thanh tịnh, tại sao bỗng sinh núi sông đại địa!” Tuệ Giác lớn tiếng đáp: “Vốn dĩ thanh tịnh, tại sao bỗng sinh núi sông đại địa!” Ngay đó, ngài hoát nhiên đại ngộ, định xin làm đệ tử, Thiên sư Tuệ Giác nói với ngài: “Tông của ông đã không vang danh từ lâu rồi, ông hãy dốc chí chống đỡ nhằm báo ân Phật.” ngài làm đúng lời dạy, sau trụ ở Trường Thủy, chúng gần cả ngàn người. Ngài đem giáo nghĩa của tông Hiền Thủ chú sớ kinh Lãng-nghiêm cả thảy mười quyển. Ngự sử trung thừa Vương Tùy viết bài tựa, cho lưu hành ở đời. Thiên sư Quảng Chiếu ở núi Lang Da húy là Tuệ Giác, nối pháp Thiên sư Phần Dương Thiện Chiếu.

- Tân Mùi: Thiên Thánh năm thứ chín. Đại Khiết Đan, Thái Bình thứ mười. Mồng ba tháng sáu Đế mất, thụy là Thiên Phụ Hoàng Đế, miếu hiệu Thánh Tông, ông ở ngôi bốn mươi chín năm.

Mùa Hạ tháng tư, Đế hạ chiếu rước y bát của Lục tổ Đại Giám ở Nam Hoa Thiền tự thuộc Tào Khê, Thiệu châu vào Thanh Tịnh Đường trong cấm cung để cúng dường. Ngày rằm tháng tám, Đế sai sứ đưa về chùa và ban tặng cho Nam Hoa Trưởng Lão Phổ Toại hiệu Trí Độ Đại Sư.

Đại Khiết Đan: Hưng Tông lên ngôi Hoàng Đế. Ông húy Công Chân tên Phiên là Mộc Bất Cô, ông là con năm thứ tám của Thánh Tông do Thuận Thánh nguyên phi sinh ra, ở ngôi hai mươi lăm năm thì mất.

- Nhâm Thân: Minh Đạo năm đầu. Đại Khiết Đan, Hưng Tông, Cảnh Phước năm đầu.

Chương Hiến Minh Túc Thái hậu Lưu thị sửa xong chùa Cảnh Đức ở kinh đô. Triệu Nguyên Hạo ở Tây Hạ được phong làm Tây Bình Vương.

Mồng 8 tháng 10 mùa Đông, Tôn giả hiệu Từ Vân Linh Ứng Tuân Thức ở chùa Thiên Trúc Linh Sơn, Hàng châu quy tịch. Ngài dặn môn nhân đặt di thể mình nằm trong đờn Hoàn hà, an táng dưới ngọn Nguyệt

Quê ở phía Đông chùa. Ngài nổi pháp Đại sư Minh Trí Tổ Thiệu. Tổ Thiệu có 2 đệ tử, một là Tuệ Biện tức Thiệu sư Hải Nguyệt. Một là Nguyên Tịnh tức Pháp sư Biện Tài. Hải Nguyệt quê ở Hoa Đình, thọ học ở chùa Phổ Chiếu, Nguyên Tịnh tự Vô Tượng, họ Tiềm Từ người Hàng châu được Đế ban cho y tía và hiệu Biện Tài, quy tịch trong năm Nguyên Phong năm thứ 6.

- Quý Dậu: Minh Đạo năm thứ 2. Đại Khiết Đan, Trùng Hy năm đầu.

- Giáp Tuất: Cảnh Hựu năm đầu. Đại Khiết Đan, Trùng Hy năm thứ 2.

Đế ban sắc lệnh người nào thi đọc thông kinh thì cho độ làm Tăng. Tống Tuyên Hiến Công Thụ, Hạ Anh Công là người được trọng vọng trong triều, hai ông cùng giám sát người đồng chân thi. Có một người tụng kinh Pháp Hoa nhưng không trôi chảy, hai ông hỏi người ấy đã học bao nhiêu năm, người kia đáp 10 năm. Hai ông cười và tỏ vẻ thương cảm, mỗi người cùng lấy một bộ Pháp Hoa 7 quyển và tụng. Tống Công tụng 10 ngày thì thuộc, Hạ Công tụng trong 7 ngày, không sót một chữ. Bẩm tính mọi người khác xa đến như vậy đấy.

- Ất Hợi: Cảnh Hựu năm thứ 2. Đại Khiết Đan, Trùng Hy năm thứ 3.

- Bính Tý: Cảnh Hựu năm thứ 3. Đại Khiết Đan, Trùng Hy năm thứ 4.

- Đinh Sửu: Cảnh Hựu năm thứ 4. Đại Khiết Đan, Trùng Hy năm thứ 5.

<i>Mậu Dân:</i> <i>Bảo Nguyên năm đầu</i>	<i>Đại Khiết Đan:</i> <i>Trùng Hy năm thứ 6</i>	<i>Tây Hạ tiếm xưng Đế</i> <i>hiệu Đại Khánh năm</i> <i>đầu</i>
--	--	---

Tây Hạ: Hồi ấy vào mùa Đông tháng 12 nhuận năm Trinh Quán năm thứ 3 đời Đường Thái Tông, Đãng Hạng Tù trưởng Tế Phong Bộ Lại và họ Thát Bạt của những bộ lạc khác đến quy hàng. Mùa hạ tháng 4 đời Hy Tông niên hiệu Trung Hòa năm đầu, Thát Bạt Tư Cung đem quân đến cứu quốc nạn, đánh nhau với giặc Hoàng Sào có công, Đế sai Tư Cung nắm quyền Hạ Tuy Tiết độ sứ. Tháng 8, Đế cho Tư Cung làm Hạ Tuy Tiết độ sứ, ban cho họ Lý. Tháng 8 năm Quý Tỵ đời Chiêu Tông năm Càn Ninh năm thứ 2, em Tư Cung là Bảo Đại Tiết độ sứ Lý Tư Hiếu đánh Vương Hành Du, Lê Viên Trại có công. Năm Quý Mão,

Đế cho Bảo Đại Tiết độ sứ Lý Tư Hiếu làm Bắc diện chiêu thảo sứ, Định Nạn Tiết độ sứ Lý Tư Gián làm Đông diện chiêu thảo sứ. Đến lúc này, tháng 10 năm Nhâm Ngọ đời Tống Thái Tông năm Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 7, Lý Kế Phủng đến triều dâng hiến 4 châu là Hạ, Ngân, Tây, Hựu gồm tám huyện, riêng Tây Hạ từ năm Thiên Phước đến nay chưa từng vào châu. Kế Phủng đến, Thái Tông rất hài lòng, Phủng tự bộc bạch rằng anh em mình phần đông chống đối nhau, nên xin được ở lại kinh đô. Đế hạ chiếu trao ông chức Chương đức quân tiết độ, giữ lại kinh đô. Ông xin cung phụng triều đình, Đế ban ông họ Triệu tên Bảo Trung, phong chức Hạ Tuy Ngân Hựu Mật Ngũ Châu Sứ. Mùa hạ tháng tư niên hiệu Thuần Hóa năm đầu, Lý Kê Thiên cướp phá biên ải, Đế sai tướng đem quân đánh bại Kế Thiên ở Hạ Châu. Mùa thu tháng bảy năm Thuần Hóa năm thứ hai, Kế Thiên đầu hàng, Đế ban cho ông họ Triệu tên Bảo Cát, trao ông chức Ngân châu Quán sát sứ. Bảo Trung ngầm cấu kết với Bảo Cát, tuy bên ngoài họ tỏ ra quy thuận nhưng bên trong ngầm liên kết với bọn Khương Nhung xâm lấn, cướp phá không ngừng. Trước hết Triệu Bảo Trung tâu với Kế Thiên nói láo rằng Phiên Nhung vào cướp phá và xin thêm binh. Đế sai Địch Thủ Nghĩa dẫn quân ra đóng ở Hạ Châu. Kế Thiên sợ liền dâng biểu xin quy thuận. Mùa xuân tháng giêng năm Thuần Hóa năm thứ năm Lý Kế Phủng và Lý Kế Thiên làm phản, Đế sai Lý Kế Long đem quân thảo phạt, tiến đánh Hạ Châu. Lý Kế Phủng kéo nhau ra hàng và bị cầm tù. Kế Phủng đã quy hàng, Đế cất vấn trách cứ, mấy lượt hạ chiếu tha chết và giữ ông ở kinh đô. Kế Thiên cuối cùng cũng phản phúc, không chịu làm bề tôi, luôn luôn là mối họa của đất nước. Tháng chín niên hiệu Chí Đạo năm đầu, Lý Kế Thiên phạm biên cương cướp phá Linh Châu. Tháng chín năm Chí Đạo năm thứ hai, Đế lại sai Lý Kế Long chia quân thành năm đường đánh Lý Kế Thiên. Tháng hai năm Đinh Dậu, Kế Thiên bỏ trốn. Tháng mười hai, Kế Thiên sai sứ lo việc triều cống xin được giữ biên cương. Bấy giờ Chân Tông mới lên ngôi, đang còn bao dung rộng lượng nên chấp nhận thỉnh cầu của Kế Thiên và gia phong ông làm định nạn tiết độ, phong cho năm châu là Hạ, Tuy, Ngân, Hựu, Tĩnh. Tháng chín năm Hàn Bình năm thứ tư, Kế Thiên vây hãm quân Thanh Viễn, Đế hạ chiếu thảo phạt. Tháng chín năm Nhâm Dần, Lý Kế Thiên vây hãm Linh Châu. Tháng mười hai năm Hàn Bình năm thứ sáu, Lý Kế Thiên vây hãm phủ Tây Lương, Phan La Chi đón đánh ông, Kế Thiên chết trong trận mưa tên, con ông là Đức Minh lên kế vị. Thiên Hy năm đầu, Triệu Đức Minh thấy dân đói khổ liền dâng biểu xin mấy trăm

vạn lương, Đế ứng chuẩn. Năm Đinh Mão, Nhân Tông Thiên Thánh năm thứ năm, tháng năm, Triệu Đức Minh cướp phá biên cương. Minh Đạo năm đầu, Đế phong Triệu Nguyên Hạo (con của Đức Minh) làm Tây Bình Vương. Đến lúc này, tháng mười hai niên hiệu Bảo Nguyên năm đầu, Triệu Nguyên Hạo tiếm hiệu. Trước đây, Nguyên Hạo muốn xâm lấn phía Nam nhưng sợ Cốc Tư La chặn phía sau nên đem quân đánh các bộ lạc Khương ở Lan Châu. Đến núi Mã Hàm liền dựng Ngõa xuyên hội thành. Nguyên Hạo giờ đây đã có trong tay những vùng đất như: Hạ, Ngân, Tuy, Tĩnh, Hựu, Linh, Diêm, Hội, Thắng, Cam, Lương, Oa, Sa, Túc nhưng vẫn ở tại Hưng Châu vì đây cách sông, thế đất dựa lưng Hạ lan sơn rất vững chãi. Hạo bắt đầu thay thế hết quan kém, lập mười sáu ty thống lãnh các vụ, lại đặt mười tám giám quân ty ủy thác cho tù trưởng, hào kiệt, chia người thủ lĩnh làm trấn Thủ, cả thảy mười lăm vạn dân. Ông lại chọn ba ngàn hào tộc giỏi cỡi ngựa bắn cung, theo thứ lớp gọi là Lục Ban Trực. Nguyên Hạo chế ra sách Phiên đổi niên hiệu Đại Khánh, sau cùng dùng mưu lược của Dương Thủ Tố, dựng đàn nhận sách mệnh, lấy hiệu Thỉ Văn Anh Vũ Hưng Pháp Kiến Lễ Nhân Hiếu Hoàng Đế, lấy quốc hiệu Đại Hạ, đổi năm Đại Khánh năm thứ hai thành niên hiệu Thiên Thụ, sai sứ đến cáo việc tiếm hiệu, nạp cờ tiết, sắc cáo và dâng biểu đại loại nói: “Cha thần là Đức Minh vốn được thế phong gắng sức theo triều đình ngót ba mươi năm, thâm tình khéo giữ năm ngàn dặm, theo chức cống nạp đủ cả. Thần ngẫu nhiên nhân rồi chợt sinh phóng túng, chế ra văn tự của Tiểu Phiên, thay đổi áo mũ của Đại Hán, chẳng mong truyền mãi ở đây mà vì dân quân cùng thỉnh, cúi mong Hoàng Đế bệ hạ hứa nhận lễ của biên thùy phía Tây, thần xin nhận sách mệnh làm vua đất Nam này, xin dốc tài hèn, thường chăm dân tốt.” Triều đình bàn mưu thảo phạt ông. Từ đó Nguyên Hạo ngông cuồng cướp vây Quân Châu, có lúc thắng có lúc thua. Đến Lý Tông năm Bảo Khánh năm thứ ba, đất nước diệt vong.

<i>Kỷ Mão:</i> <i>Bảo Nguyên năm thứ 2</i>	<i>Đại Khiết Đan:</i> <i>Trùng Hy năm thứ 7</i>	<i>Tây Hạ:</i> <i>Đại Khánh năm thứ hai, đổi thành Thiên Thụ</i>
<i>Canh Thìn:</i> <i>Khang Định năm đầu</i>	<i>Đại Khiết Đan:</i> <i>Trùng Hy năm thứ 8</i>	<i>Tây Hạ:</i> <i>Xâm phạm nhà Tống</i>

Thiền sư Từ Minh: Sư họ Lý người Toàn châu, húy Sở Viên ngụ ở núi Thạch Sương, Đàm châu. Thuở nhỏ Sư làm thư sinh năm hai mươi tuổi xuất gia ở chùa Ân Tĩnh, Tương sơn. Mẹ Sư là người đức hạnh, khuyên Sư du phương. Sư đến Phần Dương yết kiến Thiền sư Thiện Chiêu, Chiêu ngậm hứa khả nhưng đã mười năm mà vẫn chưa cho vào thất. Mỗi lần gặp Sư, Thiện Chiêu đều mắng chửi thậm tệ, hoặc chê bai những vị khác, nếu có dạy bảo toàn nói những việc thế tục bỉ lậu. Ngày nọ, Sư trách: “Đến pháp tịch đã hai mùa hạ, chẳng được chỉ vẽ mà chỉ tăng thêm thế tục nhiễm ô, năm tháng qua nhanh, việc mình chẳng tỏ, đánh mất lợi ích xuất gia.” Nói chưa dứt lời, Thiện Chiêu mắng: “Gã ác tri thức này dám bán rẻ ta ư!” Thiện Chiêu nổi giận cầm gậy đũa đánh. Sư toan kêu cứu thì Chiêu liền bịt miệng, ngay đó Sư đại ngộ, nói: “Mới hay đạo Lâm Tế vượt hẳn thường tình.” Sư ở lại hầu hạ bảy năm rồi từ biệt đến tham học với Thiền sư Đường Minh Tung. Tung bảo Sư: “Đương Đại Niên Nội Hàn thấy biết cao xa, vào đạo chân thật, ông nên đến gặp.” Sư liền đến Đại Niên. Đại Niên nói:

Đối mặt chẳng biết nhau, ngàn dặm lại đồng phong.

Sư thưa: Gần đây vâng lời thỉnh của sơn môn.

- Thoát không rất chân thật.

- Tháng trước rời Đường Minh.

- Vừa rồi ăn năn vì đã hỏi nhau.

Sư nói:

Tác gia!

Đại Niên liền hét. Sư nói:

Gần phải. Đại Niên hét tiếp. Sư lấy tay vẽ một đường.

Đại Niên lè lưỡi nói: Thật là Long tượng.

Sư hỏi: Đó là ý gì? Đại Niên quay lại bảo châm trà tiếp và nói:

Té ra là người nhà.

Sư nói:

Cũng không tiêu được.

Lát sau, Đại Niên hỏi:

- Thế nào là một câu vì người của Viên Thượng tọa? Sư đáp:

- Thiết

- Tác gia, tác gia!

- Sư nói:

Tha cho Nội Hàn hai mươi gậy.

Đại Niên vỗ gối hỏi: Trong này là nơi nào?

- Sư vỗ tay đáp:

Chớ có bỏ qua.

- Đại Niên cười vang. Đại Niên hỏi:

- Nhớ được nhân duyên Đường Minh ngộ đạo không?

Sư đáp:

Đường Minh nghe tăng hỏi Thủ Sơn về đại ý Phật pháp, Thủ Sơn
đáp:

Bên thành Sở Vương nước chảy về Đông.

Đại Niên hỏi:

Nói như vậy ý chỉ thế nào?

Sư đáp:

Trên nước treo cầu lồng đèn.

- Như vậy thì cô phụ người xưa rồi!

- Nội Hàn nghi thì cứ tham vấn nơi khác.

Đại Niên nói:

Con ếch ba chân nhảy lên trời.

Sư nói:

Cứ mặc tình nhảy.

Đại Niên cười vang, giữ Sư lại trai đường, ngày ngày cùng
chất
vấn giải nghi. Nhân đó Sư hận mình gặp Đại Niên quá muộn.

Đại Niên vào chùa gặp Phò mã Đô úy Lý Tuân Úc nói:

Gần đây tôi được một đạo nhân, thật là sư tử Tây Hà.

Tuân Úc nói:

Tôi quá bận rộn không đến gặp được biết làm thế nào?

Đại Niên im lặng trở về nói với Sư:

- Lý công là người trong Phật pháp, nghe đạo phong thầy từ xa
đến đây, có lòng muốn gặp thầy, do bận việc triều chính nên không thể
theo tôi về.

- Sáng hôm sau, Sư đến yết kiến Lý Công.

Lý Công xem văn thư, sai đồng tử ra hỏi:

- Nói được thì cùng Thượng tọa gặp nhau.

Sư nói:

Hôm nay tôi đặc biệt đến để gặp

Lý công lại sai đồng tử ra nói:

- Văn bìa khắc chữ trắng, giữa đường trồng tùng xanh.

Sư nói: Nếu chẳng phải hôm nay, ngày sau ắt khó gặp. Đồng tử
trở ra nói: Đô úy bảo nếu vậy thì gặp Thượng tọa vậy. Sư nói:

Đầu gót cuối gót.

Lý Công bước ra ngồi xong hỏi Sư:

- Tôi nghe nói, Tây Hà có Sư tử lông vàng đúng không?

Sư đáp:

Ông nghe tin này ở đâu?

Lý Công liền hét. Sư nói:

Tiếng của dã can.

Lý Công hét tiếp. Sư nói:

Chính phải. Lý Công cười vang. Sau đó, Sư từ biệt ra đi,

Lý Công hỏi một câu sắp đi, Sư đáp: Hay! Sắp dứt.

Lý Công nói:

Đâu khác nơi khác!

Sư hỏi:

Đô Úy lại làm sao thế?

- Tha Thượng tọa hai mươi gậy

- Toàn vì lưu thông

Lý Công lại hét. Sư nói:

Mù!

Lý Công nói: Thôi đi đi! Sư đáp: Dạ! Dạ!

Từ đây, Sư qua lại họ Dương họ Lý kết làm bạn pháp, ít lâu, Sư từ biệt về lại Hà Đông. Đại Niên nói:

Ta có một câu gửi cho Đường Minh!

Sư nói: “Trăng sáng chiếu thấy người đi đêm”.

Đại Niên nói: “Lại chẳng như nhau”.

Sư nói: Đêm dài vẫn còn được, sau ngộ lại phiền người

- Kim Cang trước chùa Khai Bảo gần đây do đâu chảy ra.

- Biết.

- Thượng tọa sắp đi, lẽ đâu không có câu cho người.

- Đường núi cửa muôn trùng

- Vậy thì đi theo Thượng tọa thôi!

Sư giả bộ gằm gừ, Đại Niên nói:

Đúng là Sư tử.

Sư về lại Đường Minh, Lý Công sai hai vị Tăng đến thăm hỏi. Sư viết thư cho Lý Công, cuối thư Sư vẽ hai cái chân bảo hai vị Tăng ghi tên vào và đem về. Lý Công đọc thư và làm bài kệ:

Đuôi đen hơn ngàn dậm

Cả quách lộ hai chân

Trời vốn người khó lường

Nễ già Hồ râu đỏ.

Lúc này do còn mẹ già nên Sư về Nam, đến Thụy châu làm Thủ

Chúng trong pháp hội của Thiền sư Động Sơn Hiểu Thông, dừng lại đây ba năm. Trước đây, Phần Dương từng nói: “Ta tham vấn khắp con cháu Vân Môn, nhưng hận vì chưa yết kiến Thiền sư Hiểu Thông.” Vì vậy Sư đã dừng lại đây, sau vân du đến Ngưỡng Sơn, Viên châu Thái phủ Hoàng Tôn Đán thỉnh Sư trụ chùa Quảng Lợi núi Nam Nguyên, rồi qua trụ ở Đạo Ngô, Đàm châu, chùa Sùng Thắng núi Thạch Sương, chùa Trang Nghiêm ở Nam Nhạc, chùa Hưng Hóa ở Đàm châu. Niên hiệu Bảo Nguyên năm đầu, Phò mã Đô úy Lý Tuân Úc sai Sứ đến thỉnh Sư rằng: “Pháp lữ trong nước chỉ có thầy và Dương Đại Niên mà thôi. Đại Niên đã bỏ tôi đi trước, năm nay thấy mình đã già yếu, gắng sống để gặp thầy lần cuối.” Sư liền về Đông đến Kinh Sư. Được hơn một tháng, Lý Công vẽ một vòng tròn và làm bài kệ tặng Sư rằng:

*Thế giới không nương
Núi sông chẳng ngại
Biển lớn vì trần
Tu-di hạt cải,
Giở khăn che đầu
Cởi bỏ thất lung
Nếu tìm sống chết
Hỏi lấy đày da.*

Sư hỏi:

Thế nào là Phật tánh xưa nay?

Lý Công đáp:

Hôm nay nóng như hôm qua

Lý Công hỏi Sư:

Thế nào là một câu sắp đi?

Sư đáp:

Xưa nay không ngăn ngại, tùy xứ mặc vương tròn

- Tối rồi, mỗi mệt chẳng đáp nữa.

Sư nói:

Làm Phật nơi không có Phật.

Đêm ấy, Lý Công an nhiên quy tịch. Nhân Tông Hoàng đế nghe Đô úy quy tịch và cuộc hỏi đáp giữa hai người, ông hết lời thán phục. Sư đến mộ của Đô úy chào từ biệt, vua hạ chiếu ban cho Sư thuyền quan để về Nam. Đến lúc này là ngày mồng năm tháng giêng niên hiệu Khang Định năm đầu, Sư quy tịch, hưởng thọ năm mươi bốn tuổi, Tăng lạp ba mươi hai. Bài minh ghi hành trạng của Sư được khắc dựng ở chùa Hưng Hóa, tháp toàn thân ở núi Thạch Sương. Sư nối pháp Phần Dương Thiện

Chiêu, thuộc đời năm thứ sáu tông Lâm Tế. Đệ tử nối Pháp Sư bắt đầu chia tông, đó là Hoàng Long Tuệ Nam, Dương Kỳ Phương Hội.

Thiền sư Quảng Chiêu ở núi Lang Da, Trừ châu: Sư húy Tuệ Giác, người Tây Lạc. Thuở nhỏ, lúc đưa linh cữu của cha là Hoàn Dương Thái thú về đất Lạc, khi ngang qua ngôi chùa cổ Dược Sơn ở Lễ châu, Sư cảm thấy như mình đã từng ở đây. Sau đó, Sư xuất gia ở chùa này, thọ giới xong liền du phương tham học, đặc pháp với Phần Dương, hoằng hóa ở Trừ Thủy. Sư giáo hóa cùng thời với Thiền sư Tuyết Đậu Trùng Hiển, Minh Châu bốn phương gọi đây là hai cửa Cam lồ. Đến nay, hóa tích của Sư ở vùng Hòa Nam vẫn còn. Sư nối pháp Thiền sư Phần Dương Thiện Chiêu.

<i>Tân Ty: Khánh Lịch năm đầu</i>	<i>Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 9</i>	<i>Tây Hạ</i>
-----------------------------------	--	---------------

Pháp sư Tịnh Giác Nhân Nhạc ở Hồ châu soạn Lăng-nghiêm Kinh Tập Giải mười quyển, Thuyết Đề một quyển, Huân Văn Ký năm quyển. Hàn lâm Thị độc Học sĩ Tri chế cáo Hồ Túc viết lời tựa rằng: “Ngàn đèn trong nhà, ánh sáng dung nhiếp, sáu nhạc dưới nhà chính âm cùng trời, xiển dương kinh mẫu, nêu cao Viên Giáo, pháp thí vô biên thay!” Ngài thị tịch ngày hai mươi bốn tháng ba niên hiệu Trị Bình năm đầu, đời Anh Tông, môn nhân an táng Sư ở Hà Sơn.

<i>Nhâm Ngọ: Khánh lịch năm thứ 2</i>	<i>Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 10</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Quý Mùi: Khánh lịch năm thứ 3</i>	<i>Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 11</i>	<i>Tây Hạ đến Tống xin hàng</i>

Tây Hạ: Triệu Nguyên Hạo, mùa hạ tháng tư sai sứ đến Tống Xưng thần xin hòa. Sau ông lại sai sứ đến Xưng Nam chứ không Xưng Thần mà chỉ xưng thần với Khiết Đan. Dịch kinh viện Triều tán Đại phu Thí Hồng Lô khanh Quang Phạm Đại Sư Duy Tịnh được chấp chính, miễn bớt việc dịch kinh. Ngài biết trước liền dâng tấu sớ xin nghỉ. Đế nói: “Trẫm sùng phụng Tam Thánh, lễ đâu dám cho thầy nghỉ. Hơn nữa, sổ sách tên gọi văn kiện của những vật báu triều cống đều là văn

tự của các nước khác, chẳng phải Hồng Lô thì ai thông suốt hết.” Không bao lâu, Ngự sử Trung thừa Khổng Đạo Phủ vv... quả nhiên xin bãi bỏ Dịch quán. Để đưa tấu sớ của ngài cho bọn họ xem, Đạo Phủ liền dẹp bỏ ý định của mình.

Ngự tán rặng Phật: Mùa hạ, trời đại hạn, tổn hại hoa màu, tháng sáu, Đế hạ chiếu rước rặng Phật ở chùa Tướng Quốc về cấm cung cầu khẩn, trời liền mưa to. Xá-lợi rặng Phật này do Tổ Tông ngự phong. Để tự tay mở ra, rửa bằng nước hoa Tướng vi trong biển, được một hạt xá-lợi, màu ngũ sắc sáng rỡ. Để cất xá-lợi trong bình lưu ly và làm bài tán rặng:

*Tam hoàng huyền chất đà ra đất
Ngũ Đế hình hài hóa bụi trần
Phu tử khắp nơi tôn chí thánh
Lão quân trần thế cũng bảo chân,
Vùi thây chỉ thấy quan quách trống
Còn đâu hài cốt chỉ hậu nhân
Chỉ có thầy ta xương vàng mãi
Trải qua trăm lửa vẫn thường tân.*

Để cất xá-lợi trong tráp vàng trang nghiêm bảy báu, lót bằng lông cừ trắng, đặt bằng áo long phụng anh lạc, cúng dường hơn một tháng, đúc điện bằng vàng bốn cửa tượng trưng cho cung trời, đặt Xá-lợi vào và đưa trả lại. (Xem bài tựa Tam Triều Ngự Tán Xá-lợi Rặng Phật của Hàn lâm Tri chế cáo Vương Khuê)

<i>Giáp Thân: Khánh Lịch năm thứ 4</i>	<i>Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm năm thứ 12</i>	<i>Tây Hạ: Tống sách phong Triệu Nguyên Hạo làm Quốc Chủ.</i>
--	---	---

Tháng mười hai, Tống sách phong Nguyên Hạo làm Hạ Quốc chủ, mỗi năm ban cho bạc lụa hai mươi ba vạn, Nguyên Hạo đổi tên là Năng Tiêu.

<i>Ất Dậu: Khánh Lịch năm thứ 5</i>	<i>Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 13</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	---	---------------

Âu Dương Tu từ Giác Viện bị giáng xuống làm Hà Bắc Đô Chuyển Vận sứ, đổi về Trừ Châu. Khi ngang qua chùa Viên Thông ở Đông Lâm, Lô Sơn, ông gặp Thiên sư Tổ Ấn Cư Nột luận bàn về Đại giáo, chiết trung giữa Nho và Phật, giống như chuyện Hàn Dũ gặp Thiên sư Đại Diên.

<i>Bính Tuất:</i> <i>Khánh Lịch năm thứ 6</i>	<i>Đại Khiết Đan:</i> <i>Trùng Hy năm thứ 14</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	---	---------------

Thiên sư Dương Kỳ: Sư húy Phương Hội ở núi Dương Kỳ, Viên Châu, vốn họ Lĩnh quê ở Nghi Xuân. Thuở nhỏ, Sư đến Cửu Phong ở Thụy châu cứ ngỡ mình đã từng qua đây rồi liền xin thế phát xuất gia. Mỗi khi xem kinh, tâm Sư mở sáng, thấu tỏ mau lẹ. Sư đến tham học với Thiên sư Từ Minh Viên. Viên từ Nam Nguyên dời sang Đạo Ngô, chuyển đến Thạch Sương, Sư đều theo hầu, lo toan hết mọi việc trong viện. Tuy theo Từ Minh đã lâu nhưng Sư vẫn chưa tỉnh ngộ. Mỗi khi đến thưa hỏi, Từ Minh bảo: “Việc trong ty khổ quá nhiều, ông hãy đi đi!” Hôm khác Sư đến, Từ Minh bảo: “Ngày sau con cháu Giám Tự có khắp thiên hạ, việc gì phải nhọc công!” Ngày nọ, Từ Minh vừa đi ra, trời liền đổ mưa, Sư rình ở con đường tắt, Từ Minh đến, Sư liền nắm đứng nói: “Lão già này, hôm nay phải nói cho tôi, nếu không nói thì tôi đánh.” Từ Minh nói: “Nếu Giám Tự biết đây chỉ là việc quanh co, thì sẽ thôi ngay!” Từ Minh nói chưa dứt, Sư đại ngộ, sụp lạy ngay trên đường bùn. Hôm sau, Sư uy nghi tề chỉnh đến phương trượng lạy tạ. Từ Minh quở: “Chưa phải!” Nhân đó Sư khế ngộ, từ biệt Từ Minh về lại Cửu Phong. Tăng tục thỉnh Sư trụ ở Dương Kỳ. Đến lúc này, Sư dời qua Vân Cái và thị tịch. Hoàng Hựu năm đầu, môn nhân dựng tháp Sư ở núi này. Sư nối pháp Từ Minh.

<i>Đình Sửu:</i> <i>Khánh Lịch năm thứ 7</i>	<i>Đại Khiết Đan:</i> <i>Trùng Hy năm thứ 15</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	---	---------------

Vương Tắc ở Bối châu làm phản. Vương Tắc nguyên là một quan võ nhỏ của quân lệ Tuyên Ân, dùng yêu thuật mê hoặc mọi người, chiếm cứ Bối châu, tiến hiệu Đông Bình Vương, lấy Quốc hiệu An

Dương, đổi niên hiệu Đức Thắng, về sau bị diệt.

<i>Mậu Tý: Khánh Lịch năm thứ 8</i>	<i>Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 16</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Kỷ Sửu: Hoàng Hựu năm đầu</i>	<i>Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 17</i>	<i>Tây Hạ</i>

Từ triều Chu Vũ Đế, Biện Kinh bị đập phá chùa viện, mãi đến đời Thái Tổ năm Kiến Long mới được phục hưng. Lương Nhai chỉ còn lại Nam Sơn Luật Bộ, Từ Ân Hiền Thủ sở sao nghĩa học mà thôi. Sĩ Đại phu thông minh siêu xuất đều chán nghe danh tướng nhân quả, nhưng Thiên Thai Chỉ quán, Đạt-ma Thiền tông lại chưa thịnh hành. Từ năm Thuần Hóa đến nay, Tôn giả Tứ Minh Tri Lễ, Thiên Trúc Sám chủ Tuân Thức hành đạo ở Đông nam, nhưng tông nhãn của Quán tâm thì chiếu sáng cả thiên hạ. Hàn lâm Dương Úc, Triều Hưởng là người đầu tiên phát minh nó. Đến lúc này, nội thị Lý Doãn Ninh tâu xin cho Biện Kinh một khu nhà để sáng lập phát huy tông thiền, Đế sắc tứ nơi này là Thập Phương Tịnh Nhân Thiền Viện. Đế lưu tâm đến Không tông, hạ chiếu cho Tam Tỉnh cùng định nghị, mời người có Đạo đến trụ trì. Âu Dương Tu, Trần Sư Mạnh tâu xin Thiền sư Cư Nột ở chùa Viên Thông, Lô Sơn. Doãn Ninh đích thân cầm chiếu chỉ đến Giang châu để thỉnh Cư Nột bảo mình bị bệnh mắt nên không đi. Đế càng kính trọng, cho phép ngài thỉnh người khác đi thay. Cư Nột liền mời Hoài Liên ứng chiếu.

Thiền sư Cư Nột: Ở Viên Thông Thiền Tự, Lô Sơn, Giang châu. Sư họ Kiểng, người Đông Xuyên, Tử châu, từ nhỏ đã thông minh dĩnh ngộ, sách đọc qua là thuộc lòng. Năm mười một tuổi, Sư xuất gia, mười bảy tuổi thi kinh Pháp Hoa, được độ và lên tòa giảng. Gặp lúc Thiên giả về Nam mới khuyên Sư đi tham vấn do đó Sư đi khắp trong Kinh sư mà không có sở đắc. Sư đến tham vấn Thiền sư Tử Vinh ở Tương Châu và mật kế tâm yếu, dừng ở đây mười năm rồi vân du sang Lô Sơn, đạo phong của Sư ngày một lan xa. Nam Khang Thái thú Trình Sư Mãnh thỉnh Sư trụ ở Quy Tông, sau dời qua Viên Thông. Đến lúc này, Đế hạ chiếu thỉnh Sư trụ ở viện Tịnh Nhân nhưng Sư không đi và thỉnh ngài Hoài Liên đi thay. Thiên hạ đều cho Sư là người khéo biết dùng người. Về già Sư ẩn cư trên ngọn Bảo Tích. Mồng tám tháng hai năm Hy Ninh năm thứ tư đời Thần Tông, Sư không bệnh, ngồi ngay thẳng thị tịch, thọ sáu mươi hai tuổi, Tăng lạp bốn mươi lăm hạ, tháp ở Nham Ổ. Sư ngồi

thiền, ban đầu chấp tay bình thường, đến nửa đêm, tay đưa cao dần đến ngực, thị giả vẫn đứng hầu đợi đến lúc trời sáng. Sư nói pháp Thiền sư Tử Vinh ở Tương châu, Tử Vinh nói pháp Trí Môn Tộ, Tộ nói pháp Hương Lâm Trừng Viễn, Viễn nói pháp Vân Môn Văn Yển.

<i>Canh Dần: Hoàng Hựu năm thứ 2</i>	<i>Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 18</i>	<i>Tây Hạ</i>
--------------------------------------	---	---------------

Thiền sư Đại Giác Liên: Ngài họ Trần, húy Hoài Liên, quê ở Long Khê, Chương châu, Phúc Kiến đạo. Ngài xuất gia từ bé, đến tuổi để chỏm thì thế phát, dốc chí học đạo, mến mộ ai thì liền đến tham học. Sư đến pháp tịch Lạc Đàm, kế cơ và được ấn khả, thờ Lạc Đàm hơn mười năm rồi đến Lô Sơn giữ chức Chương Ký Thất cho Thiền sư Cư Nột ở viện Viên Thông Năm đầu Hoàng Hựu, đế hạ chiếu cho Thiền sư Nột trụ trì Thập Phương Tịnh Nhân Thiền viện ở Tả nhai. Cư Nột cử ngài đi thay. Đến lúc này, ngày mười chín tháng hai Canh dần, Đế mời ngài vào điện Hóa Thành hỏi đại ý Phật pháp. Ngài đối đáp, Đế rất hài lòng và ban ngài hiệu Đại Giác Thiền sư. Trai phạn xong, Đế truyền chỉ, ngài theo phép tắc Thiền Lâm phương Nam mà khai đường thuyết pháp. Đế lại tuyên chỉ cho Tả nhai phó tăng lục Từ Vân Thanh Mãn Đại Sư khải bạch bằng bài kệ:

*Sân rồng xuân về
Hoàng cung mở hội
Vạn thừa đã đến điện vua Thuấn
Lưỡng Nhai được thờ nơi này Nghiêu
Ngay lúc hòa hiếu như vậy
Cũng chính là lúc xiển dương
Tuyên bàn đạo Tổ
Dâng hợp hoàng triều.*

Hỏi đáp xong, ngài nói: “Pháp hội của Phật xưa, chưa từng nói khác, trong câu lưu thông vốn nói đến nhiều, người nhận được thì diệu dụng chẳng thiếu, kẻ đánh mất thì gặp việc bó tay, bởi vậy khe núi mây trắng nơi nơi đồng phong, nước chim cây rừng xứ xứ hiển đạo. Nếu nằm dưới cửa của Ca-diếp thì liền được gió Nghiêu minh mông, mặt trời Thuấn cao sáng, nông phu ngâm nga, ngư ông ca múa, ngay lúc đó toàn vui với phong hóa vô vi, đâu còn biết việc gì!”

Đế nghe, rất hài lòng, sau sai trung sứ hỏi ngài: “Vừa dựng phất

tử, người học khó đương!”

Ngài dùng bài tụng đáp:

*Có đốt đâu hẳn trúc
Ba sao vòng cung trăng
Người ở dưới mặt trời
Đâu giống bao người khác.*

Đế xem xong, rất vui, liền triệu ngài vào điện Đối Tiện ban cho cây quạt lông, trên ấy có ghi bài tụng Nguyên Tịch. Đế và ngài cùng hỏi đáp, làm thơ làm tụng; viết tặng nhau cả thấy mười bảy thiên. Tháng ba năm Chí Hòa năm thứ hai, ngài cáo lão xin về núi và dâng Đế bài tụng:

*Sáu năm thường diễn xướng Tổ cơ
Điện vàng hai lần phụng thiên uy
Núi xanh ở ẩn vui nào sánh
Ngự tụng đầy hòm gánh về thôi.*

Đế họa lại rằng:

*Phật Tổ rành rành thấu thượng cơ
Trước cơ dâng được mối toàn uy
Núi xanh Bát-nhã như như thể
Ngự tụng mang về biết để đâu.*

Đế sai trung sứ tuyên chỉ dụ rằng: “Núi chính là thể như như, còn về đâu nữa! Hãy ở lại Kinh Quốc chấn hưng Phật pháp như vậy!”

Ngài lại dâng bài tụng tạ ơn rằng:

*Trung sứ truyền tuyên lệnh cấm vây
Bảo thân ở lại chốn Thiên này
Núi xanh chưa được chôn ngàn vụng
Tóc bạc làm sao giúp vua đây!
Ân lớn tuyết sương đà thăm thăm
Tình thâm rừng suối chịu đắng cay
Lòng nhân chúa thượng như trời rộng
Xin cho mây lẽ mặc tình bay.*

Hồi ấy, Đế đọc Ngữ Lục của Thiền sư Đầu Tử Sơn, Tăng hỏi: Thế nào là trâu trắng nơi đất trống? Đầu Tử làm tiếng trâu rống, nhân đó Đế khế ngộ và làm mười bốn bài tụng và giải thích, nay Đế đem tặng cho ngài một bài:

*Nếu hỏi chủ nhân ông
Chân tịch hợp hư không
Ba đầu với sáu tay*

Tháng chạp chính gió xuân.

Ngài họa lại rằng:

*Nếu hỏi chủ nhân ông
Lặng lẽ như vách không
Lúc mây chớp nổi lên
Đất trời đều thổi mát.*

Đế đọc xong, tuyên chiếu tặng ngài một bình bát Long não, ngài tạ ân và nói: “Pháp Phật cho dùng y hoại sắc, bình bát bằng đất nung, thiết, bát này không đúng pháp”. Nói xong ngài đốt đi. Trung Sứ quay về bẩm lại, Đế thán phục không thôi. Thời gian sau, nhận chỉnh soạn Tôn Giác Tân Lão, Đế gửi thư hỏi về tông giáo, ngài trả lời, đại lược là: “Ý của diệu đạo, Thánh nhân từng gửi gắm trong kinh Dịch, đến thời Chu suy vi, phép chế của Tiên vương bại hoại, lễ nghĩa cũng mất đi. Về sau, nó gửi gắm trong Dịch thuật, Dịch thuật xuất hiện thì làm loạn thế tục. Đến khi Thích-ca ta vào Trung thổ, toàn đem Đệ nhất nghĩa chỉ bày cho người, không ngoài chủ trương lấy Từ bi giáo hóa chúng sinh, đó cũng là do hợp thời. Từ khi có con người đến nay, diệu đạo thuần phác chưa tán nên giáo pháp của Tam hoàng giản dị nhưng trong sáng, đó là mùa Xuân. Đến lúc tình cảm con người ngày càng sâu nặng, nên giáo pháp của Ngũ Đế rõ ràng lại văn hoa, đây là mùa Hạ. Thời và thế khác nhau, tình cảm theo thời gian mà biến đổi, nên giáo pháp của Tam vương sâu kín mà lại uy nghiêm, ấy là mùa Thu. Cáo và thệ của thời Thương Chu xưa kia, học giả sau này có người chẳng hiểu, lúc ấy chỉ biết lắng nghe, không dám làm trái, lẽ lối ấy so với ngày nay thế nào? Đến lúc nó lộ rõ mới tệt, đó là vào thời Tần, Hán, lúc này nó tràn lan khắp nơi, trong thiên hạ có người chẳng chịu nghe. Bấy giờ, Phật Như Lai ta vượt sống dậy bằng lý của tánh mệnh, đem hạnh từ bi mà dạy họ, đây là mùa Đông. Trời có bốn mùa xoay vần để sinh trưởng vạn vật, nên giáo pháp của Thánh nhân liên tục được truyền trì nhằm giáo hóa nhân loại, giống như bốn mùa của trời đất vậy thôi. Đến lúc cực thịnh thì không thể không có mối tệt. Dấu vết của tệt làm cho đạo hợp nhất. Cần phải có Thánh hiền xuất thế để cứu mối tệt đó. Từ Tần, Hán, đến nay, đã hơn ngàn năm, phong tục dần dần bại hoại, giáo pháp của Thánh nhân bị chia chẻ nhưng vẫn độc lập tồn tại, người ta đua nhau chê bai, rốt cuộc chẳng biết theo bên nào. Đạo lớn với vợ nhưng chẳng ai biết để lần về, thật đáng trách thay!”

Ngài an trú trong Thiên pháp, trì Luật rất tinh nghiêm, dựng tinh xá ở phía Tây Đô thành. Thiên sư Hiếu Thuấn hiệu Lão Phu trụ ở viện

Thê Hiền trên Lô Sơn, bị quan lại trong quận đến ép phải mặc đồ thường dân, Thuấn đến xin ngài ở. Ngài để Thuấn nghỉ ở gian giữa còn mình qua nằm gian bên cạnh, giữ lễ đệ tử, rất cung kính Thuấn. Vương công, quý tộc đến thăm đều lấy làm lạ, ngài kể lại sự thật rằng: “Thiếu thời tôi thường hỏi đạo ở ông ấy, nay ông ấy gặp chuyện không may, nếu theo hình tướng mà hầu hạ, hóa ra tôi thành kẻ hai lòng mất rồi!”

Để biết chuyện mới cho Hiểu Thuấn thế phát lại, vẫn trụ ở chùa Thê Hiền. Thuấn quê ở Thụy châu, trụ ở Vân Cư, Nam Khang, nối pháp Thiền sư Động Sơn Hiểu Thông, Hiểu Thông nối pháp Văn-thù Ứng Chân, Chân nối pháp Đức Sơn Duyên Mật, Mật nối pháp Vân Môn Văn Yển. Thuấn là đệ tử út của ngài Hoài Liên. Anh Tông, năm Trị Bình năm thứ hai, ngài dâng Sớ xin về núi, Đế trao cho ngài tờ Tráp ghi rằng: “Thiền sư Đại Giác Hoài Liên được nhận là Thánh quyển của Tiên đế, nhiều lần chấn tích đến hoàng cung, bao phen cố hiến hết lòng thành, xin vào núi ẩn cư, nay thuận theo lời xin, để thầy được toại lòng. Những nơi thầy đi qua, muốn trụ trì am viện nào thì tùy ý, Thiền lâm trong cả nước không được ép ngài ở hoặc cố mời.” Ngài cầm tờ tráp đi về đông, ít có ai biết. Vượt sông xong, ngài trụ một thời gian ngắn ở Kim Sơn, Tây Hồ. Tứ Minh # thấy Quảng Lợi Thiền tự ở núi A-dục vương bỏ trống nên thỉnh ngài trụ trì, Cửu Phong Thiều công viết sớ cầu thỉnh, ngài nhận lời đến đạo tràng. Dân chúng ở Tứ Minh cùng gắng sức dựng một đại các để an trí thi, tụng, ngự chế do Đế ban cho, đặt tên đại các này là Thần Khuê. Hàn lâm học sĩ kiêm thị độc đoan minh điện học sĩ Tô Thức viết bài ký. Tô Thức gửi thư hỏi ngài: “Tôi thừa ý và đã soạn xong văn bia cho Thần Khuê các, nay tôi già suy vô dụng, chẳng biết có kham nổi việc khắc đá không!” (Xem trong phần Tham Liâu Thuyết)

Ngày ngài rời kinh, Anh Tông ban cho ngài tờ chiếu do chính tay mình viết. Trong ấy ghi: “Mặc tình đi ở chẳng biết quả có nên chăng! Nếu có ai cố mời thì hãy đưa toàn văn tờ chiếu này ra.” Nhưng ngài lại muốn giấu kín chi tiết này không hề đưa ra. Sau khi ngài quy tịch, người ta mới tìm thấy tờ chiếu ở trong rương của ngài. Gianh Tây Oánh Trọng Ôn La Hồ Lục ngợi khen ngài rằng: “Đại Giác dù không hiển hách nhưng đủ làm cho những kẻ được ân sủng cậy quyền ý thế phải xấu hổ. Còn những lúc chúa thượng rảnh việc quân cơ, cùng ngài luận đạo, phát huy Tông thừa, vun bồi nên cực trị, thế nên, điều mà Thần Khuê các gọi là “Được tâm tông Phật” xưa nay chỉ có một người mà thôi.” Đúng thay, lời này! Ngài thọ tám mươi hai tuổi. Triết Tông năm Nguyên Hựu năm thứ năm, ngài không bệnh, quy tịch. Ngài nối pháp

Ngũ Tổ Giới, Giới nổi pháp Song Tuyền Kính Khoan, Khoan nổi pháp Vân Môn Văn Yến.

Thiền Sư Phù Sơn Cửu Đái: Sư họ Vương, húy Pháp Viễn, quê ở Trịnh châu. Năm mười chín tuổi, Sư đến Tinh châu, theo Tam Giáo Trí Tung xuất gia, làm Sa-di hầu Trí Tung mà tỉnh ngộ. Sau khi thọ Cụ túc, Sư đến yết kiến Phần Dương Thiện Chiêu, Diệp Huyện Tĩnh Công, đều được ấn khả. Sư từng cùng Đạt Quán Dĩnh, Tiết Đại Đầu vv.. cả thầy bầy, tám người qua đất Thục, nhiều phen gặp nạn, Sư đều dùng trí mà thoát nạn. Mọi người cho Sư là người am hiểu việc quan, nên đặt cho Sư hiệu là Viễn Lục Công. Sư trụ ở chùa Phù Sơn, Thư Châu lấy hiệu là Viên Giám Thiền Sư. Âu Dương Tu nghe Sư là người kỳ đặc, liền đến thất thăm chơi nhưng vẫn chưa thấy Sư có gì phi thường. Ngày nọ Dương Tu ngồi đánh cờ với khách, Sư ngồi bên cạnh, Dương Tu liền thâu hết bàn cờ thỉnh Sư lấy đề tài đánh cờ này thuyết pháp. Sư liền sai đánh trống thượng đường. Sư lên tòa nói:

Nếu luận việc này, chẳng khác hai người đang đánh cờ. Vì sao vậy? Vì địch thủ và tri âm ngay lúc đó chẳng nhường nhau. Nếu như vậy năm bữa ba, lại thông một đường, mới được nước cờ thông thường. Như mở toang cửa kín, làm kế sống không được, đoạt lấy chỗ xung yếu, nanh nhọn miệng cọp cùng thấy rõ, sau khi cờ tàn cũng chỉ nhọc công phí sức. Nên nói, người mập dễ kiếm, kẻ ốm khó tìm, suy nghĩ và hành động thường trái ngược, tâm thô tháo thì thường xung đột, luôn khoe là quốc thủ, dối bàn đến Thần tiên, dù thắng hay thua cũng chẳng hỏi. Hơn nữa, lúc trắng đen chưa phân, động thủ thì rơi vào chỗ nào?

Lát sau, Sư hỏi: Xưa nay mười chín đường, mê ngộ có bao người? Âu Dương Tu nghe xong không ngớt thán phục, quay sang nói với người đồng liêu: “Dương Tu tôi ban đầu nghi Thiền ngữ là hư dối, nay thấy cơ duyên đường đi nước bước của ông già này, nếu không phải là người tỏ ngộ tâm địa thì đâu thể có những lời xuất cách như vậy.

Phạm Văn Chánh công thỉnh Sư khai sơn, trụ trì chùa Thiên Bình ở Tô châu, Bình Giang lộ. Những năm về già, Sư quy ẩn ở Hội Thánh Nham, thuật Phật Tổ Áo Nghĩa, soạn Cửu Đái. Sư quy tịch, thọ hơn bảy mươi tuổi, tự xưng mình là Sài Thạch Dã Nhân. Sư nổi pháp Thiền sư Quy Tĩnh ở viện Quảng Giáo, Diệp Huyện, Nhữ châu. Quy Tĩnh nổi pháp Thủ Sơn Tĩnh Niệm, Niệm nổi pháp Nam Viện Tuệ Ngung, Ngung nổi pháp Hưng Hóa Tồn Tường, Tường nổi pháp Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền.

Mùa Hạ, ngày mười tám tháng năm Pháp sư Thần Chiếu Bản Như

ở Đông Dịch Sơn, Đài Châu quy tịch. Sư theo Pháp Trí Ngô Kinh Vương nhưng lại kế thế Từ Vân Đông Dịch suốt ba mươi năm. Nổi pháp có Tra Am Hữu Nghiêm, Bạch Liên Xử Hàm, Thần Ngô Xử Khiêm.

Tâm kinh: Lý Cấu, tự Thái Bá, người Hu Giang, người đương thời gọi ông là Đại Nho. Đến lúc này năm Hoàng Hựu năm thứ hai, Phạm Văn Chánh Công dâng biểu tiến cử, ông được làm quan, lại được sung vào giảng dạy ở Thái học, nhưng chưa được bao lâu thì ông mất. Hồi ấy, Thái Bá từng soạn Tiềm thư và Quảng Tiềm thư cật lực bài xích Phật giáo. Đại sư Minh Giáo Khế Tung mới đem những gì mình soạn đến gặp ông và lý giải, từ đó Thái Bá bắt đầu lưu tâm kinh Phật, ông than: “Bọn ta nghị luận vẫn còn chưa kịp một quyển Bát-nhã Tâm kinh, Phật đạo lẽ đâu dễ biết ư!” Môn hạ của ông như Sĩ Hoàng, Hán Kiệt gửi thư hỏi nguyên do, ông trả lời, đại lược ghi “Dân mà muốn thiện bởi nhờ Thiên tánh. Xưa đạo Nho được vận dụng ở đời, ắt có phép tắc để dẫn dắt họ. Tai, mắt, mũi, miệng, tâm của dân biết trăm thứ vì đều có chủ, thì đâu rảnh để mống khởi các thứ dị đoan. Đạo Nho về sau cũng được vận dụng ở đời nhưng không có phép tắc dẫn dắt họ. Tai, mắt, mũi, miệng, tâm của dân biết trăm thứ nhưng đều không làm chủ, nếu bỏ đạo Phật thì còn biết nương tựa vào đâu!”

Tâm kinh có ba bản dịch đều được lưu hành ở đời. Bản kinh mà Thái Bá nói đến chính là bản do Pháp sư Huyền Trang phụng chiếu Đường Thái Tông dịch ra. Nó gồm năm mươi bốn câu, hai trăm sáu mươi bảy chữ.

<i>Tân Mão: Hoàng Hựu năm thứ ba Phật tịch đã 2.000 năm</i>	<i>Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 19</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Nhâm Thìn: Hoàng Hựu năm thứ 4</i>	<i>Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 20</i>	<i>Tây Hạ</i>

Nùng Trí Cao vây hãm Ung châu, dựng nước Đại Nam ở ngay châu này, tiếm xưng hiệu Nhân Tuệ Hoàng Đế, đổi niên hiệu Khải Lịch, chiếm cứ Nam Chiếu. (Nam Chiếu cách đất Thục hơn hai ngàn dặm).

Thiền sư Tuyết Đậu: Sư họ Lý, tên Trùng Hiển, tự Ẩn Chi sinh tại Toại Ninh Phủ vào ngày tám tháng tư năm Thái Bình Hưng Quốc năm thứ năm. Thuở nhỏ, Sư theo Nhân Tiễn Thượng nhân ở Phổ An

viện, Ích châu xuất gia. Thọ Cụ túc xong, Sư rời đất Thục, qua lại khắp vùng Kinh Chử, từng làm Tri khách ở Đại Dương. Sư vân du lên phương Bắc đến Phục châu. Bắc Tháp Tộ Thiên sư mến Sư là người tinh nhuệ nên giữ lại đây năm truyền hết diệu đạo. Lúc Sư đến Tiên Đường chợt gặp Tăng Học Sĩ ở Hoài Nam. Tăng viết thư đến tiến cử Sư với Thiên sư Linh Ấn San. Sư đến, sống lặng lẽ suốt ba năm. Tăng Học sĩ phụng mệnh đi sứ Triết Tây, đến Linh Ấn hỏi thăm Sư. Tăng chúng trong chùa đến hơn ngàn người nhưng chẳng ai biết Sư. Đến lúc kiểm đơn, thông qua vật dụng mới biết. Tăng hỏi bức thư tiến cử ngày trước đâu, Sư mới lấy trong tay áo ra giao cho. Tăng cười ngất. Từ đó Thiên sư San càng để tâm đến Sư. Sư ra hoàng hóa ở Thúy Phong, Tô châu, rồi dời về Tuyết Đậu, Minh châu, đại chấn tông phong. Đến lúc này, ngày mồng mười tháng sáu năm Hoàng Hựu năm thứ tư (có thuyết nói ngày bảy tháng bảy) Sư tắm rửa, đem trượng, giày, y, bát giao cho đồ chúng tay vén áo, đầu quay về Bắc quy tịch, thọ bảy mươi ba tuổi, Tăng lập năm mươi hạ. Đồ chúng phụng toàn thân Sư an táng dựng tháp ở đồi Tây của chùa. Đế ban Sư hiệu Minh Giác Đại Sư. Đệ tử thượng thủ đặc pháp có Thiên sư Thiên Y Nghĩa Hoài... Về già, Sư thương người học chẳng biết đâu tìm về cội nguồn, mới làm bài kệ “vi đạo nhật tồn” rằng:

*Thời gian ba phần đã hết hai
Linh đài một chấm chẳng chịu mài
Tham tiếc theo ngày khư khư sống
Gọi chẳng quay đầu than trách ai!*

Những bài kệ tụng diệu ngữ mở mang tông chỉ của ngài lưu hành khắp tông lâm. Sư nối pháp Trí Môn Quang Tộ, Tộ nối pháp Hương Lâm Trừng Viễn, Viễn nối pháp Thiên sư Vân Môn Văn Yển.

<i>Quý Ty: Hoàng Hựu năm thứ 5</i>	<i>Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 21</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	---	---------------

Tri Chế Cáo Lã Trần ra làm quan ở Hàng châu, đầu tiên xin lấy từ Pháp Trí trở xuống làm đời thứ nhất. Pháp sư thật tướng Phạm Trần tông Thiên thai giáo quán chủ làm Thiên Trúc Khán Kinh viện.

<i>Giáp Ngọ: Chí Hòa năm đầu</i>	<i>Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 22</i>	<i>Tống phong Khổng Nguyễn làm Diễn Thánh Công</i>
--------------------------------------	---	--

<i>Ất Mùi: Chí Hòa năm thứ 2</i>	<i>Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 23. Tháng tám đổi niên hiệu Thanh Ninh</i>	<i>Tây Hạ</i>
----------------------------------	---	---------------

Tháng tám, Khiết Đan Chủ mất, ở ngôi hai mươi lăm năm, thọ bốn mươi một tuổi, thụy là Văn Thành Hoàng Đế, miếu hiệu Hưng Tông. Con ông là Hồng Cơ lên ngôi, đổi năm Trùng Hy năm thứ hai mươi ba thành Thanh Ninh năm đầu.

<i>Bính Thân: Gia Hựu năm đầu</i>	<i>Đại Khiết Đan: Thanh Ninh năm thứ 2</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Đinh Dậu: Gia Hựu năm thứ 2</i>	<i>Đại Khiết Đan: Thanh Ninh năm thứ 3</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Mậu Tuất: Gia Hựu năm thứ 3</i>	<i>Đại Khiết Đan: Thanh Ninh năm thứ 4</i>	<i>Tây Hạ</i>

Định Tổ Đồ: Trong năm Minh Đạo, Đại Sư Minh Giáo Khế Tung theo Âu Dương Phưởng đến nhà ở Long Hưng Tây Sơn, mượn sách trong nhà này về Phụng Thánh viện đọc, nhân thấy Ngũ Giới Thập thiện của nhà Phật thông với Ngũ Thường của Nho gia mà ngài soạn bộ Nguyên giáo. Lúc này Âu Dương Tu (Văn Trung Công) rất thích Hàn Xương Lê (Hàn Văn Công) phỉ báng Phật giáo, Lý Thái Bá ở Hu Giang cũng giống bọn người này, ngài đem những tác phẩm do mình soạn đến gặp Thái Bá để luận những điểm tương đồng giữa Nho và Phật, đồng thời chống lại thuyết của ông ta, Thái Bá thích văn phong của ngài cao xa, phục vì lý lẽ sắc bén, nhân đó Bá gửi thư cho Văn Trung Công, trong thư không ngớt khen ngài, sau đó ngài ngụ chùa Linh Ẩn ở Hàng châu, soạn bộ Chánh Tông Ký, Định Tổ Đồ. Đến lúc này, năm Gia Hựu năm thứ ba, ngài đem sách đến Kinh Sư, qua phủ Khai Phong, ngài dâng tờ trạng cho phủ doãn Vương Tố Trọng Nghi. Trọng Nghi dâng tờ tráp cho Đế rằng: “Nay thần có vị Tăng tên Khế Tung ở chùa Linh Ẩn, Hàng châu đã đến chỗ thần dâng trạng trình bày, rằng Tổ tông truyền pháp trong Thiên môn chưa được rõ ràng lắm, giáo môn học cạn, ai nấy đều chấp vào truyện ký, xưa nay có rất nhiều người bàn cãi. Bởi vậy Khế Tung thảo luận Đại Tạng kinh, có đủ ngọn ngành xuất thế của Tổ tông Thiên môn, nhân đó giảm bớt phần rườm rà, chỉ lấy điều cốt yếu soạn

thành bộ Truyền Pháp Chánh Tông Ký một trăm mười hai quyển và một bản Tổ đồ, nhằm chỉnh những điểm nhầm lẫn trong truyện ký, đồng thời chú thích Phụ Giáo Biên bốn mươi thiên, ấn bản một bộ ba quyển. Nay Thần dâng cho Bệ hạ một bức thư, hoàn toàn không mong cầu ân trạch, chỉ xin cho thần tiến cử. Đối với Phật giáo, thần cũng từng có lưu tâm xem qua văn chương, chú thuật của thầy ấy vốn không phải luận theo ý mình mà nghiên cứu rất kỹ lưỡng, nhân lúc rảnh việc quân cơ, xin bệ hạ để mắt xem qua, mong là được nhiều pháp lạc. Như có thể chọn được, dám xin bệ hạ cho Trung Thư xem kỹ, đặc ân cho nhập Đại Tạng Mục Lục nhằm làm nơi y cứ”.

Để xem thư xong, chuẩn tấu, giao cho Trung thư. Thừa Tướng Hàn Ngụy Công Kỳ, Tham Chánh Âu Dương Văn Trung Công Tu cùng xem và hết lời khen ngợi. Âu Dương Tu nói: “Không ngờ rằng trong Tăng lại có người như vậy, tham cứu kinh điển, khảo chứng sự việc không mấy may nhầm lẫn.” Bởi vậy, triều đình nêu cao danh ngài, ban hiệu là Minh Giáo Đại Sư, cho sách nhập tạng, xong viết tờ tráp rằng: “Chuẩn cho Khai phong phủ Vương Tố tấu, Tăng Khế Tung chùa Linh Ấn, Hàng châu soạn xong Truyền Pháp Chánh Tông hý và Phụ Giáo Biên ba quyển, nên lệnh cho nhập trong Tăng kinh ở Truyền Pháp viện, tráp này giao cho viện Truyền Pháp y thế mà làm.

Oánh Trọng Ôn có lời tán rằng: “Luận chí lý cao xa của ngài Khế Tung đủ để nêu cao giáo hóa rộng khắp, đã qua tiến cử được nhập Đại tạng, vậy công lao duy trì pháp môn như trời trăng sáng mãi. Than ôi! Bọn ta có người cả đời chưa từng đọc qua thì làm sao biết được sự lợi ích sâu xa của nó!”

<i>Kỷ Hợi:</i> <i>Gia Hựu năm thứ 4.</i> <i>Tháng hai cấm buôn</i> <i>trà</i>	<i>Đại Khiết Đan:</i> <i>Thanh Ninh năm thứ 5</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	--	---------------

Âu Dương Tu, Tống Công Kỳ chỉnh sửa xong Đường Thư. Dương Tu soạn tiếp Ngũ Đại Sử bảy mươi bốn quyển, trong Trai Tam Bút của Hồng Mại Dung ghi: “Cựu Đường Thư, Ngũ Đại Sử trong hai bộ sách này nhưng chỗ liên quan đến Phật giáo, Tân thư sử đã lược bỏ hết.

Tháng tư Đế cấp cho con Chu Cung Đế là Sùng Nghĩa Công một ngàn mẫu ruộng để tế tự nhà Chu.

<i>Canh Tý: Gia Hựu năm thứ 5</i>	<i>Đại Khiết Đan: Thanh Ninh năm thứ 6</i>	<i>Tây Hạ</i>
---------------------------------------	--	---------------

Thiền sư Đạt Quán: Sư họ Khâu, húy Đàm Dĩnh, người Tiền Đường, Hàng châu, năm mười ba tuổi, Sư xuất gia ở chùa Long Hưng, hai mươi tuổi vân du đến Kinh sư. Con người của Sư đặc cách, phóng khoáng, hiểu biết sâu rộng, sách sử không gì chẳng đọc văn chương lại càng sắc sảo. Hạ Văn Trang Công Tửng, Vương Văn Khang Công Thự, Âu Dương Văn Trung Công Tu, Tiết độ sứ Lý Đoan đều đến Sư thưa hỏi đạo mâu, tôn Sư làm thầy, cùng hưởng pháp lạc. Họ chép lại lời Sư, lấy tựa là Đăng môn tập. Ban đầu Sư yết kiến Thiền sư Minh An ở Đại Dương, kế đến yết kiến Thạch Môn Thông Công, hầu hạ lâu ngày, khế hợp diệu đạo. Sư về Đông, đầu tiên trụ ở Hương Lô phong, Thư châu; kế đó dời qua Ấn Tĩnh thuộc Nhân Thánh Thái Bình, Nhuận châu rồi Tuyết Đậu ở Minh châu, Kim Sơn ở Nhuận châu. Đến lúc này, đêm giao thừa năm Gia Hựu năm thứ tư, Sư sai thị giả cầm thư chia tay đến học sĩ Điều Cảnh Thuần ở Dương châu. Thư ghi: “Ngày mai phải đi, không rảnh gặp nhau, xin hãy bảo trọng!” Điều thất kinh nói: “Phải làm sao đây!” Và phúc đáp thư sai người đem đi. Người đưa thư đến bờ sông, Sư liền sai đánh trống thượng đường, thuật lại ngọn ngành xuất thế và khuyên đại chúng đừng giải đãi. Sư nói: “Sau khi ta đi, phải thỉnh bổ nhiệm Giám tự Hiền lên thay (Thiền sư Hoài Hiền ở Kim Sơn). Sư xuống tòa, đọc thư Cảnh Thuần xong, quay về phương trượng, đại chúng dìu Sư đi, Sư kiệt già già yếu lâu và quy tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, Tăng lạp năm mươi ba hạ. Sư nối pháp Thiền sư Từ Chiếu Uẩn Thông ở cốc Ấn Sơn, Tương châu, Uẩn Thông nối pháp Thủ Sơn Tĩnh Niệm, Niệm nối pháp Phong Huyệt Diên Chiếu, thuộc Tông Lâm Tế.

Sư từng soạn bộ Tánh Biện, trong ấy ghi: “Hiền thánh xưa nay nói về tánh nhưng chỉ được tình, nói có thể rất ráo lý nhưng không thể tận tánh là tại sao vậy? Vì họ không biết Tam tài (thiên, địa, nhân) vạn vật đều là tánh. Trời là tánh thượng, đất là tánh hạ. Kim thì lợi, thủy thì ướt, mộc thì thẳng, hỏa thì nóng, thổ thì dày, đó là tánh của Ngũ hành. Tóm lại mà nói, quán sát thật kỹ thì tánh của vạn vật rõ ràng thấy được. Nhưng tựu trung, vật linh nhất là con người do âm dương giao hòa mà sinh, biến hóa mà động là tĩnh. Đứng về tình người thì nó rất thuần túy, nên nó có thể thăng lên, có thể giáng xuống, làm Hiền làm Ngu. Người thọ nhận Tánh thượng là quân tử, ngoại tình (tình bên ngoài) không thể

mê hoặc tánh, dù sống cùng với Tiểu nhân nhưng giống như đất đá bám ngoài vàng ngọc. Đến như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang nêu danh muôn đời chính nhờ đương thời giữ địa vị cao, tuân thủ Thường đạo, quán sát tình người tùy thuận tánh của họ mà lập pháp. Kiệt, Trụ, U, Lệ bị giàu sang mê hoặc, đánh mất cái đáng quý, phóng túng tánh mình bị tình dẫn đi. Trời đất tuy vô tình, nhưng bị gió mây bốn mùa thay đổi trạng thái, bị núi sông vạn vật làm loạn dáng hình. Chỉ có con người ở trong đó, vượt thiên thời, tùy địa lợi mà chẳng mất tiết tháo. Thế nên, con người là trung tâm của trời đất. Tình, ý, thức đều khởi nguyên từ tánh, tùy vật hiển bày, nên ngoài việc nó có rất nhiều tên gọi, những điểm khác không thể nào kể hết. Tình là tâm bị dẫn bởi dụng, ý là chí bị ghi nhớ bởi vật, Thức là biết được phân biệt bởi vật, yêu ghét mừng giận đều là tình. Phàm là bậc Đại thánh nhân thì tánh rất kiên định, không bị bên ngoài mê hoặc, không bị tình dẫn dắt. Tánh chế ngự tình, cho nên giáo pháp ta gọi ngày là bậc Chánh giác. Kinh dịch chỉ biết đến thuyết cùng lý tận tánh nhưng chưa thấy được cái đạo ra cổ vào kim. (Theo Tăng Bảo Truyện).

Thiền Sư Thiên Y: Sư họ Trần, húy Nghĩa Hoài, người Lạc Thanh, Ôn Châu. Trưởng thành, Sư vân du đến Kinh Sư, tu tập sự tại chùa Cảnh Đức. Trong năm Thiên Thánh, Sư thi kinh và được độ làm Tăng, chủ trì bảy đạo tràng, về già do bệnh nên Sư về trụ ở Sam Sơn Am, Trì Dương. Đệ tử Sư là Thiền sư Phật Nhật Trí Tài ở Lâm Bình Sơn, Hàng châu đón Sư về phụng dưỡng. Đến lúc này, năm Gia Hựu năm thứ năm, Tài qua Tô châu, Sư giục về mau. Tài đến, Sư nói bài kệ:

*Mặt nhật chiếu Phù tang
Mây lạnh giăng hoa nhạc
Canh ba qua Thiết vi
Bẻ gãy sừng Ly long.*

Tài hỏi: Tháp đã xây xong, thế nào là việc tốt ráo? Sư đưa nắm đấm lên, về chỗ ngủ xô gối thị tịch. Môn nhân dựng tháp Sư trên cao nguyên phía Đông chùa. Sư nói pháp Thiền sư Trùng Hiển Tuyết Đậu. Trong năm Sùng Ninh, Huy Tông ban Sư Thụy Chấn Tông Thiền sư.

<i>Tân Sửu: Gia Hựu năm thứ 6</i>	<i>Đại Khiết Đan: Thanh Ninh năm thứ 7</i>	<i>Tây Hạ</i>
---------------------------------------	--	---------------

Lộ Công Văn Ngạn Bác: Lúc này ông đi sứ đến trấn ở Ngụy Phủ.

Thiền sư Văn Tuệ Trùng Nguyên ngụ ở chùa Thiên Bát ngày nọ đến từ biệt ông. Ông hỏi:

- Thầy già rồi còn muốn đi đâu nữa?

Sư đáp:

Đi nhập diệt.

Ông nói với con là Hữu Phủ:

- Thầy Nguyên nguồn đạo sâu kín, nói cười đều ý vị, là Tăng phi thường, con hãy đến hầu ông ấy.

Hữu Phủ đến nơi thì ông đã ngồi mà thị tịch. Lúc này trời nóng bức, nhưng mùi hương lạ lan tỏa khắp nơi. Khi trà-tỳ, khói có màu trắng toát, xá-lợi vô số. Ngạn Bác tay cầm bình lưu ly trắng do vua ban cho và cầu nguyện: “Có thể được xá-lợi chăng.” Khói chui vào bình, xá-lợi đầy tràn. Từ đó ông càng kính tín, lưu tâm trong kinh điển.

Sư họ Tôn, quê ở Thiên Thừa, Thanh châu, năm mười bảy tuổi xuất gia, hai mươi tuổi thế phát thọ Cụ túc, du phương đến pháp tịch Thiền sư Thiên Y, đốn ngộ huyền chỉ. Thiên y nói: “Người này là con ngựa câu ngàn dặm của nhà ta.” Sư bốn lần thay đổi đạo tràng, đi đến đâu Tăng tục đều kính ngưỡng. Sư nối pháp Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài.

Hội Chánh Ký: Do Luật sư Doãn Kham trừ tác. Ngài quê ở Tiền Đường, từ nhỏ theo Thiên Thai Sùng Giáo Đại Sư Tuệ Tư xuất gia, học thông kinh điển, chuyên trì Luật bộ. Từ năm Khánh Lịch, Hoàng Hựu đến nay, ngài dựa vào giới luật dựng giới đàn ở những nơi như: Đại Chiêu Khánh ở Hàng châu, Khai Nguyên ở Tô châu, Tĩnh Nghiêm ở Tú châu. Hằng năm ngài đều độ Tăng, cầu phước cho Quốc chủ. Ngài soạn Hội Chánh Ký vv... Gồm mười hai bộ, kế thế truyền giảng Luật tạng của Nam Sơn Tuyên Luật Sư. Từ ngài về sau có Luật sư Linh Chi Nguyên Chiếu kế thừa tông này. Ngày hai mươi sáu tháng mười một năm này, ngài quy tịch ở Chiêu Khánh, môn nhân dời tháp về Bồ-đề ở Tây Hồ, ngài hiệu là Chân Ngộ Trí Viên Đại Luật Sư.

<i>Nhâm Dần: Gia Hựu năm thứ 7</i>	<i>Đại Khiết Đan: Thanh Ninh năm thứ 8</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	--	---------------

Thiền sư Vân Phong: Sư họ Từ, húy Văn Duyệt, quê ở Long Hưng, bảy tuổi thế phát xuất gia tại chùa Long Hưng. Sư đáng người thanh tú, kiến thức phi phàm. Năm mười chín tuổi, vân du tham vấn khắp Tôn túc ở Giang Hoài, nhưng ý muốn đến Thiền sư Kim Loan ở Kinh châu,

Đại Ngu ở Thụy châu. Đầu tiên, Sư đến Đại Ngu, thấy Thiền sư Chi ở nhà dột vách xiêu, hoang lạnh như nhà ma, Chi tự làm nón ngày ngày vào làng xóm, tối mịt mới về đóng cửa ngủ khò. Sư thất vọng muốn đi nơi khác. Thiền sư Thủ Chi liền thượng đường nói: Mọi người tụ tập ở đây cùng ăn rau dưa, gọi là một cọng rau nhưng vào địa ngục nhanh như tên bắn.

Nói xong, Chi xuống tòa, Sư kinh hãi. Tối đó, Sư đến phương trượng, Chi hỏi:

- Ông đến đây cầu cái gì?

Sư đáp:

Cầu tâm pháp Phật.

- Ta không rảnh nhịn đói, đâu rảnh nói pháp cho ông, ông hãy đi xin cơm cho đại chúng đi.

Sư liền xin đi. Không lâu sau đó, Chi dời về Thúy Nham ở Tây Sơn, Sư đi theo. Sư vào phương trượng, Chi nói:

- Ông lại muốn cầu tâm pháp Phật chứ gì! Ông không thấy vừa đến đây ở, nhà cửa sơ sài mưa dột tuyết phủ, ta chịu lạnh không nổi, đâu thể nói pháp cho ông. Phật pháp chưa nghe thì lạnh nứt chân rồi, ông nên đi kiếm than cho đại chúng sưởi đi.

Sư vâng mệnh đi xong, trở về. Lúc này đạo tràng thiếu chức Duy-na. Sư đến phương trượng, Thủ Chi nói:

- Phật pháp chẳng ngại nát chân, đạo tràng còn thiếu một chức, nay phải phiên ông.

Sư tỏ vẻ thất vọng muốn bỏ đi, nhưng nghĩ công lao bấy lâu, lẽ đâu bây giờ dừng lại. Sư dè nén nổi hận với Chi và ra nhà sau gánh nước. Đòn gánh bỗng gãy, thùng rơi xuống đất, Sư hoát nhiên đốn ngộ, thấy được chỗ dụng trước đây của Thủ Chi. Sư liền đắp y chạy thẳng đến phương trượng, Chi đã đón Sư, cười nói:

- Duy-na vui nhỉ, việc lớn xong rồi!

Sư lạy hai lạy, mồ hôi ra ướt đầm. Sư ở lại hầu hạ tám năm, Chi mất, Sư về Đông, vân du sang Tam Ngô, đi đến đâu, tông lâm đều thay đổi cách nhìn. Thiền sư Trùng Hiển Tuyết Đậu rất kính sợ Sư, mỗi khi nhóm chúng uống trà đều đặt ngay một sàn tòa biểu thị lòng tôn kính đặc biệt. Di Văn ở Nam Xương thỉnh Sư trụ ở Thúy Nham, sau Sư dời về Vân phong. Sư thượng đường nói:

Nói năng chẳng lìa hang ổ thì làm sao ra khỏi trời buộc. Mảng mây che ngang miệng cốc làm mê nguồn biết bao người, nên nói: “Nói năng không tỏ việc, lời nói chẳng kể cơ, người chạy theo nói năng thì

mất mạng, kẻ chấp văn cú thì mê lầm, đến chỗ này các ông dựa vào lời nào mà hiểu. Giây lâu Sư nói tiếp: “Muốn được không chiêu nghiệp Vô gián, chớ chê Như Lai Chánh pháp luân.

Sư thượng đường nói: “Loài hữu tình lấy biến trí làm nguồn, giống hàm thức lấy pháp thân làm thể. Chỉ vì tình sinh nên cách trí, tâm loạn nên khác thể. Đạt được ngọn ngành, tình quên thì biết tâm thể hợp. Chư Thiên đức hiểu không? Phật xưa tiếp nối với lô trụ, độn Phật ứng hiện với lồng đèn, nếu cũng không hiểu thì tự mình thương lượng lại.”

Đến lúc này, ngày tám tháng bảy năm Gia Hựu năm thứ bảy, Sư thăng tòa từ biệt đại chúng, nói kệ rằng:

*Trụ thế sáu mươi sáu năm
Làm Tăng năm mươi chín hạ
Dòng thiền nếu hỏi chỉ quy
Lỗ mũi đầu thường hướng xuống.*

Nói xong, Sư an nhiên quy tịch. Chúng trà-tỳ thâu xá-lợi ngũ sắc, dựng tháp phía Bắc Vũ Khê. Sư nối pháp Thiền sư Đại Ngu Thủ Chi, Chi nối pháp Phần Dương Thiện Chiêu, Chiêu nối pháp Thủ Sơn Tĩnh Niệm.

<i>Quý mỗ: Gia Hựu năm thứ tám. Tháng ba, Đế mất</i>	<i>Đại Khiết Đan: Thanh Ninh năm thứ 9</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	--	---------------

Anh Tông: Húy Thự, con Bộc Vương, cháu Thái Tông, lên ngôi năm ba mươi ba tuổi, ở ngôi bốn năm, thọ ba mươi bảy tuổi. Niên hiệu Trị Bình bốn năm.

<i>Giáp Thìn: Trị Bình năm đầu</i>	<i>Đại Khiết Đan: Thanh Ninh năm thứ 10</i>	<i>Tây Hạ: cướp phá biên cảnh nước Tống</i>
<i>Ất Tỵ: Trị Bình năm thứ 2</i>	<i>Đại Khiết Đan: Hàm Ung năm đầu</i>	<i>Tây Hạ</i>

Mùa Thu, mồng ba tháng tám, đô thành mưa dầm, nước tràn lai láng Đế xuống chiếu cầu người can gián. Tể tướng Tăng Công Lượng từng nhân đó mà bày tỏ, Hàng châu Thẩm Văn Thông bẩm tấu: “Tượng Bồ-tát Quán Thế Âm trong Thiên Trúc Khán Kinh Viện kể từ đời Thạch Tấn đến niên hiệu Trị Bình này ban phước cho thiên hạ, ban huệ cho muôn dân, linh tích xưa nay rất nổi tiếng,” được Đế ban cho tên mới là Thiên Trúc Linh Ứng Quán Âm Viện. Đoan Minh điện học sĩ, Lễ bộ thị lang Sái Tương kế thế giữ ấn này, tất cả chùa viện đều được treo tên mới.

<i>Bính Ngọ: Trị Bình năm thứ 3</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ hai, Khiết Đan lại đổi hiệu là Liêu</i>	<i>Tây Hạ cướp phá biên cảnh nước Tống</i>
<i>Đình Mùi: Trị Bình năm thứ tư. Tháng giêng, Đế mất.</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 3</i>	<i>Tây Hạ</i>

Tháng giêng, Đế hạ chiếu những chùa viện tự xây trong cả nước gồm ba mươi hai nơi đều được giữ nguyên, và đều được ban cho một tên chung là Thọ Thánh.

Thần Tông: Húy Húc, con Anh Tông, lên ngôi năm hai mươi tuổi. Tính ông nhạy bén, cầu an, mất trong lúc điên loạn, ở ngôi mười tám năm, thọ ba mươi tám tuổi. Niên hiệu Hy Ninh mười năm, Nguyên Phong tám năm. Phật giáo truyền về Đông được ngàn năm.

<i>Mậu Thân: Hy Ninh năm đầu</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 4</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Kỷ Dậu: Hy Ninh năm thứ 2</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 5</i>	<i>Tây Hạ: Tống sách phong Bình Thường làm Hạ Quốc chủ</i>

Thiên sư Hoàng Long: Sư họ Chương, Húy Tuệ Nam, quê ở Tín châu, cùng Thiên sư Bật Đàm Hoài Trừng phân tòa tiếp người, tiếng tăm chấn động khắp nơi. Nhân dịp cùng Thiên sư Vân Phong Văn Duyệt vân du đến Tây Sơn, ban đêm hai người luận về đạo pháp của Vân Môn.

Vân Phong nói: “Thầy Trùng tuy là con cháu Vân Môn nhưng pháp đạo khác xa”. Sư hỏi khác chỗ nào, Vân Phong đáp: “Vân Môn như đan sa qua chín phen luyện, nhỏ vào sắt, sắt biến thành vàng. Ông Trùng như thuốc vĩnh ngân chỉ để nhìn chơi, đặt vào lò thì tan chảy.

Sư nổi giận lấy gối ném Vân Phong. Hôm sau, Phong xin lỗi và nói:

Chí khí Vân Môn như vua cam chịu tử ngữ sao! Có pháp trao cho người, đó là tử ngữ. Tử ngữ hay làm sống người được sao!

Sư hỏi:

Nếu vậy thì ai là người hợp ý ông?

Phong đáp:

Thạch Sương Sở Viên thủ đoạn hơn hẳn các nơi, ông nên đến mà gặp.

Sư liền đi. Nửa đường nghe nói Từ Minh chẳng có việc, hễ có thì xem thường mọi người. Sư liền lên Hoàn nhạc yết kiến Thiền sư Hiền ở Phước Nghiêm. Hiền sai Sư làm Thư ký. Chợt Hiền quy tịch, Quận thú thỉnh Từ Minh đến trụ trì. Từ Minh vào viện thường chê các nơi mỗi việc đều là tà giải. Sư cho Minh là người có khí khái nên vào thất yết kiến. Từ Minh nói:

- Thư ký dẫn đồ chúng du phương, giả Sử có nghi thì nên ngồi xuống thương lượng.

Sư thành khẩn tha thiết cầu chỉ dạy, Từ Minh hỏi:

- Ông học Thiền của Vân Môn, chắc hẳn giỏi về ý chỉ ấy, như nói: “Tha Động Sơn ba mươi gậy”, Động Sơn có ăn gậy hay không?

Sư đáp:

Có ăn gậy.

Từ Minh nghiêm nghị nói:

- Từ sáng đến tối, nghe kết kêu quạ hót vậy đều phải ăn gậy.

Sư liền đốt hương đánh lễ. Từ Minh ngồi ngay thọ nhận. Từ Minh hỏi:

Triệu Châu nói với bà lão ở Đài Sơn: “Ta bị bà khám phá rồi.”
 Hãy nói xem đâu là chỗ ông ta bị bà lão khám phá?

Sư toát mồ hôi, không thể đáp được. Hôm sau Sư lại đến, Từ Minh luôn miệng mắng chửi. Sư hỏi:

- Chửi mắng lẽ đâu là pháp thí của Từ Minh sao?

Từ Minh hỏi:

Ông có biết chửi không?

Sư hoá nhiên đại ngộ, làm bài tụng:

*Giới vượt tông lâm là Triệu Châu
Lão bà khám phá có nguyên do
Ngày nay bốn biển trong như kính
Bộ hành thôi chớ ghét con đường.*

Sư trình Từ Minh, Minh hứa Khả. Về sau, Sư khai pháp ở Đồng An. Ngày đầu tiên thọ thỉnh, Bụt Đàm đến, Tăng có lời đề xướng, Sư nói:

- Biển trí không tánh, do giác vọng mà thành phàm, giác vọng vốn rộng, ngay phàm tâm mà thấy Phật, tùy ông tiến thủ sẽ bảo Đồng An không phân hợp, tùy ông điên đảo theo sở dục mà có Nam có Bắc.

Tăng đem việc này nói với Trừng, Trừng không vui. Sư trụ ở Hoàng Long, trong thất bày ba chuyển ngữ: Người đều có sinh duyên; Sư đưa tay nói: “Tay tôi sao giống tay Phật?” Sư duỗi chân nói: “Chân tôi sao giống chân lừa?” Tông lâm gọi đây là ba cửa của Hoàng Long. Sau Sư dời về Hoàng Bá. Sư nối pháp Từ Minh Sở Viên. Đến lúc này giờ Ngọ ngày mười bảy tháng ba năm Hy Ninh năm thứ hai, Sư dùng cơm với khách xong, đứng dậy về trước phòng ngủ, đại chúng đứng hầu nghiêm cẩn, Sư kiết già ngồi thẳng thị tịch. Lúc trà-tỳ có xá-lợi ngũ sắc, môn nhân dựng tháp trước núi, thụy là Phổ Giác Thiền sư. Đệ tử truyền thừa gồm: Chân Tịnh Khắc Văn, Đông Lâm Thường Tổng, Hối Đường Tổ Tâm.

Thiền sư Phật Ấn: Sư họ Lâm, húy Liễu Nguyên, tự Giác Lão, người Phù Lương Nhiêu Châu, vốn theo Nho học, từ nhỏ xuất gia tại chùa Bảo Tích, lạ Sa-môn Nhật Dụng làm thầy, thi kinh Pháp Hoa được thọ Cụ túc. Sư vân du đến Lô Sơn yết kiến Thiền sư Thiện Tiêm, ở Khai Tiên, Tiêm rất ngợi khen. Năm mười bảy tuổi, Sư đến yết kiến Thiền sư Viên Thông Cư Nột, Cư Nột cho Sư làm thư ký. Thiền sư Hoài Liên Ứng chiếu vào kinh, Sư thế vào chức của Hoài Liên. Năm hai mươi tám tuổi, Sư trụ ở Thừa Thiên, Giang châu, làm người nối pháp của Khai Tiên. Từ Thừa Thiên, Sư dời qua những nơi như: Đẩu Phương ở Hoài châu; Khai Tiên, Quy Tông ở Lô Sơn; Kim Sơn, Tiêu Sơn, Gianh Tây ở Nhuận châu; Đại Ngưỡng ở Viên châu. Sư trụ ở Vân Cư bốn mươi năm, đức bủa khắp Tăng tục. Hàn lâm Tô Thức bị biếm đến Hoàng châu, lúc ấy Sư trụ ở Lô Sơn, Quy Tông và Hoàng châu cách nhau một con sông, hai người thường đối đáp văn chương. Ngày bốn tháng giêng năm Nguyên Phù đời Triết Tông, Sư cáo biệt đại chúng, mỉm cười thị tịch, thọ sáu mươi bảy tuổi, Tăng lập năm mươi hai hạ. Sư nối pháp Khai Tiên Thiện Tiêm, Tiêm nối pháp Đức Sơn Thừa Viễn, Viễn nối

pháp Song Tuyền Úc, Úc nổi pháp Vân Môn Văn Yến.

<i>Canh Tuất: Hy Ninh năm thứ 3</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 6</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	--	---------------

Trịnh Công Phú Bậc đi sứ đến trấn Hào châu, ông được đón đến Hoa Nghiêm Dĩnh châu cùng luận tâm pháp với Thiền sư Chứng Ngộ Tu Ngung. Đến khi cáo quan quy ẩn ở Lạc Dương, ông dùng kệ tụng gửi Thiền sư Tông Bản Viên Chiếu ở Tô châu rằng:

*Từng gặp thầy Ngung tỏ ngộ sâu
Nhân duyên thầy tổ truyền tâm nhau
Đông nam luống nói non sông rộng
Mắt thấy linh quang hợp đạo mầu.*

Và ông viết thư rằng: “Bậc tôi lưu tâm trong Tổ đạo vốn lâu rồi, nhưng thường hận chẳng gặp người mắt sáng khai mở chỗ mê mờ. Dù từ lâu đã nghe danh các bậc đạo cao nhưng chưa từng được gặp học. Hôm qua tôi may mắn được ra giữ đất Hào vốn tiếp giáp với Dĩnh châu, nhờ người trong làng là Trương Tử Bộ Cảnh Sơn thỉnh được thầy Ngung hạ cố gặp nhau gần một tháng, nhờ sức phương tiện từ bi khiến tôi được tỏ ngộ. Gặp lúc kết hạ gần kề, đầu tháng tư tôi phải về đất Dĩnh, nói đến việc dùi mài buông bỏ, rõ ràng tôi chưa mấy công phu, lại khổ nỗi già yếu bệnh tật, mê muội khó vào. Xưa Thiền sư Cổ Linh từng nói: “Chẳng hẹn”, đến lúc già thế này được nghe việc cực tặc, đó là cái thấy của Bậc tôi hôm nay, thật may mắn, may mắn! Bậc tôi tuy đặc pháp với thầy Ngung nhưng vốn từ lão Hòa thượng mà đến, đạo mầu của tông phái ắt phải giữ gìn, mong thầy thù từ nhiếp thọ, xa ban dẫn dắt khiến chưa đến liền đến, như vậy chẳng khác Bàn Uẩn dưới trướng Nam Nhạc, Bùi Hưu dưới trướng Bá Trượng vậy.

* Triệu Thanh Hiến Công Biện lúc chưa làm quan kết thâm giao với Thiền sư Thiên Bát Trùng Nguyên ở Bắc Kinh, luận đàm tâm pháp. Ngày ông nhậm chức ở Thanh châu, chợt nghe tiếng sấm mà tỉnh ngộ, liền làm bài kệ:

*Ăn lộc công đường mình ngồi vững
Tâm chẳng động lay, yên như nước
Một tiếng sấm vang thấu đánh môn
Chợt nhận rõ ra mình từ trước,
Ngẩng thấy trời xanh vui càng vui
Sát sát trần trần đều chung bước*

*Người hạ trung hạ chẳng được nghe
Diệu dụng thần thông nay đã được.*

Ông trả lời thư cho Trịnh Công Phú Bạc, đại loại rằng: “Gần đây tôi giao lại ngài Tiết Bản Truyền Đăng ba quyển, nay xin có mấy lời. Hiện nay, Thừa Chế Tống Uy đã bỏ đi hơn bảy xấp và Hoàng thượng đã thu nhận. Biện tôi trộm nghĩ, pháp truyền riêng ngoài giáo của Thánh nhân Tây phương không phải thi thiết cho căn cơ bậc trung hạ. Người thượng trí thì đốn ngộ mà thể nhập, một được thì vĩnh viễn được. Kẻ ngu thì mê mờ chẳng nhận lại, từ đó mà ngàn sai thì muôn khác. Chỉ có Phật và Tổ lấy tâm truyền tâm, còn việc lợi sinh tiếp vật chẳng qua là việc bắt đắc dĩ. Vì vậy mà có vô số phương tiện như: Gậy, hét, nắm tay, nhượng mảy, chớp mắt, thoi đánh, dựng phất tử, nói năng, văn tự... Cách Thánh càng xa, học giả các nơi quên gốc theo ngọn, bỏ nguồn theo sóng, mênh mang vô định, thật đáng thương xót! Biện tôi bất tài, đầu mùa thu năm ngoái trụ ở Thanh châu, nhờ tỉnh ngộ mà biết đôi chút, rằng bản tánh không thiếu không thừa. Người xưa cho là pháp môn an lạc, quả thật không ngoa! So với thái phó thị trung theo cầu Thiền ngữ, Biện tôi vốn xuất thân trong dòng chịu ân, nghe được càng vui mừng khôn xiết. Cúi mong chấp sự giàu sang tốt bực như thế, đạo đức hưng thịnh như thế, phước thọ khang ninh đủ đầy như thế, lui về ẩn dật thanh cao như thế. Điều mà tôi chưa mấy lưu tâm là Như Lai chỉ vì đại sự nhân duyên mà thôi. Ngày nay về lại chân tánh có chút ngộ nhập, Biện này dám tự khen trong môn hạ”.

Đến lúc này năm Nguyên Phong năm thứ hai Thanh Hiến Công Thôi không giữ chức thái tử thiếu bảo nữa, lui về ở ẩn tại Cù châu, dung mạo địa vị chẳng khác dân trong làng. Ông dựng am lấy tên là Cao Trai, và làm bài kệ kiến ý rằng:

*Lưng thất vàng ròng đã vất rồi
Vui buồn trong ấy cũng thường thôi
Người nay muốn biết Cao Trai lão
Ấy là Triệu Tít ở Kha thôn.*

Ông lại tự mình mừng thọ mình rằng:

*Chánh sự đã xong, tuổi bảy hai
Sau trăm tuổi, ẩn núi
Chân pháp thân, chẳng tức chẳng ly
Đầy ấp đại thiên, hiện khắp trí
Chẳng thể giấu che, không thể để
Những lời mừng thọ, như thế thôi.*

Ông mất vào mùa Thu tháng tám năm Nguyên Phong năm thứ bảy.

<i>Tân Hợi:</i> <i>Hy Ninh năm thứ 4</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Hàm Ung năm thứ 7</i>	<i>Tây Hạ: tháng mười</i> <i>một, Hạ chủ xin cầu</i> <i>hòa với Tống</i>
---	--	--

Mùa Hạ tháng sáu, Âu Dương Tu thôi không giữ chức Quán văn điện học sĩ Thái tử thiếu sư, lui về ở ẩn tại Dĩnh châu. Ông cho văn chương đạo đức là tông thú của nhà Nho, trong lòng tuy nhất quán nhưng lời nói thì phỉ báng Phật giáo. Nhân Tông, năm Gia Hựu năm thứ năm, ông giữ chức Khu mật phó sứ; năm thứ sáu tháng tám nhuận, ông giữ chức Tham tri chánh sự kiêm Dịch kinh nhuận văn sứ. Sau lên đến Nhị Phủ, ông bệnh hoài, từng mộng thấy mình đến một nơi có mười người đều đội mũ miện ngồi vòng tròn, một người hỏi:

- Tham Chánh sao lại đến đây, nên về nhà mau đi!

Ông ra khỏi cửa mấy bước, quay lại hỏi:

- Các ông không phải là Thập Vương mà nhà Phật nói đến đó chẳng?

Họ đáp:

- Đúng vậy.

Tu hỏi:

- Người thế gian cúng Tăng, viết kinh quả có ích chẳng?

Họ đáp:

- Sao lại không? Tỉnh mộng, bệnh ông bớt dần, từ đó Dương Tu tin sâu Phật pháp.

Đan Dương Cát Thắng Trọng nghe thuyết này từ Giả Trai Trần Dự Nghĩa, Dự Nghĩa nghe được từ cháu ông ấy tên là Thứ. Đây là thuyết có thật.

<i>Nhâm Tý: Hy Ninh</i> <i>năm thứ 5</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung</i> <i>năm thứ 8</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	--	---------------

Pháp Sư Thật Tướng Phạm Trấn ngụ cư chùa Hưng Giáo ở Nam Bình, Hàng châu trong năm này Thông Thú Tô Thức rất kính ngưỡng ngài.

Thiền sư Bạch Vân: Sư họ Cát, húy Thủ Đao, quê ở Hoàn

Dương, từ nhỏ làm thư sinh, đến hai mươi tuổi theo Úc Thiên sư ở Trà Lăng xuất gia, đến tham vấn Dương Kỳ. Một hôm, Dương Kỳ chợt hỏi:

- Thầy ông là ai?

Sư đáp:

- Hòa thượng Úc ở Trà Lăng.

Kỳ hỏi:

- Ta nghe ông ấy qua cầu bị té mà tỉnh ngộ, có làm bài kệ, ông nhớ không?

Sư đọc:

*Ta có một viên Minh châu
Vùi trong bụi trần đã lâu
Sáng nay bụi sạch chiếu sáng
Soi tỏ núi sông muôn màu.*

Dương Kỳ cười rồi đứng dậy bỏ đi. Sư kinh ngạc cả đêm không ngủ. Sáng hôm sau Sư đến hỏi nguyên do, gặp lúc cuối năm, Kỳ hỏi:

- Ông có thấy mấy người trong gánh hát hôm qua không?

Sư đáp:

Thấy

Kỳ nói:

Ông còn thua họ một bậc.

Sư lại kinh ngạc hỏi:

Ý là thế nào?

Kỳ đáp:

Họ thích người ta cười, ông lại sợ người ta cười.

Sư hoát nhiên đại ngộ, hầu hạ thời gian rồi cáo từ vân du đến Lô Sơn. Thiên sư Viên Thông Cư Nột cử Sư trụ trì Thừa Thiên, tiếng tăm Sư vang dội. Sư lại nhường Viên Thông dời qua các đạo tràng như: Pháp Hoa, Long Môn, Hưng Hóa, Hải Hội. Đi đến đâu học chúng đông vô kể. Đến lúc này, năm Hy Ninh năm thứ năm, Sư quy tịch, thọ bốn mươi tám tuổi. Sư nối pháp Dương Kỳ Phương Hội, Hội nối pháp Từ Minh Sở Viên.

<i>Quý Sư: Hy Ninh năm thứ 6</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 9</i>	<i>Tây Hạ: Tháng ba, Tây Hạ Cướp Tần Châu.</i>
----------------------------------	------------------------------------	--

Mùa thu, ngày mười bảy tháng bảy, Đại Sư Hải Nguyệt Tuệ Biện ở chùa Thiên Trúc Linh Sơn dậy sớm tắm rửa, cáo biệt đại chúng rồi kiết già quy tịch. Hàng châu Thông Thú Tô Thức đến điếu ngài bằng ba bài thơ, viết lời tựa tán thán ngài. Hậu duệ của ngài có Đại Sư Tuệ Tịnh Tư Nghĩa. Nghĩa có bốn đệ tử là: Đức Hiền, Trọng Nguyên, Vĩnh Trạm, Tuệ Nhật đều nối nhau làm chủ pháp tịch. Đệ tử của Trọng Nguyên có Đại sư Từ Minh Tuệ Quán kế thế Tuệ Nhật trụ trì. Tuệ Quán thu thập thi văn của Từ Vân Sám Chủ làm thành bộ Linh Uyển Kim Viên Thiên Trúc ba tập.

<i>Giáp Dần: Hy Ninh năm thứ 7</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 10</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Ất Mão: Hy Ninh năm thứ tám. Ban hành lịch Phụng Nguyên</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 11</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Bính Thìn: Hy Ninh năm thứ 9</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 12</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Đinh Tỵ: Hy Ninh năm thứ 10</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 13</i>	<i>Tây Hạ</i>

Kinh Quốc Công Vương An Thạch: Quê ở Lâm Xuyên, mùa Đông tháng mười hai năm Hy Ninh năm thứ ba, ông được phong thừa tướng. Mùa Hạ tháng tư năm năm thứ bảy, trời không mưa, ông bị bãi tướng. Tháng hai năm thứ tám, ông được tái tướng lại. Năm thứ chín (trong Đế Kỷ vốn dùng tháng) An Thạch cáo quan quy ẩn ở Kiến Khang. Năm thứ mười, ông tâu xin sửa nhà cũ ở Kiến Khang làm Thiền tự, thỉnh Khắc Văn trụ trì. Đế ban chùa hiệu Báo Ninh, ban cho Văn hiệu Chân Tịnh Thiền sư. Văn vốn là Thiền sư Bảo Phong Vân Am ở Long Hưng. Sư họ Trịnh, húy Khắc Văn, quê ở Thiểm Phủ, tham vấn Thiền sư Hoàng Long Tuệ Nam, trực nhận yếu chỉ, nối pháp Tuệ Nam. Đến ngày rằm tháng mười đời Huy Tông niên hiệu Sùng Ninh năm đầu, Sư đem hết vật dụng phân phát cho đại chúng, nửa đêm tắm rửa thay áo, kiết già thị tịch khói lửa ngũ sắc bay đến đâu nơi ấy đều có xá-lợi. Đồ chúng phân cốt an táng ở Tân Phong, Bột Đàm.

Kinh Quốc Công nói với Thiền sư Pháp Tuyên Phật Tuệ ở Tương Sơn: “Thế Tôn niêm hoa, Ca-diếp mỉm cười. Tôi có lần đọc qua sử sách, chợt gặp bộ kinh Đại Phạm Vương Vấn Phật Quyết Nghi ba quyển, có

đoạn: “Trên pháp hội Linh Sơn, Phạm Vương dâng cúng Phật cành hoa Ba-la màu vàng, thỉnh Phật thuyết pháp. Thế Tôn lên tòa, đưa cành hoa lên trước đại chúng. Cả trăm vạn trời người đều ngơ ngác, chỉ riêng Ca-diếp phá nhan mỉm cười, Thế Tôn nói: “Ta có chánh pháp nhân tạng Niết-bàn diệu tâm, truyền cho Ca-diếp rồi!”

Thiền sư Phật Tuệ: Sư họ Thời, húy Pháp Tuyên, quê ở Tuyền châu, từ nhỏ xuất gia, xem khắp sử sách, đọc qua liền thuộc, nên Sư có hiệu là Tuyên Vạn Quyển. Sư tham vấn khắp Thiện tri thức, Huyền cơ đỉnh ngộ, ứng thế trụ trì, nhiều lần ở những chùa nổi tiếng. Lúc trụ ở Tường Sơn, ngày nọ, trời đổ tuyết, Sư thượng đường, gọi đại chúng đến và hỏi: “Còn có màu gì hơn màu này không?” Giây lâu Sư nói:

*Văn-thù cười, Phổ Hiền thì giận.
Trong mắt không gân một đời nghèo
Gặp nhau nói hết, nghỉ làm quan.
Rừng sâu chẳng thấy một người nào.*

Sư thượng đường nói:

*Người mau một lời
Ngựa lẹ một roi
Nếu thay con mắt
Chưa thoát định động
Trong giấy gai buộc
Dưới chân là đất
Trên đầu là trời
Chẳng tin chỉ nhìn
Tháng tám, chín rớt bời
Lá vàng khắp núi sông.*

Về già, Sư ứng chiếu trụ ở Đại Tướng Quốc, Trí Hải Thiền tự trong kinh thành. Sư thượng đường hỏi chúng: “Đến Trí Hải, trụ Tường sơn, thế nào là phải?” Đại chúng chẳng biết đáp. Sư liền về phương trượng cầm bút viết bài kệ:

*Phi tâm phi Phật nghĩ bàn sông
Được da được tủy lưỡng thương lợng
Sắp đi trên trọng chut Thiền đức
Núi xanh ngoài cửa đang về chiều.*

Sư ném bút, kiết già quy tịch. Sư trở về bẩm báo, Đế than tiếc, hạ chiếu ban cho Sư thụy Phật Tuệ Thiền sư. Sư nói pháp Thiền sư Vân Cư Hiểu Thuấn, Thuấn nói pháp Động Sơn Hiểu Thông, Thông nói pháp Văn-thù Ứng Chân, Chân nói pháp Đức Sơn Tông Mật, Mật nói pháp

Vân Môn Văn Yến. Sư từng trừ tác tập Bắc Mang Hành, trong ấy ghi:

*Núi trước núi sau cao chót vót
Xe tang lộc cộc ngày ngày qua
Bi ca u ám vang dậy núi
Người nghe ngậm xót khúc vô thường
Một tiếng ca sầu ngàn năm biệt
Con hiếu cháu hiền lệ như mưa
Thế gian muôn vật nào bền chắc
Biển lớn Tu-di rớt cũng mòn.
Đời người như sương móc dễ tan
Xưa nay có gặp ắt phân ly
Khổ vui ai cảm nào tạm nghỉ
Hà hướng trăm năm kinh mộng gì.
Người đi biển biệt chẳng quay lại
Người nay chẳng hiểu ý người xưa
Trông từng dựng đá che cửa mộ
Muốn vì người chết tính lâu dài.
Hồn phách vất vưởng thân ra đất
Xuống lên chìm nổi trong năm đường
Người nay chôn trên mộ người xưa
Mộ nay mộ xưa ai là chủ.
Trong thành Lạc Dương ngàn vạn người
Chết làm đất núi Bắc Mang đây
Ngu mê chẳng nhớ đường quay lại
Nên anh một mình thường than khổ.
Ngày xưa dọc đường khóc tiễn người
Nay thì mộ lẻ giữa cỏ hoang
Ma mị đào mồ chôn con cháu
Nhà nông bới cốt tìm trâm châu.
Cây cối xum xuê gió hoang thét
Mồ mả đông tây nhìn hút mắt
Hàn thực qua rồi ai tế tự
Hoa dại bên mồ nở lẻ loi
Ngày tháng xô nhau như thoi đưa
Hiên ngu nghèo giàu đều như vậy
Nếu được cùng về Thường lạc bang
Dẫu qua kiếp hỏa không sống chết.*

Mùa hạ, Kinh Phụ đại hạn, Để ăn chay cầu khẩn rất kính cẩn, ban

đêm mộng thấy vị Tăng cỡi ngựa trên không trung, miệng phun ra mây mù; lát sau quả nhiên mưa to. Để vui mừng cho tạc bức tượng của Tăng ấy. Đó chính là Tôn giả năm thứ mười ba trong số năm trăm La-hán được thờ ở Sơn Môn Các của chùa Tướng Quốc trong kinh thành. Tế tướng Vương Khuê tán thán bằng câu thơ:

*Quốc chủ cầu mưa nhìn trời khẩn
Thần Tăng hóa mống ứng tinh cầu.
Tham Chánh Nguyên Giáng tán thán:
Tiên mã cỡi mây lan đất thấp
Phật hoa phun nước khắp trời dày.
Mọi người đều tranh nhau đọc.*

<i>Mậu Ngọ: Nguyên Phong năm đầu</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 14</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	---	---------------

Pháp sư Nam Sơn ở Hàng châu: Ngài thông minh đỉnh ngộ, hạnh giải xuất chúng, được nhập thất của Tôn giả Tứ Minh Pháp Trí. Mỗi lần ngài trì chú Đại bi đủ một trăm lễ tám biến mới nghỉ, từng mộng thấy Bồ-tát Quán Âm cỡi ca-sa đắp cho mình. Mùa thu tháng ba năm này, ngài truyền Bồ-tát giới cho Linh Chi Nguyên Chiếu và hơn ngàn tăng tục khác tại Lô Phong. Vừa yết-ma, tượng Quan Âm bỗng phóng quang, ban đầu như vòng sáng dần dần tan biến, đèn đuốc, ánh trăng trong chùa đều bị vòng sáng này làm lu mờ. Thiền sư Tịnh Từ Pháp Chân soạn bài Chứng Giới Quang Ký, Mễ Phát viết, Pháp sư Nguyên Tịnh Biện Tài ở Long Tỉnh lập bia.

<i>Kỷ Mùi: Nguyên Phong năm thứ 2</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 15</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	---	---------------

Mùa Đông, ngày hai mươi tháng mười, Từ Thánh Quang Hiến, thái hoàng Thái hậu Tào thị mất. Để thỉnh Thiền sư Tịnh Nhân Đạo Trăn vào cung Khánh Thọ thăng tòa thuyết pháp. Tăng hỏi:

- Từ Thánh du tiên định về cõi nào?

Sư đáp:

*Nước chảy về trong biển
Trăng lặn chẳng lìa trời.*

Cả triều đình đều kính phục vì cho Sư trả lời rất hay. Để vui mừng,

ban thưởng ngài rất hậu. Đến khi Thần Tông băng hà, Triết Tông hạ chiếu đặng đàn thuyết pháp ở điện Phước Ninh. Chiếu ghi: “Thiền sư Đạo Trăn đức hạnh cao vời, đáng được tặng hiệu Tịnh Chiếu Thiền Sư.”

Thiền sư Đạo Trăn: Ngài họ Đái, tự Bá Tường, quê ở Cổ Điền, Phước châu. Từ nhỏ ông đã không ăn mặn, mười bốn tuổi xuất gia tại viện Thượng Sinh, sáu năm sau thọ giới Cụ túc. Ngài xem Kinh Luận Tiểu thừa, Đại thừa, đặt sách xuống nói: “Đây chỉ là lời phượng tiện mà thôi!” Ngài liền trì bát đến vùng Giang Hoài, tham vấn các bậc Tri thức, nhận được diệu chỉ từ Thiền sư Phù Sơn Pháp Viễn. Ngài vân du đến kinh Sư yết kiến Thiền sư Đại Giác Hoài Liên ở viện Tịnh Nhân. Hoài Liên cử ngài làm Thủ Chúng. Hoài Liên về Ngô, chúng thỉnh ngài kế thế pháp tịch Tịnh Nhân. Ngày khai đường, Anh Tông sai Trung Sứ đến dâng hương, ban cho ngài ca-sa tía, huy hiệu. Bốn phương ở kinh thành đều đến chúc mừng. Đến ngày mười bảy tháng tám đời Triết Tông năm Nguyên Hựu năm thứ tám, ngài tắm rửa thay áo, nói kệ xong, kiết già quy tịch, thọ tám mươi tuổi, Tăng lạp sáu mươi mốt hạ. Ngài nối pháp Thiền sư Phù Sơn Pháp Viễn, Viễn nối pháp Diệp Huyện Quy Tĩnh, Tĩnh nối pháp Thủ Sơn Tĩnh Niệm, Niệm nối pháp Phong Huyệt Diên Chiếu, Chiếu nối pháp Nam Viện Tuệ Ngung, Ngung nối pháp Hưng Hóa Tồn Tường, Tường nối pháp Lâm Tế Nghĩa Huyền.

<i>Canh Thân: Nguyên Phong năm thứ 3</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 16</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	-------------------------------------	---------------

Dịch Kinh Quan Chế: Từ nhà Đường đến lúc này là năm Nguyên Phong, những vị Tăng dịch kinh được Đế vương ban cho chức thí quang lộc khanh thiếu khanh, thí hồng lô khanh thiếu khanh. Nay Đế đổi chức Thí khanh thành Tam Tạng Đại Pháp Sư, Thí Thiếu Khanh thành Tam Tạng Pháp Sư.

Văn Đồng: Tự là Dự Khả, người Tử Đông từng giữ chức quan ở Dương châu, Triết Tây, Hồ châu. Tài văn chương cũng như đức hạnh của ông đều thanh cao, liêm khiết, vẽ trúc rất đẹp. Năm này vào đêm nọ, ông tắm rửa mặc quan phục ngồi ngay ngắn mà mất. Quán Chức Thôi Công Độ hay tin thất kinh nói: “Hôm qua tôi chia tay Dự Khả ở Châu Nam, ông ấy rất vui vẻ, còn bảo tôi ngày mai đến cùng vẽ. Tôi dẫn khách khứa đến thăm và xem tranh, ông ấy chẳng nói chẳng rằng.

Hôm sau tôi đến một mình, Dự Khả nói: “Tôi nói chuyện với ông, phải đuổi hết mọi người, vì sợ có người nghe”. Dự Khả chậm rãi nói với tôi: “Tôi nghe người nào không nói dối thì lưỡi dài quá lỗ mũi”. Ông ấy lè lưỡi đưa lên tới khoảng giữa hai chân mày, lưỡi bè ra tròn như cái bánh. Nay nói ông ấy chết, thì tôi tin chắc ông ta là dị nhân.

<i>Tân Dậu: Nguyên Phong năm thứ 4</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 17</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	---	---------------

Thiền sư Tông Bản: Sư ở chùa Thụy Quang, Tô châu, dời qua ở tại chùa Tịnh Từ, Hàng châu. Sư đi khắp nơi, đạo tràng rất đông Thiền sinh. Luật Sư Linh Chi Nguyên Chiếu tặng Sư ba y, bình bát và gửi thư cho Sư nói: “Phật chế, vật này thượng trung hạ căn đều phải phụng hành, việc gặp thời cơ mà phát triển. Đạo rộng sâu là nhờ con người hoằng hóa, mong ngài hãy nhận cho nhằm khuyến tấn hậu học.” Sư nhận lãnh, cả đời hễ khi ăn thì dùng bát đó, lúc thăng tòa thuyết pháp thì đắp y Tăng-già-lê đó.

Cư sĩ Thừa tướng Trương Vô Tận: Thường ngày, ông kết thâm giao với Thiền sư Chiếu Giác Thường Tổng ở Nam Lâm, Lô Sơn. Mùa thu năm Tân Dậu này, ông viết bài tựa tiền Vũ Sĩ Kiển Cung Thần, tự Dực Chi, đến tham vấn Thường Tổng rằng: “Đạo sĩ Kiển Dực Chi ở Thành đô đến nói với tôi: Làng tôi thuộc dòng Đạo sĩ, nhiều đời cưới gả lẫn nhau, lấy vợ sinh con chẳng khác thế tục. Cung Thần tôi nhân xem Đạo Tạng Thần Tiên Truyện Ký bất giác tỉnh ngộ. Nhân lúc tôi khí huyết cường tráng, thấy nghe minh mẫn, tiếng gà gáy chim kêu đều thuận tai tôi, màu xanh, vàng, đỏ, trắng lóa mắt tôi, vị ngọt ngon béo tốt làm khoái khẩu tôi, mùi thơm ngát thơm lừng hợp mũi tôi, chất trơn láng mịn màng sướng thân tôi, vui mừng chất ngất cảm ý tôi. Sáu thứ đầu sỏ này thừa lúc tôi mù loạn, ngày đêm thân gần tôi, chưa ngày nào rời nhau. Một sớm thân thể tôi hao mòn mà gầy ốm, khí tôi hao mòn mà suy yếu, tinh tôi hao mòn mà tàn tạ, thần tôi hao mòn mà mỗi mệt. Tám thứ gió nóng lạnh thổi, trăm thứ tà mị lừa dối, âm hồn thì muốn đi xuống, dương phách lại muốn thăng lên, sáu tên đầu sỏ ấy chưa từng thay thế tôi, mà nổi thống khổ nhất trong trời đất chỉ mình tôi hứng chịu. Luyến mến nơi phòng the không gì hơn vợ, ân tình máu mủ không gì bằng con. Vì vậy, Cung Thần tôi nay từ bỏ hết những gì có trong đây da này, cho nó là một việc khác, vượt xa trăm dặm, lênh đên nơi Giang Hạ, Bộc Thủy, qua Tấn Trùng ra Đồ Sơn, thăm Sầm Công ở Động Phủ,

lễ Thần Nữ ở Từ Quán rồi đến Chử Cung. Tới đây, tôi sẽ xuống Cửu Giang vào Lô Sơn, dựng am tranh nơi hang Cẩm Tú, thổi tiêu trên đỉnh Hương Lô, vỗ bình bầu mà tiêu khiển, vốc nước suối mà rửa chân. Bởi đạo thuật của tôi là lấy việc khẩn cầu làm gốc, lấy thân mạng làm y, khởi đầu thì có tạo tác nhưng rốt cuộc thì vô vi. Trộm nghe Tiên sinh cứu xét diệu chỉ Ly Vi, thấu cùng nẻo về của tâm, tấu khúc nhạc Vô Huyền (không dây) cõng trên cơ trâu sắt nên tôi không ngại xa xôi đến gặp Tiên sinh, xin Tiên sinh thử nói tôi nghe xem!” Tôi nói: “Lớn thay, chí của ông! Việc khó làm nhưng làm được, điều khó bỏ nhưng bỏ được, ta không bằng ông rồi! Ta vừa bị đau miệng nên không thể trả lời ông nghe. Ta có người bạn ngoại phương là Thường Tổng ở Đông Lâm ắt sẽ giải hết mối nghi của ông, xin ông cầm mấy lời này mà đến hỏi ông ấy vậy.”

<i>Nhâm Tuất: Nguyên Phong năm thứ 5</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 18</i>	<i>Tây Hạ: Tháng năm quấy rối biên cương.</i>
--	---	---

* Đế hạ chiếu cho Trung sử Lương Tùng Chính mở rộng chùa Tướng Quốc ở Biện Kinh thành sáu mươi bốn viện, chia thành hai khu Thiền tám khu luật. Khởi công từ năm Canh Thân (niên hiệu Nguyên Phong) hoàn thành vào mùa thu năm Nhâm Tuất. Lấy hai dãy Đông tây làm hai ngôi Thiền tự to lớn là Tuệ Lâm và Trí Hải, sai người mang chiếu chỉ thỉnh Thiền sư Tịnh Từ Tông Bản ở Hàng châu trụ trì Tuệ Lâm, Thiền sư Đông Lâm Thường Tổng ở Lô Sơn Giang châu trụ trì Trí Hải. Thường Tổng cố từ, Đế hạ chiếu tha cho và ban cho Sư hiệu Quảng Tuệ Thiền Sư.

* Mùa Đông mồng tám tháng mười, Pháp Sư Kế Trung ở Ôn châu tắm rửa, thay áo, bắt ấn rồi ngồi thẳng thị tịch. Ánh sáng màu hồng chiếu thẳng lên trời và mất dần về phía Tây. Ngài đắc pháp với Quảng Trí Thượng Hiền, thuật Quảng Trí truyện, Pháp Trí Thập Loại Chi Nghĩa gồm mười quyển, Phù Tông Ký một quyển. Đệ tử nổi pháp có hai người: Tùng Nghĩa và Xử Nguyên. Nghĩa có tác phẩm: Thiên Thai Tam Đại Bộ Bồ Chú mười bốn quyển. Xử Nguyên có bộ Nghĩa Lệ Tùy Thích sáu quyển, Phụ Tán Ký ba quyển. Xử Nguyên truyền cho Đạo Uyên, Uyên truyền cho Đạo Sâm, tức pháp Sư Viên Biện.

Thiền sư Viên Chiếu ở Tuệ Lâm, Đông kinh: Sư họ Quán, húy

Tông Bản, người Vô Tích, Thường Châu. Năm mười chín tuổi, theo Thiền sư Vĩnh An Đạo Thăng ở Thừa Thiên, Tô châu xuất gia, hầu hạ mười năm rồi thế phát thọ Cụ túc. Ba năm sau, Sư từ biệt vân du đến Trì Dương, yết kiến Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài, tỏ ngộ yếu chỉ. Tào Sư Lý Phục Khuê thỉnh Sư khai pháp ở Thụy Quang Bình Giang, pháp tịch ngày một thịnh. Hàng châu Thái thú Trần Tương đem hai đạo tràng Thừa Thiên và Hưng Giáo thỉnh Sư chọn ở. Dân Tô châu đứng nghệt đường ngăn Sư ở lại. Thái thú đưa thư thỉnh của Tịnh Từ, trong đó gửi lời nói với Tăng tục Tô châu: “Chỉ mượn thầy ba năm để trồng phước cho xứ này chứ không dám giữ lâu”. Đến lúc này, năm Nguyên Phong năm thứ năm, hạ chiếu mở rộng hai Tuệ Lâm Thiền tự trong Tướng Quốc thỉnh Sư làm Tổ thứ nhất. Đến ngày khai pháp, sáng sớm, Đế triệu Sư vào điện Diên Hòa vấn đạo và mời ngồi, Sư liền ngồi kiết già, Đế vui vẻ ban cho trà, Sư bưng chén uống cạn một hơi, không kiêng sợ khách sáo. Sư cáo từ, Đế đưa mắt tiễn và quay qua nói với Tả hữu: “Thật là ông Tăng phước huệ!”

Năm Nguyên Phong năm thứ bảy, Đế xa giá đến chùa Tuệ lâm ở Tướng Quốc, hạ chiếu cho Thiền chúng của Trưởng lão Tông Bản khởi phiên ra nghinh đón. Đế trở về, triệu Sư đến thuyết pháp ở điện Phước Ninh và ban cho Sư hiệu Viên Chiếu Thiền sư. Sư cáo lão quy ẩn, Đế hạ chiếu cho Sư được tùy ý vân du, các châu quận không được ép Sư trụ trì. Sư từ biệt chúng, nói:

*Vốn là khách không nhà
Nay mặc tình vân du
Thuận gió thêm mái đẩy
Con thuyền xuôi Dương châu.*

Về già, Sư trụ ở Linh Nham, Bình Giang, đệ tử nối pháp truyền đạo đông vô kể. Ngày Bính Tý hai mươi tám tháng mười hai năm Nguyên Phù năm thứ hai đời Triết Tông, Sư sắp quy tịch, bèn tắm rửa và nằm, môn nhân đệ tử vây quanh thỉnh rằng: “Hòa thượng đạo vang thiên hạ, hôm nay không thể không làm kệ”. Sư nhìn kỹ họ, nói: “Đồ ngu! Ta bình thường còn lười làm kệ, hôm nay vẽ vờ làm gì. Ngày thường muốn nằm thì nằm, chẳng lẽ hôm nay lại chuyển qua ngồi”. Sư cầm bút viết mấy chữ lớn: “Hậu sự giao cho Thủ Vinh” và ném bút nằm dài như người ngủ say. Chúng đến lay gọi thì Sư đã quy tịch rồi. Môn nhân dựng tháp an táng Sư ở núi Linh Nham, thọ tám mươi lăm tuổi, Tăng lạp năm mươi hai hạ. Sư nối pháp Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài. Đệ tử nối pháp Sư có: Tu Ngung, Tỉnh Thông, Sùng Tín, Thủ Nhất. Truyền xuống nữa

như Tu Ngung thì có Trịnh Công Phú Bạc, Tỉnh Thông thì có Hoàng Môn Tô Triệt, Sùng Tín thì có Thiên sư Từ Thọ Hoài Thâm.

Thiên sư Chiêu Giác ở Đông Lâm, Giang châu: Sư họ Thy, húy Thường Tổng người Vưu Khê, Kiếm châu, mười một tuổi theo pháp Sư Văn Triệu chùa Bảo Vân xuất gia, tám năm sau thế phát, đến chùa Đại Trung ở Kiến Châu thọ Cụ túc với Luật sư Khế Tư. Ban đầu, Sư đến Hòa Sơn, Kiết Châu, nghe đạo của Thiên sư Tuệ Nam nổi tiếng nên qua Quy Tông theo Tuệ Nam suốt hai mươi năm, lãnh ngộ huyền chỉ. Hồng châu Thái thú Vinh Tu Tuyển thỉnh Sư trụ ở Bột Đàm, có người nói Sư là Mã Tổ tái thế. Năm Nguyên Phong năm thứ ba, Đế hạ chiếu đổi chùa Luật Đông Lâm ở Giang châu thành chùa Thiên. Quán văn điện học sĩ Vương Thiệu ra làm quan ở Nam Xương muốn thỉnh Bảo Giác Tâm Thiên sư trụ trì Đông Lâm, Tâm cử Sư thay mình. Sư nghe tin đang đêm trốn đi xa hơn ngàn dặm. Vương Thiệu truyền hịch khắp các quận phải tìm Sư cho bằng được. Họ tìm thấy Sư ở trong hang cùng núi của Thù Sơn, Tân Phủ. Sư ứng mệnh trụ trì. Học sĩ Tô Thức lần đầu vân du đến Lô Sơn gặp Sư và rất tâm đắc. Từ đó, tiếng tăm Sư vang đến kinh thành. Thiên Tử hạ chiếu thỉnh Sư trụ trì Thiên viện Trí Hải trong Tương Quốc. Các châu quận cố mời thỉnh gấp như sao sa, Sư cố từ. Đế hạ chiếu tha cho, ban cho Sư y tía và hiệu Quảng Tuệ Thiên sư. Triết Tông năm Nguyên Hựu năm thứ ba, Từ Vương tâu xin, Đế ban Sư hiệu Chiêu Giác Thiên sư. Học chúng dưới tòa thường đến bảy trăm. Tháng chín năm Nguyên Hựu năm thứ sáu, Sư có chút bệnh, ngày hai mươi lăm tắm rửa ngôi yên quy tịch. Mồng tám tháng mười, môn nhân an táng Sư ở phía Đông Nhạn Môn tháp (Tháp ngài Tuệ Viễn), thọ sáu mươi bảy tuổi, tăng lạp bốn mươi chín hạ. Sư nối pháp Thiên sư Hoàng Long Tuệ Nam.

<i>Quý Hợi:</i> <i>Nguyên Phong năm</i> <i>thứ 6</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Hàm Ung năm thứ 19</i>	<i>Tây Hạ: Tháng giêng</i> <i>mấy mươi vạn dân Tây</i> <i>Hạ kéo đến Lan châu</i>
--	---	---

* **Nhà Tống:** Tháng chín Tây Hạ nộp thuế, giao trả đất xâm chiếm, phá bỏ biên cảnh, tộc trưởng làm Phiên thần (bề tôi nơi biên giới). Đế ban cho bình thường (phép tắc), hạ chiếu nói: “Địa giới ấy đã sai Phu diên kinh lược ty chỉ huy Bảo An Quân phát lệnh xuống các châu giữ biên giới rồi ngày tháng hãy giữ y như cũ”.

Tống phong Mạnh Kha làm Trâu Quốc Công.

<i>Giáp Tý: Nguyên Phong năm thứ 7</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 20</i>	<i>Tây Hạ: tháng hai, cướp phá Diên châu. Tháng mười một dâng biểu đến triều cống</i>
--	---	---

Mùa Đông tháng mười, Việt Quốc Đại Trưởng Công Chúa cùng Khánh quân Tiết độ quán sát lưu hậu phò mã đô úy Trương Đôn Lễ dựng xong Pháp Vân Thiên tự ở phía Nam quốc thành, Đế hạ chiếu thỉnh Pháp Tú khai sơn, ban cho Sư hiệu Viên Thông Thiên sư.

Thiên sư Viên Thông ở chùa Pháp Vân Biện Kinh: Sư họ Tân, húy Pháp Tú, người Lũng Thành, Tần châu, theo Lão Hòa thượng chùa Ứng Càn học kinh, nên người ta gọi Sư là Lão Thi. Năm mười chín tuổi, Sư thọ Cụ túc, giảng kinh Đại thừa phân tích chương cú, nhưng chẳng biết đến cơ phong (Thiền), nổi tiếng khắp Kinh Lạc. Sư rất lấy làm lạ thấy Khuê Phong học Thiền, chỉ kính Thiền sư Thiên Bát Trùng Nguyên ở Bắc Kinh. Nguyên có biệt hiệu là Nguyên Hoa Nghiêm. Sư hận vì Nguyên không giảng và nói: “Giáo nêu tận ý Phật, người như ông Nguyên thì không nên dạy xa, Thiền không phải ý Phật, người như Khuê Phong thì không nên học Thiền. Chuyện Thế Tôn đem pháp giáo ngoại truyền riêng cho Ca-diếp, ta không tin”. Sư nói với bạn đồng học: “Ta sẽ về Nam, đào hết hang ổ bọn chúng, bắt hết giống loài ấy đem giết nhằm báo ân Phật mới thôi!” Đầu tiên, Sư đến chùa Hộ Quốc ở Tỳ châu đọc văn bia của Thiền sư Tịnh Quả, Tặng hỏi Báo Từ: “Thế nào là Phật tánh?” Từ đáp: “Ai chẳng có”. Tặng lại hỏi Tịnh Quả; Quả đáp: “Ai có!” Vị Tặng ấy nhân đó khế ngộ”. Sư cười ngất nói: “Phật tánh lẽ đâu dám dẫn chuyện có, không kiểu này, lại nhân đó mà khế ngộ ư! Bỏ đi cái vô vi tội bậc chỉ là hạng Phật sắt!” Sư đến yết kiến Thiền sư Nghĩa Hoài, Hoài bị cảm lạnh, ngồi co ro, hỉ mũi dính cả lên áo, Sư lấy làm lạ, Hoài hỏi Sư:

- Tọa chủ giảng kinh gì?

Sư đáp:

- Hoa Nghiêm

- Hoa Nghiêm lấy gì làm tông?

- Lấy pháp giới làm tông.

- Pháp giới lấy gì làm tông?

- Lấy tâm làm tông.

- Tâm lấy gì làm tông?

Sư chẳng đáp được.

Hoài nói: “Sai đi mảy may, đất trời cách biệt”.

Sư thoái lui tự thấy mình lỗi, hoảng sợ kính phục, nguyện ở lại đây, sớm hôm thọ học. Thời gian sau, Sư chứng ngộ. Thiên sư Nghĩa Hoài qua trụ ở Tra Lâm, Trì Dương; Cảnh Đức, Quảng Giáo ở đất Ngô, Sư đều đi theo. Ban đầu Sư trụ ở Tứ Diện Sơn, Hoài Tây, sau đến Lô Hiền, Tửng Sơn, Trường Lô, chúng thường đông cả ngàn. Năm Nguyên Phong năm thứ bảy, Đế hạ chiếu, thỉnh Sư trụ trì chùa Pháp Vân ở kinh thành làm Tổ thứ nhất. Ngày khai đường, Đế sai Trung sứ đến dâng hương, tặng y ca-sa, truyền thánh chỉ như Thiên Tử giá lâm, Hoàng đế Kinh Vương cung kính ngồi dưới tòa nghe giảng. Đến Triết Tông năm Nguyên Hựu năm thứ năm, tháng tám Sư có bệnh, Đế cho ngự y đến chẩn bệnh, Sư khoát tay bảo thôi, thay áo nói kệ:

Lúc đến tay không, đi tay không

Nam Bắc Đông Tây việc vẫn đồng.

Trụ trì sáu chỗ không bỏ ích

Giây lâu, Giám tự Tuệ Đường hỏi:

Sao Hòa thượng không nói câu cuối?

Sư đáp:

Trần trọng! Trần trọng!

Nói xong, Sư quy tịch, thọ sáu mươi bốn tuổi, tăng lập bốn mươi lăm hạ. Sư nối pháp Thiên sư Thiên Y Nghĩa Hoài, Hoài nối pháp Tuyết Đậu Trùng Hiền, Hiền nối pháp Trí Môn Quang Tộ, Tộ nối pháp Hương Lâm Thừa Viễn, Viễn nối pháp Vân Môn Văn Yến. Trong năm Nguyên Phong, Khu mật tướng công Dĩnh Thúc kết bạn phương ngoại với Sư. Ông ấy bình thường cứu xét tâm tông nhưng trệ nơi giáo thừa, nhân đó soạn Hoa Nghiêm kinh giải ba mươi thiên, rất tự phụ tri kiến của mình, đi thuyền từ Hoài Thượng đến Trường Lô thăm Sư và viết trên vách phương trượng: “Trong ba ngày, tôi soạn xong Hoa Nghiêm Giải. Tôi có nhân duyên lớn với Phật pháp, hôm khác đem hiểu biết này tỷ thí ở thành Đông, chỉ người nào đủ Phật nhãn mới biết!” Khi ấy, Sư biện: “Ông nói sao nghe dễ thế! Phạm Hoa Nghiêm là cảnh giới viên đốn Thượng thừa, sở chứng hiện lượng, nay ông nói tỷ thí ở thành Đông như vậy là rơi vào Tỷ lượng, không phải là tông Viên đốn. Ông lại nói “hôm khác” nhưng Nhất chân pháp giới lại không có xưa hay nay, nên nói: “Mười đời xưa nay rốt cuộc chẳng lìa đương niệm”. Nếu ông nói “ngày khác” vậy hôm nay lẽ đâu không phải chẳng! Ông lại nói “Người đủ

Phật nhãn mới biết” nhưng kinh ghi: “Pháp giới bình đẳng, không Phật chúng sinh”, tình phàm thánh hết, ta người đều quên, lẽ đâu có Sự khác nhau giữa ngu và trí, nếu đợi đến Phật nhãn vậy thì Thiên nhãn, Nhân nhãn lẽ đâu chẳng biết sao!”

Dĩnh Thúc nghe vậy hồi lỗi. Khi Sư quy tịch, ông đến tế Sư bằng bài văn:

Bạn của phương ngoại, chỉ tôi và thầy

Nhớ xưa gặp nhau, một lời khế hợp

Thầy đến Trường Lô, tôi về Hoài Tố

Nhưng lại sánh vai, nói cười vui vẻ,

Tôi luận Hoa Nghiêm, thầy nói tên phẩm

Cơ duyên cọp sa, thoát ra đường tắt

Nữ đầu bỏ tôi, đành đoạn đi trước

Chân thành kính viếng, mong thầy biết cho.

* Tháng mười một, Ôn Quốc Công Tư mã Quan đã ở đất Lạc mười lăm năm, tấu biểu dâng Đế bộ sách mình soạn, Đế đặt tên sách là Tư Trị Thông Giám và viết bài tựa.

<i>Ất Sửu:</i> <i>Nguyên Phong năm</i> <i>thứ tám, tháng hai Đế</i> <i>mất</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Hàm Ung năm thứ 21</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	---	---------------

* Mùa Xuân, tháng ba, Triết Tông lên ngôi, tháng tư hạ chiếu thỉnh Thiền sư Pháp Vân Tú vào trước linh cửu của Tiên đế thuyết pháp, ban cho Sư hiệu Viên Thông Thiền sư. Mùa Đông tháng mười, Đế an táng Thần Tông ở lăng Vĩnh Dụ, hạ chiếu thỉnh Tịnh Nhân Đạo Trăn, Tuệ Lâm Tông Bản vào điện Phước Ninh thuyết pháp, ban cho Đạo Trăn hiệu Tịnh Chiếu Thiền Sư, ban cho Tông Bản hiệu Viên Chiếu Thiền Sư.

Tháng năm, Tư mã Quang được bổ chức Môn hạ thị lang.

Tăng Thống Nghĩa Thiên: Ngài là con năm thứ tư của Văn Tông Nhân Hiếu Vương nước Cao Ly, xuất gia với hiệu là Nghĩa Thiên. Mùa Đông năm này ngài đi đường biển đến Minh châu, dâng biểu xin vãn du Trung Quốc để học lễ. Đế hạ chiếu cho Triều phụng lang Dương Kiệt (Dương Thứ Công) dẫn ngài đi tham học. Ngài đến các quận ở vùng Lưỡng Triết, Hoài Nam, Kinh Đông đều được đón tiếp và ăn uống như

cách của người du hành. Ngài tham học khắp Tam học. Đầu tiên, Nghĩa Thiên đến Cận châu theo học với Minh Trí, từ đây có thêm pháp lữ xin được học qua Giáo thừa. Ngài vào Thiên Thai lễ tháp Đại sư Trí Khải, vượt Chiết Giang đến Hàng châu Thượng Trúc, lấy lễ đệ tử thờ Từ Biện làm thầy học, thọ nhận giáo quán Thiên Thai, sau đến Linh Chi lễ Đại Trí Nguyên Chiếu để học Luật, qua Tuệ Nhân theo Tấn Thủy Tịnh Nguyên hỏi về giáo thừa tông Hiền Thủ, qua Nhuận Châu Kim Sơn học rộng Thiên quy, lễ Thiên sư Phật Ấn Liễu Nguyên. Liễu Nguyên ngồi yên nhận lễ, Dương Kiệt thấy vậy thắc mắc Phật Ấn nói: “Muôn họ xuất gia, đồng gọi là họ Thích, Nghĩa Thiên là vị Tăng, nếu không làm như vậy thì làm sao thể hiện phép tắc làm thầy của Hoa Hạ”. Triều đình biết việc này, ai nấy đều cho Phật Ấn là người biết Đại lễ. Nghĩa Thiên về Kinh sư, Lễ bộ lang trung Tô Thức tiếp đón, dẫn ngài yết kiến Thiên sư Viên Chiếu Tông Bản. Quan Hữu Ty tiếp đãi ngài rất ân cần.

Y Bồ Đồng Tử (Đồng tử quán tóc làm y): Lúc này, thái úy Lã Tuệ Khanh, tự Cát Phủ, học thông nội điển ngoại thư, từng chú giải Hoa Nghiêm Pháp Giới Quán, rồi đem ý mới để chú giải Trang Tử. Một lần ông đi tuần thú biên cương, ngày nọ nhân lúc rảnh, ông dạo lên Ngũ Đài đến Trung Đài chợt thấy mù nổi lên bốn phía, gió sấm ùng ùng, mưa lớn chấn động cả núi rừng. Những người đi theo hoảng sợ tìm chỗ núp. Lúc ấy bỗng xuất hiện một vật, hình dáng giống như con thuồng luồng, hiện nửa hình trong đám mây mù. Thái úy thất kinh, lát sau trời quang mây tạnh, nhìn thấy một đồng tử da đen, xoa tóc quán từ chân lên đến vai, để lộ vai phải, tay cầm quyển kinh, hỏi thái úy:

- Vì sao quan nhân trông có vẻ sợ hãi như vậy?

Thái úy đáp:

- Đời trước có chướng duyên nên gặp cảnh khủng khiếp thế này.

- Nay cảnh ấy hết rồi, thế quan nhân cầu gì mà đến đây?

- Mong nhìn thấy Đại sĩ.

- Muốn thấy Bồ-tát để làm gì?

- Tôi từng xem Hoa Nghiêm, giáo nghĩa sâu xa, ý lời sâu rộng, muốn chiêm ngưỡng Đại Sĩ, phát khởi giải tâm, ngộ hầu chú thích lưu hành nhân gian, khiến đêm dài chợt gặp ánh sáng, người phát tâm sâu liền được khai ngộ.

Đồng tử nói:

Diệu ý của chư Phật khéo thuận Sự lý, giản dị trong sáng, bậc Tiên đức chú giải có thể hiểu được như phẩm Thập Địa chú giải không quá vài tờ, ngày nay thiên hạ đua nhau chú giải gần đến trăm quyển,

nhưng càng đi xa Thánh ý, đó thật là phá nát đạo lớn.

Thái úy nói:

Đồng tử mặt mũi như vậy mà dám trách cứ tiền bối ư!

Đồng tử cười nói: “Quan nhân nói sai rồi! Ở đây, một lá cây một ngọn cỏ đều là cảnh giới Văn-thù, ngay nơi ông hàng ngày gặp việc chẳng mê, đó là Văn-thù chân thật, sao lại đem phàm tình làm loạn tư duy thế!”

Thái úy hối hận vì mình lỡ lời nên cúi đầu sụp lạy. Lúc ngẩng lên đã thấy đồng tử hiện thân Đại sĩ cười Sư tử khuất dần trong đám mây và chẳng thấy đâu nữa. Ông cảm thấy ray rứt, tâm thần không yên. Gia nhân hỏi nguyên do, ông đáp: “Ta muốn chí thành sám hối, đến khi nào gặp lại đồng tử ấy mới thôi”. Ông liền cho người bày hương hoa thật trang nghiêm sớm tối cầu khẩn, quyết thấy bằng được. Sau đó rất lâu, ông chợt thấy đồng tử đứng trên hương án trách rằng:

- Sao ông trụ tướng cố chấp đến thế!

Thái úy đáp:

Chính vì muốn người đời đều thấy tôn dung thị hiện của Đại Sĩ vậy.

Ông liền sai thợ vẽ, vẽ lại nguyên hình, tích tắc chẳng thấy đồng tử đâu nữa. (Theo Hoa Nghiêm cảm ứng lục và Tử Chi Phật Vận Biên Niên).

Triết Tông: Tên Hú, con năm thứ sáu của Thần Tông. Mười tuổi lên ngôi, Tuyên Nhân Thái hậu Cao Thị lâm triều thính chính, Thừa Tướng là Tư mã Quang, Lã Công Trứ. Chính sự trong năm Nguyên Hựu rất thịnh, từ năm Thiệu Thánh về sau, chính trị thối nát. Ông ở ngôi mười lăm năm, thọ hai mươi lăm tuổi. Niên hiệu Nguyên Hựu tám năm, Thiệu Thánh bốn năm, Nguyên Phù ba năm.

<i>Bính Dần: Nguyên Hựu năm đầu</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 22</i>	<i>Tây Hạ</i>
-------------------------------------	-------------------------------------	---------------

* Mùa Xuân, tháng hai, Tư mã Quang được báii phong tể Thừa Tướng. Tháng ba, Trình Di làm thuyết thư trong điện Sùng chính. Ngày nọ, ông hỏi:

- Bệ hạ ở trong cung đồ nước phải tránh kiến đúng không?

Đế đáp:

Đúng thế, vì ta sợ làm tổn thương nó.

Di nói:

Suy tâm này ra khắp bốn biển, đó là đạo quan trọng của Đế vương vậy.

* Mùa hạ, tháng tư, Lã Công Trứ được bái phong Hữu Thừa Tướng. Văn Ngạn Bác giữ chức Thái sư Bình Chương quân quốc. Mùa thu, tháng chín, Ôn Quốc Văn Chánh Công Tư mã Quang mất khi còn làm Tể tướng. Mùa Đông tháng mười, Đế ban lệnh đổi Diển Thánh Công là Phụng Thánh Công nhưng vẫn đặt một người Giáo thọ, dạy học trò Khổng Tử.

Đại Sư Pháp Chân: Ngài húy Xử Hàm, ngụ tại chùa Bạch Liên, Thái châu. Ngày hai mươi ba tháng bảy, ngài nhóm chúng tử biệt và kết già quy tịch. Đệ tử nối pháp có hai người là Trí Dũng Liễu Nhiên và Chân Giáo Trí Tiên. Tiên truyền cho Viên Trí, đó là Đại Sư Chứng Ngộ ở Thượng Trúc.

Tịnh độ: Ở Biện kinh có Pháp sư Hy nhập định du thần qua Tịnh độ, thấy hoa sen lớn phóng ánh sáng vàng, trên hoa có ghi: “Tòa của Tỳ-kheo Tông Bản nhà Tống”. Ngài xuất định, kể lại việc trên. Lúc này, Viên Chiếu đã cáo lão về ở ẩn tại Linh Nham, Tô châu.

Hy hỏi:

Thiền sư lại vãng sinh về Tịnh độ à?

Viên Chiếu đáp:

Tông Bản tôi trong lúc tu Thiền, tâm ở cảnh giới Cực lạc, vì Thiền Tịnh vốn không hai tướng vậy.

<i>Đình mỗ: Nguyên Hựu năm thứ 2</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 23</i>	<i>Tây Hạ: Mùa xuân tháng giêng, Đế Sách phong Lý Càn Thuận làm Hạ Quốc Chủ</i>
--	---	---

Xa Khê: Ở địa phận Sùng Đức thuộc Tú châu có Xa Khê. Trong thời nhà Đường, vùng Thanh Trấn có ngôi tháp cổ, một vị Tăng nhân đó dựng viện Thánh Thọ, thỉnh Pháp sư Trạch Khanh khai sơn trụ trì. Khanh là đệ tử của Từ Biện, cháu của Nam Bình, vốn đời năm thứ ba từ Pháp Trí kể xuống. Ngài quy tịch trong năm Đại Quán đời Huy Tông, tháp ở Phù Dung Bồ Thượng thuộc phía nam viện này. Đệ tử ngài có: Khả Quán, Hữu Bằng, Tê Bích, Như Trạ, Thiện Vinh nối nhau truyền trì, học chúng đều là bậc long tượng. Năm đó, ngài mở đạo tràng Pháp Hoa Tam-muội Kỳ Sám, Cao Tông ở trong cung Thọ Đức, đổi viện

Thánh Thọ thành viện Quảng Phước. Tăng xứ Ngô Việt rất đông, phần lớn là đệ tử của phái Xa Khê.

<i>Mậu Thìn:</i> <i>Nguyễn Hựu năm thứ</i> <i>3</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Hàm Ung năm thứ 24</i>	<i>Tây Hạ:</i> <i>Tháng 4, cướp phá</i> <i>Tắc môn trại</i>
---	---	---

Pháp sư Tịnh Nguyên: Ngài trụ ở chùa Tuệ Nhân, Nam Sơn, Hàng châu, họ Dương, người Tấn Giang, tổ tiên vốn là người Tấn Thủy nên người học thường gọi ngài là Tấn Thủy Pháp Sư. Sau khi thọ Cụ túc ngài vân du tham học Hoa Nghiêm với Thừa Thiên ở Ngũ Đài, học Hợp Luận với Minh Đàm ở Hoàng Mai, về Nam nghe giảng Lăng-nghiêm, Viên Giác, Khởi Tín với Tử Tuyền ở Trường Thủy. Học giả bốn phương suy tôn ngài là bậc Nghĩa long (con rồng nghĩa học). Nhân nuôi song thân ở tuổi này, nên tuổi chủ thỉnh ngài trụ ở Thanh Lương. Ngài vân du qua đất Ngô, trụ ở Báo Ân, Quán Âm. Thái thú Hàng châu Thẩm Văn Thông lập viện Hiền Thủ ở chùa Tường Phù rồi thỉnh ngài ở. Ngài dời qua Mật Ấn Bảo Cát ở Thanh Trấn Tú châu, rồi qua ở Thiện Trụ thuộc Phổ Chiếu, Hoa Đình. Tả Thừa Tướng Bồ Công Mãnh phủ dụ đất Hàng, chí thành khẩn cầu tông yếu, tâu xin cho Sư ở lại viện Tuệ Nhân. Tăng thống Nghĩa Thiên nước Cao Ly sang Trung Hoa, lấy lễ đệ tử đến yết kiến ngài. Hồi ấy, Hoa Nghiêm Số Sao từ lâu đã thất truyền, nhờ Nghĩa Thiên đem sang vấn biện mà có lại. Nghĩa Thiên về nước đem ba bản dịch Hoa Nghiêm gồm một trăm tám mươi quyển sai Sứ mang sang tặng ngài. Ngài dựng Đại Các an trí. Vì thế mọi người gọi Tuệ Nhân là chùa Cao Ly. Đến lúc này, tháng mười một năm Kỷ Dậu, Nguyễn Hựu năm thứ ba, ngài quy tịch thọ bảy mươi tám tuổi. Môn nhân dựng tháp an trí xá-lợi ở Tây bắc chùa này, tôn xưng ngài là Trung Hưng Giáo Chủ. Thái úy Lã Tuệ Khanh tự Cát Phủ soạn văn bia ghi lại hành trạng, viết bài ký về Hoa Nghiêm Các. Tưởng Chi Kỳ lập bia. (Kinh Hoa Nghiêm, Tấn dịch sáu mươi quyển, Đường dịch sáu mươi quyển, Đường lại dịch phần sau bốn mươi quyển).

<i>Kỷ Ty: Nguyễn Hựu</i> <i>năm thứ 4</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung</i> <i>năm thứ 25</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	---	---------------

Luật sư Linh Chi Nguyên Chiếu: Ngài khuyên đạo tục niệm Phật Di-đà quy tâm Tây phương Cực lạc thế giới. Lúc này, Long Đồ Các học sĩ Hàng châu Thái thú Tô Thức đem trâm, vòng, xuyên, hoa tai di vật của mẹ mình là Thục quận Thái Quân Trình thị để lại, bán đi mời thợ họa tượng Phật Di-đà để cầu siêu cho cha mẹ và làm bài tụng tán thán. Mùa Đông, tháng mười Thiền sư Tông Trát ở viện Trường lô, Chân châu nhóm họp danh sĩ nổi tiếng đương thời kết Liên Hoa Tịnh độ Niệm Phật Xã.

* Mùa Đông, mồng ba tháng mười một Tăng thống Nghĩa Thiên nước Cao Ly sai đệ tử là Thọ Giới đến Hàng châu cúng tế trước mộ tháp ngài Tấn Thủy.

<i>Canh</i> <i>Ngọ:Nguyên</i> <i>Hựu năm thứ 5</i>	<i>Đại Liêu:Hàm Ung</i> <i>năm thứ 26</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	--	---------------

Tây Hồ: Đường thị lang Bạch Cư Dị đi tuần thú Hàng châu. Ông là người tinh thông đạo lý, thẳng thắn, khẳng khái. Lúc này, Long đồ các học sĩ Tô Thức làm Thái thú Hàng châu, tâu: “Hàng châu có Tây Hồ như người có con mắt, nhưng lau bèo đã úa”. Thế rồi ông vét hồ cũ, chu vi ba mươi dặm, lấy Tế Sơn làm bờ, chứa lau bèo cạnh hồ, mở đường lớn thông từ Nam đến Bắc, trồng Phù Dung, Dương Liễu trên ấy. Người Hàng châu gọi đây là Tô Công Đê (Đê ông Tô).

<i>Tân Mùi: Nguyên Hựu</i> <i>năm thứ 6</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung</i> <i>năm thứ 27</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	---	---------------

* Thái sử Hoàng Đình Kiên, tự Lỗ Trực, hiệu Sơn Cốc đạo nhân. Lúc này gia cảnh sa sút, ông đến trú ngụ tại núi Hoàng Long, vân du với Thiền sư Hối Đường Tổ Tâm, kết bạn phương ngoại với Tử Tâm Ngô Tân, Thảo Đường Duy Thanh. Ngày nọ đang nói chuyện với ông, Hối Đường cử việc Khổng Tử nói với đệ tử: “Các ông cho ta giấu giếm ư? Ta chẳng giấu điều gì cả, ta không làm việc gì mà không cho các ông biết. Đó là con người của Khâu này.” Và mời ông giảng biện ý khác chứ Hối Đường không chấp nhận kiểu này. Ông tỏ vẻ giận, im lặng. Lúc này, khí trời mát mẻ, hương thu ngát viện. Hối Đường hỏi:

- Ông ngửi thấy hương bầu không?

Ông đáp: Có

Hối Đường nói:

Ta chẳng giấu giếm điều gì cả!

Nghe xong, ông vui mừng lãnh ngộ. Đến khi ngụ ở Kiềm Nam, ông gửi thơ cho Ngô Tân, nói: “Ngày trước, từng được thầy hết lời dẫn dụ, tôi như người say mộng, may mắn ở trong ánh quang, nhưng bởi nghi tình chưa hết, căn mạng chưa trừ nên lui về núi ở ẩn. Tôi bị biếm quan đến Kiềm châu, giữa đường nằm nghỉ, tỉnh giấc bàng hoàng hốt nhiên nghĩ lại, bình sinh bị những lão Hòa thượng trong thiên hạ chê bai rất nhiều, chỉ có thầy là không thế. Thầy chính là người vì nhau bậc nhất.

* Mùa Thu tháng tám, Thiền sư Pháp Tú chùa Pháp vân, Biện Kinh, quy tịch. Đế hạ chiếu cho Thiền sư Thiện Bản chùa Tịnh Từ kế thế trụ trì, ban cho hiệu Đại Thông Thiền sư. Sư họ Đồng, húy Thiện Bản là hậu duệ của Hán Trọng Thư, ông nội tên Kỳ, cha tên Ôn, đều làm quan ở đất Lệ, nên Sư là người đất này. Từ nhỏ đến lớn, Sư đọc khắp sách Sử nhưng không có chí làm quan. Nhân Tông năm Gia Hựu năm thứ tám, Sư cùng em là Thiện Tư đến viện Địa Tạng ở Kinh đô thi kinh mà được độ làm Tăng, học Tỳ-ni. Sư vân du về Đông, đến Tô châu lễ Thiền sư Viên Chiếu Tông Bản ở Thụy Quang tử ngộ huyền chỉ, hầu hạ năm. Viên Chiếu sai Sư y chỉ Thiền sư Viên Thông Pháp Tú, Sư cũng lãnh hội hết yếu chỉ. Thần Tông năm Nguyên Phong năm thứ bảy, Sư vượt sông Hoài cư ngụ với Thái thú Nham. Thời gian sau, Sư ra ở Song Lâm, rồi dời về Tịnh Từ. Đến lúc này, Đế xuống chiếu thỉnh Sư trụ ở chùa Pháp vân, ban cho hiệu Đại Thông. Phàm những nơi Sư ở, hề thấy tượng Phật, Bồ-tát thì đứng luôn không dám ngồi, thức ăn có tên giống thịt cá thì không ăn, Sư chân thành phòng tâm giữa lỗi đại loại như thế. Mùa thu năm Nguyên Hựu năm thứ bảy, Sư xin cáo lão về Tây Hồ, Hàng châu. Đế ứng thuận. Đến Huy Tông năm Đại Quán năm thứ ba, tháng mười hai năm Giáp Tý, Sư co ba ngón tay rồi nói với đệ tử: “Chỉ còn ba ngày nữa thôi.” Quả nhiên ba ngày sau, Sư tịch, môn nhân dựng tháp ở Thượng Phương, Sư thọ bảy mươi lăm tuổi, Tăng lạp bốn mươi lăm hạ. Sư nối pháp Viên Chiếu Tông Bản, đời gọi hai người là Đại Bản và Tiểu Bản. Viên Chiếu nối pháp Thiền sư Nghĩa Hoài.

Pháp sư Biện Tài: Ngày hai mươi tháng chín, Pháp Sư Biện Tài ở núi Long Tỉnh, Hàng châu quy tịch. Ngài húy Nguyên Tịnh, cả ba triều đại từ Nhân Tông cuối năm Gia Hựu đến niên hiệu Trị Bình, Hy Ninh. Ngài trụ ở Thượng Thiên Trúc cả thảy mười bảy năm, đạo pháp vang khắp trong triều ngoài nội. Trong năm Nguyên Phong, ngài từ biệt ra đi, rồi về trụ lại ba năm. Về già ngài ngụ ở Long Tỉnh. Lúc ăn uống ngủ

ngủ, giữa chận mày phát ánh quang, đều có xá-lợi. Ngài nói với Tham Liâu Tử Đạo Tiềm rằng: “Tĩnh nghiệp của ta đã xong.” Bảy ngày sau, ngài không bệnh nằm nghiêng bên phải quy tịch. Môn hạ thị lang Tô Triệt viết bài minh trên tháp. Long đồ các học sĩ Lệ châu Tô Thức đến tế ngài rằng:

*Khổng Lão khác cửa, Nho Thích khác cung
Lại ở trong ấy, Thiên Luật chống nhau
Tôi thấy biển lớn, có Nam Bắc Đông
Sông hồ tuy khác, chỗ đến vốn đồng
Chỉ đại Pháp sư, giới định tinh thông
Luật không trì phá, cấu tịnh đều không
Giảng không trau chuốt, Sự lý viên dung
Như núi bất động, như chuông khua vang
Như trăng in nước, như muôn gió nồng
Tám mươi một năm, sống tuy mạng chung
Gặp vật thì ứng, thi thiết vô cùng
Lúc tôi đến Ngô, còn gặp năm ông
Giảng có Biện (Hải Nguyệt), Trần (Nam Bình)
Thiền có Liên (Đại Giác), Tung (Minh Giáo)
Hai mươi năm sau, chỉ còn mình ông
Nay cũng đi rồi, hậu học nương ai!*

Thiền sư Tùng Duyệt: Sư họ Hùng, sinh ở Cám châu, ngụ tại chùa Đậu-suất, phủ Long Hưng, Gianh Tây. Ban đầu Sư làm Thủ chúng trong đạo tràng Đạo Ngô, yết kiến Vân Cái Trí Hòa thượng. Trí bảo Sư đến yết kiến Động Sơn Văn Thiền sư, Lãnh ngộ huyền chỉ, hoằng hóa ở Lộ Uyển. Đến lúc này mùa Đông tháng mười một năm Nguyên Hựu năm thứ sáu, Sư tắm rửa, nhóm chúng, nói kệ:

*Bốn mươi tám năm
Phàm thánh giết sạch
Chẳng phải anh hùng
Long An trơn trượt.*

Sư an nhiên thị tịch. Người nhận lãnh pháp yếu tổ ngộ tự tâm có Vô Tận Cư sĩ Trương Thương Anh sai Sứ đem lễ vật đến cúng tế và nói: “Thầy là người có đạo lực lớn trong tông môn, không thể để những người đến đây không có lòng kính ngưỡng.” Và ông dựng tháp ở Nhữ Phong thuộc Long An, sau tôn xin Đế ban thụy cho Sư. Sư nối pháp Chân Tịnh Văn Thiền Sư, đồng môn với Pháp Vân Cảo Thiền sư.

Trương Thương Anh: Ông từ nhỏ đã theo Thiền học nhưng vẫn

muốn tìm các vị Tông sư quyết trạch cho mình. Nhân nói chuyện với Chu cấp sự Thế Anh mới biết Thiền sư Tùng Duyệt ở Đâu-suất vốn là bậc Thiền học cao xa, tài năng xuất chúng. Đến lúc này, năm Nguyên Hựu năm thứ sáu, ông vượt Gianh Tây, An Bộ, Phần Ninh cùng Ngũ Thiền bởi ngược thuyền đến Lữ Đình rồi hỏi thăm đường đến Đâu Suất. Đến nơi ông nói:

Từ lâu tôi đã nghe tiếng thầy là bậc thông minh xuất chúng. Tùng Duyệt liền đáp:

Duyệt là con cháu của Lâm Tế, nếu đem trí thông minh nói chuyện văn chương thì cũng giống như đô vận bàn về thiền vậy.

Ông tuy phục câu nói ấy nhưng trong lòng bất bình, liền làm bài kệ sai Ngũ Thiền đưa lên. Kệ ghi:

*Năm lão cơ duyên đồng một phượng
Thần phong khí phách giấu bên trong
Sáng nay lão tướng lên đàn vọi
Cầm mâu xin thách đánh một phen.*

Tùng Duyệt chỉ xem câu cuối là biết ý ba câu trước. Ông nghe vậy rất vui mừng lên Đâu-suất mới cùng Duyệt luận bàn thâm đê. Bàn đến việc trong Tông môn, ông hỏi:

- Vừa rồi, tôi xem trong Truyền Đăng Lục gồm một ngàn bảy trăm cơ duyên của bậc Tôn túc, chỉ nghi câu “Đức Sơn ôm bát “.

Duyệt nói:

Nếu nghi câu “ôm bát” thì những gì còn lại đều do tâm suy nghĩ phân biệt mà hiểu, như vậy đâu thể đến được cảnh giới Đại an lạc!

Ông nổi giận, về phòng nhưng cả đêm cứ trần trọc mãi. Gần đến canh năm, vừa bước chân xuống giường đá phải cái ống nhỏ ngã lẩn, ông hoá nhiên tỏ ngộ, liền chạy đến gõ cửa trượng thất của Tùng Duyệt và nói:

Bắt được giặc rồi!

Duyệt hỏi:

Tang vật ở đâu?

Ông nghĩ ngợi. Duyệt nói:

Đô Vận về ngủ đi.

Sáng sớm hôm sau, ông dâng bài tụng:

*Trống lặng chuông im ôm bát về
Nham Đầu bức bách như sấm vang
Quả nhiên chỉ được ba năm sống
Đâu phải gặp người thọ ký cho.*

Ông từ biệt không bao lâu, Duyệt quy tịch. Năm sau, ông được phong chức Tể tướng. Huy Tông năm Tuyên Hòa, tháng hai ông tâu xin thụ cho Tùng Duyệt, sai sứ cầm văn tế đến đọc trước tháp: “Ngày xưa Ngưỡng Sơn nói với Lâm Tế: “Ngày sau, đạo của ông thịnh hành khắp xứ Ngô, Việt nhưng gặp Phong thì dừng. Bốn đời sau đó Thiền sư Phong Huyệt Diên Chiếu. nghe lời sấm không vui. Về sau, được ngài Tĩnh Niệm, Chiếu vui mừng nói: “Chánh pháp Nhân Tạng nay đã có ông truyền thừa, ta chết cũng không ân hận”. Tĩnh Niệm ra hoàng hóa ở Thủ Sơn, thôn hoang chùa vắng, Tăng chúng chỉ mới hơn ba mươi người nhưng đạo tông nổi tiếng thiên hạ. Đối với Niệm Công, thầy là cháu sáu đời, đối với Vân Am thầy là đệ tử đích truyền. Quy củ Trụ Sơn đủ sánh ngang ngài Thủ Sơn, cơ phong mau lẹ chẳng thua gì Phong Huyệt. Gần đây tôi phụng mệnh đi sứ Gianh Tây, Ấn Độ, Tây An quen biết thầy trong núi Long An, nắm tay đàm luận suốt đêm dài, thấu suốt hết việc lớn ngày sau, chánh tông rạng rỡ, chỉ hận là gặp thầy quá muộn. Thế nhưng thầy vội vã ra đi, tiếc phước mình không bằng huệ nên chẳng thuận duyên, vui đức mình không bị mai một, nên đành phải chia tay. Về sau có những người như: Sơ Sơn, Liễu Thường, Đâu-suất, Tuệ Chiếu, Từ Vân, Minh Giám, Thanh Khê, Chí Ngôn đều giảng thuyết mỗi phương nổi tiếng đương thời. Lại có những người như: La-hán, Tuệ Nghi, Dương Kỳ, Tử Viên, Quảng Tuệ, Thủ Chân, Cám Xuyên, Trí Tuyên đều là những người hối tích ẩn cư, tự xét thân mình, Phong Huyệt được Tĩnh Niệm liền có thể nối tiếp thọ mạng của chư Tổ, nay các vị Long An cũng vậy. Sự hưng thịnh này lẽ đâu không có chân thân, linh cốt của Tiên Sư ư! Bởi đạo thịnh hành là do Tông lâm quy hướng, làm rạng rỡ Phật Tổ, trợ giúp giáo hóa, phát huy rạng rỡ thêm lên. Nay tôi đặc biệt xin với triều đình và được ban thụ là Chân Tịch Đại Sư. Than ôi! Chỉ tôi với thầy thân giao đạo hợp, nên không dám quên phận làm ngoại hộ. Dù rằng con đường sống chết rộng hẹp khác nhau, nhưng có được long ân của Thiên Tử thì may mắn cùng nhau thụ hưởng vậy. Ngưỡng mong giác linh thầy thọ nhận phước lộc này.

Trọng Ôn có lời tán rằng: Ôi! Làm hưng thịnh Nho tông nhưng lại sùng kính Phật đạo thì xưa nay chưa có ai bằng thầy. Bởi vậy nếu không phải người khéo tay thì làm sao phát huy, nếu chẳng phải bậc thượng căn thì dễ gì đương nổi. Đến như Khai Sơn dựng chùa, mở đại pháp thí, đã không quên đạo nghĩa của Tùng Duyệt mà lại còn được hậu thế tôn vinh. Mấy lời tỏ bày, thật lòng như vậy. Bởi đó âu cũng là lý do mà Chiếu Tông tôn sư trọng pháp vậy.”

Cơ duyên ôm bát: Lúc Tuyết Phong Nghĩa Tồn còn làm phạn đầu trong đạo tràng của Đức Sơn, ngày nọ Đức Sơn ôm bát đến trai đường, Tuyết Phong hỏi: “Chuông chưa khua, trống chưa đánh ôm bát đi đâu thế?” Đức Sơn nghe vậy liền quay về phương trượng. Tuyết Phong đem chuyện này kể cho Nham Đầu Toàn Khoát. Khoát nói: “Đại tiểu Đức Sơn chưa hiểu câu sau cùng”. Đức Sơn nghe vậy liền sai thị giả gọi Toàn Khoát lên và nói: “Ông không chịu lão tăng ư?” Toàn Khoát ngầm bày tỏ ý mình, Đức Sơn mới thôi. Hôm sau thượng đường, quả nhiên Đức Sơn không như người bình thường. Toàn Khoát đến trước tăng đường vỗ tay cười vang nói: “Vui nhỉ! Ông lão đường đầu đã hiểu thấu câu sau cùng, ngày sau thiên hạ chẳng lường được gã là người thế nào, thế nhưng chỉ sống được ba năm!” Ba năm sau, quả nhiên Đức Sơn quy tịch.

<i>Nhâm Thân: Nguyên Hựu năm thứ 7</i>	<i>Đại Liều: Hàm Ung năm thứ 28</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	---	---------------

Thiền sư Linh Nguyên Duy Thanh: Sư tham học với Thiền sư Hối Đường Tử Tâm ở Hoàng Long, tiếng tăm làm thị giả của Sư vang khắp tông lâm. Đến lúc này, năm Nguyên Hựu năm thứ bảy, Vô Tận Cư sĩ Trương Thương Anh đi thuyền từ Gianh Tây đến yết kiến Sư, phát hịch cho các quan ấp ở Phần Ninh cùng các vị tôn túc khuyến thỉnh Sư hoàng hóa ở Quán Âm, Long Hưng. Mệnh lệnh rất nghiêm, Sư ngụ ở Hưng Hóa bất đắc dĩ phải xuất đầu lộ diện dâng bài kệ từ chối:

*Không đất không dù nghèo thấu xương
Lợi sinh rất thẹn thiếu tâm anh
Kinh kỳ cửa thí e khó mở
Xin dưỡng thân tàn nơi núi sông.*

Hoàng Thái sử Lỗ Trực Ưu ở Lý Lư có gởi cho Hưng Hóa Hải Lão một tấm thiệp rằng: “Nhân đạo tràng Quán Âm còn trống, thượng Ty có nhã ý mời huynh Thanh, nếu huynh Thanh quyết lòng không đi cũng tốt. Bàn đào ba năm mới chín một lần, chớ hái mạn héo mà làm gì. Việc này, Hoàng Long, Hưng Hóa cũng phải trợ duyên cùng gánh một vai mới được, chớ đưa người lên cây cao rồi rút thang đi”.

Oánh Trọng Ôn La Hồ Lục tán rằng: Pháp đạo ở Gianh Tây thịnh trong những năm Nguyên Hựu bởi những người lẩn lút tông lâm đều là những bậc cao nhân, huống gì lẽ chọn người vượt trội đến như vậy”. Linh Nguyên dùng kệ ra sức từ chối, nhưng thái sử đã dùng trát

ngợi khen, đó là lời động viên chưa từng có vậy.

<i>Quý Dậu: Nguyễn Hựu năm thứ tám, tháng tám Thái hậu Cao Thị mất</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 29</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Giáp Tuất: Thiệu Thánh năm đầu</i>	<i>Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 30</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Ất Hợi: Thiệu Thánh năm thứ 2</i>	<i>Đại Liêu: Thọ Xương năm đầu, Đế gia phong Tôn hiệu, đổi niên hiệu</i>	<i>Tây Hạ</i>

Liêu: Đạo Tông Hồng Cơ gia hiệu là Thánh văn thân võ toàn công đại lược thông nhân hiếu tuệ Thiên Hựu Hoàng Đế. Năm Thọ Xương năm thứ hai, Đại Quốc Cửu Trưởng Tiêu Giải Lý tứ lang quân là người cưỡi ngựa bắn cung rất giỏi, hào kiệt không kiềm chế được, ông thường nuôi trong nhà đến mấy mươi người phạm tội chết. Họ thường theo ông đi săn ở đất Liêu. Đến phía Đông phía Tây quận, họ ăn uống tiêu xài cướp đoạt của những nhà giàu có. Ngày nọ bị tội, nước Liêu tróc nã gặt gao, ông tụ hợp đồ đảng làm cướp. Chưa đầy mười ngày đã có hơn hai ngàn người, họ đánh vây các châu như: Càn, Hiển vv... các đạo phát binh vây bắt. Ông lén dẫn đồ đảng chạy sang địa phận Sinh Nhữ Chân, (Dòng Nhữ Chân có chia ra Sinh và Thục. Người ở phía Nam Hồn Đông Giang thì gọi là Thục Nhữ Chân, là nơi A Cốt Đả ở. Người phía Bắc sông này gọi là Sinh Nhữ Chân là bề tôi nước Liêu). Giải Lý liền cấu kết với Đại soái Dương Cát mưu phản. Các đạo quân truy quét, nhưng đến đâu địa phận thì không dám tiến lên, tâu tình hình cho Bắc khu mật viện. Mật viện giáng trát cho Dương Cát phải toàn tâm giải quyết. Dương Cát dần dà đến mấy tháng, chỉ chém đầu Giải Lý sai con trưởng là A Cốt Đả dâng cho Liêu, không dâng nộp thủ cấp những người còn lại mà nói họ cũng đã bị giết hết. Nước Liêu bắt đực dĩ phong tước cho hai cha con Dương Cát. Từ đó cha con Dương Cát trong lòng cậy có công với Liêu, ngầm ôm lòng phản trắc, thôn tính các bộ tộc láng giềng để lấy vàng châu, ngựa quý. Lúc này ông thường hối lộ cho các bậc quyền quý để kết tình giao hảo.

* Mừng chín tháng sáu, Thiên sư Trùng Biện ở chùa Nam Hoa,

Thiền châu nhờ Long đồ các học sĩ Tô Thức viết thư cho Liễu Tông Nguyên nhờ soạn văn bia cho Lục Tổ Đại Giám Thiền sư. Tô Thức ghi thêm phía sau rằng: “Thích-ca dùng văn thiết giáo, giáo pháp dịch ở Trung Quốc đều nhờ đạo Nho mà bày tỏ ra. Cho nên các kinh điển Đại thừa đến Lăng-nghiêm thì khúc chiết tinh túy, thù thắng vi diệu vượt xa các kinh, đó là nhờ Phòng Dung bút thọ.” Liễu Tông Nguyên dời về Nam mới bắt đầu nghiên cứu Phật pháp, soạn văn bia cho các Thiền sư Tào Khê, Nam Nhạc, diệu tuyệt cổ kim. Từ nhà Đường đến nay, người thuật hành trạng Tổ Sư rất nhiều nhưng chưa ai thông suốt, chính xác như Liễu Tông Nguyên. Bởi xét những lời của ông rất hợp với đạo Mạnh Kha nên khiến người ta ban ngày thấy thì ban đêm thuộc ngay.

Tam Tháp: Năm này, Thiền sư Hựu ở viện Chân Như núi Vân Cư, Nam Khang sáng lập Tam tháp để an táng chư tăng, Sư sãi trong chùa, là nơi an táng hài cốt. Các nơi khác từ đó bắt chước làm. Hựu họ Vương, người Thượng Nhiêu, Tín châu nổi pháp Hoàng Long Tuệ Nam, Nam nổi pháp Từ Minh Sở Viên.

<i>Bính Tý:</i> <i>Thiệu Thánh năm thứ 3</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Thọ Xương năm thứ 2</i>	<i>Tây Hạ: Tháng mười,</i> <i>cử đại quân cướp phá</i> <i>đất Tống đến tận Diên</i> <i>châu</i>
<i>Đinh Sửu:</i> <i>Thiệu Thánh năm thứ 4</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Thọ Xương năm thứ 3</i>	<i>Tây Hạ</i>

Tô Thức bị biếm quan đến Đam châu. Tuệ châu Thái thú Phương Tử Dung phụng chiếu viết thư nói với Tử Chiêm rằng: “Người nhà phụng thờ Đại Thánh Tăng-già ở đất Hoài, đất Tứ rất kính cẩn, đêm trước ở trong mộng đến đây từ biệt và nói: “Tiên Tô Tử Chiêm qua Hải Nam”. Nay quả nhiên có chuyến đi này, số phận đã định, ông còn lo buồn làm gì!” Năm Nguyên Phù năm thứ ba, tháng sáu năm Canh Thìn, Tô Thức từ Hải Nam về, cư ngụ tại Thường châu, ngao du vùng Nghi Hưng. Trước khi bị đày, ông có dựng ngôi nhà ở gò phía Đông Hoàng châu, nhân đó lấy hiệu Đông Pha cư sĩ. Ngày hai mươi tám tháng bảy, niên hiệu Kiến Trung Tĩnh Quốc năm đầu, đời Huy Tông, Triều phụng lang đề cử thành đô phủ vương cục quán Tô Thức mất ở Thường châu.

<i>Mậu Dần:</i> <i>Nguyên Phù năm đầu.</i> <i>Tháng sáu đổi niên</i> <i>hiệu</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Thọ Xương năm thứ 4</i>	<i>Tây Hạ:</i> <i>Vĩnh An năm đầu</i>
<i>Kỷ Mão:</i> <i>Nguyên Phù năm thứ</i> <i>2</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Thọ Xương năm thứ 5</i>	<i>Tây Hạ:</i>

* Cao Tăng Đạo Tiềm ở Tiền Đường làm thơ gửi cho Văn Trung Công Tô Thức. Thức gọi ngài là Tham Liêu Tử, bởi thi, từ, dật, xướng, họa của ngài hình thể giống như Hàn Mặc. Đến khi Lã Thừa Tướng Công Trứ tâu xin Đế, ban cho ông hiệu Diệu Tổng, về sau hễ viết lách, ngài đều lấy hiệu Diệu Tổng Lão Sư. Những bia đá ở Giang triết còn ghi lại rất nhiều, nay chỉ ghi đại lược. Khi rời Tiền Đường, ngài có viết lại mấy dòng từ biệt rằng: “Gió hữu tình ngàn dặm cuốn triều đến, vô tình tiễn triều về. Hỡi trên sông Tiền Đường, Tây Hưng, Bồ Khẩu mấy độ bóng tà, chẳng dụng nghĩ suy. Xưa nay cúi ngựa người xưa trái, ai giống Đông Pha bạc đầu quên cơ. Nhớ hoài bờ tây Tây Hồ chính vì núi đẹp, trời xanh mây trắng, hẹn thi nhân cùng gặp. Mong như tôi với ông, hẹn năm khác đường biển về Đông, xin tạ nhĩ ý của ông, chớ có trái lời. Đường Tây Xuyên không nên quay đầu, làm tôi ướm áo.”

Thiền sư Oánh Trọng Ôn tán rằng: “Ôi! Tiểu sinh đời nay đối với bậc hữu đạo tông sư tất gọi tên mà biểu hiện lòng kính mạng, đâu biết một bài thơ của Văn Trung Công, Tăng còn kính trọng, hướng gì người chuộng đạo đức ư!” Oánh nối pháp Thiền sư Đại Tuệ Tông Cảo.

* **Pháp Sư Hữu Nghiêm:** Ngài ở chùa Sùng Thiện, Xích Thành, Thái châu, lui về dựng am bên gốc cây Tra, nên lấy hiệu là Tra Am, lòng nhớ về cố hương An Dững, có bốn bài thơ cảm được lòng người. Trong đó có một bài ghi:

Tây phương chân tịnh vốn nhà ta
Nay nhớ lối về mười vạn xa
Đường khách gặp ghềnh bao kẻ khốn
Phong trần lưu lạc mấy ai qua.
Cây báu bảy hàng, ngàn điệu nhạc
Ao thơm tám đức, bốn màu hoa

*Chớ lạ gần đây thường mộng thấy
Nhục vinh muôn việc chẳng phiền hà.*

Người đương thời tranh nhau truyền đọc. Bình sinh ngài dốc chí tịnh độ. Mùa hạ tháng tư niên hiệu Kiến Trung, Tĩnh Quốc năm đầu, đời Huy Tông, ngài sắp quy tịch, chợt thấy hoa sen lớn trong ao báu, nhạc trời trỗi vang bốn phía, ngài lặng lẽ quy tịch. Tác phẩm có: Đại Bộ Bị Kiểm bốn quyển, Tiên Nạn bốn quyển, Trợ Lãm bốn quyển, Hoặc Đối bốn quyển đều lưu hành ở đời.

<i>Canh Thìn: Nguyên Phù năm thứ ba. tháng giêng, Đế mất</i>	<i>Đại Liêu: Thọ Xương năm thứ 6</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	--	---------------

* Mùa Thu, tháng bảy, Liêu Đế bệnh nặng dạy cháu là Diên Hy rằng: “Nam triều giao hảo đã nhiều năm, tính cháu thẳng thắn, chớ có sinh sự.” Lại dặn đại thần: “Vua nối nghiệp nếu động binh, các khanh phải ra sức can ngăn.” Đế mất, ở ngôi bốn mươi sáu năm, miếu hiệu Đạo Tông Thụy là Thiên Phước Hoàng Đế.

Tống: Mùa Đông, sửa Thái Lăng. Các quan ở Lô Bình huyện Đăng Phong tâu xin lấy nhân công thừa này để sửa sang đạo tràng Thiếu Lâm ở Tung sơn vốn là nơi Đạt-ma Tổ sư ở. Từ Giám ty, quận huyện, quan chấp sự đến sĩ thứ đua nhau hưởng ứng, chỉ một ngày là xong, đặt tên là Diện Bích am, trồng hơn mười hai cây Linh Chi, mỗi cây một màu hoa lạ. Mưa ngọt trút đầy ao, ban đêm phát ánh sáng, bốn phía như Thiên cảnh đồng thời hiện ra, Đông Tây đến mấy mươi dặm. Hậu sơn cư sĩ Trần Sư Đạo viết bài ký: “Tôi, môn hạ của Khổng Thị, Nhan, Mẫn, Nhiễm đều không truyền. Sau Trọng Cung có Tuân Khanh, sau Tăng Dư có Mạnh Kha, sau Đoàn Bản Tứ có Trang Hư. Nhưng sau Trang, Mạnh, Tuân thì không nghe nữa. Họ Lý truyền xuống Quan Doãn, Doãn truyền xuống thì không nghe nữa. Họ Thích từ Năng Nhân xuống đến đời hai mươi tám là Đạt-ma, sáu đời nữa thì có Tào Khê, tính đến nay đã mười lăm đời rồi. Nhưng học trò của Nho Lão lại muốn sánh mình ngang với cội nguồn của họ Thích thì thật là sai lầm.

Thiền sư Hối Đường Bảo Giác: Sư húy Tổ Tâm, ngụ ở núi Hoàng Long, Long Hưng, quy tịch ngày mười sáu tháng 11. Sư họ Ổ, sinh ở

Nam Hùng, nối pháp Hoàng Long Tuệ Nam. Đệ tử đắc pháp với Sư có Thảo Đường Duy Thanh, Tử Tâm Ngô Tân, Thái sử Hoàng Sơn Cốc, Ngô Trung Lập.

Huy Tông: Húy là Kiệt, con thứ mười của Thần Tông, ban đầu được phong Đoan Vương, mười chín tuổi lên ngôi Hoàng Đế, ở ngôi hai mươi lăm năm. Mồng mười tháng sáu nhằm tiết Thiên Ninh, lúc này thừa hưởng thái bình đã lâu, Tô Hàng bày bàn đánh cờ, cha con Chu Miến dâng đá hoa cương sắp quanh Lương Nhạc Vạn Tuế Sơn. Dân gian một hoa một đá cùng hưởng lộc vua nhưng cấu kết nhận hối lộ, lòng tham không cùng. Sái Kinh làm Thái sử, nội thị Đồng Quán lãnh chức khu mật, nhận Lý Tự Lương người đất Yên ở nước Liêu cùng đem về, nói rằng có thể lấy được nước Liêu. Gặp lúc Nhữ Chân đến dâng lễ, mới hẹn cùng đánh Liêu. Kim đã diệt được Liêu, lại xâm phạm nước Tống. Đế nhường ngôi cho Thái tử, Thái tử tôn Đế làm thái Thượng hoàng, bị quân Kim đưa về bắc, giáng phong làm làm Thiên Thủy quận vương, mất ở Ngũ quốc thành. Niên hiệu Kiến Trung Tĩnh Quốc một năm, Sùng Ninh năm, Đại Quán bốn năm, Chính Hòa bảy năm, Trùng Hòa một năm, Tuyên Hòa bảy năm.

<i>Tân Ty:</i> <i>Kiến Trung Tĩnh Quốc</i> <i>năm đầu</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Càn Thống năm đầu</i> <i>Thiên Tộ lên ngôi</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	--	---------------

Liêu: Thiên Tộ lên ngôi, húy Diên Hy, là cháu của Đạo Tông, con của Tần Chủ Nguyên Cát, tự xưng là Thiên Tộ Hoàng Đế. Ông hoang dâm vô đạo, cuối cùng đất nước bị diệt vong.

Nhữ Chân: Dương Cát Thái sử mất trong năm này, con là A Cốt Đả lên ngôi.

Tục Đăng Lục: Mùa Thu, rằm tháng tám, Thiền sư Phật Quốc Duy Bạch chùa Pháp Vân, Biện Kinh tập hợp cơ duyên Tông Sư của các Thiền phái thành Tục Đăng Lục ba mươi quyển dâng Đế. Đế tự tay ban cho bài tựa. Trong ấy ghi: “Xưa Thích-ca Như Lai xuất thế, được Phật Nhiên Đăng thọ ký, sinh trong vương cung Tịnh Phạn, đưa tay chỉ trời đất, cơ duyên ấy rõ ràng ai cũng biết. Ngài dạo chơi bốn cửa, quán sát già bệnh, nên huyễn duyên liền tịch. Đến khi giảng đạo ở Kê Viên, Thứu Lĩnh, vô biên cảnh giới liền hiện ngay đầu sợi lông, vô lượng quyển kinh liền hiện ngay đầu mảy trần. Phía Tây bao trùm Thiên Trúc,

phía Đông chảy tràn Chấn Đán, biên tập thành sách. Thánh giáo của một thời tuy truyền cho Khánh Hỷ, niêm hoa vi tiếu thì Chánh pháp Nhân tạng chỉ phó chúc cho Âm Quang. Đạt-ma từ tây sang mới thật là Sơ Tổ. Sự truyền thừa từ hai mươi tám Tổ tây Ấn đến sáu Tổ Đông độ lại đến Tào Khê. Từ đó đạo ở Song Lâm càng rạng rỡ, dòng pháp tuôn chảy, từ Nam Nhạc, Thanh Nguyên trở xuống phân thành năm tông. Mỗi tông đều có môn phong ứng cơ tiếp vật. Tuy kiến lập không đồng nhưng hội quy chỉ có một, đều là tên nhọn cùng bày ra, roi ảnh cùng thi thiết, tiếp vật lợi sinh, khái ngộ rất nhiều. Nguồn phái rộng sâu, cành lá tươi tốt, nhưng chỉ có hai tông Lâm Tế và Vân Môn là thịnh hành nhất thiên hạ. Trăm năm giữ Thiên mệnh, gầy dựng đất nước, khâm ngưỡng Nghệ Tổ mở rộng Độ Môn ở Miên Ngụ, Thái Tông xiển dương bí nghĩa ở Phu Thiên, Chương Thánh truyền đăng nơi Cảnh Đức, Vĩnh Chiêu quảng đăng nơi Thiên Thánh, đều hoằng hóa chân phong, trợ giúp thần hóa nhằm thành tựu sự thịnh trị vô vi, mà Hoàng Thần Khảo còn hưởng phước không tông. Năm Nguyên Phong năm thứ ba, xuống chiếu cho chùa Đại tướng quốc dựng thêm hai chùa Thiền lớn, mở rộng Tuệ Lâm phía Đông, dựng thêm Trí Hải phía tây. Trong năm Nhâm Tuất, việt quốc Đại tướng công chúa và tập khánh quân tiết độ quán sát lưu hậu phò mã đô úy Trương Đôn lễ thỉnh, lại dựng thêm Pháp Vân Thiền tự ở phía Nam quốc đô, vì thế Tổ đạo sáng rỡ, Tông lâm cực thịnh. Học giả khắp nơi, ai mến mộ Thiền thì vân tập ở Thượng Đô. Nay Đôn lại thỉnh trụ trì chùa này là Thiền sư Phật Quốc Duy Bạch thám xét Tối Thượng thừa, tỏ rõ Đệ nhất nghĩa, nhiều lần được mời vào cung, ba phen lên tòa thuyết giảng, tuyên dương diệu chỉ, khéo hợp lý mâu. Xưa Thế Tôn thuyết giảng kinh Pháp Hoa, khai mở tướng lông trắng giữa chạng mày, quang minh chiếu soi một vạn tám ngàn thế giới ở phương Đông. Di-lặc thừa hỏi, Văn-thù quyết nghi, đó gọi là Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật vốn hiện điềm lành sáng rõ như thế. Người trì kinh này có Diệu Quang Pháp Sư, người chứng kinh này có Phổ Minh Như Lai. Nay dùng hai chữ Tục Đăng không ngoài hàm ý đèn đèn nối nhau, quang quang hỗ nhập. Ôi! Viên chứng biến giác vốn bao hàm cả mười phương, sinh diệt bóng bọt liền trầm luân trong ba cõi. Từ sáng tỏ mà trần trần phát trí, thức vọng theo nhau liền rơi vào luân hồi, thật đáng thương thay! Nếu hồi quang soi chiếu lại bên trong, phát chân về nguồn thì chính bộ Lục này vậy. Chỉ thẳng tánh tông, đôn truyền tâm ấn, được ngay trong chớp mắt, dâng ngay khi mở lời, đưa tay thì nâng cả thế giới Diệu Hỷ, đàn chỉ thì hiện lâu các trang nghiêm, thần thông diệu dụng thật không thể nghĩ

bàn vậy. Vui vì đại chúng cùng kết thắng duyên, xa lìa bến mê, thẳng lên bờ giác. Ấy là tấc lòng thành của Trầm vậy.”

Thiền sư Phật Quốc húy Duy Bạch, họ Nhiễm, sinh ở phủ Tỉnh Giang, nổi pháp Thiền sư Viên Thông Pháp Tú, Tú nổi pháp Thiền Y Nghĩa Hoà, Hoà nổi pháp Tuyết Đậu Trùng Hiển.

<i>Nhâm Ngọ:</i> <i>Sùng Ninh năm</i> <i>đầu</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Thiên Tộ lên</i> <i>ngôi. Càn Thống</i> <i>năm thứ 2</i>	<i>Nhữ Chân:</i> <i>Năm đầu của A</i> <i>Cốt Đả</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	---	---	---------------

Tống: Ban một bức thư hiệu ứng thiên hạ. Những bậc danh tăng thạc đức từ trước đến nay nếu chưa có tên Thụy thì các quan sở thuộc phải lập tức tâu lên để Đế ban cho Thụy hiệu, hạ chiếu cho thiên hạ dựng chùa Sùng Ninh ở Quân châu, sau đó đổi thành chùa Thiên Ninh. Đến Cao Tông đổi chùa Báo ân thành chùa Quang Hiếu.

<i>Quý Mùi:</i> <i>Sùng Ninh năm</i> <i>thứ 2</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Càn Thống năm</i> <i>thứ 3</i>	<i>Nhữ Chân:</i> <i>Năm thứ 2</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	--	--------------------------------------	---------------

Tống: Mùa hạ tháng 4, ban Thụy cho Đại Sư Từ Vân Tuân Thức ở chùa Thiên Trúc, Hàng châu là Pháp Bảo Đại Sư. Pháp Sư Phạm Trăn ở Nam Bình, thụy là Thật Tướng Pháp Sư. Luật sư Trường Chiếu ở núi Chung Nam, thụy là Pháp Tuệ Đại Sư.

<i>Giáp Thân:</i> <i>Sùng Ninh năm</i> <i>thứ 3</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Càn Thống năm</i> <i>thứ 4</i>	<i>Nhữ Chân:</i> <i>A Cốt Đả năm</i> <i>thứ 3</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	--	---	---------------

Lậu Trạch Viên: Mùa xuân tháng hai, Tống đế hạ chiếu cho các châu huyện trong thiên hạ lập ra Lậu Trạch viên để an táng khách tha phương không nơi nương tựa.

Ngự Tán Răng Phật: Mùa hạ, mồng năm tháng năm, Tống đế

rước rặng Phật Thích-ca ở chùa Đại Tướng Quốc vào trong cung cúng dường. Rặng Phật để trong bình thủy tinh kín, xá-lợi tuôn ra như mưa. Để dùng kệ tán:

*Đại Sĩ Thích-ca Văn
Hạt bụi trong hư không
Có cầu liền cảm ứng
Cõi nào chẳng phân thân
Ngọc sáng đập chẳng nát
Kim Cang luyện mới hoài
Con nay cung kính lễ
Nguyện cứu khắp mọi loài.*

Thiền sư Pháp Diễn: Mùa hạ, ngày hai mươi lăm tháng sáu, Sư thượng đường từ biệt đại chúng rồi quy tịch. Sư họ Đặng người Miên Châu, nối pháp Bạch Vân Thủ Đoan, Đoan nối pháp Dương Kỳ Phương Hội, Hội nối pháp Từ Minh Sở Viên, thuộc đời năm thứ chín tông Lâm Tế. Nối pháp của Sư có Phật Quả Viên Ngộ Khắc Cần, Phật Giám Tuệ Cần, Phật Nhân Thanh Viễn. Đời gọi họ là Tam Phật. Nối pháp Pháp Viễn có Hoàng Long, Mục Am Trung, nối pháp của Trung có Phổ Am Bồ-tát Ấn Tiêu.

Long Môn Tam Tự Tĩnh: Thiền sư Phật Nhân Thanh Viễn ở Long Môn hằng ngày suy nghĩ ba điều để cảnh tỉnh mình. Một là thọ mệnh của thân này như bóng câu qua khe hở, đầu rảnh để vọng tình làm việc tạp nhạp, muốn hưng thịnh Thích chủng phải tiếp nối môn phong, quán sát kỹ Tiên tông là tiêu cách gì. Hai là đạo nghiệp chưa thành, cách Thánh càng xa, thầy hay bạn tốt không thể rời bỏ, tự mình tinh tấn, nhớ Phật ân đức, chỉ mình tự biết, không thối thất đại tâm. Ba là báo duyên hư huyễn, đầu thế cưỡng cầu, đời người mấy lúc, tùy thuận cảnh duyên, khổ vui thuận nghịch, đạo ở trong ấy, động tĩnh lạnh nóng, tự thẹn tự hối.

<i>Ất Dậu Sùng Ninh năm thứ 4</i>	<i>Đại liệu Càn Thống năm thứ 5</i>	<i>Nữ Chân A Cốt Đả năm thứ 4</i>	<i>Tây Hạ</i>
---------------------------------------	---	---------------------------------------	---------------

Tổng: Mùa thu tháng tám, đúc xong Cửu Đỉnh, soạn nhạc lấy tên là Đại Thạnh.

<i>Bính Tuất:</i> <i>Sùng Ninh năm</i> <i>thứ 5</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Càn Thống năm</i> <i>thứ 6</i>	<i>Nhữ Chân:</i> <i>A Cốt Đả năm</i> <i>thứ 5</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Đình Hợi:</i> <i>Đại Quán năm</i> <i>đầu</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Càn Thống năm</i> <i>thứ 7</i>	<i>Nhữ Chân:</i> <i>A Cốt Đả năm</i> <i>thứ 6</i>	<i>Tây Hạ</i>

Tống: Đế hạ chiếu cho Thiền sư Đạo Giai ở Thập Phương Tịnh Nhân Thiền viện thuộc Tả Nhai làm trụ trì chùa Thiên Ninh. Khai Phong phủ doãn Lý Hiếu Thọ tâu xin ban cho ngài y tía và hiệu là Định Chiếu Thiền Sư. Ngài tạ ân xong, dâng biểu chối từ không dám trộm nhận ân sủng. Đế lại sai Hiếu Thọ cầm thơ có đóng ngọc tỳ đến phủ dụ, ngài nhất định không chịu. Đế nổi giận bắt ngài giam vào ngục. Hữu Ty hỏi: “Trưởng lão có bệnh ư? Nếu bệnh thì miễn tội!” Đạo Giai đáp: “Bình sinh tôi chưa từng nói dối, nay lẽ đâu cầu thả nhận mình bệnh.”

Ngài vui vẻ chịu phạt. Năm sau được tha, ngài liền dựng am ở Hồ Thượng, Phù Dung. Người học mỗi ngày một đông, Đế ban chỗ ngài ở là Hoa Nghiêm Thiền tự. Ngài họ Thôi, sinh ở Nghi Châu, ban đầu vân du đến kinh đô, ngụ ở chùa Thuật Đài, thi Hoa Nghiêm được độ làm tăng, đắc pháp và nối pháp với Thiền sư Thanh ở núi Đầu Tử. Ngày mười bốn tháng năm niên hiệu Trung Hòa năm đầu, ngài quy tịch. Đan Hà Tử Thuần ở Đặng châu nối pháp. Thuần có hai đệ tử là Chân Hiết Thanh Liễu và Thiên Đồng Chánh Giác. Cao Tông Thiệu Hưng năm thứ hai mươi bảy, Thiên Đồng ra từ biệt Minh Việt quận hầu, mồng mười tháng mười, Sư trở về chùa. Đến ngày mười một, viết thư nhờ Đại Tuệ Tông Cảo làm chủ hậu Sự, Sư ném bút quy tịch. Răng tóc và đạo cụ của ngài đều phát xá-lợi, môn nhân an táng toàn thân Sư ở Đông cốc.

<i>Mậu Tý:</i> <i>Đại Quán năm</i> <i>thứ 2</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Càn Thống năm</i> <i>thứ 8</i>	<i>Nhữ Chân:</i> <i>A Cốt Đả năm</i> <i>thứ 7</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	--	---	---------------

Tống: Sái Kinh được phong chức Thái sử. Đồng Quán được gia phong chức tuyên phủ của các lộ như: Vũ, Khang, Hy, Hà. Nội thị lộng hành từ đó. Tháng năm, Gia Phong Quán làm Kiểm hiệu Tư không, đổi qua trấn ở Thái Ninh. Từ đó, Quán cậy có công nên đặt ra quan văn, tướng võ, không coi triều đình ra gì.

Triết Tây, Hồ châu có Thiệu Tông Ích mổ con trai, trong ấy có hạt châu hiện ra tượng A-la-hán đắp y để trần vai phải, nghiêng đầu nhìn về bên trái, y phục đủ cả. Tăng tục vừa thấy vừa sợ vừa mừng, họ đem về thờ ở chùa Từ Cảm Thiên Thai ở Thành Nam. Chùa này gần khe suối, trong năm Kiến Viêm, hiền sử Dương Ứng Thành lấy việc này làm chuyện vui nói với khách, bất giác con trai ấy nhảy ra khỏi chậu, lủi tuốt xuống suối. Về sau, suối cạn, cát trắng xóa, nhờ vậy bắt lại được, dựng lầu gác an trí nó.

Cúng Tăng nhận được vàng: Luyện Đường Cư sĩ Hồng Khánh Thiện giữ chức Giang Đông Sứ Tiết. Đêm nọ, ông qua đêm ở Mai Sơn, Trì châu. Thiền sư Ngu Khâu Tông đón ông về chùa đàm đạo suốt đêm. Hồng hỏi:

Việc cúng dường, ý chỉ nằm ở kinh nào?

Tông đáp:

Kinh Tứ Thập Nhị Chương. Trong ấy ghi: “Cúng thức ăn cho một trăm người thường, không bằng cúng cho một người thiện. Cho đến cúng cho ngàn ức ba đời chư Phật không bằng cúng cho một người vô trụ vô tác vô chứng”. Bởi vô tu chứng thì chánh niệm riêng thoát, nên cúng dường cho người này thì công đức vượt hơn cúng dường chư Phật. Bởi vậy những bậc tiền bối hầu như ai cũng biết ý chỉ này.

Hồng hỏi:

Những người đó là ai?

Tông đáp:

Gần đây có Tần Thiếu Du khi bị biếm đến Đằng châu có làm bài Văn Chương, trong đó có câu: “Ai là người cúng cho Tăng, Đạo.” Đông Pha nghe vậy liền gởi thư và tặng ông năm lạng bạc, dặn Phạm Nguyên Trường đem cúng dường Tăng, cầu phước cho Tần Thiếu Du. Đến khi Đông Pha về Bắc, đi đến Tỳ Lăng thì bệnh nặng, Thái học sinh góp tiền cúng dường Tăng ở chùa Tuệ Lâm, Đông Kinh. Tô Hoàng Môn soạn Đông Pha Mộ Chí, đầu tiên ghi lại việc này.

Hồng hỏi:

Việc nhận được vàng có gì làm bằng chứng?

Tông đáp:

Ông lẽ đâu không thấy nai kêu, yến hạp bầy, bầy tôi mến khách” trong Mao Thi, Tiểu Nhã? Đãi cho ăn uống, lại còn ban cho gấm lụa đến mấy sọt, mấy thùng, nhằm biểu lộ hậu ý. Bởi chỉ cho ăn uống chưa đủ gọi là tận kính mà phải tặng thêm gấm lụa vàng bạc để tỏ lòng ân cần. Thế nên trong số văn cúng dường trai tăng của Tụng Đình Tấn Công viết rằng: “Phật buông đại trí, Đạo dưỡng quần sinh, phạm muốn cứu cơn nguy ách, tất phải đặt mình trong hoàn cảnh đó. Cho nên bạch y hưởng lộc, nắm đến quyền cao Tể tướng, Đế vương ban ân là nhờ hưởng ân cao của Tiên hoàng. Áo cổn của Bồ Trọng Sơn thẳng thắn vừa lòng, bát canh của Hòa Phó Thuyết khó vừa miệng người ta. Từng ở nơi ngủ nghỉ chợt mộng thấy Thanh dung (Phật) chỉ dạy rõ ràng, khiến tâm trần nhưng liền tỏ ngộ. Nghi dung rạng rỡ, hận mình là mắt phạm nên nào đâu biết. Bởi vậy, Trí Vĩnh trọn đời cẩn thận nhưng cuối cùng bị hại xa, đến khi hại tới, chẳng ngờ lại thành nạn, phải làm tội nhân bị giải lên Tây kinh, nhưng cảm được Thánh ân liền được tha tội. Đến như Nam Duệ một lòng tận hiếu trung liệt, lỗi tự mình chuốc, oan nghiệt đâu phải do ai gây. Nhìn gia nghiệp một đời tan hoang, muôn dặm ngược xuôi, biết tìm ai che chở. Đã làm một bề tôi phụ quốc vong ân, mà tài kinh bang tế thế trọn đời cũng bị mai một. Lộ trình khởi đầu từ đất Tương, Đạo phát xuất từ Linh Sơn, ngay trong thân phiến não này chợt nhận được đồ chứng thanh tịnh, mới hay giàu có khó bảo tồn được trước sau, vinh hiển giàu sang tốt bực đâu bằng vị ngon một bát canh. Đem thân quy mệnh, cung kính kiên thành, cúng dường bạch kim, sắm sửa trai nghi, dâng cúng cao Tăng thực đức là mong báo đáp ân từ cao sâu, bảo hộ chúng Tăng chứ không có tâm gì khác. Cuối mong trời soi đến Nam quyển, ân trùm khắp Hạ lâm, tha muôn dân nơi biên địa như quỷ hưởng phước nơi trần gian, ban lộc nơi Trung hạ, tuổi vàng cũng được cảm ân sâu, nhất tâm đầu thành, trọn phần pháp lực”.

Hồng nói:

Trước đây tôi đọc trong Danh Thần truyện, chỉ thấy hai câu chuyện áo cổn của Bồ Trọng Sơn và bát canh của Tri Phó Thuyết mà thôi, nay mới nghe đầy đủ, không ngờ họ chí thành cầu nguyện đến như thế (Theo Cẩm Sơn Vân Ngọa Ký Đàm).

Cao tăng Minh Toản ở chùa Hoàn Nhạc, tính vốn lười biếng, lại tham ăn.” Lý Bí lấy làm lạ đến yết kiến ngài. Ngài khêu đồng lửa lấy củ khoai chuối đưa cho Bí một nửa, Bí nói: “Người này sẽ giữ chức Tể tướng trong mười năm!”.

<i>Kỷ Sửu:</i> <i>Đại Quán năm</i> <i>thứ 3</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Càn Thống năm</i> <i>thứ 9</i>	<i>Nhữ Chân:</i> <i>A Cốt Đả năm</i> <i>thứ 8</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	--	---	---------------

Tống: Pháp sư Từ Biện: Húy Tùng Giác đệ tử nối pháp đời năm thứ hai của Tứ Minh Pháp Trí. Từ năm Nguyên Phong, Nguyên Hựu đến Đại Quán, ngài trụ ở Thượng Trúc cả thảy hai mươi bốn năm sau đó lui về ở ẩn tại Thọ Thánh, Xử Châu. Ngày hai mươi bảy tháng mười hai năm này, ngài quy tịch. Đệ tử nối pháp có mười người. Trong đó Trạch Khanh, Tề Bính ở Tây Triết hoằng hóa thịnh nhất (Theo Giáo Lạc Hạnh Lục).

<i>Canh Dần:</i> <i>Đại Quán năm</i> <i>thứ 4</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Càn Thông năm</i> <i>thứ 10</i>	<i>Nhữ Chân:</i> <i>A Cốt Đả năm</i> <i>thứ 9</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	---	---	---------------

Canh Dần:

Đại Quán năm thứ 4 Đại Liêu:

Càn Thông năm thứ 10 Nhữ Chân:

A Cốt Đả năm thứ 9 Tây Hạ

Tống: Tháng sáu cử Trương Thương Anh vào chức Tế tướng. Lúc này trời đại hạn đã lâu, đêm ấy bỗng nhiên mưa lớn. Đế tự tay viết hai chữ Thương Anh thật lớn và ban cho ông. Tháng tư năm sau, ông thôi giữ chức. Tuyên Hòa năm thứ tư, ông mất, hiệu là Vô Tận Cư Sĩ. Ngày ông trụ ở Kinh Nam thường tự học, tự tu, lãnh ngộ ít nhiều. Viên Ngộ đi thuyền đến gặp ông, hai người luận bàn ý chỉ của Hoa Nghiêm. Viên Ngộ nói:

Cảnh giới hiện lượng của Hoa Nghiêm, sự lý đều toàn chân. Đầu tiên không có giả pháp, nên một tức là vạn, tỏ vạn thành một, một lại một, vạn lại vạn, mênh mông không cùng. Tâm, Phật, chúng sinh ba nhưng không sai biệt, co duỗi tự tại, vô ngại viên dung. Đó là yếu chỉ cực tấ, không bị gió thổi sóng cuộn.

Vô Tận nghe xong, bất giác chạy sát đến ngài. Viên Ngộ liền hỏi: “Đến chỗ này thì ý Tổ Sư tây lai giống hay khác?”

Ông đáp:

Giống.

Viên Ngộ nói:

Chẳng dính dáng!

Ông tỏ vẻ giận. Viên Ngộ nói:

Ông không thấy.

Vân Môn nói: “Núi sông đại địa chẳng mảy may lỗi lầm”. Đây vẫn là câu chuyển ngữ, hề chẳng thấy một sắc, đó mới là bán đề, cần phải biết có hưởng thượng toàn đề thời tiết. Đức Sơn, Lâm Tế kia chẳng phải toàn đề đó ư?

Ông nghe vậy gật đầu. Sáng sớm hôm sau, hai người cử lại sự pháp giới, lý pháp giới, đến lý sự vô ngại pháp giới, Viên Ngộ lại hỏi:

Đến chỗ này có thể nói thiền được không?

Ông đáp: “Chính là lúc nói Thiền”. Viên Ngộ cười nói: “Không đúng! Đây chính là ở trong pháp giới lượng, bởi vì pháp giới lượng chưa diệt. Nếu đến sự sự vô ngại pháp giới thì pháp giới lượng mới diệt, lúc đó mới chính là lúc nói Thiền. Thế nào là Phật? Que phân khô! Thế nào là Phật? Ba cân mè! Cho nên Chân Tịnh có bài kệ:

Sự sự vô ngại, như ý tự tại

Tay cầm đầu heo, miệng tụng tịnh giới

Bước khỏi phùng dâm, chưa trả tiền rượu

Ngay ngã tư đường mở toang bị vải.

Vô Tận nghe xong khen: “Hay thay! Lời này đâu dễ được nghe!”

La Hồ tán rằng: “Ồi! Viên Ngộ dung thông Tông giáo đến như vậy, nếu chẳng phải tông, thuyết đều thông thì làm sao nói được như thế.” (Theo Oánh Trọng Ôn La Hồ Lục).

Thiền sư Viên Ngộ: Sư họ Lạc, húy Khắc Cần, người Bành châu, ngụ chùa Chiêu Giác, phủ Thành Đô, Tây Xuyên. Gia thế Sư theo đạo Nho, lúc nhỏ mỗi ngày đọc thuộc cả vạn lời, nhân đến chùa Diệu Tịch dạo chơi, thấy kinh Phật liền cảm kích và xuất gia. Sư được ngài Tự Tĩnh thế phát, theo Pháp sư Văn Chiếu học thông giảng thuyết, theo ngài Mẫn Hạnh học Lăng-nghiêm. Sư rời đất thực, đầu tiên yết kiến Thiền sư Ngọc Tuyên, kế đến y chỉ Thiền sư Kim Loan Tín, Đại Quy Triết, Hoàng Long Tổ Tâm, Đông Lâm Thường Tổng. Ai nấy đều khen ngợi Sư. Hối Đường nói: “Ngày sau cả tông Lâm Tế đều thuộc về ông.” Sau cùng Sư đến Kỳ châu, yết kiến Thiền sư Pháp Diễn ở núi Ngũ Tổ, lãnh hội hết yếu chỉ. Lúc này là năm Sùng Ninh, Sư về lại quê nhà. Thành đô sủng hàn lâm Quách Tri Chương thỉnh Sư khai pháp ở chùa Lục Tổ rồi chùa Chiêu Giác. Đầu năm Chính Hòa, Sư gác mọi chuyện

lại vân du đến Thiển Nam. Lúc này Vô Tận Cư Sĩ Trương Thương Anh ngụ ở Kinh Nam. Sư đến gặp cùng luận bàn Hoa Nghiêm, Vô Tận kính tín đánh lễ và giữ Sư ở lại Bích Nham. Sau Sư dời qua Đạo Lâm. Khu mật Đặng Tử Thường tâu Đế xin ban cho Sư y tía và hiệu. Đế xuống chiếu thỉnh Sư trụ ở Tường Sơn, Kiến Khang, ban sắc lệnh bổ nhiệm Sư vào chùa Vạn Thọ ở Thiên Ninh, Biện kinh. Đế triệu Sư đến ban thưởng rất hậu. Đầu năm Kiến Viêm, Sư dời về Kim Sơn ở Trấn Giang. Gặp lúc Cao Tông xa giá đến Dương châu, triệu Sư vào ứng đối, ban cho Sư hiệu Viên Ngộ Thiền Sư. Sư dời về Vân Cư ở Gianh Tây, được thời gian lâu lại về lãnh chúng ở Chiêu Giác. Tháng tám năm Thiệu Hưng năm thứ năm, đời Cao Tông, Sư có chút bệnh, ngôi kiết già, viết kệ từ biệt chúng rồi ném bút thị tịch. Môn nhân trà-tỳ, lưỡi và răng của Sư không cháy, xá-lợi ngũ sắc vô số, tháp được dựng bên cạnh chùa Chiêu Giác, Đế ban thụy Chân Giác Thiền Sư. Sư nối pháp Ngũ tổ Pháp Diễn, Diễn nối pháp Bạch Vân Thủ Đoan, Đoan nối pháp Dương Kỳ Phương Hội, Hội nối pháp Từ Minh Sở Viên đều thuộc dòng Lâm tế.

<i>Tân Mão:</i> <i>Chính Hòa năm</i> <i>đầu</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Thiên Khánh</i> <i>năm đầu</i>	<i>Nhữ Chân:</i> <i>A Cốt Đả năm</i> <i>thứ 10</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Nhâm Thìn:</i> <i>Chính Hòa năm</i> <i>thứ 2</i>	<i>Thiên Khánh</i> <i>năm thứ 2</i>	<i>Nhữ Chân:</i> <i>A Cốt Đả năm</i> <i>thứ 11</i>	<i>Tây Hạ</i>

Tổng: Thái sư Sở Quốc Công Sái Kinh rất khoái ăn thịt chim thuần, thường nuôi sẵn trong lồng nung ăn. Ông từng mộng thấy mấy ngàn chim thuần đến trước mặt ông chửi mắng. Có một con lên tiếng:

Cơm đầy trong bát ông
Thịt đầy dưới đĩa ông
Bát canh mấy trăm mạng
Sống chết xoay vòng vòng
Xem ông thọ ngàn tuổi
Họa phước nằm bên hông.

Sái kinh hoảng sợ. Mùa thu tháng chín, Tổng đế đổi chức Thái tử, Thiếu tử thành Tả Hữu bộc xạ.

<i>Quý Ty: Chính Hòa năm thứ ba. Mùa xuân tháng ba, Vương An Thạch được tiến cử làm Thư Vương</i>	<i>Đại Liêu: Thiên Khánh năm thứ 3</i>	<i>Nhữ Chân: A Cốt Đả năm thứ 12</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	--	--------------------------------------	---------------

Tống: Đại sư Tịnh Trí Tuệ Quang trụ trì Diệu Tuệ ni tự ở Đông Đô. Ngài họ Phạm, sinh ở Thành Đô. Người soạn sách lấy hiệu Đường Giám chính là thúc phụ của ngài. Năm nay, Đế tử trong cung mang pháp y ca-sa ban cho các vị Trưởng lão, Thiền sư, ngài cũng tham dự. Nhân đó, Đế thỉnh các vị thuyết pháp, ngài được lên tòa sau cùng. Lên tòa hỏi đáp xong, ngài quay lại nói với đại chúng: “Nếu luận về nói thiền nói đạo thì các đại Thiền sư đã nói hết rồi, đến chỗ này bảo Sơn tăng nói gì đây chứ! Các ông lẽ đâu không thấy Tiên đức nói: “Ngàn thứ muôn lời tỏ bày là muốn dạy cho các ông thường đừng mê muội.” Tuy là như thế nhưng rốt cuộc phải làm thế nào?” ngài liền đội pháp y lên đầu. Giây lâu nói: “Áo nấp che đầu thôi muôn việc, lúc này Sơn tăng chẳng hiểu gì!” Nói xong, ngài xuống tòa. Khi đó thánh chúng đến hơn một vạn Tăng tục, không ai không thán phục ngài. Vì vậy, xá nhân Hàn Tử Thương viết bài minh trên tháp, tôn xưng ngài là bậc nghe nhiều, giỏi biện. Tháp được dựng ở cao nguyên Thánh Tướng thuộc Tây Sơn, Dự châu.

Tống: Tháng tư, ở Gia châu Tây Thục đến tâu: “Gió đánh gãy đại thụ khô, trong đó có vị Tăng đang nhập định, râu tóc móng tay móng chân quấn kín quanh thân! Đế sai đưa về kinh đô. Mùa thu tháng tám, nghinh vào cấm cung. Dịch kinh viện Tam tạng Đại sư Kim Tổng Trì đánh khánh vàng, người ấy nghe liền xuất định, nói: “Tôi là Tuệ Trì em của Pháp sư Tuệ Viễn ở Đông Lâm, nhân vân du núi Nga My, vào nhập định trong gốc cây này, Viễn Công vẫn mạnh khỏe chứ?” Tam tạng đáp: “Viễn Công là người thời Đông Tấn quy tịch đã bảy trăm năm rồi!” Tuệ Trì nghe vậy không nói gì. Tam tạng hỏi tiếp: “Nay ngài muốn về đâu?” Trì đáp: “Huyện Trần Lưu”. Nói xong, ngài nhập định lại. Đế theo lời, an táng ngài ở huyện Trần Lưu. Đế sai thêu tượng ngài, ban hành khắp thiên hạ, ngự chế ba bài tán:

Bảy trăm năm trước hiện cơ phong

Nhập yên trong định mấy ai hay
 Khác nào quả dếp về Tây đó
 Sinh tử lẽ đâu vương thân này,
 Ẩn ở núi khe ẩn cả thân
 Thiên hạ không ẩn đạo tiến gần
 Đâu chỉ Trang Chu thôi nghĩ nghĩ
 Trong cây chẳng phải phụ hậu nhân,
 Thân hữu tình chẳng phải vô tình
 Nhập thân trong định dứt sở năng
 Hiểu được Bồ-đề bốn vô thụ
 Chẳng cần lao nhọc hỏi Tuệ Năng.

<i>Giáp Ngọ:</i> Chính Hòa năm thứ 4	<i>Đại Liêu:</i> Thiên Khánh năm thứ 4	<i>Nhữ Chân:</i> A Cốt Đả năm thứ 19. Mùa thu tháng tám phản nước Liêu	<i>Tây Hạ</i>
--	--	--	---------------

Nhữ Chân: Tức nước Kim, vốn người Tân La, lấy hiệu là Hoàng Nhan thị. Hoàng Nhan giống như Hán gọi là Vương. Họ nhiều đời làm tù trưởng, làm quan cho Đại Liêu ngót hai trăm năm, được thế tập chức Tiết độ sứ. Từ Kham Phước xuống đến đời năm thứ tư, họ lấy con gái của Nhữ Chân sinh được hai người con. Con trưởng là Hồ Lai, Hồ Lai sinh được ba con. Con trưởng là Hạch Lý, con kế là Bồ Thích Thúc, con út là Dương Cát sinh được ba con, con trưởng là A Cốt Đả, con thứ là Ngô Khất Mã, con út là Tư Cải. Tư Cải sinh ra Niêm Hãn. Dòng Nhữ Chân đến Dương Cát Thái sứ thì mới xưng hùng các bộ tộc. Năm Bính Tý, Tiêu Giải Lý cướp phá các bộ tộc, Liêu vây bắt bèn chạy đến địa phận của Sinh Nhữ Chân. Liêu lệnh cho Dương Cát phải đánh giết. Dương Cát chỉ chém đầu Giải Lý, sai con trưởng dâng thủ cấp cho Liêu. Từ đó, Dương Cát trong lòng cậy có công, âm mưu phản nghịch. Dương Cát chết. Năm mà A Cốt Đả lên kế ngôi cũng vừa lúc Liêu chủ Thiên Tộ ngang ngược tàn ác, trên dưới hoang dâm. Thừa Tướng Lý Nghiễm, Tiêu Phụng Tiên tham lam vô độ. A Cốt Đả thừa hưởng Sự giàu sang sung túc của cha là Dương Cát nên binh mạnh, ngựa khỏe, bèn có ý đồ mưu phản. Trước đây, địa phận của Nhữ Chân đông bắc tiếp giáp với Ngũ quốc, phía Đông của Ngũ quốc nối liền biển lớn. Nơi đây sản

sinh loài chim ưng từ biển bay vào. Người ta thường gọi nó là Hải đông thanh. Giống chim này tuy nhỏ nhưng nhanh nhẹn lạ thường, có thể bắt sống được ngỗng vịt. Móng chân nó cứng sắc hơn những loài chim khác. Người nước Liêu rất thích. Thiên Tộ lên nối ngôi, bắt triều cống còn hà khắc hơn, bắt dân ở đây phải bắt hết loài chim ưng để dâng hiến. Nhữ Chân phải đến Ngũ quốc đánh nhau mới bắt được. Dân chúng oán thán. Các tướng soái ở biên cảnh ngày nào cũng phát hịch sai người đến đòi lễ vật. Các bộ tộc oán hận, muốn phản nước Liêu, ngầm cấu kết với A Cốt Đả dấy binh làm loạn. Đến mùa thu tháng tám năm Giáp Ngọ, A Cốt Đả bắt đầu khởi binh, dùng Niêm Hãn, Hồ Xá làm mưu sĩ; Ngân Mộc Cát; Di Liệt Lâu, Túc Xà Mẫu vv... làm tướng soái, đem hai ngàn giáp mã đánh vào phủ Ninh Giang ở phía Đông Hồn Đông Giang. Thiên Tộ sai tướng đem binh đi chặn nhưng đều thất bại, cuối cùng mất Ninh Giang châu. A Cốt Đả đang dẫn binh đánh tới. Mùa thu tháng tám năm Ất Mùi, Liêu chủ Thiên Tộ hạ chiếu thân chinh. Tộ dẫn quân đi từ Trường Xuân. Đêm nọ, gươm giáo trong quân bỗng phát sáng, khi ấy Quách Sùng Thao bảo: “Lửa ra binh vào đó là điềm phá giặc.” Thiên Tộ nghe nói vui mừng tin ngay. Tháng mười một, Tộ dẫn binh đánh với Nhữ Chân nhưng bị đại bại, một ngày một đêm chạy đến năm trăm dặm, đành lui về giữ Trường Xuân. Nhữ Chân thừa thắng thôn tính Bột Hải, Liêu Dương vv... cả thảy năm mươi bốn trường châu. (Trường Bạch Sơn, Hồn Đông Giang thuộc Hàm Bình phủ, Khai Nguyên lộ, Liêu Dương ngày nay).

<i>Ất Mùi:</i> <i>Chính Hòa năm thứ năm.</i> <i>Tháng hai, lập Định</i> <i>Vương Tương làm hoàng</i> <i>Thái tử</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Thiên</i> <i>Khánh năm thứ</i> <i>5</i>	<i>Nhữ Châu:</i> <i>A Cốt Đả năm</i> <i>thứ 14</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	--	--	---------------

Tống: Tháng tư, Pháp sư Minh Trí Trung Lập ở viện Diên Khánh, Minh châu quy tịch. Lập nối pháp của Thần Trí Giám Văn. Văn nối pháp của Quảng Trí Thượng Hiền. Ba đời đều kế thế trụ trì Tổ Đình Diên Khánh, đến Trung Lập thì đạo pháp càng thịnh. Triều Thuyết Chi

viết bài minh trên tháp.(Theo Tổ Đình Tháp Minh).

Tống: Pháp sư Vĩnh Đạo ở viện Hương Tích, Tả Nhai được Đế ban hiệu Bảo Giác Đại Sư (Theo Đạo Tam Tạng Pháp Sư truyện).

Thiền sư Tử Tâm: Sư họ Vương, húy Ngô Tân, người Thiều châu, ngụ ở núi Hoàng Long, Hưng Long phủ. Lúc sinh ra đã có cục thịt màu tía nổi cao trên vai trái của Sư, vai phải để trần, giống như đấng y Tăng-già-lê. Lớn lên, Sư xuất gia với ngài Đức Tu ở viện Phật-đà, thọ Cụ túc, du phương yết kiến Thiền sư Hối Đường Tổ Tâm, lãnh ngộ pháp yếu, nối pháp Hối Đường. Lúc này, ngày mười ba tháng mười hai năm Ất Mùi, Sư thị tịch. Môn nhân trà-tỳ, xá-lợi ngũ sắc vô số. Về sau có người ngang qua nơi trà-tỳ ấy nhặt được rất nhiều xá-lợi dựng tháp Sư ở phía Bắc trượng thất của Hối Đường.

Thiền sư Trạng Đường Văn Chuẩn: Sư họ Lương, húy Văn Chuẩn, người Hưng Nguyên, ngụ ở Bột Đàm, phủ Long Hưng. Sau khi thọ Cụ túc, Sư du phương yết kiến Thiền sư Chân Tịnh Văn, hầu hạ mười năm. Một hôm, Sư dùng gậy khơi mương, nước văng lên áo, hoát nhiên đại ngộ. Hiến Mô Lý Cảnh Trực làm Thái thú Dự Chương thỉnh Sư khai pháp ở Vân Nham, rồi dời về Bột Đàm. Đến lúc này, ngày hai mươi lăm tháng mười năm Chính Hòa năm thứ năm, Sư thay áo, nói kệ và thị tịch. Lúc trà-tỳ, trông mắt, răng, chuỗi hạt của Sư không cháy. Xá-lợi sáng sạch, trong suốt. Môn nhân dựng tháp phía Bắc Nam Sơn. Vô Tận Cư sĩ Trương Thương Anh soạn bia ghi hành trạng. Thiền sư Đại Tuệ Tông Cảo lúc còn làm Thiền khách từng thỉnh Sư. Sư nối pháp Thiền sư Chân Tịnh Văn, Văn nối pháp Hoàng Long Tuệ Nam.

<i>Bính Thân:</i> Chính Hòa năm thứ 6	<i>Đại Liêu:</i> Thiên Khánh năm thứ 6	<i>Nhữ Chân:</i> A Cốt Đả năm thứ 15	<i>Tây Hạ</i>
---	--	--	---------------

Tống: Mùa thu, mồng một tháng chín, Luật sư Linh Chi Nguyễn Chiếu ở Hàng châu quy tịch, thọ sáu mươi chín tuổi, tăng lạp năm mươi mốt hạ. Môn nhân an táng ngài ở phía tây bắc chùa Linh Chi thụy là Đại Trí. Lưu Đảo viết bài minh trên tháp. Quang Diễn soạn văn bia thuật hành trạng của ngài. Tôn Dịch lập bia. Ngài họ Đường, tự Trạng Nhiên, người Dư Hàng. Luật tạng khởi nguyên từ Phật chế, từ Văn-thù về sau chưa sai một chữ. Ưu-ba-ly kết tập không dám thêm một lời. Ba

cõi mười phương, trời người, vô lượng Thánh chúng đều cùng phụng hành. Có thể nói giới, luật rất nghiêm. Như lễ nhạc hay việc chinh phạt ở đời đều do Thiên Tử đặt ra, công hầu khanh tướng sĩ đại phu một mực tuân theo. Đến khi đại pháp truyền về Đông, chỉ có Luật là chưa sáng tỏ, người học đánh mất mình. Đường Thái Tông trong năm Trinh Quán, đại Luật sư Trường Chiếu Đạo Tuyên ở núi Chung Nam Vĩnh Hưng soạn giới số, yết-ma số sự sao, mở rộng Tứ Phần Luật, hoàng truyền đến bốn trăm năm, gần sáu mươi nhà thích nghĩa. Trong đó, Luật sư Đại Chiêu Khánh Doãn Kham soạn Hội Chánh Ký. Chỉ có bộ này là tốt ráo nhất. Sau cùng Linh Chi Đại Trí Nguyên Chiếu dùng Pháp Hoa để khai mở ý Viên Hiển, soạn Tư Trì Ký. So với Hội Chánh Ký, bộ này tuy có khác nhưng cùng kết quy về một mối, đề cao và làm sáng tỏ nguyên ý của Đạo Tuyên, trên thì hợp với điều Phật chế. Từ đó Hội Chánh Ký và Tư Trì Ký lại chia thành Tông, giống như chẻ cây gậy vàng nhưng không đánh mất bản chất của vàng bởi vì giới thể vô tác lễ đâu phân chia được ư!

<i>Đình Dậu:</i> <i>Chính Hòa năm</i> <i>thứ bảy. Hạ</i> <i>chiếu đổi Tiết</i> <i>Độ Quán Sát</i> <i>Sứ Lưu Hậu làm</i> <i>Thừa Tuyên Sứ</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Thiên Khánh</i> <i>năm thứ 7</i>	<i>Nhữ Chân:</i> <i>A Cốt Đả năm</i> <i>thứ 16</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	--	--	---------------

Lâm Linh Tố: Người Ôn châu, rất giỏi phù chú và Lôi Công pháp. Ban đầu, ông đi lại lung tung ở vùng Túc, Hào, Hoài, Tứ xin ăn khắp chùa, Tăng chúng rất khinh khi. Ông đến Sở châu, đánh nhau với Thích Tuệ Thế, kéo ra kiện tụng ở cửa quan. Quan phủ là Thạch Trọng rất thích ông vì tài nói năng biện luận lanh lợi và đưa ông ra nhà khách của công đường hỏi về thuật Thổ nạp, Thiêu luyện, Phi thăng. Đến lúc này, tháng giêng năm Chính Hòa năm thứ bảy, Trọng dẫn ông về kinh yết kiến Tể tướng Sái Kinh. Sái Kinh dẫn ông đến ra mắt Tống đế. Ông la lớn: “Trên trời có Thần Tiêu Vương Thanh phủ do Trường Sinh đế quân cai quản. Em ông ấy là Thanh Hoa đế quân, đều là con ngọc đế. Kế đó có tả tướng Tiên Bá cùng Thư Phật Tiên Lại là Chử Tuệ, cả thảy hơn tám trăm quan. Bệ hạ chính là Trường Sinh đế quân, Sái Kinh chính là Tể tướng Tiên Bá còn Tố này chính là Chử Tuệ.” Tống đế vui vẻ

tin ngay, ban cho Lâm Linh Tố hiệu Kim Môn Vũ Khánh, dựng Thông Chân Cung cho ông ở. Đế tự gọi mình là giáo chủ đạo quân Hoàng Đế. Tháng hai, đế xuống chiếu cho cả nước đổi Thiên Ninh quán thành Thần Tiêu Vương Thanh Vạn Thọ cung. Nơi nào không có Thiên Ninh Quán thì lấy chùa thay thế. Trong quán dựng tượng Trường Sinh đại đế quân, Thanh Hoa đại đế quân, xây Bảo lục cung đặt ra khoa đạo học. Tuyên Hòa năm đầu, Đế dựng xong hết Cung quán. Tháng mười một, thả Lâm Linh Tố về Ôn Châu rồi giết. (Theo Đông Đô Sự Lược Đế Kỷ).

Thiền sư Linh Nguyên Phật Thọ ở núi Hoàng long, phủ Long Hưng: Sư húy Duy Thanh, đắc pháp với Hối Đường. Đến lúc này, mùa thu ngày mười tám tháng chín, Sư quy tịch, Sư nối pháp Thiền sư Hối Đường Bảo Giác Tâm. Nối pháp của Sư có Tuệ Cổ, Đức Phùng, Thủ Thị đều là đệ tử thượng thủ. Lúc này, Y Xuyên Cư sĩ, Từ Sư Xuyên, Chu Thế Anh, Hồng Câu Phụ đều theo Sư hỏi đạo. (Theo Tấn Đăng Lục).

Thiền sư Phật Giám Trí Hải ở Biện kinh: Sư họ Uông, húy Tuệ Cần, quê ở Thư châu. Từ nhỏ Sư học thông Phật lý, thi cử mà được độ làm Tăng. Nhân đọc kinh Pháp Hoa đến câu: “Phật nói chỉ một sự thật này, nếu hai thì không phải pháp vị chân thật” mà tỉnh ngộ. Sư vào đạo tràng của Ngũ tổ Pháp Diễn, lãnh ngộ pháp yếu và nối pháp. Thư châu Thái thú Tôn Đỉnh Thần thỉnh Sư trụ ở Thái Bình, đạo pháp rất thịnh. Đầu năm Chính Hòa, Đế xuống chiếu thỉnh Sư trụ ở Trí Hải Thiền tự thuộc Biện kinh. Được năm, Sư xin đi. Đế lại xuống chiếu cho Sư trụ ở Kiến Khang Tương Sơn. Khu mật Đẳng Tử Thường tâu xin Đế ban y tía và hiệu cho Sư. Đến lúc này, mồng tám tháng chín năm Chính Hòa năm thứ bảy, Sư thượng đường nói: “Tâm ấn của Tổ sư giống như con trâu sắt bằng máy, đang đi ấn liền đứng, đang đứng ấn liền phát cho dù chẳng đi chẳng đứng cũng chưa phải là nơi hành cước của thiền tăng. Vậy đâu là chỗ hành cước của Thiền tăng? Đợi tới tháng mười ta sẽ quyết nghị cho các ông.” Đến mồng tám tháng mười Sư tắm rửa, thay áo, ngồi ngay thẳng, cầm bút viết thư từ biệt một số bạn bè cũ, viết được mấy tờ, Sư dừng bút rồi tịch. Môn nhân trà-tỳ thân linh cốt xá-lợi, dựng tháp bên trái chùa. Nối pháp của Sư có Thủ Tuấn. Tuấn họ Thi, quê Hồ châu, trụ ở Thiên Ninh, Hà Sơn, hiệu là Phật Đẳng Thiền Sư. Đến năm Thiệu Hưng năm thứ sáu cũng vào mồng tám tháng mười, Sư quy tịch. Thông Phán Song Hộc Cư sĩ Trịnh Tích, Đãi Chế Dưỡng Không Cư Sĩ Phan Lương Quý theo Sư học hỏi và lãnh ngộ rất nhiều.

<i>Mậu Tuất:</i> <i>Trùng Hòa năm</i> <i>đầu</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Thiên Khánh</i> <i>năm thứ 8</i>	<i>Đại Kim:</i> <i>A Cốt Đả xưng</i> <i>Đế, niên hiệu</i> <i>Thiên Phụ năm</i> <i>đầu</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	--	---	---------------

Tống Đế: Dựng Thọ Sơn Cấn Nhạc ở Biện Kinh, đến mùa thu tháng bảy năm này hoàn thành, đặt tên là Hoa Dương cung. Tăng Tổ Tú người Lạc huyện, Hán châu, Thục quận, tự Tử Chi, đầu năm Tĩnh Khang đời Khâm Tông từng vân du nơi này, có làm bài ký Hoa Dương cung ghi lại sơ lược những việc ở Đông Đô. Tú từng gom tập yếu chỉ Phật pháp trong cuộc luận nghị của Văn Trung Công (Dương Tu) với Thiền sư Viên Thông Cư Nột làm thành Âu Dương Ngoại Truyện. Hậu Hồ Cư sĩ Tô Tường viết lời tựa. Cao Tông năm Thiệu Hưng năm thứ hai, đệ tử của Sư là Đàm Vận, Trọng Hoằng gom tập những lời giảng dạy của Sư thành truyện, soạn số sao ba quyển, Nhữ Âm Vương Chí lại viết lời tựa nữa. Hữu tướng Ngụy Quốc Công Trương Tuấn cùng viết lời bạt, san định và ban hành khắp nước. Tú soạn Phật Vận Biên Niên Thông Luận, Thống Kỷ. Tổ Tú hiệu là Thạch Thất.

Đại Kim: Tức Nhữ Chân. A Cốt Đả lập quốc xưng đế, Liêu Chủ Thiên Tộ ở kinh đô nghe binh của Yên Vương bị bại, quân của Nhữ Chân vào đến Tân châu, Liêu chủ ngày đêm lo sợ. Mùa thu năm ấy, Nhữ Chân lấy hơn năm mươi thành ở phủ Hoàng Long Đông Kinh. Lúc này có Dương Phác, người Thiết châu, Liêu Đông, vốn là bộ tộc lớn ở Bột Hải, đỗ tiến sĩ, nhiều lần giữ chức hiệu thứ lang. Trước đây có một người Bột Hải tên là Cao Vĩnh Xương giết Đông Kinh Thái thú của Liêu là Tiêu Bảo Tiên rồi tự xưng là Bột Hải Quốc Hoàng Đế, chiếm cứ hơn năm mươi châu ở Liêu Đông. Liêu chủ sai tướng là Trương Lâm đem binh thảo phạt. Lâm đại bại. Nhữ Chân phá quân Bột Hải, chém đầu Cao Vĩnh Xương đem về hàng Dương Phác, được Phác trọng dụng, Phác khuyên A Cốt Đả xưng đế, đổi niên hiệu Thiên Phụ, lấy họ Vương tên là Mân. Nước này sản sinh ra vàng, nên lấy quốc hiệu Đại Kim. Phác lại nói với A Cốt Đả: “Từ xưa anh hùng khai quốc đều nhận ngôi, trước phải cầu phong sách của Đại quốc.” Mùa Thu tháng tám, A Cốt Đả sai người đến Liêu chủ Thiên Tộ cầu phong sách. Phong sách gồm mười việc:

1. Huy hiệu Đại Thánh Đại Minh Hoàng Đế.

2. Quốc hiệu Đại Kim.
3. Xe ngọc (Ngọc lộ).
4. Mũicorn (Cổn mào).
5. Quốc bảo ngự tiền khắc bằng ngọc (Ngọc tỷ).
6. Huynh đệ thông vấn.
7. Sinh thần Chánh đán khiển Sứ.
8. Mỗi năm thâu vàng lụa hai mươi lăm vạn cây, chia làm hai, Nam Tống mỗi năm phải tặng cho họ một nửa.
9. Cắt hai lộ Trường Xuân, Liêu Đông.
10. Đưa Nhữ Chân A Cốt Sản Triệu Tam Đại Vương về Kim.

Thiên Tô giao cho quần thần bàn bạc. Tiêu Phụng Tiên vui mừng nghĩ rằng từ đây hết lo nên sai Tỉnh giang quân Tiết độ sứ Tiêu Tập Liệt, Hàn lâm học sĩ Dương Miễn xung vào chức quan phong sách sứ; Phó Quy châu quán sát sứ Trương Hiếu Vỹ, Thái thường Thiếu khanh Vương Phủ xung vào chức Thông vấn; Phó sứ vệ úy thiếu khanh Lưu Thực làm quản áp lễ vật. Tướng tác thiếu giám Dương Chủ Trung làm độc sách sứ. Họ sắm đủ mũicorn, mũ mào, ngọc sách, kim ấn, xa lộ những vật thuộc về pháp giá của Thiên Tử để sách phong A Cốt Sản làm Đông hoài quốc chí thánh chí minh Hoàng Đế. Lời văn trong sách phong đại lược ghi: “Mến thay! Nơi họ Tiêu thận trọng (Tiêu Phụng Tiên) thật là lẽ thường nhằm bảo hộ cả đôi bên (Liêu và Kim). Đất đai rộng đến Thượng Kinh, nhân tài rải khắp Trung Khâm, may có núi nọ sông kia đều nhờ Tổ phụ để lại. Mây xanh đồng ruộng, đương nhiên sinh bậc tài cao (Cừ tài). Tuyết phủ sương bay, lẽ phải đủ đầy xa giá. Tấu chương nhiều lần gửi, thật có ý giao hảo. Nghĩ đến hương xa, phải hợp với phúc nhiều, thế nên sai bọn Tiêu Tập Liệt cầm cờ tiết, sắm lễ vật, sách phong làm Đông Hoài Quốc Chí Thánh Chí Minh Hoàng Đế. Nghĩa tình thâm giao, đất chia trù phú. Than ôi! Rắn thay! Kính thay! Hay tin huy hiệu râu xin do phạm huy Tổ hiệu nên đổi thành Chí Thánh Chí Minh, những việc khác đều chấp nhận cả.”

Đoàn sứ giả khởi hành từ tháng mười, mùa Đông tháng mười hai thì tới nước Kim. Trong tháng này, A Cốt Sản truy tôn ông Tổ năm thứ chín của mình tên Khám Phước với thụy là Cảnh Nguyên Hoàng Đế, hiệu Thỉ Tổ. Tổ năm thứ tám, tên Ngoa Lỗ với thụy là Đức Hoàng Đế. Tổ năm thứ bảy, tên Dương Hải với thụy là Am Hoàng Đế. Tổ năm thứ sáu, tên Tuy Khoát với thụy là Định Chiêu Hoàng Đế, hiệu Hiến Tổ. Tổ năm thứ năm, tên Thật Lỗ với thụy Thành Tương Hoàng Đế, hiệu Chiêu Tổ. Tăng tổ Thái sư tên Hồ Lai với thụy Tuệ Hoàng Đế, hiệu

Cảnh Tổ. Cha là Thái sư tên Dương Kha với thụy là Hiếu Bình Hoàng Đế, hiệu Mạc Tông. Phi hậu đều được truy phong thụy hiệu.

A Cốt Đả bày lễ nghi vật dụng của sứ nước Liêu cho Dương Phác xem, Phác cho rằng lễ nghi vật dụng ấy không phải thứ nào cũng là phép chế của Thiên Tử. Phong làm Đông Hoài Quốc là có ý ôm đồm mình cai quản một bang nhỏ, mà không có sách phong như anh em. Nói “hương xa phải hợp với kẻ phúc nhiều” không phải là lời hay ý đẹp. Cung đồ voi xe là lễ nghi của chư hầu. Hai chữ tài cao là có ý khinh nhờn. Phác nói với Tập Liệt quay về đổi lời văn trong sách phong. Tập Liệt nói: “Anh em bè bạn kính nhau, phác xuất từ Chu thư. Nói giao hảo thì cái ý anh em cũng thấy có trong ấy rồi. Bọn Dương Phác vạch mặt cho là không phải. A Cốt Đả nổi giận hết, đuổi sứ ra, muốn chém ngang lưng hết, các tù trưởng của Niêm Hãn tạ lỗi thay họ, bọn họ thoát chết nhưng mỗi người phải chịu hơn trăm roi. Đến tháng ba năm sau, vua Kim chỉ cho Tiêu Tập Liệt, Dương Lập Trung trở về bẩm rằng: “Sách văn ta chẳng hiểu được, huy hiệu quốc hiệu, xe ngọc, ngựa bảo ta đều có cả. Phải xưng ta là Đại Kim Quốc Hoàng Đế huynh mới được. Nếu chịu nghe ta thì mùa thu năm này đến trước ba quân bằng không thì ta xua quân vào lấy Thượng kinh vậy.”

Thiên Tộ ghét nghe việc của Nhữ Chân. Tiêu Phụng Tiên lựa lời cân nhắc nhưng Tộ vẫn không nghe. Sự việc kéo dài được thời gian thì nghe tin Thượng kinh đã bị phá, hòa nghị cũng bị dẹp, sau này Thiên Tộ tuy có nói đến hòa nghị nhưng A Cốt Đả chẳng trả lời.

<i>Kỷ Hợi:</i> <i>Tuyên Hòa năm</i> <i>đầu</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Thiên Khánh</i> <i>năm thứ 9</i>	<i>Đại Kim:</i> <i>Thiên Phụ năm</i> <i>thứ 2</i>	<i>Tây Hạ:</i> <i>Nguyên</i> <i>Đức năm đầu</i>
--	--	---	---

Tống: Tháng hai, Đế hạ chiếu đổi Phật thành Đại Giác Kim Tiên, ngoài ra Bồ-tát đều được gọi là Tiên Nhân Đại sĩ. Tăng thì gọi là Đức sĩ, Ni thì gọi là nữ Đức sĩ, chùa thì gọi là cung, viện thì gọi là quán, cấm dùng náo bạt bằng đồng, ban cho Phật y phục của Thiên Tôn. Đức sĩ mặc y phục của đạo giáo, đội mũ, cầm hốt. Đại sư Bảo Giác Vĩnh Đạo ở viện Sùng Tiên Hương Tích thuộc Tả Nhai ở Kinh đô dâng thư can rằng: “Từ xưa, Phật pháp thịnh suy cùng vận nước. Nguyên Ngụy Thái Vũ đế tin bọn Thôi Hạo hủy diệt Phật pháp, không đầy năm, sáu năm Thôi Hạo bị tru di, Văn Thành đế chấn hưng lại Phật pháp. Chu

Vũ đế tin bọn Vệ Nguyên Tung tàn diệt Phật pháp không đầy sáu, bảy năm Nguyên Tung bị đầy rồi chết thảm, Tùy Văn đế lại chấn hưng Phật pháp. Đường Vũ Tông tin bọn Lý Đức Dụ, Lý Quy Chân hủy diệt Phật giáo, không đầy một năm Quy Chân bị giết, Đức Dụ trốn rồi cũng chết ở Chu Nhai, Tuyên Tông lại chấn hưng Phật giáo. Đất nước ta, từ Thái Tổ Hoàng Đế, Thái Tông Hoàng Đế, liệt Thánh đều lấy việc dịch kinh, thi Tăng mà lưu hành Phật pháp, làm thành thông lệ cho muôn đời noi theo.” Đế nổi giận đầy Vĩnh Đạo đến Đạo châu. Ở nơi tù đầy, nhưng Vĩnh Đạo vẫn trai giới nghiêm chỉnh như thường nhật. Trước đây, Vĩnh Đạo thường sang Tây Thiên thọ học Chân Ngôn Quỹ Phạm (Mật chú) với Tam tạng Tổng Trì, khi ấy gặp lúc dân quân phần đông bị dịch bệnh, ngài trì chú vào nước và cho họ uống, ai nấy đều hết bệnh. Tháng ba nước ngập lại lán khắp đường xá ở kinh đô, triều đình ủy thác cho Lâm Linh Tố làm cho nước rút nhưng nước ngày càng dâng cao, vua tôi đến lo sợ. Tăng-già Phổ Quang Vương ở Tứ Châu hiển linh trong cung cấm, Đế đốt hương quy kính, thấy Tăng-già chống trượng lên thành, nước liền rút cạn, vua dân đều vui mừng. Tháng mười một, Đế đưa Lâm Linh Tố về Ôn châu. Mùa thu tháng chín năm Tuyên Hòa năm thứ hai, Đế hạ chiếu khôi phục lại danh hiệu Phật. Đức sĩ được đổi lại thành Tăng, Vĩnh Đạo cũng được cất nhắc đưa về quận gần kinh đô. Năm Tuyên Hòa năm thứ bảy, Đế hạ chiếu cho Vĩnh Đạo về kinh đô, cho làm Sa-môn lại, triều đình nêu cao tinh thần hộ pháp của ngài, nghĩ đến tâm chí thành vì đạo của ngài, nên Đế đổi húy của ngài là Pháp Đạo, thỉnh trụ Chiêu Tiên viện ở Chiêu Khánh đồng thời nhận chức viện chủ viện Thích-ca ở Hiển Thánh, Hữu Nhai. (Theo Đông Đô Sự Lược, Đạo Tam Tạng Bản Truyện).

Tháng tư, nước Kim đánh phá nước Liêu, ở Thượng Kinh lộ, Tổ châu thì có Thiên Thiện Đường của Thái Tổ. Ở Hoài châu thì có Sùng Nguyên điện của Thái Tông Đức Quang. Ở Khánh châu thì có ba điện là Vọng Tiên, Vọng Thánh, Thần Nghi. Trước đây, họ còn phá điện đường ở Càn châu, Hiển châu vv... như Ngưng Thần điện, An Nguyên Thánh Mẫu điện, Thế Tổ điện ở Mộc Diệp Sơn, cùng các lăng tẩm, ảnh đường của hoàng phi, Thái tử, vương tôn. Quân Kim thiêu đốt, đập phá, đào bới để lấy vàng bạc châu ngọc. Quan địa phương tâu lên, nhưng Tiêu Phụng Tiên giấu nệm không cho Đế biết. (Theo Liêu Chí).

<i>Canh Tý:</i> <i>Tuyên Hòa năm</i> <i>thứ hai. Khôi</i> <i>phục lại danh</i> <i>hiệu tăng và</i> <i>Phật</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Thiên Khánh</i> <i>năm thứ 10</i>	<i>Đại Kim:</i> <i>Thiên Phụ năm</i> <i>thứ 3</i>	<i>Tây Hạ:</i> <i>Nguyên</i> <i>Đức năm thứ 2</i>
---	---	---	---

Tống: Thái úy Trần Lương Bật mở pháp hội trai tăng, thỉnh chư Thiên đức đến giảng pháp. Trong đó có Pháp sư Thiện là đệ tử Thượng thủ của tông Hiền Thủ, được tôn xưng là “Nghĩa Hồ”. Thiện đến hỏi các vị Thiên đức rằng:

- Đức Phật ta lập giáo, từ Tiểu thừa cho đến viên ngộ, dẹp bỏ mọi có, không, riêng chứng chân thường, sau đó, muôn đức đều trang nghiêm mới gọi là Phật. Nhưng Thiên tông lấy một tiếng hét để chuyển phàm thành Thánh, xét các Kinh Luận dường như đối lập nhau. Nay một tiếng hét, nếu vào được Ngũ thừa thì đó là chánh thuyết, còn như không vào được thì đó là tà thuyết!

Lúc ấy, các vị Thiên đức đều ngồi xếp hàng, Thiên sư Pháp Chân Nhất Công đưa mắt nhìn Thiên sư Từ Thọ Hoài Thâm. Thiên sư Hoài Thâm thúc cùi chỏ bảo ngài Tịnh Nhân trả lời. Tịnh Nhân gọi Pháp sư Thiện đến và nói:

- Điều mà Pháp sư hỏi không đủ làm nhọc lòng các vị Thiên đức ở đây, chỉ cần tiểu trưởng lão Tịnh Nhân này cũng đủ để giải mọi nghi hoặc cho Pháp sư vậy. Ngũ thừa giáo ấy, như trong ngu pháp Tiểu thừa giáo nó chính là nghĩa có, trong Đại thừa Thỉ giáo nó chính là nghĩa không; trong Đại thừa Chung giáo nó là nghĩa chẳng có chẳng không. Còn Đại thừa Đốn giáo, nó là nghĩa tức có tức không. Trong Nhất thừa viên giáo, nó là nghĩa không nhưng chẳng có, có nhưng chẳng không. Một tiếng hét này của ta chẳng những chỉ vào Ngũ thừa mà cho đến bách gia chư tử, tất cả kỹ nghệ trên thế gian này cũng vào được cả.

Tịnh Nhân hét một tiếng và hỏi:

- Ông nghe chẳng?

Thiện đáp: Nghe!

Tịnh nhân hỏi: Ông đã nghe, vậy tiếng hét này là Có, đó là vào được Tiểu thừa giáo.

Sư lại gọi Thiện đến, hỏi:

- Ông nghe chẳng?

Thiện đáp: Chẳng nghe!

Sư nói: Ông đã chẳng nghe vậy tiếng hét vừa rồi không có, đó là vào được Đại thừa Thi giáo. Một tiếng hét của ta, lúc đầu ông bảo có, hét một lát âm thanh dứt, ông lại bảo là không có, bảo không có thì ban đầu nó thật có, bảo rằng có thì bây giờ nó thật không có, vậy là chẳng có chẳng không, đó là vào được Chung giáo. Lúc ta hét, có nhưng chẳng phải có, vì không cho nên nói có; lúc ta không hét, không nhưng chẳng phải không, vì có cho nên nói không, vậy là tức có tức không, đó là vào được Đốn giáo. Một tiếng hét ấy của ta chẳng dùng đến lực dụng, có không chẳng theo kịp, tình và giải đều quên. Lúc bảo có thì may mắn chẳng lập, khi bảo không thì biến khắp hư không, ngay một tiếng hét này thể nhập trong trăm ngàn vạn ức tiếng hét, trăm ngàn vạn ức tiếng hét thể nhập trong một tiếng hét này đó là vào được Viên giáo.

Thiện cúi đầu lạy tạ. Sư lại gọi Thiện đến nói: Cho đến một nói, một nín, một động, một tĩnh, từ xưa đến nay hư không mười phương, sum la vạn tượng, sáu nẻo bốn loài, ba đời chư Phật, hết thấy Thánh hiền, tám vạn bốn ngàn pháp môn, trăm ngàn Tam-muội, vô lượng diệu nghĩa, kế lý kế cơ, đồng một thể tánh với đất trời muôn vật, đó gọi là Pháp thân. Ba cõi duy tâm, muôn pháp duy thức, bốn mùa tám tiết, âm dương một mối, đó là pháp tánh. Thế nên kinh Hoa Nghiêm ghi: “Pháp tánh có mặt khắp mọi nơi, có tướng không tướng, một thanh một sắc, đều ở trong một hạt bụi gồm đủ bốn nghĩa. Sự lý vô biên biến khắp vô cùng, xen lẫn nhưng không tạp, trộn chung nhưng không đồng.” Ngay trong một tiếng hét này thấy đều đủ cả. Nhưng vẫn lập ra hóa môn mà tùy cơ dẫn dắt, đó là nơi tạm dừng chân, chưa đến bảo sở, đâu biết dưới cửa ngõ của Tổ sư ta lấy tâm truyền tâm, đem pháp ấn pháp, chẳng lập văn tự, thấy tánh thành Phật, vẫn còn một đường hướng thượng mà ngàn Thánh chẳng truyền!

Thiện hỏi: Thế nào là một đường hướng thượng?

Sư đáp:

- Ông hãy hướng hạ mà trực nhận đi đã!
- Thế nào là bảo sở?
- Chẳng phải cảnh giới của ông!

Thiện thưa: Mong Thiền sư Từ bi!

Sư nói: Thà để biển xanh chôn vùi, trọn không nói cho ông hiểu được!

Lúc ấy Thiện có vẻ buồn, cúi đầu lạy và lui ra. Khi đó, Đế âm thâm đến xem, Thái sư Lỗ Quốc Công cũng có tham dự. Đế quay lại nói

với cận thần: “Thiền tông mầu nhiệm sâu xa như thế, mà tài biện luận của Tịnh Nhân cũng hiểm thấy!”

Thị thần tâu: “Đó là điều ngoài giềng mối của tông sư vậy!” Oánh Trọng Ôn La Hồ Lục tán rằng: “Sở học của Sư càng làm sáng tỏ cho đạo, dù gặp bên nào, Sư cũng thừa cơ chiết phục họ trước đại chúng trời người. Giả sử tiên đức chấn hưng tông phong, cũng không hơn thế này được!”

Sư húy Kế Thành, tự Bàn Am, họ Lưu, quê ở Nghi Xuân, Viên Châu, Gianh Tây. Đế hạ chiếu thỉnh Sư trụ ở Tịnh Nhân Thiền sát. Sư nổi pháp Thiền sư Trí Hải Đạo Bình, Bình nổi pháp Đại Quy Mộ Triết, Triết nổi pháp Thụy Nham Khả Chân, Chân nổi pháp Từ Minh Sở Viên. Đệ tử của Sư có hai người là Thụy Nham Thắng và Dã Phụ Xuyên đều thuộc dòng Lâm Tế (Theo La HỒ Văn Tập, Ngũ Đăng Hội Nguyên).

<i>Tân Sư:</i>	<i>Đại Liêu:</i>	<i>Đại Kim:</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Tuyên Hòa năm thứ ba. Tháng tám, Đồng Quán được tiến cử làm Thái sư</i>	<i>Bảo Đại năm đầu</i>	<i>Thiên Phụ năm thứ 4</i>	

Tống: Tháng hai, Đế hạ chiếu ruộng đất, tài sản của những ngôi chùa trong năm Chính Hòa năm thứ bảy bị đổi thành Thần Tiêu cung, nay phải trả về hết lại cho chùa, cho tăng.

Ngày hai mươi lăm tháng ba, Đế hạ chiếu thỉnh Thiền sư Từ Thọ Hoài Thâm trụ ở Đại Tướng Quốc Tuệ Lâm Thiền sát thuộc Biện Kinh. Sư họ Hạ, quê ở Thọ Xuân, thị tịch năm Thiệu Hưng năm thứ hai đời Cao Tông. Sư nổi pháp Trường Lô Tín, Tín nổi pháp ở Tuệ Lâm Viên Chiếu Tông Bản.

Bạch Vân Am: Tức là am phía sau phương trượng chùa Linh Ẩn, Hàng châu. Lúc này, năm Tuyên Hòa năm thứ ba, có Tỳ-kheo Thanh Giác, tự hiệu Bản Nhiên, họ Khổng, sinh ngày hai mươi hai tháng mười năm Khánh Lịch năm thứ ba đời Nhân Tông, tại huyện Đăng Phong, Lạc kinh. Giác là cháu năm mươi hai đời của Trọng Ni. Tăng Tổ Cao từng làm quan dưới triều Lương đến triều nhà Đường. Trong niên hiệu Đồng Quang, ông ấy giữ chức Tương châu Trạch Lộ Hà Dương Tiết độ sứ, làm quan đến chức Thái tử Thái sư. Cha ngài là Hân đỗ Tiến sĩ

nhưng không ra làm quan. Mẹ ngài họ Thôi. Từ nhỏ, Giác thông minh dĩnh ngộ, theo học đạo Nho, nhiều lần được mời làm Hương cử. Niên hiệu Hy Ninh năm thứ hai đời Thần Tông, Giác xem kinh Pháp Hoa, tỉnh ngộ xin xuất gia, cha mẹ đều đồng ý. Ngài theo Đại Sư Hải Tuệ chùa Bảo Ứng, núi Long Môn, Nhữ Chân thế phát. Đại Sư bảo ngài về Nam tham học. Đầu tiên, ngài tham vấn Hòa thượng Thiên Tuế ở núi Nga My, Gia châu, kế đó đến Phù Sơn thuộc Thục châu, Hoài Tây kết am ở Thái thú nham thiền định suốt hai mươi năm. Năm Nguyên Hựu năm thứ bảy đời Triết Tông, ngài vân du đến Triết Giang, năm sau đến nhập chúng ở chùa Linh Ẩn, Hàng châu. Hai hành nhân Ưông và La cầu tâm yếu của ngài, học chúng ngày càng đông. Thiền sư Viên Minh Đồng của chùa Linh Ẩn giao am tranh trên núi Bạch Vân phía sau chùa để ngài ở. Ngài hoằng hóa xiển dương và lập tông, lấy tên am đặt tên tông, đó là tông Bạch Vân. Ngài dời qua ở núi Long Môn, Dư Hàng, dựng am Phước Địa, giảng Tam quy, Ngũ giới cho long thần. Đến lúc này, năm Sùng Ninh năm thứ ba, ngài đến ngụ ở am Tử Vân phía sau chùa Khai Hóa, tháp Lục Hòa thuộc Tiền Đường. Tăng tục thỉnh ngài đến giảng kinh Hoa Nghiêm ở chùa Chánh Tế. Lúc này, Phật giáo bị pháp nạn, ngài soạn Chứng Tông Luận, Tam Giáo Biên, Thập Địa Ca. Niên hiệu Đại Quán năm đầu, ngài dựng am ở Thiên Kim Thị, Quy An, Hồ châu, đặt tên am là Thập Địa. Sau đó, đến Tĩnh Sơn, Ô Trình, chống trượng gặp suối tuôn nên kiết am ở đó, đặt tên am là Xuất trần. Đồ chúng lại thỉnh ngài về chùa Chánh Tế. Những kẻ ganh ghét ngài cho Chứng Tông Luận phản nghịch triều đình nên tâu lên quan. Năm Chính Hòa năm thứ sáu, ngài bị quản thúc ở Quảng Nam, Tư châu. Năm Tuyên Hòa năm thứ hai, đệ tử ngài là Chính Bố cùng mười người khác đến kinh đô dâng biểu, Đế ban lệnh phóng thích ngài. Đến lúc này, ngày hai mươi tháng bảy năm Tân Sửu, ngài tạ ơn, mồng ba tháng tám, viết bài kệ gởi Thái thú Du Công, nói rằng đến hai mươi sáu tháng chín xin từ biệt. Đến ngày đó, quả nhiên ngài tịch, thọ bảy mươi chín tuổi, Tăng lạp năm mươi hai hạ. Đệ tử Tuệ Năng làm theo di huấn, thỉnh linh cốt xá-lợi về an táng tại Nam Sơn, Dư Hàng, Hàng châu, lúc này là tháng hai năm Tuyên Hòa năm thứ năm. Tháp ngài hiệu Bạch Vân, viện tên Phổ An, về sau đệ tử đổi thành Phổ Ninh. Ngoài ra, Sùng Đức Tảng Sơn, Tùng Lâm Thiện Trụ đều là nơi ngài từng hoằng hóa. Những nơi khác như: Đức Thanh, Long Sơn, Siêu Sơn, Phương Sơn, Càn Nguyên Sơn, Quy An, Nghiễm Sơn... đều là nơi phụng thờ xá-lợi. Tông của ngài thịnh hành ở Chiết Hữu.

<i>Nhâm Dần: Tuyên Hòa năm thứ tư. Tháng mười hai, Vô Tận Cư Sĩ mất</i>	<i>Đại Liêu: Bảo Đại năm thứ 2</i>	<i>Đại Kim: Thiên Phụ năm thứ 5</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	--	---	---------------

Liêu: Mùa Xuân, tháng ba, quân Kim phá Trung kinh, Thiên Tộ đang ở Yên Kinh nghe báo rất lo sợ, ngay hôm đó phải ra ở tại Dung Quan, dẫn năm ngàn kỵ binh chạy sang phủ Vân Trung, chỉ để Tể tướng Trương Lâm, Lý Xử Ôn, Yên Vương Thuần ở lại giữ Yên Kinh. Thuần ở đất Yên suốt hai mươi năm, rất được lòng dân. Thiên Tộ vượt Ngưu Dương vào Giáp Sơn. Ngày mười bảy tháng ba, Lý Xử Ôn vv.. triệu tập bá quan, phụ lão lập Yên Vương lên ngôi, lấy hiệu là Thiên Tích Hoàng Đế, đổi niên hiệu Kiến Phước, hạ chiếu phế Thiên Tộ làm Tương Âm Vương. Thiên Tích lấy Vân Bình, Trung kinh, Thượng kinh, sáu lộ của Liêu Tây về mình, còn từ sa mạc về bắc, mặt Tây nam, lộ Tây bắc, chiêu thảo phủ và các bộ tộc Phiên do Thiên Tộ làm chủ. Tộ xưng Bảo Đại năm thứ hai. Nước Liêu bị phân chia từ đây.

Tháng tám, Yên đế Thuần bệnh mất, thụy là Tuyên đế. Ông không có con nối ngôi, Việt Vương Tiêu Cán họp trăm quan phụ lão lập vợ Yên đế là Tiêu thị làm hoàng Thái hậu, nắm việc quân việc nước, rước con thứ của Thiên Tộ là Tần Vương tôn làm đế. Tiêu thị lên ngôi trước linh cửu, đổi niên hiệu Đức Hưng. Thiên Tộ nghe Thuần chết liền hạ chiếu tước bỏ hết quan tước của Thuần, đồng thời giáng Tiêu thị xuống làm thứ dân, ban cho họ Hủy. Vua Kim tiến vào Trung kinh, Thiên Tộ trốn chạy đến Hạ quốc. Tháng mười hai, quân Kim chiếm luôn Dung Quan. (Theo Liêu Chí).

<i>Quý Mão: Tuyên Hòa năm thứ 5</i>	<i>Đại Liêu: Bảo Đại năm thứ 3</i>	<i>Đại Kim: Tháng năm, đổi niên hiệu Thiên Hội</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	--	--	---------------

Tống: Ở Tú châu, mùa xuân đại hạn, cầu khẩn tượng Quán Âm trong chùa Tinh Nghiêm bỗng có hiệu nghiệm nên vua quan trang sức lại Thánh tượng. Mùa hạ cũng hạn, lại cầu khẩn tiếp. Quận thú Tăng Hầu mộng thấy Bạch y Thiên nhân đến nói: “Ta chắc chắn sẽ làm nơi này có mưa nhưng mặt mũi ta không sạch, cách ba mươi dặm nhưng chẳng thấy gì cả, không thể cùng hội họp với Thánh chúng, phải làm sao đây!”

Sáng hôm sau, Hầu hỏi nguyên do, thợ sơn tượng quả nhiên muốn Thánh dung vừa sáng sạch vừa tươi bóng, nên lấy trứng gà trộn với keo da trâu sơn phết. Pho tượng sơn mới lại, hễ cầu là ứng nghiệm ngay. (Theo Phồn Niên Lục Quán Âm Cảm Ứng Truyện)

Liêu: Mùa xuân, tháng giêng, Yên đế hậu Tiêu thị đang ở Yên kinh, nghe quân Kim vào đến Dung Quan, đêm đó liền dẫn bọn Tiêu Cán cùng xa trưởng ra khỏi thành, nói là đi đánh giặc nhưng kỳ thật là đi trốn. Đến Tùng Đình Quan họ bàn nhau nên đi đâu, Da Luật Đại Thạch Tài Nha là người Liêu nên muốn về với Thiên Tộ, Tứ Quân Đại Vương Tiêu Cán là người đất Hề nên muốn về Hề Vương phủ để lập quốc. Phò mã Đô Úy Tiêu Bột Diệt nói: “Ngày nay cố nhiên nên hợp quân lại mà về với Thiên Tộ, thế nhưng còn mặt mũi nào đến gặp ông ấy!” Lâm Nha liền sai quân điệu Phò mã ra chém đầu, truyền lệnh cho ba quân nếu ai còn dị nghị sẽ bị chém. Thế là quân của Liêu và Hề dàn trận đánh nhau, rốt cuộc tan rã. Quân Liêu theo Lâm Nha bắt luôn Tiêu hậu dẫn về Thiên Tộ ở Giáp Sơn. (Tháng bảy họ đến Giáp Sơn, Thiên Tộ ra lệnh giết Tiêu hậu và cháu ngoại là Thường Kha, những người khác đều được tha). Hề Bột Hải Quân đi theo Tiêu Cán là Quỳ Bất Ly bị giữ lại ở Hề Vương phủ, Cán chiếm lấy phủ, tự lập, tiếm xưng là Thần Thánh Hoàng Đế, lấy quốc hiệu Đại Hề, lấy niên hiệu Thiên Hưng (còn gọi là Thiên Tự). Tháng bảy, quân Hề đánh nhau với quân Kim ở Yêu Phố, quân Hề đại bại, Tiêu Cán bị Khúc Đắc Kha giết.

Kim: Mùa xuân năm Quý Mão, Hoàng Đế trại được gọi là Hội Ninh phủ, xây dựng thành Thượng kinh, đổi Thượng kinh của Liêu làm Bắc kinh. Trước đây, dòng họ Nhữ Chân không có thành quách, chỉ gọi là Hoàng Đế trại, tướng quốc trại, Thái tử trang, đến lúc này mới đổi, đặt ra tam tỉnh, lục quận coi cả thượng kinh, bắc kinh. Tả Thừa Tướng Trần Vương Ngột Thất đặt ra chữ Nhữ Chân ban hành khắp nước. Tháng năm, A Cốt Đả Mân truy đuổi Thiên Tộ lên mạn Bắc, giữa đường bị bệnh mất, thụy là Đại Thánh Vũ Nguyên Hoàng Đế, miếu hiệu Thái Tổ. Mân lập quốc, lên ngôi, cả thảy sáu năm. Em ông là

Ngô Khất Mã nối ngôi, đổi tên lại là Thịnh, vốn là con năm thứ hai của Thái sư Dương Cát. Ông đổi năm Thiên Phụ năm thứ sáu thánh Thiên Hội năm đầu, ở ngôi mười một năm. Tám người con của Mân đều được phong Vương. Hội ấy có người nước Yên là Trương Xác, người Bình châu đỗ Tiến sĩ làm quan nước Yên. Niên hiệu Kiến Phước năm đầu (niên hiệu của Yên Vương Thuần), Xác giữ chức Liêu Hưng quân Tiết độ sứ (Liêu Hưng Quân tước Bình châu). Người nước Kim là Niêm Hãn muốn bắt sống Xác. Khương Bật bàn: “Làm như thế là kinh động hẳn làm phản”. Và Bật một mình đến gặp Xác nói rõ ý của nước Kim. Xác nói: “Tám lộ của Khiết Đan nay chỉ còn Bình châu mà thôi, ta đâu dám có ý đồ gì khác, bởi vậy nên chưa cởi bỏ giáp là đề phòng Tiêu Cán đó thôi!” Khương Bật về tâu lại, Niêm Hãn tin Xác, đổi Bình châu thành Nam kinh, gia phong cho Xác làm Đồng Bình chương sự phán lưu thú, sự thật là muốn giết Xác. Xác giết bọn người Kim là Tả Xí Cung rồi đem Bình châu về hàng nhà Tống. Tháng mười một, quân Kim đánh úp Bình châu, tìm được Ngự bút thư chiếu viết trên giấy hoa Tiên do Tống đế ban cho Xác. Kim đổ lỗi cho Tống triều, nhiều lần gửi hịch bảo tuyên phủ ty của Tống triều giao nộp Xác. Tống bắt đắc dĩ sai Vương An Trung giết Xác, gói đầu đưa sang Kim. Sau đó không lâu, Thái tử nước Kim là Oa Lý Bột đem quân từ Bình châu xâm lược nước Tống.

Tám người của Mân gồm:

1. A Mầu.
2. Thất Hạt (Cha của Hy Tông Trụ).
3. Thuyết Lương Hổ, cùng mẹ với Thất Hạt, do vợ chính sinh ra.
4. Oát Ly Bất (gọi nhầm là Nhị Thái tử).
5. Oa Lý Ôn (gọi nhầm là Tam Thái tử), ông sinh ở Phạm Giang, vào mùa Đông năm Thiệu Hưng năm thứ tư đời Cao Tông.
6. Ngột Truật (gọi nhầm là Tứ Thái tử).
7. Oa Lý Hồn (gọi nhầm là Ngũ Thái tử).
8. A Cốt Bảo Tà Vương hiệu là Tự Tại Lang Quân, cùng mẹ với Ngột Truật. Hai con năm thứ hai và năm thứ ba của Mân chết sớm, cho nên mới có việc gọi nhầm năm thứ tư thành năm thứ hai, năm thứ năm thành năm thứ ba, năm thứ sáu thành năm thứ tư. (Theo Kim Chí)

<i>Giáp Thìn:</i> <i>Tuyên Hòa năm</i> <i>thứ 6</i>	<i>Đại Liêu:</i> <i>Bảo Đại năm</i> <i>thứ 4</i>	<i>Đại Kim:</i> <i>Thái Tông Thịnh.</i> <i>Thiên Hội năm thứ 2</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	--	--	---------------

Tống: Cao tăng Tịch Âm Tôn giả. Ngài họ Bành hiệu Thanh Lương Thiên sư, húy Tuệ Hồng (còn gọi là Đức Hồng) người Thụy châu, Gianh Tây. Năm mười bốn tuổi, cha mẹ đều mất, ngài đến ở với Thiên sư Thanh tại Tam Phong, mỗi ngày đọc nhớ cả mấy ngàn lời, sách sử hầu như đọc khắp, Thanh rất vừa lòng. Năm mười chín tuổi, ngài thi kinh tại chùa Thiên vương thuộc Đông Kinh và được độ làm Tăng, từ đó giảng Thành Thật Luận, Duy Thức Luận. Được bốn năm, ngài bỏ giảng tòa ra đi, đến yết kiến Thiên sư Chân Tịnh Văn ở Quy Tông, Lô Sơn. Văn dõ về Thạch Môn, ngài cũng về theo, giữ chức chưởng ký thất. Không bao lâu, ngài bỏ đi. Hiển Mô Chu Ngạn làm Thái thú Phủ châu, thỉnh ngài khai pháp ở Cảnh Đức thuộc phía Bắc châu này. Sau ngài trụ ở Thanh Lương, Giang Ninh phủ. Lúc Thiên sư Đại Tuệ Tông Cảo còn ở chúng từng gần gũi ngài, thán phục trí tuệ và tài biện luận diệu ngộ của ngài. Tháng năm, năm Kiến Viêm năm thứ hai đời Cao Tông, ngài quy tịch ở Đồng An, thọ năm mươi tám tuổi, Tăng lạp ba mươi chín hạ. Thái úy Quách Thiên Dân tâu xin, Đế ban ngài hiệu Bảo Giác Viên Minh. Ngài nối pháp Thiên sư Chân Tịnh Văn, soạn Thiên Lâm Tăng Bảo truyện ba mươi quyển, Lâm Gian Lục, bộ Văn Tập là Thạch Môn Văn Tự Thiên, lưu hành trong đời.

Liêu: Giáp Thìn, mùa thu tháng bảy, Thiên Tộ dẫn năm vạn quân Thát Đát, đem theo hậu phi và hai con là Tần Vương, Triệu Vương cùng Tôn Thất đi về Nam, vượt ngọn Ngư Dương. Người Kim là Niêm Hãn đem quân về Vân Trung. Thiên Tộ lại trốn về núi. Các quan Kim và Tiểu Hồ Lỗ cùng bàn về Nam hàng Tống, lại có người bàn nên chạy qua Tây Hạ. Kế nước chưa quyết, Tiểu Hồ Lỗ sai người cấp báo với Niêm Hãn. Kim sai Lâu Túc đem quân đuổi đánh Thiên Tộ, Tiểu Hồ Lỗ liền bắt sống Thiên Tộ đem về. Vua Kim bãi tước, giáng Thiên Tộ xuống làm Hải Tân Vương, đưa về núi Trường Bạch (nay là Khai Nguyên lộ, Hàm Bình phủ, Liêu Đông), dựng nhà phía Đông cho Tộ ở. Năm sau, (Ất Tỵ) Tộ mất, nước Liêu diệt vong. Nước Liêu hình thành từ Hậu Lương Quân Vương niên hiệu Trinh Minh năm thứ hai, năm Bính Tý đến lúc này là Giáp Thìn, cả thảy chín chủ, trị vì hai trăm lẻ chín năm. (Theo Liêu Chí)

<i>Ất Tỵ: Tuyên Hòa năm thứ 7</i>	<i>Đại Kim: Thiên Hội năm thứ 3</i>	<i>Tây Hạ</i>
-----------------------------------	-------------------------------------	---------------

Tống: Tháng sáu, phong Đồng Quán làm Quảng Dương quận vương. Những người khác họ, không phải ngoại thích, không được phong vương trong triều Tống, Sái Kinh khôn khéo thuyết phục, lôi kéo nhằm củng cố gian mưu của mình, nên tặng cho Vương An Thạch chức Thứ Vương. Về sau, Hà Chấp Trung tặng cho Thạch làm Thanh Hà quận vương. Vương tước nhà Tống bị lạm xưng từ đó. Tháng mười hai, Đồng Quán làm chức tuyên phủ, từ Thái Nguyên trốn về.

Đại Kim: Tháng mười hai, Oát Ly Bất và Niêm Hãn chia quân thành tám đạo xâm lăng đất Tống. Do việc Bình châu Trương Xác quy hàng Tống nên gây ra oán thù này. Quân ở mặt đông do Oát Ly Bất cầm đầu, dựng khu mật viện ở Yên Sơn cho Lưu Ngạn Tông nắm việc trong viện. Quân ở mặt Tây do Niêm Hãn cầm đầu, dựng khu mật viện ở Vân Trung, tùy lúc lập người mình ưa thích lên nắm việc trong viện. Người trong nước gọi đây là Đông triều đình và Tây triều đình. Thế rồi quân của Oát Ly Bất từ Yên Sơn xâm phạm thẳng vào Hà Bắc, quân của Niêm Hãn đánh thẳng vào các châu ở Hà Đông như: Sóc, Vũ, Đại, Hân châu, xua quân thẳng vào Thái Nguyên. Kim sợ dĩ thay đổi thể ước cũng vì Trương Xác mà thôi. Những kẻ mà Đế tin cậy là Đồng Quán, Giả Tiên đem quân cự giặc lại trốn về. Quán vốn là kẻ bất tài, nhờ Sái Kinh tiếp tay nên nắm được binh quyền. Hiện tại, Quán thống lãnh binh nhưng đứng cách xa địch đến mấy trăm dặm, khiến cho các tướng không ai dám tiến lên, binh sĩ thì chẳng nghe lệnh, nhiều phen nếm mùi bại trận. Năm Canh Thân, Đế nhường ngôi cho Thái tử, lấy hiệu Đạo Quân, lui về ở cung Long Đức, sai Lý Nghiệp đi sứ sang quân Kim nói rõ việc nhường ngôi và muốn cầu hòa.

Khâm Tông: Húy Hằng, con của Huy Tông, lúc này được lập hoàng Thái tử, nhận ngôi lúc hai mươi bảy tuổi, tôn Huy Tông làm Thái Thượng hoàng, ở ngôi hai năm. Niên hiệu Tĩnh Khang hai năm.

<i>Bính Ngọ:</i> <i>Tĩnh Khang năm đầu</i>	<i>Đại Kim:</i> <i>Thiên Hội năm thứ 4</i>	<i>Tây Hạ:</i> <i>Tháng tư đánh Tống,</i> <i>Chu Chiêu chết</i>
---	---	---

Tống: Tháng giêng, quân Kim vây hãm Tương châu. Năm Kỷ Ty, Đế hạ chiếu thân chinh, Thái Thượng hoàng phải xa giá ra Nam Kinh. Năm Tân Mùi, Đế chuẩn bị xong các chiến cụ để giữ thành nhưng quân Kim đã kéo đến dưới thành. Bạch Thời Trung bị bãi tướng, Lý Ban Ngạn nắm lại chức Thái tử, Trương Bang Xương làm thiếu tử, người

ở kinh đô gọi Bang Ngạn là Lãng Tử Tể tướng. Năm Nhâm Thân, Đế sai sứ đi đôn đốc chư tướng các lộ đem binh vào tiếp viện. Quân Kim đòi vàng bạc để khao quân và nói: “Phải tôn chủ ta làm Bá phụ, những người xứ Yên Vân đã quy thuận ta hiện đang ở đất Hán, phải cắt đất của Trung Sơn, Thái Nguyên, Hà Giang ba trấn ấy cho họ, đem thân vương Tể tướng qua làm con tin thì ta mới lui binh.” Đế hạ chiếu cho hoàng đệ Khang Vương làm quân tiền kế mưu sứ, Trương Bang Xương phụ tá; Lý Nghiệp, Cao Thế cùng đi theo, những thứ Kim đòi hỏi đều đáp ứng đủ. Riêng chiếu thư giao đất ba trấn ấy, Lý Cương giữ lại không cho đem theo. Năm Ất Hợi, Đế hạ chiếu cho nước Kim được xưng là Đại Kim. Năm Đinh Hợi, binh của Cầm Vương đông đến hai mươi vạn, muôn dân ở kinh đô mới tạm yên. Tháng hai, sứ Kim sang lại, Đế sai Vũ Văn Hư Trung cầm chiếu thư về ba trấn do Lý Cương giữ sang nước Kim phụng đón Khang Vương về. Lúc Khang Vương bị người Kim quản thúc, ông từng cùng Thái tử nước Kim bắn cung. Ông bắn liên tiếp ba phát, cả ba đều trúng đích, nhưng học liên châu (tâm của đích ngắm) vẫn không bẻ. Vua Kim gọi ông là tướng quan con nhà lành. Nếu như chẳng phải thân vương thì Kim đã cho về từ lâu rồi. Vua Kim lại xin Túc Vương qua làm con tin. Năm Ất Ty, Khang Vương từ bên Kim trở về, quân Kim vây kinh thành suốt ba mươi ba ngày. Khi đã có chiếu thư của ba trấn và Túc Vương, quân Kim chẳng cần vàng bạc liền lui quân. Năm Bính Ngọ, Kim lui binh, Đế đày Sái Kinh đến Đàm châu nhưng đến Đàm châu thì Kinh chết, thọ tám mươi tuổi. Sái Du trốn trong Vạn An Quân, Đế hạ chiếu chém tại chỗ. Đồng Quán trốn đi xa, Đế cho người đuổi theo chém ở Nam Hùng. Tháng ba, lệnh cho khu mật sứ Lý Cương đón Thượng hoàng từ Nam kinh, đến tháng tư mới về đến kinh đô. Triệu Lương Tự trốn trước đến Liễu châu, đến lúc này cũng bị chém. Nguyên trước kia, vào mùa thu tháng chín năm Chính Hòa năm đầu, đời Huy Tông, Đồng Quán đi sứ nước Liêu về đến Lỗ Câu Hà, U châu thì gặp một người nước Yên cưỡi ngựa chặn lại nói, mình do đắc tội với Yên Vương của Liêu nên không nơi nào dung chứa. Quán trình bày kế sách tiêu diệt nước Yên và dẫn người đó về phủ đổi họ Lý tên Lương Tự, dẫn vào cung gặp Đế, Đế ban cho họ Triệu, người nối lại hòa nghị cho Yên chính là Lương Tự qua Nhữ Chân kết hợp với họ cùng đánh Khiết Đan, cuối cùng mất nước, đến giờ Tự mới bị chém. Vua Kim thấy chưa được ba trấn, nên mùa Đông tháng mười lại chia quân hai đạo vào cướp phá. Tháng mười một, Ất Dậu, Oát Ly Bất vào kinh đô, đóng quân ở chùa Lưu Gia. Tháng mười một nhuận, Niêm Hãn vào kinh đô, đóng quân ở

Thanh Thành, Đế hạ chiếu cử Khang Vương Cấu làm Thiên hạ binh mã đại nguyên soái, Trần Câu làm nguyên soái, Tông Dịch phụ tá, cấp tốc dẫn binh vào kinh ứng cứu. Năm Bính Thìn, kinh thành thất thủ. Năm Tân Dậu, Đế đi Thanh Thành. Nhị Tù Lệnh Tôn Cận Soạn xong chiếu thư quy hàng, lệnh cho Đế ký tên. Đế quay về bắc lạy rồi ra đi, Cận còn nói: “Người chủ này tự lập, vua hiền chỉ bằng Tống Vương.” Đế im lặng. Mồng một tháng mười hai, Nhâm Tuất, Đế ngụ ở Thanh Thành. Khang Vương lập phủ nguyên soái ở Tương châu. Năm Quý Hợi, Đế từ Thanh Thành trở về. Niêm Hãn xin sai sứ đi đón Khang Vương, Sứ về báo không gặp Khang Vương để cáo từ.

Tây Hạ: Tháng tư, người Hạ cướp biên ải, đánh thành Chấn Uy. Tù trưởng gọi quan giữ thành Chu Chiêu nói: “Đại Kim đã hẹn với ta cùng đánh, đất Hà Bắc thuộc về Đại Kim, còn đất Hà Tây này thuộc về nước ta. Nay thành quách phủ lân cận đều quy hàng ta hết, ông cậy vào đâu mà không hàng!” Tây Hạ đánh rát, thành bị vây, Chu Chiêu tử trận. Tháng mười một, Tây Hạ cướp biên ải, vây Hoài Đức Quân, hai quan cai quản là Lưu Thuyên và Đỗ Hủ tử trận.

- Đinh Mùi: Tĩnh Khang năm thứ hai. Tháng giêng, Tân Mão, mồng một Canh Tý, Niêm Hãn sai người đi mời Đế đến doanh Kim. Đế sai Tôn Truyền Tạ giữ nhà, giúp Thái tử. Giám quốc cũng được mời nhưng bị Đế giữ lại, Mai Cháp Lễ phò tá, Đế đi ra khỏi thành. Từ bộc xạ Hà Lật trở xuống đều theo Đế đến Thanh Thành gặp Niêm Hãn. Niêm Hãn giữ Đế trong doanh, đồng thời giữ luôn thân vương, Tể tướng, chấp chính, học sĩ viện, lễ bộ, thái thường tự, những người còn lại Hãn cho về trước. Vua Kim cốt muốn vợ vét vàng bạc. Đế sai trung sứ về báo rằng: “Trẫm bị câu thúc ở đây, đợi vàng bạc đến mới về được.” Thế là phải tăng thêm quan đi gom tiền bạc. Góp từ hoàng thân, tông thất, nội thị, cho đến tăng đạo đủ mọi ngành nghề. Trong tám ngày được ba mươi vạn tám ngàn lượng vàng, sáu trăm vạn lượng bạc, một trăm vạn khúc vải chở qua nộp cho quân Kim. Tháng hai, Đinh Dậu, Niêm Hãn sai Nha Lang Quân sang đòi nợ tiếp. Lại phát hiện những người giấu vàng bạc như Giáo Phường Nhân Mạnh Tử Trứ, Nội Thị Lam Tích, Y Quan Chu Đạo Long vv... trong mười tám ngày, gom ở thành nội được bảy mươi lăm ngàn tám trăm lượng vàng, một trăm mười bốn ngàn năm trăm lượng bạc, bốn mươi ngàn tám mươi bốn khúc vải đem nộp cho quân Kim. Năm Đinh Ty, quân Kim đòi phải giao nộp thiên nghi chế, giám thư đồ tịch ấn bản. Năm Mậu Ngọ, quân Kim đòi phải nộp các thứ như: Nhạc khí thái thường, vật dụng lễ chế, cho đến đàn, cờ,

các thứ giải trí, vật quý hiếm, sách sử v.v... Năm Bính Dần, Niêm Hãn sai Tiêu Khánh đọc chiếu của vua Kim cho Đế rằng: “Lập riêng họ khác, phế Uyên Thánh làm Trần Lưu Vương, giữ mộ phần ở Bảo châu, những người khác họ đáng làm nhân chủ phải ra trước ba quân chuẩn bị lễ nghi sách phong, lệnh phải đưa thái Thượng hoàng ra khỏi thành.” Năm Đinh Mão, Thái Thượng hoàng, hậu phi, vận vương trở xuống hơn ba mươi người các vương phi, công chúa, đô úy vv... đều đi theo. Tháng ba Đinh Dậu, quân Kim sách phong Trương Bang Xương làm Đế, lấy quốc hiệu Đại Sở. Năm Đinh Tỵ thái Thượng hoàng về Bắc, Ninh Đức Hoàng hậu, cùng các thân vương, phi tần trở xuống đều đi theo. Họ khởi hành từ Hoạt Châu lộ, có quân của Oát Ly Bất hộ tống. Mồng một tháng tư Canh Thân, Uyên Thánh Hoàng Đế về bắc, Hoàng hậu, hoàng Thái tử đều đi theo, khởi hành từ Trịnh Châu lộ, có quân của Niêm Hãn hộ tống. Uyên Thánh dẫn Hoàng hậu, các thân vương nhìn về thành nội khóc lạy từ biệt tông miếu, tiếng khóc chấn động cả Thanh Thành. Canh Ngọ, Nguyên Hựu, Hoàng hậu Mạnh thị buông rèm thính chính. Bang Xương từ chức thái tử, lui về ở tại Tư Thiện Đường (Bang Xương tiếm vị ba mươi ba ngày. Nguyên Hựu, Mạnh Thái hậu là vợ của Triết Tông, lúc này những người có ngôi vị trong lục cung đều theo hai đế, chỉ có bà bị phế truất nên được tha). Năm Quý Hợi, quần thần thỉnh Khang Vương lên ngôi Hoàng Đế. Năm Tân Tỵ, Khang Vương đến Đan châu, năm Nhâm Ngọ đến huyện Ngu Thành, Bang Xương nghe xa giá đến Nam kinh liền bày biện xa giá mũ miện, ngự phục, nghi vật. Bá quan văn võ theo chức sự của mình đều đến Nam kinh để chuẩn bị lễ nghi sách phong. Năm Quý Mùi, Khang Vương đến phủ Ứng Thiên (nay là phủ Quy Đức). Sáng sớm hôm sau, Khang Vương đến ngự ở Hồng Khánh cung Triều Tam điện, bảo dẫn Trương Bang Xương đến. Xương quỳ mọp dưới đất khóc lóc, xin tội. Vương an ủi Bang Xương. Năm Giáp Thân, Cảnh Nam Trọng vv... bàn bạc, đổi niên hiệu Kiến Viêm, bởi có điềm lành Hỏa Đức của Tống. Năm Mậu Tý, Thái hậu sai sứ đem chiếu thư do mình viết đưa cho Khang Vương. Thư ghi: “Nay nghe, chọn được giờ lành, đúng lúc nhận ngôi, sẽ chiếu soi tỏ như trời trăng, ban hành hiệu lệnh như gió sấm, mệnh trời đã theo về, muôn dân đều hết sức mừng vui, tông miếu đã yên, già trẻ đều nguyện theo chí lớn.” Năm Kỷ Sửu, Khang Vương lên ngôi ở Nam Kinh.

Cao Tông: Húy là Cấu, con năm thứ chín của Huy Tông, được phong Khang Vương. Tháng năm Tĩnh Khang năm thứ hai, ông lên ngôi, đổi niên hiệu Kiến Viêm, lấy ngày mười hai tháng năm làm tiết Thiên

Thân, đày Trương Bang Xương đến Đàm châu rồi ban cho chết. Tháng ba năm Kiến Viêm năm thứ ba, ngự danh ty đô thống chế Miêu Phó, phó thống chế Lưu Chánh Ngạn làm phản, ép Đế nhường ngôi cho Thái tử, giữ Đế ở cung Duệ Thánh. Thái hậu buông rèm thính chính. Ngày mười một, đổi niên hiệu Minh Thọ. Những người như Trương Tuấn, Lã Tích Hạo, Tân Vĩnh Tông, Lưu Quang Thế, Hàn Thế Trung bắt sống Miêu Phó, Lưu Chánh Ngạn băm xác ở phố Kiến Khang. Trung cùng bàn đem tráp sớ từ Việt châu đến Kiến Khang. Quân Kim vào Kiến Khang, vây Hàng châu, Đế phải đi đường biển đến Ôn châu, rồi về lại Việt châu, xa giá đến Hàng châu, đưa Hàng châu lên thành phủ Lâm An. Mồng một (Nhâm Dần) tháng giêng (Quý Ty) mùa xuân năm Thiệu Hưng năm thứ hai, Đế đi Việt châu. Năm Bính Ngọ, Đế tạm cư ở phủ Lâm An. Thời gian sau, có Tần Cối từ nước Kim quay về, đảm trách việc nghị hòa. Huy Tông, Khâm Tông, Trịnh hậu, Hình hậu lần lượt băng hà ở Ngũ Quốc thành. Quân Kim trả lại đất Hà Nam và Tử Cung để giảng hòa, sau đó lại tiếp tục vào cướp phá. Trương Tuấn, Hàn Thế Trung, Nhạc Phi, Ngô Lân đánh Kim đại bại, quân Kim rút chạy. Đế ban bố những lời răn dạy do Hoàng Đình Kiên viết, cho khắc trên bia đá dựng ở các châu huyện. Đế mở thái học, dùng nhị quán, lập pháp hội giảng kinh, đích thân lộ ruộng, chấn chỉnh lộ giới. Tần Cối không theo ý vua, bãi quyền binh của các tướng nhằm vùi chôn khí tiết trung nghĩa, cuối cùng khiến cho đất nước không thể khôi phục lại được. Đế lên ngôi năm hai mươi mốt tuổi, trị vì ba mươi sáu năm, nhường ngôi cho Hiếu Tông, tự xưng Thái Thượng hoàng, ở trong cung Đức Thọ. Đế mất năm tám mươi hai tuổi. Niên hiệu Kiến Viêm bốn năm, Thiệu Hưng ba mươi hai năm.

<i>Đình Mùi:</i> <i>Kiến Viêm năm đầu. Mùa đông, tháng mười hai, Đế xa giá đi săn ở Dương châu</i>	<i>Đại Kim:</i> <i>Thiên hội năm thứ 5</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Mậu Thân:</i> <i>Kiến Viêm năm thứ hai. đế hạ chiếu thỉnh ngài Khắc Cần trụ ở Kim Sơn vào ứng đối ở Dương châu. Đế ban ngài hiệu Viên Ngộ Phổ Đăng Thiền sư</i>	<i>Đại Kim:</i> <i>Thiên hội năm thứ 6</i>	<i>Tây Hạ</i>

Mùa Đông, mồng bốn tháng mười, Bắc Thiên Thiên Thai Pháp Chủ Tịnh Phạm ở Tô châu quy tịch. Tịnh Phạm truyền cho Tuệ Minh, Tuệ Minh truyền cho Uẩn Nghiêu, tức Pháp sư Báo Từ. (Theo Lan Lăng Tập Thích, Thống tăng truyện)

<i>Kỷ Dậu: Kiến Viên năm thứ 3</i>	<i>Đại Kim: Thiên hội năm thứ 7</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	---	---------------

Hành Vị Của Chư Thiên: Mùa Thu, ngày hai mươi một tháng tám, Pháp sư Tuệ Giác Tề Bích ở Thượng Thiên Trúc, Hàng châu quy tịch. Thạch Lâm, Diệp Mộng soạn bài minh trên tháp. Tề Bích soạn Phổ Hiền Quán Kinh Sơ ba quyển, Tổ Nguyên Ký hai quyển. Đệ tử nổi pháp có Thần Hoán, Như Trạm, Pháp Cửu. Hoán từng khảo luận về hành vị của chư Thiên, lấy vua tôi, chủ khách, nam nữ, bản tích để làm cương mục. Hoán cho rằng, Đại Phạm tôn thiên quân vào ba cõi thống lãnh trên trời, cai quản dưới đất. Chư Thiên đều là bề tôi của ông ấy. Đại Phạm là chủ ba cõi. Tam Mục Ma Hê làm chủ đại thiên. Đế Thích làm chủ Địa cư ba mươi ba tầng trời. Tứ vương thống lãnh tám bộ. Tuy vua tôi không giống nhau, nhưng ai nấy đều có nghĩa là làm chủ. Như, Đại Biện ở núi, đằm; Công đức ở trong vườn trời phía Bắc, họ đều là khách trú ngụ mà thôi, kỳ thật không làm chủ và thống lãnh ai cả. Phạm Thích, Tứ Vương đều là trời nam; Công đức, Đại biện, Địa thần, Thụ thần đều là trời nữ. Không thể để nam nữ đánh mất thứ lớp, huống gì quỷ tử mẫu (mẹ con của quỷ) cũng có tên nữ, trời công đức cũng có tên nam. Tán Chỉ, Tu Ma hiện nay con lại ở cao hơn mẹ, có thể cho họ là mẹ theo con. Họ có thể ở trên Thiên chủ được không? Phạm, Thích, Tứ Vương vốn là Địa trụ Bồ-tát, Kim cương, Mật tích vốn là Hộ thiên huynh thành Phật (Hộ trì cho ngàn người anh của mình thành Phật), không so đo với Bản của họ, nhưng muốn ngang bằng với Tích của họ có được không? Hiểu được bốn nghĩa này rồi, sau đó mới có thể luận về chư Thiên.

Hoán có ba đệ tử là Tổng Am Diệu Tâm, Thường Trai Pháp Bái, Giác Am Giản Ngôn. Ngôn truyền cho Giám Đường Tư Nghĩa. Trong năm Bảo Khánh, Thiệu Định, Thần Hóa trụ ở Thượng Trúc.

Hộ Quốc Kim Quang Minh Sát: Mùa Đông, tháng mười, Đế đi săn ở Thai châu đến Kim Ngao Sơn tự, cảm thấy chùa im lặng trống vắng, chỉ thấy chánh điện mênh mông, khói hương thoang thoảng, có vị Tăng rất già, tóc bạc trắng đang cầu chư thiên trước điện Phật. Đang

lúc âu lo, Đế nghe những lời nguyện cầu bảo hộ đất nước vô cùng thành khẩn của vị Tăng, liền vui mừng hỏi, vị Tăng đáp: “Đây là Sám Nghi Hộ Quốc Kim Quang Minh Tam-muội.” Về sau, khi tạm cư ở Hàng châu, Đế hạ chiếu hằng năm cúng vàng lụa cho các chùa lớn để tu sám pháp này theo định kỳ. Tu Kim Quang Minh Sám bắt nguồn từ đó. (Theo Triệu Ngạn Tuệ Ung, Lô Nhân Thoại)

<i>Canh Tuất:</i> <i>Kiến Viên năm thứ tư, tháng hai Đế đi săn ở Ôn Châu, tá túc ở chùa Giang Tâm, nhân đó đổi chùa này thành chùa Long Tường</i>	<i>Đại Kim:</i> <i>Thiên Hội năm thứ 8</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	---	---------------

Tê: Niêm Hãn của nước Kim cho rằng Trương Bang Xương đã chết, nên xin với quốc chủ lấy lại đất Hà Nam. Mồng chín tháng chín, sách lập Tế Nam Thái thú Lưu Dự làm Đế ở Đại Danh Quốc, lấy quốc hiệu Đại Tê, lấy niên hiệu Phụ Xương. Tổng nhiều lần đem quân thảo phạt, Dự nhiều phen bại trận. Đến năm Đinh Tỵ, Kim chủ thấy Lưu Dự không thể lập quốc nên phế truất Dự. Nước Tê tồn tại tám năm thì diệt vong. Dự sinh ở Cảnh châu, làm Thái thú Tế Nam.

<i>Tân Hợi: Thiệu Hưng thứ 1, mùa thu tháng tám, Phạm Tông Y bị bãi tướng Tần Cối được bãi làm Hữu Tướng.</i>	<i>Đại Kim:</i> <i>Thiên Hội năm thứ 9</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Nhâm Tý: Thiệu Hưng năm thứ hai, mùa thu tháng chín, Tần Cối bị bãi tướng, Chu Thắng Phi lại được bãi làm Hữu Tướng</i>	<i>Thiên Hội năm thứ 10</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Quý Sửu: Thiệu Hưng năm thứ 3</i>	<i>Thiên Hội năm thứ 11</i>	<i>Tây Hạ</i>

<i>Giáp Dần: Thiệu Hưng năm thứ tư. Tháng chín, Triệu Đình làm Tể tướng</i>	<i>Thái Tông mất, Hy Tông lên ngôi. Thiên Hội năm thứ 12</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Ất Mão: Thiệu Hưng năm thứ 5</i>	<i>Thiên Hội năm thứ 13</i>	<i>Tây Hạ Đại Đức thứ 1</i>

Tống: Tháng chín Bính Thìn, Đế xa giá đến Thượng Thiên Trúc, cúng dường tượng Bồ-tát ở Vạn Tuế Hương Sơn, mời trụ trì Ứng Như đến đàm luận. Ứng đối hợp ý, Đế ban cho vàng lụa, Từ bộ độ Tăng điệp để khuyến khích Như tu tập, độ Tăng. Trước đây, tháng bảy năm Thiệu Hưng năm thứ ba, long đồ các học sĩ Lương Như Gia làm tri phủ Lâm An tâu xin cho Đại sư Viên Thông Ứng Như trụ trì Thượng Trúc, đến bây giờ Đế mới thấy hài lòng.

Kim: Thái Tông Thịnh mất vào tháng mười hai năm Thiên Hội năm thứ mười hai. Hy Tông Hiếu Thành đế Đản lên ngôi. Đản là cháu đích tôn của Thái tổ, con Tông Tuấn, vẫn xưng Thiên Hội năm thứ mười ba, đến năm Mậu Ngọ đổi niên hiệu Thiên Quyển. Năm Tân Dậu đổi niên hiệu Hoàng Thống. Năm Kỷ Tỵ, mồng mười tháng mười hai năm Hoàng Thống năm thứ chín, ông bị Tùng đệ Kỳ Vương Lượng giết. Hiếu Thành ở ngôi mười sáu năm. Từ nhỏ, ông thông minh, thấu đạt, luôn noi kinh điển, thích văn từ, oai nghi, Thái Tông rất yêu mến. Ngày thường ông khoái giết người, về già tánh khí càng bạo ngược. Tông tộc đại thần lo sợ mình khó thoát chết nên ngầm bàn với nhau theo dõi và giết ông. Sau khi lên ngôi Đế, Kỳ Vương Lượng đã truy phế Đản làm Đông Hôn Vương. Lượng mất Thế Tông lên ngôi, truy phong Đản thụy Vũ Linh Hoàng Đế, miếu hiệu Mẫn Tông. Thời gian sau, đổi lại Hiếu Thành Hoàng Đế, miếu hiệu Hy Tông.

<i>Bính Thìn: Thiệu Hưng năm thứ 6</i>	<i>Đại Kim: Thiên Hội năm thứ 14</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	--------------------------------------	---------------

Thiền sư Long ở Hồ Khâu, Bình Giang nhập tịch, tháp an táng toàn thân ở góc Tây Nam. Sư quê ở Hàm sơn, Hòa châu nổi pháp Thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần, Cần nổi pháp Ngũ Tổ Pháp Diễn.

<i>Đình Ty: Thiệu Hưng năm thứ bảy. Ngày hai mươi mốt tháng bảy, hạ chiếu cho Thiền sư Phật Nhật Tông Cảo trụ Long Nhân Thiền Tự ở Kinh Sơn</i>	<i>Đại Kim: Thiên Hội năm thứ 15</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Mậu Ngọ: Thiệu Hưng năm thứ tám. Tháng ba, Tần Cối lại được bái làm Hữu Tướng</i>	<i>Kim đổi niên hiệu. Thiên Quyển năm đầu</i>	<i>Tây Hạ</i>

Sắc Lăng Độ Diệp: (Độ Diệp trên lụa hoa do Đế ban): Tống, mùa thu tháng tám, Đế hạ chiếu ban Sắc Lăng Độ Diệp cho Tăng ni cả nước. (Theo Thích Thống Hưng Phế, Chí Trung Hưng Lịch)

<i>Kỷ Mùi: Thiệu Hưng năm thứ 9</i>	<i>Thiên Quyển năm thứ 2</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	----------------------------------	---------------

Tống: Đế hạ chiếu vì Nhữ Chân đến cầu hòa nên đại xá thiên hạ, các châu quận huyện dựng Báo Ân Quang Hiếu Thiền tự để phụng thờ hương hỏa cho Huy Tông Hoàng Đế.

<i>Canh Thân: Thiệu Hưng năm thứ 10</i>	<i>Đại Kim: Thiên Quyển năm thứ 3</i>	<i>Tây Hạ: Thát Bạt Nhân Hiếu lên ngôi. Đại Khánh năm đầu</i>
---	---	---

Tống: Mùa Đông, mồng bảy tháng mười một, Sa-môn Tư Tịnh ở viện Diệu Hạnh thuộc Bắc Quan, Hàng châu quy tịch. Lễ bộ thị lang Trương Cửu Thành soạn bài minh trên tháp. Ngài họ Dụ, người Tiền Đường, lập viện Diệu Hạnh tiếp Tăng độ chúng, cúng dường ba trăm vạn chữ Tăng, họa tượng Phật Di-đà rất có thần. Thị lang Dương Kiệt tôn xưng ngài là Dụ Di-đà, ai nấy đều cứ thế gọi theo. Trong bia đá ở phía Bắc Tây Hồ, người ta tôn xưng ngài là Đại Phật Đầu. (Ông Phật lớn)

<i>Tân Dậu: Thiệu Hưng năm thứ 11. Tần Cối, Trương Tuấn bàn mưu giết Đại tướng Nhạc Phi</i>	<i>Kim Đổi niên hiệu. Hoàng Thống năm đầu</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	---	---------------

Tống Triều: Tán lang Ôn châu Trương Cửu Thành, tự Tử Thiều, hiệu Vô Cấu Cư sĩ, con quan quản lý muối của Hàng châu. Tháng ba năm Thiệu Hưng năm thứ hai, Đế mở khoa thi Tiến sĩ, Cửu Thành đỗ đầu bảng. Thành từng nói: “Các bậc tiền bối lập thân đỗ đạt vượt trội hơn người, các bậc danh nho trừ tác chuyên sâu mầu nhiệm, đều do tâm tỏ ngộ.” Vì thế Thành tham học, cứu xét rốt ráo. Ban đầu, ông đến tham học với Thiền sư Bảo Ấn Sở Minh - người nối pháp của Đại Thông, ra mắt Thiền sư Phật Nhật Cảo ở Kính sơn, tỏ ngộ tâm yếu, cùng tận nguồn tánh. Đến lúc này, năm Tân Dậu, Phật Nhật quý chỗ ngộ nhập của ông, mới đặt biệt mời ông thượng đường. Ông dẫn Thần Tý Cung (nỏ thần) ra để bàn. Lúc này, ngoài việc quân việc nước, các quan cũng đang luận nghị về lực dụng của Thần Tý cung. Hữu Thừa Tướng Tần Cối cho rằng ông chê trách triều chính, nên tháng năm, bắt Phật Nhật làm dân thường đày đi Hoàn châu, đày Cửu Thành đi Nam An quân. Cửu Thành đi đày suốt mười bốn năm, trú ngụ ở Tăng xá Hoàn Phố. Ông giảng kinh viết sách, đều là những điều mà người học chưa được nghe. Trong Tâm Truyền Lục, ông viết: “Lục kinh đều là diệu pháp, nhưng bảo nó là cái nhỏ nhất của đạo, vậy Lục kinh lẽ đâu làm cho đạo nhỏ nhất ư! Hạn hẹp với Lục kinh thì đó mới là nhỏ nhất.” Ông lại nói: “Thế gian đều huyện, người ở trong cái huyện mà chẳng biết ngàn xưa rồi bởi. Mừng giận thương ghét từ đâu mà ra? Cho nó vốn có thì hình thù chẳng giống vật, cho nó vốn không thì không lẫn ra gốc gác. Như những người tu nơi núi cao rừng sâu, có khả năng tự giác, nhưng lại nhận huyện làm giác, giác tức là huyện. Không có huyện thì không có giác, nhờ giác mà biết huyện, bản thân của giác nó không nhận mình là giác, huống gì những tâm niệm tình thương mừng giận thương ghét! Huống gì thứ bụi bặm công danh phú quý!

Tống: Mùa Thu, tháng bảy, Pháp sư Trí Dũng Liễu Nhiên người Thái Châu đã trụ ở Bạch Liên Thiên Thái giáo suốt hai mươi bốn năm. Đến lúc này, ngài tắm rửa, thay áo, ngồi kiết già thuyết pháp rồi quy tịch. Ngài soạn Nam Nhạc Chỉ Quán Tông Viên Ký năm quyển, Thập Bát Nhị Môn Khu Yếu hai quyển, Hồ Khê Tiên Hậu Tập tám quyển. Đệ tử nối pháp ngài gồm: Trạch Sơn, Dự Hàm, Sơn Đường, Nguyên Tánh, Bạch Liên, Diệu Lâm, Hư Đường, Bản Không.

<i>Nhâm Tuất: Thiệu Hưng năm thứ 12</i>	<i>Đại Kim: Hoàng Thống năm thứ 2</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	---------------------------------------	---------------

Tống: Mùa Xuân, Hiển Nhân Thái Hoàng hậu Vi thị từ Bắc trở về. Mùa thu tháng chín, Thượng thư Tả bộc xạ Ký Quốc Công Tần Cối được phong chức Thái sư Ngụy Quốc Công.

<i>Quý Hợi: Thiệu Hưng năm thứ 13</i>	<i>Hoàng Thống năm thứ 3</i>	<i>Tây Hạ</i>
---------------------------------------	------------------------------	---------------

Kim: Mùa hạ, tháng sáu, sinh Thái tử Anh Diệu, Đế hạ chiếu cho Đại sư Hải Tuệ dựng chùa Đại Trữ Khánh bên cạnh cung ở Thượng Kinh, phổ độ thiếu niên cả nước. Những người xuất gia làm Tăng ni và Đạo sĩ được ghi tên ở chỗ các quan lên đến trăm vạn. Năm sau, Đế giữ hai Thiền sư Hải Tuệ và Thanh Tuệ ở lại chùa Đại Trữ Khánh, thỉnh Thụy tượng xá-lợi về cúng dường ở Tích Khánh các trong chùa này.

Tống: Đế hạ chiếu dựng chùa Thiên Thân Vạn Thọ Viên Giác ở Tây Sơn, phủ Lâm An đã xong, ngày mười chín tháng tư, lệnh cho Sư Đức Tín đang giữ chức Phiên Dịch Khánh kinh lo việc hương khói. Đến ngày mười ba tháng năm Bảo Khánh năm thứ hai đời Lý Tông, mới bổ nhiệm ngài Sư Tấn trụ trì, hoàng truyền giáo quán Thiên Thai (Theo Viên Giác Bi Khắc)

Phiên Dịch Danh Nghĩa: Tống, mùa thu tháng tám, Sa-môn Pháp Vân ở chùa Cảnh Đức, Tô châu soạn xong bộ Phiên Dịch Danh Nghĩa bảy quyển. Duy Tâm Cư Sĩ Chu Quỳ viết lời tựa.

<i>Giáp Tý: Thiệu Hưng năm thứ 14. Tống, Minh, Châu, Diên Khánh viện được sắc tứ thành chùa</i>	<i>Đại Kim: Hoàng Thống năm thứ 14</i>	<i>Tây Hạ: N g u y e ^ n Khánh năm 1</i>
---	--	--

Tống: Đế hạ chiếu đổi chùa Linh sơn ở Thiên Trúc thành Thời Tư Tiến Phước để phụng thờ hương hỏa cho Hiển Thánh Từ Liệt Hoàng hậu Ngô thị. Mùa đông tháng mười năm Khánh Nguyên năm thứ ba đời Ninh Tông, chọn được khu đất tốt ở phía Tây Linh Ấn, dựng xong chùa Thời Tư Tiến Phước, trả lại tên cũ cho chùa là Thiên Trúc. Tháng sáu năm Gia Định thứ mười, Khánh viễn quân Tiết độ sứ Ngô Diễm xin với Tử Triều rằng: “Thời Tư Tiến Phước xin được làm theo tông chỉ của Thượng Thiên Trúc và Hạ Thiên Trúc, vĩnh viễn hoàng truyền giáo quán Thiên Thai.” Đế mới hạ chiếu thỉnh Cảnh Thiên Khai Sơn trụ trì.

(Ngô Tự Bi khắc)

<i>Ất Sửu: Thiệu Hưng năm thứ 15</i>	<i>Hoàng Thống năm thứ 5</i>	<i>Tây Hạ</i>
--------------------------------------	------------------------------	---------------

Kim: Đại sư Hải Tuệ quy tịch. Đế và Hoàng hậu đích thân phụng rước xá-lợi lập tháp thờ năm nơi, đặc biệt ban ngài thụ Phật Giác Hựu Quốc Đại Thiên Sư. Tháng giêng năm sau, Đế ban cho ngài Thanh Tuệ hiệu Phật Trí Hộ Quốc Đại Sư, thỉnh lên tòa Quốc Sư, đặc biệt ban cho ngài Đại y Tăng-già-lê may bằng sợi vàng, cùng bình bát, lư trầm, pháp khí bằng trân bảo. Đế và Hoàng hậu đánh lễ sát đất, cung kính dâng y. Lòng cung kính này của đế vương từ xưa đến nay chưa từng có.

<i>Bính Dần: Thiệu Hưng năm thứ 16</i>	<i>Đại Kim: Hoàng Thống năm thứ 6</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Đinh Mão: Thiệu Hưng năm thứ 17</i>	<i>Mông Phụ Quốc, Tổ Nguyên Hoàng Đế. Thiên Hưng năm đầu</i>	<i>Hoàng Thống năm thứ 7</i>

Kim: Thát Lạt bị giết, con ông ta là Thắng Hoa đô lang quân thống lãnh các bộ lạc cũ của cha mình nổi lên làm phản, thông đồng với Mông Cốt. Đô nguyên soái Ngột Truật chưa chết. Ông tự dẫn tám vạn cung thủ Thần Tý cung được huấn luyện ở Trung Nguyên đến đánh, nhưng nhiều năm liền vẫn không tiêu diệt được Thắng Hoa. Tháng tám năm Hoàng thống năm thứ sáu, Đế sai Tiêu Bảo Thọ sang hòa nghị cắt hai mươi bảy doanh trại từ Tây Bình Hà trở về Bắc cho Thắng Hoa. Hằng năm đều đưa sang trâu, dê, lúa, đậu, đồng thời sách phong tù trưởng Ngao La Bột Cực Liệt làm Mông Phụ quốc chủ. Đến năm này mới hòa hiếu, phẩm vật đem tặng càng nhiều. Thế rồi, Ngao La Bột Cực Liệt tự xưng Tổ Nguyên Hoàng Đế đổi niên hiệu Thiên Hưng. Đại Kim nhiều năm đem quân đi đánh nhưng rốt cuộc vẫn không diệt được, chỉ đưa tinh binh chia nhau chiếm cứ những nơi hiểm yếu rồi rút về. Mùa đông, Đô nguyên soái Ngột Truật mất. (Kim Chí)

Tống: Tam tạng Pháp sư Vĩnh Đạo được Đế cải húy là Pháp Đạo. Niên hiệu Tuyên Hòa năm đầu đời Huy Tông, Đế hạ chiếu đổi Phật thành Đại Giác Kim Tiên. Đại sư Vĩnh Đạo Bảo Giác ở viện Sùng Tiên

Hương Tích thuộc Tả Nhai dâng thư can gián. Đế nổi giận đày Đạo đến Đạo châu. Năm Tuyên Hòa năm thứ bảy, hạ chiếu cho về lại kinh đô, được mặc lại pháp phục Sa-môn, triều đình nêu cao tinh thần hộ pháp của ngài, nên Đế cải húy ngài là Pháp Đạo, thỉnh trụ Chiêu Tiên viện ở Chiêu Khánh đồng thời nhận chức viện chủ Thích-ca ở Hiển Khánh Hữu Nhai. Cao Tông niên hiệu Kiến Viêm năm đầu, Đế lấy ngày hai mươi mốt tháng năm ngày sinh của mình làm tiết Thiên Thân. Biện Kinh Lưu Thú Tông Trạch thừa lệnh Đế thỉnh ngài trụ ở chùa Thiên Thanh Tả Nhai bổ nhiệm chức tuyên Giáo Lang, cầu nguyện cho đất nước và tham dự việc quân. Kiến Viêm năm thứ ba, Pháp Đạo theo Đế đi tuần thú phía nam, nhiều lần được Đế mời đến Đô Đường cùng trừ liệu việc quân việc nước. Đế muốn ngài mặc quan phục nhưng ngài chối từ, Đế cũng thuận theo chí nguyện. Trước đây ngài có hiệu là Bảo Giác, nay được gia ban thêm là Viên Thông Pháp Tế Đại Sư. Tháng năm thứ tư, Đế hồi cung về Việt châu. Mùa hạ đại hạn, Đế hạ chiếu thỉnh ngài cầu mưa ở chùa Viên thông giáo. Trời đổ mưa, Đế rất hài lòng. Tháng hai năm Thiệu Hưng năm thứ hai, Đế mời ngài vào ứng đối, thời gian sau thỉnh ngài trụ ở Thái Bình Hưng Long Thiên tự thuộc Đông Lâm, Lô Sơn, Giang châu. Mùa xuân tháng hai năm thứ ba, ngài dâng tấu sớ trình bày ngôi thứ của Tăng, Đạo, dựa theo Tổ Tông lập thành quy củ. Mùa hạ tháng năm đại hạn, Đế thỉnh ngài vào cấm cung cầu mưa to, Trời đổ mưa to. Đế ban cho ngài bình bát bằng vàng. Từ niên hiệu thiệu Hưng năm đầu đến lúc này là năm năm thứ mười bảy, tháng tư, ngài thuật xong bộ Đại Tổng Tăng Sử Lược. Mùa thu ngày hai mươi mốt tháng bảy ngài ngồi kiết già nói với đồ chúng: “Việc giữ gìn pháp môn đều nhờ nơi các ông!” Nói xong ngài quy tịch, môn nhân dựng tháp tại Cửu Lý Tùng thuộc Tây Hồ, Hàng châu. Đời Ninh Tông trong năm Gia Định, Ngô Khắc Tỵ ở Đông Dương soạn truyện về cuộc đời ngài.

<i>Mậu Thìn: Thiệu Hưng năm thứ 18</i>	<i>Đại Kim: Hoàng thống năm thứ 8</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	---	---------------

Thiền sư Phật Trí: Sư họ Tiền, húy Đoan Dự là hậu duệ của Ngô Việt Vương, nối pháp Thiền Sư Viên Ngô Khắc Cần. Ban đầu Sư trụ ở Đan Hà Đặng châu, sau dời qua Hồ Khâu, rồi Kính Sơn, dựng am ở Tây Hoa. Đế hạ chiếu thỉnh trụ ở chùa Bảo Ninh Vạn Thọ, rồi dời qua chùa Tây Thiên thuộc Huyện Sa Thọ Sơn, Mân châu nhận chiếu bổ nhiệm vào chùa Linh Ẩn. Mùa thu năm này Sư quy tịch ở chùa Dục Vương, đệ

tử nổi pháp Tịnh Từ, Thủy Am, Sư Nhất v.v...

<i>Kỷ Ty:</i> <i>Thiệu Hưng năm</i> <i>thứ 19</i>	<i>Kim Chủ bị giết. Lương lên</i> <i>ngôi đổi thành Hoàng Thống</i> <i>năm thứ chín thành Thiên Đức</i> <i>năm đầu</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	---	---------------

Tống: Ngày hai mươi ba tháng năm, Đế hạ chiếu ban cho viện Công Đức của Tiệp Dư Lưu thị thành Bao Thân Sùng Thọ viện (Tiệp Dư là chức quan nữ, ngôi vị ngang bằng thượng khanh, quan tước ngang với liệt hầu). Ninh Tông Gia Định năm thứ mười bảy, Đế mới hạ chiếu thỉnh Pháp sư Chánh Ngộ Nguyên Túy khai sơn trụ trì, truyền giáo quán Thiên Thai. Lưu tự (chùa họ Lưu) ở Phong Sơn hiện nay chỉ đứng sau Lương Trúc. (Thượng Thiên Trúc và hạ Thiên Trúc)

Kim: Tháng mười hai, Giáp Tý, Tả Thừa Tướng Kỳ Hương Lương lên ngôi Hoàng Đế, truy tôn cha là Đức Tông, đổi niên hiệu là Thiên Đức, dời đô về Yên Kinh, lại dời đô về Biện Kinh, xâm lăng đất Tống phía nam đến Dương châu. Tháng mười một Ất Mùi năm Chánh Long năm thứ sáu, ông bị chư tướng giết ở chùa Trấn Quy Sơn, Qua châu, ở ngôi mười ba năm, Thụy là Hải Lăng Dương Vương.

Tống: Thiền sư Mục Am ở Long Hưng, Gianh Tây: Sư họ Đào, húy Pháp Trung, người Cận huyện, Minh châu. Từ nhỏ tính Sư đã thuần tịnh, lớn lên xin cha mẹ xuất gia, cha mẹ đồng ý. Sư theo học với Đại sư Đạo Anh ở viện Sùng Giáo trong quận này. năm mười chín tuổi, nhận thi kinh mà được độ làm Tăng, Sư đến các giảng đường nghiên cứu yếu chỉ giáo quán Thiên Thai, tâm hơi tự phụ. Ngày nọ, Sư phô trương sở học của mình với một Thiền giả. Nhân bị thiền giả bắt bẻ đui lý, Sư bỗng hoài nghi. Sư đến ra mắt Thiền sư Giao ở Thiên Đồng, Giao bảo Sư về Nam tham vấn, Sư liền đến pháp tịch của Thiền sư Nho ở Tuyết Phong, Mân châu nhưng không khế hội. Sư đến đạo tràng của Thiền sư Phật Nhãn Thanh Viễn ở Long Môn, Thư châu, Hoài Tây. Nhưng đến chỗ bánh xe xoay nước nhìn thấy bảng ghi: “Pháp Luân Thường Chuyển”. Sư hoát nhiên đại ngộ, làm bài kệ:

Chuyển đại pháp luân

Trước mắt bao hàm

Lại hỏi thế nào

Nước đẩy xe đá.

Phật nhãn hứa khả. Sư từ biệt, vượt Cửu Giang lên dựng am tu tập

trên Lô Phụ, rấn cạp thường đến làm bạn. Nơi núi xanh suối lượn hễ thích nơi nào là Sư ở đó. Sư bảy từng trụ ở năm chùa: Thắng Nghiệp, Nam Thủy, Vân Cái, Công An, Đại Quy. Sau Sư đến Hoàng Long ở Dự Chương. Đến lúc này, năm Kỷ Ty, Thái úy Hình Hiếu Dương cúng vàng. Xây tháp cho Sư ở Hương Nguyên thuộc phía Đông chùa. Xây vừa xong, Sư cười nói: “Ta sắp đi rồi!”. Sư viết kệ rằng:

*Sáu mươi sáu năm
Đạo trong huyễn mộng
Ca hoài về thời
Buông tay trường không.*

Viết xong Sư nhắm mắt quy tịch. Sư nối pháp Thiền sư Phật Nhãn Thanh Viễn, Viễn nối pháp Ngũ tổ Pháp Diễn, Diễn nối pháp Bạch Vân Thủ Đoan, Đoan nối pháp Dương Kỳ Phương Hội, Hội nối pháp Từ Minh Sở Viên, đều thuộc dòng Lâm tế. Nối pháp của Sư có Thiền sư Phổ Am Ấn Túc.

Thiền sư Chân Giác Chiêu Huống: Sư họ Dư, húy Ấn Túc, người Nghi Xuân, Viên châu, Gianh Tây, ngụ ở Tịch Cảm Diệu Tế. Năm sáu tuổi, Sư mộng thấy dị Tăng khuyên mình xuất gia. Cha mẹ đồng ý, Sư theo học với ngài Hiền Công ở viện Thọ Long. Năm hai mươi bảy tuổi Sư được thể phát, năm sau thọ Cụ túc giới. Hiền Công khuyên Sư đọc kinh Pháp Hoa. Sư thưa: “Từng nghe diệu chỉ của chư Phật đều quý ở chỗ liễu ngộ được tâm”. Sư từ giả Hiền Công đến Hồ Tương, ra mắt Thiền sư Mục Am Pháp Trung, ở núi Đại Quy, hỏi:

- Muôn pháp về một, một về chỗ nào?

Pháp Trung dựng đứng phát tử, Sư liền tỉnh ngộ, sau về trụ ở viện Thọ Nghiệp. Đến lúc này năm Quý Dậu niên hiệu Thiệu Hưng, có ngôi chùa Từ Hóa ở gần đó, chúng thỉnh Sư trụ trì. Sư chẳng có tài sản gì, chỉ có chần đấp, giấy mực, y phục, cơm cháo, thiền định. Một hôm, nhân đọc Hoa Nghiêm hợp luận, Sư nói bài kệ:

*Vô chẳng thành cục chẻ chẳng ra
Nào phải Nam Nhạc với Thiên Thai
Đầu cửa sáu căn không người dụng
Rước được Hồ tăng đặc biệt qua.*

Thường ngày Sư làm bài kệ:

*Linh diệu như như,
Chẳng khác thái hư
Tạo ra muôn vật,
Chẳng ngại phương hướng.*

Những người mến mộ đạo đến, Sư tùy nghi nói pháp, có khi viết bài kệ cho họ. Người bệnh hoạn đến, Sư cắt cỏ làm thuốc trao cho họ, người bệnh uống vào khỏi ngay, linh nghiệm rất nhiều. Từ đó họ trùng tu đạo tràng cho Sư. Có người hỏi Sư tu hạnh gì mà được như vậy, Sư vẽ một đường và hỏi: “Hiểu không”. Họ đáp: “Chẳng hiểu”. Sư nói: “Thôi! Thôi! Chẳng cần nói.”

Ngày hai mươi mốt tháng bảy năm Càn Đạo năm thứ năm, đời Hiếu Tông, Sư dạy chúng: “Chư Phật chẳng xuất thế, cũng không có nhập diệt, những ai vào thất ta đều có thể thế hội, khéo tự hộ trì, chớ để thối thất.” Sư tắm rửa thay áo ngồi kiết già thị tịch, hưởng thọ năm mươi lăm tuổi, Tăng lạp hai mươi tám hạ, tháp an táng toàn thân tại chùa này. Sư nhiều lần nhận ân Đế sắc phong Thụy. Sư dung mạo khôi ngô, bẫm tính thông tuệ, nổi pháp Thiền sư Mục Am Pháp Trung.

<i>Giáp Ngọ Thiệu Hưng năm thứ 20</i>	<i>Đại Kim Thiên Đức năm thứ 2</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Tân Mùi Thiệu Hưng năm thứ 21</i>	<i>Thiên Đức năm thứ 3</i>	<i>Tây Hạ</i>

Đức Thế Tôn nhập diệt đến lúc này được hai ngàn một trăm năm.

Tống: Thiền sư Phật Nhật ở Kinh Sơn, Hàng châu: Sư họ Hê, húy Tông Cảo, quê ở Ninh Quốc, Tuyên châu, Giang đông. Sư nổi pháp Thiền sư Phật Quả Viên Ngộ Khắc Cần. Trước đây trong năm Thiệu Hưng năm thứ bảy. Đế hạ chiếu thỉnh Sư trụ ở Kinh Sơn. Tháng năm Tân Dậu, Thiệu Hưng năm thứ mười một do Trương Cửu Thành thượng hoàng đường nói về Thần Tý cung, nên triều đình hủy hết y phục, độ điệp và đầy Sư đến Hoàn châu. Đến lúc này, tháng mười một năm năm thứ hai mươi mốt, Sư được đưa về Mai châu. Không lâu sau đó, Đế hạ chiếu cho Sư làm Sa-môn lại, được Đế cho về Bắc. Những pháp tịch chưa có người chủ trì ở bốn phương đều đến thỉnh nhưng Sư không nhận. Ngày hai mươi ba tháng mười hai, Đế hạ chiếu thỉnh Sư trụ ở Quảng Lợi Thiền Tự thuộc núi A-dục Vương, Minh châu. Năm Thiệu Hưng năm thứ hai mươi tám, Đế hạ chiếu thỉnh Sư trụ lại ở Kinh Sơn. Tháng mười tám niên hiệu Long Hưng Năm đầu, đời Hiếu Tông, Sư thị tịch ở Minh Nguyệt đường, Kinh Sơn, hưởng thọ bảy mươi lăm tuổi, Tăng lạp năm mươi tám hạ, an táng toàn thân ở núi này. Đế ban Sư thụy Phổ Giáo, tháp hiệu Bảo Quang.

Lúc Hiếu Tông còn làm Phổ An Quận Vương từng sai Nội Đô Giám đến Kính Sơn hỏi đạo, Sư dâng bài kệ rằng:

*Gốc lớn, khí lớn sức lực lớn
Gánh vác việc lớn chẳng tầm thường
Trên đầu sợi lông không tin tức
Khấp cỡi rành rành chẳng giấu che.*

Wương rất hài lòng đến khi được phong Kiến Vương, Hiếu Tông sai nội tri khách đến Kính Sơn cúng dường năm trăm La-hán, tự tay viết ba chữ lớn: "Diệu Hỷ Am", viết bài tán gửi cho Sư ghi rằng:

*Sinh diệt chẳng diệt
Thường trụ chẳng trụ
Viên giác rộng sáng
Tùy vật hiện ra.*

Hiếu Tông lên ngôi Hoàng Đế, ban cho Sư hiệu Đại Tuệ Thiên sư. Sư gom hết những bút tích mà Đế ban tặng trước đây, dùng Ngự bảo chép hết lại. Thánh ân quả sâu dày. Đế tử nổi pháp của Sư rất đông. Hữu tướng Thang Tư Thoái, Tham chính Lý Bính, Nội hàng Uông Tảo, Lễ bộ thị lang Trương Cửu Thành, Cấp sự trung Phùng Tiếp, sĩ đại phu từng tham học với Sư và thông đạt có ghi đủ trong Trường Thư Phổ Thuyết. Thiếu bảo Bảo tín quân Tiết độ sứ Ngụy Quốc công Trương Tuấn viết bài minh trên tháp. Đế cho Ngữ Lục của Sư nhập tạng lưu hành.

Tống: Thiên sư Thảo Đường Duy Thanh: Sư húy Tu Ngưỡng, giữ chức Hội trung thư ký, người Nam Môn, trụ ở Bột Đàm, Long Hưng. Ngài Phật Nhật Tông Cảo phụng chỉ từ Hoàn châu dời về Mai Dương, Ngưỡng đi theo hầu hạ. Quận thú Tạ Triều Nghị chỉ Phật Nhật nói với các quan rằng: "Triều đình xếp đặt, người được gọi là trưởng lão chỉ có vị Tăng này mà thôi!" Bình mã ty Đông Thiên lần theo đường mòn đến với Sư ở. Về sau hằng ngày có đến vài trăm tăng. Đông Thiên cúng dường cộc dầm để làm bằng nền móng, chở tre cây đến dựng am thất. Quận thú thấy Phật Nhật chỉ một người khác và gọi người ấy là "Ông không dám lười biếng". Quận thú tuy nghe nhưng thấy ai cũng siêng năng như nhau mà chẳng biết rốt cuộc là người nào. Thế là Quận thú cho một, hai người theo dõi Sư hay làm gì. Ngưỡng liền thừa lệnh, cùng Quận thú thông dong luận bàn những kỳ tài suốt cả ngày. Hết cổ rồi đến kim, hết trái rồi qua phải. Quận thú lại cho người đợi mãi đến canh năm xem thử có giấu người kỳ tài nào không. Ngưỡng liền nói, ở đây người biết hết đại Kinh Luận cũng có, người bác thông sử sách cũng

có, người tài giỏi về thi trí cũng có, người tao nhã lãng tử cũng có. Thế nhưng, điều mà họ chưa thể tỏ thông thấu đáo là đại sự nhân duyên của Phật, Tổ mà thôi. Vì thế họ chẳng ngại gian lao, đến hầu hạ nơi đây, được gần gũi với người chính trị nhân từ là điều may mắn không gì sánh bằng họ rồi.

Quận thú thất kinh khi biết đồ chúng của Sư toàn là kẻ sĩ vì pháp quên mình. Từ đó Quận thú càng rất kính trọng Thiền sư Phật Nhật, sai con mình chuyên tâm cầu đạo thẳng tắt của Sư. Phật Nhật khai thị pháp gồm tám thiên, hiện còn trong Ngữ Lục.

Tống: Năm Thiệu Hưng năm thứ mười hai, Hiển Nhân thái Hoàng hậu Vy thị từ Bắc trở về. Đến lúc này, tháng mười hai năm năm thứ hai mươi mốt, Hoàng hậu dựng chùa mới tại núi Cao đình, Hàng châu xong, đặt tên là Sùng Tiên Hiển Hiếu, hạ chiếu thỉnh Thiền sư Chân Hiết Thanh Liễu thuộc đời năm thứ chín phái Động Sơn khai sơn trụ trì. Đế triệu Sư vào hỏi đạo, ứng đáp hợp ý, Đế ban cho Đại y viền vàng. Sau đó không lâu, Sư thị tịch, tháp an táng toàn thân trong chùa này, văn bia vẫn còn. Sư họ Ung, sinh ở Miên châu, đất Thục, nối pháp của Đan Hà Tử Thuần, Thuần nối pháp Phù Dung Đạo Giai. Thái hậu cho rằng Tứ Thánh quán của Đạo Gia đặt biệt có trợ giúp cõi âm nên đổi chùa Cô Sơn thành Diên Tường quán để phụng thờ hương hỏa, dời di hài của Pháp sư Pháp Tuệ Trí Viên trong chùa Cô Sơn về an táng tại đồi Mã Nảo trên núi này.

<i>Nhâm Thân: Thiệu Hưng năm thứ 22</i>	<i>Kim: Từ Phủ Hội Ninh dời đô về Yên Kinh. Thiên Đức năm thứ 4</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Quý Dậu: Thiệu Hưng năm thứ 23</i>	<i>Kim đổi niên hiệu. Trinh Nguyên năm đầu</i>	<i>Tây Hạ</i>

Tống: Đế hạ chiếu thỉnh Pháp sư Viên Trí ở núi Đông Dịch Thái châu, trụ trì Thượng Thiên Trúc. Thái sư Tần Cối hỏi:

- Chỉ quán là một pháp hay hai pháp?

Viên Trí đáp: Một pháp. Thí như nước lặng yên thì trong, đó là Chỉ. Dùng con mắt mà quán sát, đó gọi là Quán. Nước chỉ một mà thôi. Do tâm tánh chúng sinh, vốn có các bệnh như hôn trầm, tán loạn nên dùng Chỉ và Quán làm thuốc để cứu và trị bệnh, khiến chúng sinh đồng

quy về cái toàn thể của một pháp giới. Pháp giới vắng lặng gọi là Chỉ. Vắng lặng nhưng thường chiếu gọi là Quán. Thể chiếu soi và vắng lặng của Chỉ Quán lẽ đâu có hai!

Tần Cối gặt đầu hài lòng, cúng năm vạn tiền để xây Pháp đường. Ngày mười hai tháng mười hai năm Thiệu Hưng năm thứ hai mươi tám, Pháp sư Viên Trí Chứng Ngộ quy tịch, Tào Huân soạn bài minh trên tháp. Để hạ chiếu cho đệ tử thủ tòa của ngài là Nhưặc Nột kế thế trụ trì đạo tràng.

Tống: Cấp sự trung Lô châu Thái thú Phùng Tiếp, tham học với Thiền sư Đại Tuệ Tông Cảo, tỏ ngộ tâm pháp, hiệu là Bất Động Cư sĩ. Sau khi về Nam, những tự viện nơi này hễ thiếu hoặc mất tạng kinh, ông liền ấn bản bổ khuyết cho đủ, cả thấy hơn năm ngàn quyển, gồm bốn mươi tám tạng (bản). Tứ Đại Bộ cũng vậy. Ông đến đâu, đều như một dân thường đàm đạo với Hiền sĩ, Đại phu, Cao tăng. Kế thừa di phong Liên xã của Lô Sơn, ông lập hội Hệ niệm Tịnh độ vào mỗi tháng. Đến lúc này, mùa Đông mồng ba tháng mười năm Quý Dậu, ông mặc quan phục hưởng về hoàng cung lạy hai lạy xong, thay y phục đắp ba y Tăng-già-lê, lên tòa cao ngồi kiết già, nói kệ rồi qua đời.

Tống: Pháp sư Viên Biện Đạo Sâm ở Ôn châu: Hễ đến cư ngụ nơi nào, vào ngày hai mươi ba mỗi tháng ngài đều lập Tịnh độ hệ niệm đạo tràng. Những vị giảng Sư, những vị thạc đức của Thiền, Luật đều đến tham dự. Tăng tục thường lên đến hơn vạn người. Đến lúc này, mùa Đông ngày mười sáu tháng mười hai năm Quý Dậu, ngài ngồi ngay thẳng quy tịch. Đệ tử nối pháp có Pháp Liên, Tuệ Tuân, Thân Thiều. Thiều soạn Chỉ Nam Tập hai quyển Tăng tục đều xem như báu vật. (Phật pháp Hệ Niệm Lục)

Toàn Chân Giáo: Nước Kim, Trinh Nguyên năm đầu, có một quan lại người Hàm Dương là Vương Trung Phu khởi xướng luận bàn về Toàn chân giáo, Mã Khâu Lưu phụ họa theo Phu, giáo phái này rất thịnh. Đời Chương Tông năm Thái Hòa năm thứ tư, Nguyên Học sĩ soạn Tử Vi Quán Ký.

<i>Giáp Ngọ: Thiệu Hưng năm thứ 24</i>	<i>Trinh Nguyên năm thứ 2</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	-----------------------------------	---------------

<i>Ất Hợi: Thiệu Hưng năm thứ 25. Thái sư Tần Cối già bệnh, cáo quan và mất</i>	<i>Trinh Nguyên năm thứ 3</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Bính Tý: Thiệu Hưng năm thứ 26</i>	<i>Kim: Đổi niên hiệu. Chánh Long năm đầu</i>	<i>Tây Hạ</i>

Tống: Thiên sư Mã Kỳ ở Dư sơn, Hoa Đình: Sư họ Lý, húy Pháp Ninh, quê ở Cử huyện, Mật châu, Sơn Đông. Từ nhỏ Sư xuất gia với Diệu Không Minh Công ở Thiên Ninh, Nghi châu trụ ở chùa Tịnh Cư, núi Mã Kỳ, Nghi châu. Đầu năm Thiệu Hưng, Sư đi đường biển đến Thanh Long trấn thuộc Hoa Đình. Hôm đó con hầu của Sát Phán Chương Cổn Mẫu phu nhân Cao thị mộng thấy Thiên nhân đến nói: “Cổ Phật đến!” Sáng sớm hôm sau thì Sư đến, Cao thị nghinh Sư ngụ ở vườn nhà Tiền thi. Sư dựng tinh xá, khi đào móng gặp phải khánh sắt, bia vỡ và tượng Phật. Hoa Đình lệnh Liễu Ước đem cổ vật này báo với quan sở tại, tâu Đế xin dựng chùa, lấy tên là chùa Tịnh Cư. Sư qua Minh châu thăm Diệu Không ở Tuyết Đậu, lập am ở Bồ Đà Biệt Phong lấy tên là Thanh Sơn. Quận thú Mạc Tường thỉnh Sư trụ trì Cát Tường. Trước đây đời Triết Tông năm Nguyên Phù ở Dư Sơn có tinh xá Linh Phong, Sư xin sát nhập với Cát Tường đổi tên lại là Chiêu Khánh Thiền viện. Hữu thừa Chu Ngọc thỉnh Sư khai sơn trụ trì. Sư dời về Quảng Tuệ ở Minh châu, lại về Chiêu Khánh. Đến lúc này mồng tám tháng giêng năm Bính Tý, Sư quy tịch, tháp an táng toàn thân ở phía Đông phương trượng, hưởng thọ bảy mươi sáu tuổi, tăng lạp năm mươi chín hạ. Sư nối pháp Tuyết Đậu Minh, Minh nối pháp Trường Lô Hòa, Hòa nối pháp Vân Thiệu Bản, đều thuộc tông Vân Môn.

<i>Đình Sửu: Thiệu Hưng năm thứ 27</i>	<i>Đại Kim: Chánh Long năm thứ 2</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Mậu Dần: Thiệu Hưng năm thứ 28</i>	<i>Chánh Long năm thứ 3</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Kỷ Mão: Thiệu Hưng năm thứ 29</i>	<i>Chánh Long năm thứ 4</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Canh Thìn: Thiệu Hưng năm thứ 30</i>	<i>Chánh Long năm thứ 5</i>	<i>Tây Hạ</i>

Tống: Đế hạ chiếu ban cho Tôn giả Từ Vân ở Thiên Trúc, Hàng châu thụ là Sám Chủ Thiên Tuệ Pháp Sư, tháp hiệu Thụy Quang.

<i>Tân Ty: Thiệu Hưng năm thứ 31</i>	<i>Kim: Thế Tông lên ngôi, đổi Chánh Long năm thứ sáu thành Đại Định năm đầu</i>	<i>Tây Hạ</i>
--------------------------------------	--	---------------

Kim: Mùa thu tháng bảy năm Tân Ty, Kim Chủ là Lượng dời đô về Biện Kinh. Tháng chín, Lượng bội ước đánh Tống, Tống đế hạ chiếu thân chinh. Lượng rất ưa giết người, dấy binh gây họa. Lúc này hào kiệt nổi lên khắp nơi. Thái Danh Vương Hữu đánh thẳng vào Cảnh Kinh, Tế Nam. Thái Hàng Trần Tuấn khởi tập đạo quân Nhân Nghĩa. Hậu Duệ Khiết Đan là Da Luật Oa Oát cũng dấy binh ở sa mạc. Lúc này đội quân Bột Hải đến hơn vạn người phản lại Lượng. Lượng về Hội Ninh phủ lập Bao làm Đế (Bao đổi tên là Ung, cháu Thái Tổ, con Ký Chủ Tông Phụ). Tháng mười, Bao lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu là Đại Định. Tả Thừa Tướng Trương Hạo từ Biện Kinh chếp chiếu văn đại xá đến báo với Lượng. Lượng than: “Trẫm muốn đợi sau khi bình định Giang Nam, sẽ lấy một đội quân nhân nghĩa đặt tên là Đại Định, lấy đó làm niên hiệu mới, nhưng người này đã làm trước ta rồi!” Lượng ra lệnh làm một cuốn sách bày tỏ việc này, rồi dự định cho việc đổi niên hiệu. Tháng mười một Ất Mùi, chư tướng tập họp binh đến hơn vạn người, cầm cung vào thẳng tẩm trướng của Lượng. Bọn Tả hữu thân quân đều bỏ chạy, chư tướng bắn vào trướng, tên tuôn như mưa, Lượng chết. Hoàng tử Quang Anh ở lại Biện Kinh cũng bị mọi người giết. Bao truy phế Lượng xuống làm Hải Lăng Vương, Thụy là Dương, Hoàng hậu Đan thị bị phế làm Hải Lăng Phu nhân. Bao lại đổi tên là Ung, đóng đô ở Yên Kinh. Ông tính nhân hậu, thương dân, cần kiệm, ở ngôi hai mươi chín năm. Người ta gọi ông là Tiểu Nghiêu Thuấn.

<i>Nhâm Ngọ: Thiệu Hưng năm thứ 32</i>	<i>Đại Kim: Đại Định năm thứ 2</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	------------------------------------	---------------

Kim: Thế Tông Ung, tháng giêng vào đóng đô ở Yên Kinh, đổi tên cũ của cha mình là Tông Phụ thành Tông Nghiêu, truy tôn thụ là Ý Tông, dựng chùa Đại Khánh Thọ ở phía Bắc Yên đô, hạ chiếu thỉnh

Thiền sư Huyền Minh Khải Công làm trụ trì Khai Sơn đời thứ nhất, lệnh cho Hoàng tử Yên Vương đến dâng hương, cúng hai vạn tiền và hai mươi mẫu ruộng tốt.

Tống: Tháng hai, Đế từ Kiến Khang về phủ Lâm An. Tháng sáu, hạ chiếu cho cháu bảy đời của Thái tổ Hoàng Đế là Kiến Vương Vỹ đổi tên là Duệ và lập hoàng Thái tử. Truy phong con Hoàng huynh làm Tú Vương. Năm Bính Tý, Đế nhường ngôi, hoàng Thái tử lên ngôi Hoàng Đế. Đế tự xưng Thái thượng hoàng, ở cung Đức Thọ. Mùa Đông tháng mười, mưa dầm, Đế lệnh cho nội thị Đặng Tùng Ngãi đem hương đến cầu khẩn trước tượng Bồ-tát Quán Âm trong chùa Thiên Trúc thượng. Lập tức trời quang mây tạnh. Đế vui mừng sai vương tôn tam phẩm trong nội phủ đến cúng dường tạ ân.

Hiếu Tông: Húy Duệ, được phong Kiến Vương, lập làm hoàng Thái tử, năm ba mươi sáu tuổi nhận và lên ngôi Hoàng Đế, lấy ngày hai mươi hai tháng mười làm tiết Hội Khánh. Ông thông minh, lấy lại được Thần châu. Tập họp hết những bề tôi có tâm tu hay khuyên Đế lại rồi làm văn chương nêu bày đức của họ, quan tâm đến nỗi khổ của dân, khuyến khích làm ruộng nuôi tằm, tu sửa đê điều, thưởng phạt công minh, mến tiếc người tài. Cứ năm ngày, Đế triều kiến Thái thượng hoàng một lần, phụng sự lưỡng cung rất chí thành. Ông trị vì hai mươi bảy năm, nhường ngôi cho Thái tử, tự xưng là Thái thượng hoàng, thọ sáu mươi tám tuổi. Niên hiệu Long Hưng hai năm, Càn Đạo chín năm, Thuần Hy mười sáu năm.

<i>Quý Mùi: Long Hưng năm đầu</i>	<i>Đại Kim: Đại Định năm thứ 3</i>	<i>Tây Hạ</i>
---------------------------------------	--	---------------

Ngự tán Quán Thế Âm Bồ-tát: Tháng bảy, Đế ngự ở điện Tuyên Đức, soạn bài tán Bồ-tát Quán Thế Âm rằng: “Đại Sĩ Quán Âm, sở dĩ được tôn xưng là do “dùng sức thần thông, thị hiện khắp chốn”, ứng tích trên núi Thiên Trúc ở đất Hàng, việc ấy đến nay vẫn còn. Trẫm mỗi lần cầu nguyện, đều tùy nguyện mà cảm ứng, nào mưa nào tạnh, một khắc chẳng sai, đó là ngài trợ giúp cho kẻ hèn này vậy. Nhân đây xin làm lời tán thán:

*Lành thay! Đại sĩ, vốn tự viên thông
Nêu bày ngôn thuyết, cho đời noi theo
Sáng chiếu không hai, từ bi quán chiếu
Tùy cảm liền ứng, diệu chẳng nghĩ bàn.*

Tống: Đế hạ chiếu thỉnh Thiền sư Đại Thiên Liễu Minh ở Tường Sơn trụ trì Kính Sơn. Sư họ Lục, quê ở Tú châu, nổi pháp Thiền sư Đại Tuệ Tông Cảo. Dương Hòa Vương rất kính trọng Sư, đem thóc lúa của điền trang ở Tô châu mỗi năm cúng Sư hai vạn斛. Từ đó Kính Sơn sung túc, Tăng chúng rất đông.

<i>Giáp Thân: Long Hưng năm thứ 2</i>	<i>Đại Kim: Đại Định năm thứ 4</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Ất Dậu: Càn Đạo năm đầu</i>	<i>Đại Định năm thứ 5</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Bính Tuất: Càn Đạo năm thứ hai. Chiếu cho Đạo Xương ở Linh Ẩn trụ ở Tịnh Từ. Xương người Hồ châu, nổi pháp ngài Phổ Đăng ở chùa Lộc Uyển, Bảo Khê</i>	<i>Đại Định năm thứ 6</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Đinh Hợi: Càn Đạo năm thứ 3</i>	<i>Đại Định năm thứ 7</i>	<i>Tây Hạ</i>

Tống: Mùa Xuân tháng hai, Đế ngự giá đến Thượng Thiên Trúc, đánh lễ cúng dường Bồ-tát Quán Âm và hỏi trụ trì Nhược Nột rằng:

- Vì sao hằng năm phải tu Kim Quang Minh Sám?

Nột đáp: Đại Phạm Tôn thiên là chủ thế giới Ta-bà, Thích Đề-hoàn Nhân Thiên đế ngự cõi trời Tam thập tam chủ quản hạ giới, Tứ Trấn Thiên vương cùng phát nguyện hộ trì Chánh pháp, bảo hộ nhân dân, nên Đức Phật thuyết Kim Quang Minh Tam-muội cho chư Thiên, đây là kinh điển giúp Đế vương trị quốc an dân. Triều đình chu cấp hương hỏa nên năm nào cũng tụng niệm sám này.

Đế hài lòng, cất nhắc Nột làm Hữu Nhai Tăng Lục, cúng cho hai vạn tiền, khai sơn đạo tràng cũ của Đạo Dực ở Thạch Tấn, dựng mười sáu quán viện, lệnh cho Hàn lâm học sĩ Lâu Thước soạn bài ký, đem mô hình đổ vào tái dựng trong nội thành. Năm sau, nhằm ngày Phật Đản, mồng tám tháng tư, Đế tuyên chỉ cho Nột thỉnh năm mươi tăng vào nội quán đường thực hành sám pháp Hộ Quốc Kim Quang Minh Tam-muội, trai phạn xong, Đế mời Nhược Nột thuyết pháp. Đế vừa ý, tiến phong

ngài làm Tả Nhai Tăng Lục, ban hiệu là Tuệ Quang Pháp Sư. Chư tăng mỗi người được Đế ban cho một xấp lụa. Từ đó, hằng năm như thường lệ, cứ vào ngày Phật đản, Đế ban cho năm mươi xấp lụa, giao cho Thượng Thiên Trúc để làm Phật Sự này.

Tháng mười năm Càn Đạo năm thứ sáu, Đế tự tay viết mười hai chữ lớn “Linh Cảm Quán Âm Chi Tự, Linh Cảm Quán Âm Bảo Điện” ban cho Thượng Thiên Trúc treo ở sơn môn. Mồng bảy tháng giêng năm Càn Đạo năm thứ chín, Đế triệu Nột vào điện Tuyển Đức để ứng đối. Đầu giờ Ngọ, Nột vào điện kiến, Đế ban chỗ ngồi, nói:

- Đầu năm Trầm vừa thiết trai cúng Bồ-tát xong!

Ngài đáp: Bần Tăng đã nhận được Thánh ân.

Đế hỏi: Khoa nghi của Quang Minh sám gồm những gì?

Ngài đáp: Trong ấy có Lý sám, có Sự sám. Lý sám tức là ngồi ngay thẳng cứu xét tâm mình, từ đó thấy ra nghiệp chướng như Sương móc, đều từ vọng tưởng sinh, ngồi ngay niệm thật tướng, tuệ nhật hay diệt trừ.” Sự sám có năm loại:

1. Cần thận điều phục tâm, chí thành tư duy nghĩa không thậm thâm của Đại thừa, dốc tâm làm thiện, sửa hết lỗi lầm.
2. Hiếu đễ thờ cha mẹ, làm gương cho bốn biển
3. Đem chánh pháp trị đời, không làm khổ muôn dân
4. Trong sáu ngày trai, cả nước không sát sinh.
5. Tin sâu nhân quả, tâm nghĩ đến nhân quả, không quên lời phó chúc của Phật.

Không đợi phải lễ bái theo định kỳ, chỉ cần thường thật thi hành năm việc ấy, vận dụng Sự khế hợp với Lý, đó gọi là Đệ nhất nghĩa sám hối.

Đế vô cùng vui mừng, hân hoan tột bậc, hỏi:

- Hằng ngày thầy giảng kinh gì?

Ngài đáp:

- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

- Trong bảy quyển, vi diệu nhất là chỗ nào?

- Đó là “Vì khiến chúng sinh khai thị, ngộ nhập tri kiến Phật. Bản thể chưa từng động, như điểm sắt thành vàng, chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật.”

Đế hài lòng. Ứng đối tới giờ Mùi, ngài tạ ân xuống điện. Thuần Hy năm đầu, Đế cấp cho hai vạn tiền lấy từ quốc khố, giao cho Thượng Thiên Trúc xây dựng Tàng điện, cho ấn bản một tạng kinh, lệnh cho hoàng thái tử viết tẩm biển ở điện là Pháp Luân Bảo Tạng. Mùa Xuân

tháng ba năm Thuần Hy năm thứ hai, Đế ngự giá đến Thượng Trúc, cúng dường lễ lạy Bồ-tát Quán Âm, tổ chức đạo tràng Hộ quốc Kim Quang Minh, ban cho quả ấn Bạch Vân đường để chủ quản giáo môn.

Mùa hạ, mồng một tháng sáu, Đế triệu ngài vào ứng đối ở Nội Quán đường. Đế hỏi:

- Gần đây thầy xem kinh Bảo Tích, kinh văn ấy rộng không?

Ngài đáp: Kinh Hoa Nghiêm, Bát-nhã, Bảo Tích, Niết-bàn đều là những bộ kinh Phật nói cho hàng đại cơ, văn rất dài mà nghĩa cũng rất rộng.

Đế hỏi: Kinh Lăng-nghiêm huyền diệu sâu xa, nhưng tại sao nói, “được như vậy là tốt”, lại nói “được như vậy là lời lẽ như sóng trào”?

Ngài đáp: Phật là người thấu đạt bản nguyên, từ thể khởi dụng, vận dụng Vô tận tạng Tam-muội, nói nín nhất như.

Trung sử tâu, đã đến giờ Mùi. Ngài xuống điện. Năm Thuần Hy năm thứ mười một, ngài được tiến cử làm Tả Hữu Nhai Đô Tăng Lục, lui về ẩn cư tại Di-đà Hưng Phước viện ở Trúc sơn. Đế hạ chiếu cho đệ tử Thượng thư của ngài là Thủ Tòa Sư Giác được bổ làm Hữu Nhai Giám Nghĩa, kế thế trụ trì pháp tịch. Năm Thuần Hy năm thứ mười sáu, Đế triệu Sư Giác vào Nội quán đường, giữ lại bảy ngày để giảng Chỉ Quán viên đốn của Thiên Thai. Đời Quang Tông đầu năm Thiệu Hy, Đế ở cung Trùng Hoa, cho phép Nhược Nột được theo xa giá ra vào cung cấm. Ngài chú thích kinh Kim Cang, Bát-nhã dâng lên, Quang Tông ngự chế văn tán. Đến mồng một tháng mười năm Thiệu Hy năm thứ hai, Tăng Lục Nhược Nột quy tịch, thọ tám mươi hai tuổi, Tăng Lạp sáu mươi chín hạ, an táng ở viện Di-đà Hưng Phước. Cấp Sự Trung Tống Chi Thụy soạn văn bia ghi hành trạng của ngài. Đệ tử nổi pháp ngài có Tăng Lục Quảng Tuệ Diệu Khuê, Hư Am Hữu Hoàng, Thạch Gian Tùng Giới.

Ngày hai mươi hai tháng mười năm Thuần Hy năm thứ mười bốn Đế ở Nội quán đường viết một quyển Bát-nhã Tâm Kinh. Đến ngày mười tháng tư năm Gia Định năm thứ hai, Ninh Tông đem ngự bảo này ban cho Tăng Lục Diệu Khuê ở Thượng Trúc. Tham Tri Chính Sự Lôu Thước, Cấp sự trung Trâu Ứng soạn lời bạt, cất ở Thượng Trúc.

Ngày mười bảy tháng tư Pháp Sư Thảo Am Đạo Nhân ở Diên Khánh Giáo tự, Minh châu quy tịch, thọ bảy mươi tám tuổi, tăng Lạp sáu mươi một hạ. Từ nhỏ, ngài vân du khắp nơi, đến giảng đường của Minh Trí Chiếu Tuệ, rồi vào Thiên thất của Chân Hiết Thanh Liễu, Hoàng Trí Chánh Giác, Vô Thị Kham, cuối cùng quay về đọc Chỉ Yếu

Sao mới đại ngộ. Lúc đầu ngài trụ ở Diên Khánh, niêm hương nguyện rằng: “Ba lần vào Thiên thất, năm lần đến giảng đường, cả thầy thân cận tám Thiện tri thức. Các ngài là bậc đức lớn sáng rỡ, có đức có ngôn cú nhưng duyên con không phải ở đó, như nước giọt trên đá tảng. Một nén hương này, kính làm người thừa tự đời thứ nhất của Diên Khánh là Pháp Trí Tôn giả. Sống thì làm người, chết thì làm sách, tâm không cô phụ người, mặt không sắc thẹn.” Đời Cao Tông, năm Thiệu Hưng (Bính Dần) ngài lui về ở ẩn trong Thảo am ở thành Nam, đem đạo mẫu nhiệm mà thường ngày thâm nhập viết thành Thảo Am Lục mười quyển, lời lẽ văn từ rất chân thật, ai nấy đều thích đọc.

<i>Mậu Tý: Càn Đạo năm thứ 4</i>	<i>Đại Kim: Đại Định năm thứ 8</i>	<i>Tây Hạ</i>
----------------------------------	------------------------------------	---------------

Kim: Mông một tháng mười, Đế hạ chiếu cho Thiên sư Khải ở Đại Khánh Thọ tự dựng Thanh An Thiên Tự ở Đông Kinh, độ năm trăm tăng, soạn Ban Cầm ở Sát Hội.

Tống: Mông ba tháng mười hai, tại chùa Diên Thọ ở Minh châu, Pháp Sư Hữu Bằng ngồi ở Thanh Ngọc Hiên, đại chúng vây quanh tụng Quán Kinh, tụng đến Chân Pháp Giới Quán, ngài an nhiên quy tịch.

<i>Kỷ Sửu: Càn Đạo năm thứ 5</i>	<i>Đại Kim: Đại Định năm thứ 9</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Canh Dần: Càn Đạo năm thứ 6</i>	<i>Đại Định năm thứ 10</i>	<i>Tây Hạ: Càn Hộ năm đầu</i>

Kim: Thế Tông Chân Nghi Hoàng hậu xuất gia làm Ni, dựng chùa Thùy Khánh, độ cả trăm ni, Đế ban cho hai trăm mẫu ruộng.

Tống: Mùa Đông, ngày rằm tháng mười, Đế hạ chiếu cho Thiên sư Tuệ Viễn vốn là tiền trụ trì Sùng Tiên Hiển Hiếu Thiền viện ở núi Cao Đình, Hàng châu làm trụ trì Cảnh Đức Linh Ẩn Thiên tự. Ngày hai mươi ba tháng hai năm sau, Đế triệu ngài vào điện Tuyển Đức để ứng đối. Đế mời ngài ngồi và hỏi:

- Làm thế nào để tránh được sinh tử?

Tuệ Viễn đáp: Không tỏ ngộ đại thừa thì trọn không tránh được.

Đế hỏi:

- Làm thế nào để tỏ ngộ được?

- Tánh vốn có ấy, nếu cứu xét thì không ai chẳng tỏ ngộ.
 - Sau khi ngộ thì thế nào?
 - Sau khi ngộ rồi, thì mới thấy giống như thoát thể hiện tiền, hoàn toàn không có mấy may tướng trạng để nhìn thấy.

Đế gật đầu đồng ý, hỏi tiếp:

- Tức tâm tức Phật là thế nào?

Ngài đáp:

- Trước mắt không có pháp, bệ hạ gọi cái gì là tâm!

- Thế nào là tâm?

Ngài vòng tay đứng thẳng nói: Là thế này này!

Đế rất hài lòng. Ngày hai mươi tám tháng giêng, mùa Xuân năm Càn Đạo năm thứ tám, Đế xa giá đến chùa Linh Ẩn. Mùa Thu mồng bảy tháng tám, Đế triệu tăng đạo tam giáo của Thượng Trúc, Kinh Sơn, Linh Ẩn tập trung ở Nội quán đường. Ngộ trai xong, Đế triệu ngài vào Đông Các, ban chỗ ngồi và nói:

- Trẫm có một hai việc muốn hỏi khanh. Hôm trước Trẫm ngủ nằm mộng, bỗng nghe tiếng chuông liên tingle giấc, chẳng biết mộng và tỉnh đó nó như thế nào?

Ngài đáp: Bệ hạ hỏi mộng hay là hỏi giác (tỉnh), nếu hỏi giác thì nay chính là nói sáng; nếu hỏi mộng thì mộng giác không khác, vậy bảo ai phân biệt được! Mộng tức là huyền, biết huyền liền lia, lia huyền tức giác, tâm giác không động, nên nói “Nếu hay chuyển vật, liền đồng Như Lai”.

Đế hỏi: Mộng huyền đã chẳng phải vậy tiếng chuông từ đâu mà có?

- Từ ngay chỗ Bệ hạ hỏi mà có.

Đế lại hỏi: Hôm trước Trẫm đang ngồi tĩnh tọa ngay Các này, đột nhiên nghĩ đến câu “chẳng cùng muôn pháp làm bạn”, Trẫm có chỗ thấy.

Ngài nói: Xin nghe Bệ hạ!

Đế nói: Bốn biển chẳng phải là nhiều.

Ngài nói: Một hớp hút cạn nước Tây Giang thì thế nào?

- Cũng chưa từng thiếu hớp.

- Vừa dấy tư duy liền thành pháp thừa. Giả sử như có lâu năm hay chỉ thoáng qua cũng đều không dính dáng, vì sao vậy? Vì pháp không có hai pháp, thấy cũng không có hai cái thấy, tâm không có tâm khác, trời không có hai mặt trời.

Đế gật đầu rất lâu. Ngày ba mươi tháng mười mùa Đông, Đế hạ

chiếu đặc biệt cả hiệu ngài là Phật Hải Thiền Sư. Ngày ba mươi tháng năm, Thuần Hy năm đầu, Đế triệu ngài vào ứng đối. Đế hỏi:

- Xưa các bậc Tông sư người thì đứng mà tịch, người thì ngồi mà hóa, còn đời nay có những ai?

Ngài đáp: Thời Huy Tông Hoàng Đế đổi Tăng thành Đức sĩ, ngày mà Đế hạ chiếu, ở Kiến châu có Trưởng lão Sùng Ninh, ngài nhóm chúng, thăng tòa, nói: “Cây gậy đưa lên, tọa cụ buông xuống, mây tan nước chảy mãi, vắng lặng trời đất không.” Nói xong ngài ngồi yên quy tịch. Năm Thiệu Hưng năm thứ hai mươi bảy, ngài Tông Hội ở chùa Tây Nghiễm, Nam Kiếm châu, nhân có quan mời dự tiệc trà, ngài lên tòa nói bài kệ:

*Quan phủ mời hoài chẳng tạm ngưng
Chi bằng chết quách việc rõ ràng
Từ xưa có khúc vô sinh ấy
Âm điệu sáng nay đã nhịp nhàng.*

Nói xong ngài ngồi yên mà tịch. Lại nữa lúc Viên Ngộ trụ ở Chiêu Giác, đại chúng đến năm trăm người, đệ nhất tòa là Đạo Tổ. Một hôm, khai thị cho chúng nhập thất xong, lại có vị Tăng hỏi: Sinh tử đến làm sao mà tránh?

Đạo Tổ liền an nhiên thị tịch. Viên Ngộ đến trượng thất của ngài liên tục réo gọi Thủ tòa Tổ, ngài bèn mở mắt, Viên Ngộ nói:

- Hãy phấn chấn tinh thần mà xuyên qua cửa ải!

Đạo Tổ gật đầu rồi tịch. Đó là những vị đứng mà tịch, ngồi mà hóa của đời nay.

Đế vui mừng tán thán giây lâu. Ngự thị đều đưa mắt nhìn.

Mùa Xuân rằm tháng giêng năm Thuần Hy năm thứ ba. Tuệ Viễn nhập tịch thọ bảy mươi bốn tuổi, Tăng lạp năm mươi chín hạ, an táng ở núi Tây của Linh Ẩn. Tham Chính Chu Tất Đại soạn bài minh trên tháp. Ngài có bộ Ngũ Lục ba quyển, tả tướng Ngu Doãn Văn viết bài tựa. Ngày hai mươi chín tháng hai, Đế hạ chiếu thỉnh Thiền sư Đức Quang ở chùa Báo Ân Quang Hiếu, Thái Châu kế thế ngài, trụ trì Linh Ẩn. Mùa đông tháng mười một, Đế triệu Sư vào ứng đối ở điện Tuyển Đức. Thuần Hy năm thứ năm, Đế ban cho Đức Quang hiệu Phật Chiếu Thiền Sư. Mồng năm tháng sáu năm Thuần Hy năm thứ bảy, Đế hạ chiếu cho Sư trụ chùa Quảng Lợi, núi A-dục vương, Minh châu. Đến đời Quang Tông, ngày hai mươi sáu tháng giêng năm Thiệu Hy năm thứ tư, Đế hạ chiếu thỉnh Sư trụ chùa Hưng Thánh Vạn Thọ ở Kính Sơn, phủ Lâm An. Đời Ninh Tông năm Gia Thái năm thứ ba, Sư nhập tịch. Sư họ Bành,

quê ở Lâm Giang quân, nổi pháp Thiền sư Đại Tuệ Tông Cao.

Thiền sư Phật Hải họ Bành húy Tuệ Viễn, quê ở My Sơn. Năm mười ba tuổi, ngài theo Sư Tông Biện ở viện Dược Sư xuất gia làm Tăng vân du khắp nơi để học hỏi, gặp lúc Viên Ngộ lãnh lại Chiêu Giác, ngài theo Viễn tham học. Trong một lần phổ thuyết, Viên Ngộ cử việc Bàng Cư sĩ hỏi Mã Tổ “Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là ai” Mã Tổ đáp: Đợi khi nào ông uống một hớp cạn hết nước Tây Giang ta sẽ nói cho ông nghe!” Ngài nghe đến đây, hoát nhiên đại ngộ. Ngài về đông trụ ở Khúc Khâu, rồi phụng chiếu trụ viện Sùng Tiên, núi Cao Đình, nhiều lần dời qua ở những chùa nổi tiếng, nổi pháp Thiền sư Phật Quả Viên Ngộ Khắc Cần.

<i>Tân Mão: Càn Đạo năm thứ bảy. Ngày hai mươi tháng giêng, Thiền sư Tịnh Từ Đạo Xương đời năm thứ tám, Tông Vân Môn quy tịch</i>	<i>Đại Kim: Đại Định năm thứ 11</i>	<i>Tây Hạ: Càn Hựu năm thứ 2</i>
---	-------------------------------------	----------------------------------

Tông: Tháng tư, Canh Tuất, Đế lâm triều nói với Tả hữu: “Thái Tổ Hoàng Đế hỏi Triệu Phổ: Trong thiên hạ cái gì là lớn nhất? Phổ đáp: Đạo lý là lớn nhất” Trẫm thường tư duy lời này. Tổ tông mỗi một việc đều hỏi đến đạo lý thì lo gì đất nước không thịnh trị.

<i>Nhâm Thìn: Càn Đạo năm thứ 8</i>	<i>Đại Định năm thứ 12</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Quý Tỵ: Càn Đạo năm thứ 9</i>	<i>Đại Định năm thứ 13</i>	<i>Tây Hạ</i>

Duyên Khởi Bồ-tát Quán Thế Âm Ứng mộng: Đời Tống, mồng bảy tháng giêng, Đế tuyên chiếu triệu Tả Nhai Tăng Lục ở Thượng Thiên Trúc là Pháp Sư Tuệ Quang Nhược Nột vào ứng đối trong điện Tuyền Đức. Đế hỏi:

- Thượng Trúc hình thành đến nay đã bao lâu rồi?

Nột đáp: Hình thành từ đời Thạch Tấn năm Thiên Phước năm thứ tư. Hồi ấy Tăng là Đạo Dực lập am trong núi, đêm nào cũng thấy ngọn núi trước am phát ra ánh sáng lớn. Ngài theo đó tìm quả nhiên được gốc cây lạ, bèn đốn về và khắc Thánh tượng. Đêm mộng thấy Thần nhân

đến nói “Ngày mai có vị Tăng từ Lạc Dương đến, nên theo ông ấy mà xin xá-lợi.” Quả nhiên ngài xin được ba hạt xá-lợi, đem đặt trên đỉnh đầu tượng Bồ-tát đời Thái Tổ, trong năm Khai Bảo, Ngô Việt Trung Ý Vương Tiên Thục mộng thấy Bạch y Tiên nhân đến nói: “Ta ở một nơi rất chật hẹp”. Tỉnh giấc, Vương tìm hiểu sự thật và xây dựng nơi đó rất rộng rãi kang trang, đặt tên là Thiên Trúc khán kinh viện. Đời Anh Tông trong năm Trị Bình, Thẩm Văn Thông, Thái Tương Kế làm Thái thú Hàng châu, tâu trình hết ngọn ngành, Tể tướng Tăng Lượng tâu lên, Đế ban cho tám biển là Linh Cảm Quán Âm Viện. Nay nhờ Thánh ân của Bộ hạ, đã đổi viện thành chùa và trở thành ngôi Bảo điện nguy nga.

Trong Cảm Sơn Ký Đàm ghi: Tăng đất Thục là Tổ Tú, tự Tử Chi, thuở nhỏ tài văn chương đã nổi danh trong hàng sĩ đại phu, mền mộ gia phong của Minh Giáo Khế Tung, soạn Âu Dương Văn Trung Công Ngoại Truyện. Tô Dường Trực viết bài tựa ở đầu Truyện, đại lược ghi: “Quân tử cho rằng, giáo pháp của Phật không có mặt trong thời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang. Nhưng sau Khổng Tử, Mạnh Kha, lịch đại Tiên nho, dù đương thời cấm cản không ít, vẫn cho phép Phật pháp truyền vào cấm cung. Xưa nay dựa vào đó, người ta luận bàn là có chứng cứ. Chỉ riêng Tú Công thì cho rằng, Đan Chu của Đế Nghiêu không đủ khả năng nắm quyền chính nên nhường ngôi cho Đế Thuấn. Đế Thuấn cũng lo Thương Quân không đủ tài nên mới nhường ngôi cho vua Vũ. Đến vua Thang, Vũ Vương thì thay đổi chính mệnh, Phật giáo cũng bắt đầu khởi nguyên, khiến Khổng Tử thực thi mọi việc, có gì khác với pháp dâu! Từ Đế Nghiêu đến Vũ Vương, Phật chưa đản sinh. Sau khi Thành vương, Khang vương băng hà, Phật mới bắt đầu thị hiện nhưng chưa truyền vào Trung Quốc, đợi đến khi Thánh nhân sinh ở đất Lỗ, tập đại thành hết giáp huấn của những Đế vương xưa. Kịp lúc thay! Khi Thánh nhân bị khốn ở Lỗ, Vệ, Trần, Tống, muốn sang ở với Cữu Di, chống bè lênh đênh cùng biển, lúc ấy giáo pháp xa ngàn muôn dặm lại truyền đến Trung Quốc. Thiên Tử chư hầu ai được nghe đây! Pháp Phật không có truyền cần, nếu chẳng phải nhờ Hiến Tông (Hậu Hán Minh đế) cảm mà tìm cầu từ phương xa thì sợ rằng vẫn chưa thể ứng nhanh như vậy”.

Đó là bộ sách của Tú công ở kinh đô, là lời luận bàn làm kinh hãi người xưa, chấn động người nay, dài đến mấy vạn lời. Tổ Tú còn làm bài tán trước tượng Đông Pha rằng: “Tư mã, Dương Vương của Hán; Thái Bạch, Tử Ngang của Đường, năm bậc Quân tử này đều sinh ở Thục quận, nhưng vẫn chưa bằng Phu tử mà có Cảnh Quang. Kinh Thi

của Phu tử, người nổi bật chỉ có Tử Mỹ; văn chương của Phu tử, người sánh ngang chỉ có Tử Trường. Phú cũng giỏi hơn Khuất Giả, Chữ lại mạnh hơn Chung Vương. Đây là tuyệt kỹ của Phu tử che lấp hết trấu cám của Chí đạo. Đạo của Phu tử đó là Hậu Tác, Y Doãn có thể đưa ông lên ngang thời với Đế Nghiêu Đế Thang mà luận thì phải thêm phu việt (dụng cụ để chém ngang lưng), nhưng Phu tử lại càng được ca tụng trong thời văn hóa thịnh trị. Sự đổi dời của đất trời cũng giống như về lại quê xưa, thì tin chắc năm hào kiệt của Thục quận chẳng ai thấy được cái điềm nhiên của Phu tử.”

Đến lúc này, năm Quý Tỵ, Tổ Tú lui về quy ẩn ở Thục Sơn.

<i>Giáp Ngọ: Thuần Hy năm đầu</i>	<i>Đại Kim Đại Định năm thứ 14</i>	<i>Tây Hạ</i>
---------------------------------------	--	---------------

Tống: Thục phi Trần thị dựng viện Công Đức ở Nam Sơn, Hàng châu, Đế ban cho tấm biển là Ninh Thân Quảng Phước. Mồng tám tháng tư, Đế hạ chiếu thỉnh Thiền sư Trung Nhân ở chùa Linh Phong, núi Nhạn đặng, Ôn châu vào ứng đối trong điện Tuyển Đức. Ngài đối đáp hợp ý, Đế rất hài lòng. Đời Huy Tông trong năm Tuyên Hòa tại điện Khánh Cơ, Trung Nhân từng được Đế ban cho độ điệp thế phát, ra vào dịch trường, nghiên cứu tận lý Kinh Luận. Về sau, ngài đặc pháp với Thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần.

<i>Ất Mùi: Thuần Hy năm thứ 2</i>	<i>Đại Kim: Đại Định năm thứ 15</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Bính Thân: Thuần Hy năm thứ 3</i>	<i>Đại Định năm thứ 16</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Đinh Dậu: Thuần Hy năm thứ 4</i>	<i>Đại Định năm thứ 17</i>	<i>Tây Hạ</i>

Cửu Thế Đồng Cư: Nước Kim: Doãn Bí ở Trịnh châu có chín đời đồng cư. Tháng ba, Đế hạ chiếu miễn thuế ba năm, tự tay viết “Sắc lệnh ban cho họ Doãn, nhằm nêu cao gia phong hiếu nghĩa”.

<i>Mậu Tuất: Thuần Hy năm thứ 5</i>	<i>Đại Định năm thứ 18</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	----------------------------	---------------

<i>Kỷ Hợi: Thuần Hy năm thứ 6</i>	<i>Đại Định năm thứ 19</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Canh Tý: Thuần Hy năm thứ 7</i>	<i>Đại Định năm thứ 20</i>	<i>Tây Hạ</i>

Kim: Tháng giêng, Đế sắc lệnh cho dựng Ngưỡng Sơn Thê Ấn Thiên tự ở Nam Sơn, Yên Kinh, hạ chiếu thỉnh Thiên sư Huyền Minh Khải Công khai sơn, ban ruộng, mở pháp hội cúng hơn vạn người.

Tống: Mùa thu, Đế triệu Thiên sư Bảo Ấn ở chùa Tuyết Đậu, Minh châu vào ứng đối trong điện Tuyền Đức. Đế nói:

- Thánh nhân của Tam giáo đồng một đạo lý này.

Bảo Ấn đáp:

- Thí như hư không, đông tây nam bắc, ban đầu không có hai

Đế hỏi:

- Nhưng cửa ngõ mà Thánh nhân lập thì không đồng, như Khổng Tử lấy Trung Dung mà lập giáo vậy.

Ấn nói:

- Không phải Trung Dung thì lấy gì để an lập thế gian, nên Kinh Pháp Hoa ghi: “Ngôn ngữ trị thế, làm lớn mạnh sinh trưởng nghiệp vụ... vẫn không trái nghịch với Thật tướng.” Kinh Hoa Nghiêm ghi: “Không hoại tướng thế gian, mà thành pháp xuất thế.”

Đế nói: Ngày nay, sĩ đại phu học theo Khổng Tử thì rất nhiều, nhưng họ chỉ giỏi về văn tự ngôn ngữ, không thấy đạo của Phu tử, chẳng biết tâm của Phu tử, chỉ có họ Thích là không dùng văn tự dạy người, chỉ thẳng nguồn tâm, liền khiến ngộ nhập, không loạn trong đầu mối sinh tử, đó là rất thù thắng.

Ấn nói: Chẳng phải riêng gì người học đời sau này không thấy được tâm của Phu tử mà ngay đương thời, chẳng hạn Nhan Tử là người được tôn xưng là đầy đủ bản chất, cả đời tận lực, nhưng chỉ nói được “Nhìn cái trước mắt, chứ cái ở sau làm sao thấy được” nếu sở lập cao chót vót thì rốt cuộc cũng vẫn còn tìm tòi mà chưa nắm bắt được. Nhưng Thánh nhân rõ ràng đã dùng tám chữ để khai thông “Các ông cho ta giấu điều gì chẳng!” Ta không giấu giếm điều gì cả, những gì ta không làm thì ta không nói với các ông, đó là bản chất của Khâu này! Từ đó mà xét, Thánh nhân chưa từng tránh né các đệ tử, nhưng các đệ tử tự tạo ra lỗi lầm. Xưa Trương Thương Anh nói: “Ta học Phật rồi sau mới biết đến Nho.” Lời ấy quả chí lý.

Đế nói: Ý trăm cũng cho là vậy, thế còn Trang Lão là người thế nào?

Ấn đáp: Chỉ là hạng người từ Thanh văn Tiểu thừa trở xuống trong Phật pháp mà thôi. Bởi Tiểu thừa chán ghét thân này như gông cùm, bỏ trí như bỏ các chất độc, hóa lửa đốt thân, vào cảnh giới vô vi, giống như Trang tử gọi là “Hình hài đương nhiên phải khiến nó như cây khô, tâm thức cố nhiên phải làm nó như tro lạnh.” Còn như Đại thừa thì không cho là vậy, họ độ hết chúng sinh mới chứng Bồ-đề, giống như Y Doãn gọi là: “Ta phải làm cho muôn dân hiểu biết trước. Đem cái đạo ấy mà giác ngộ muôn dân, hễ có một người tức là ân trạch của ta chưa trùm khắp. Nếu đã rộng khắp thì lòng ta mới thật Sự mãn nguyện.

Đế rất hài lòng, hạ chiếu thỉnh ngài trụ Hưng Thánh Vạn Thọ Thiền tự ở Kính Sơn. Mùa Xuân tháng hai năm Thuần Hy thứ mười, Đế tự tay chú giải kinh Đại Phương Quảng Viên Giác, sai Trung Sứ đem đến tặng ngài, cho phép viết bài tựa khắc bản lưu hành. Năm Thuần Hy năm thứ mười lăm, Bảo Ấn xin cáo lão. Đế thuận ý cho ngài lui về ẩn cư, ban tên am là Biệt Phong. Đời Quang Tộ, tháng mười một niên hiệu Thuần Hy năm đầu, ngài đến chùa này nói lời từ biệt với Thiền sư Giao Thừa Trí Sách. Sách hỏi lúc nào đi, ngài đáp: “Nước đến thì đi thành”. Ngài về lại Biệt Phong, lấy giấy viết chín chữ “Thập nhị ngoại sơ thất dạ kê minh thời” (đêm mờ bảy tháng mười hai lúc gà gáy). Đúng ngày giờ đó, ngài quy tịch. Môn nhân phụng di thể về lại chùa, an trí bảy ngày trong pháp đường, thân sắc của ngài vẫn tươi nhuận, tóc vẫn dài, cổ vẫn ấm, an táng gò Tây của am này. Đế ban thụy là Từ Biện Thiền Sư, thụy hiệu Trí Quang. Ngài nối pháp Thiền sư Hoa Tạng Dân. Dân họ Chu, sinh ở My Châu, nối pháp Viên Ngộ Phật Quả Khắc Cần. Từ Biện húy Bảo Ấn, họ Lý, sinh ở Gia châu, từ nhỏ thông suốt lục kinh nhưng chán ghét thế tục, mới theo ngài Thanh Tố ở Đức Sơn xuất gia, sau khi thọ Cụ túc, nghe giảng Hoa Nghiêm, Khởi Tín nhận lãnh hết yếu chỉ từ biệt ra đi, gặp lúc Viên Ngộ về lại Chiêu Giác, ngài theo Viên Ngộ tùy chúng vào thất được đại ngộ và nối pháp Phật Quả Khắc Cần. (Theo Ngũ Đẳng Hội Nguyên)

<i>Tân Sứ: Thuần Hy năm thứ 8</i>	<i>Đại Kim: Đại Định năm thứ 21</i>	<i>Tây Hạ</i>
---------------------------------------	---	---------------

Nguyên Đạo Luận: Tống đế ngự tán luận rằng: “Trẫm xem Nguyên Đạo của Hàn Dũ. Dũ cho rằng Phật Lão hỗn tạp, tam giáo bưng bít nhau

nhưng chưa ai có thể biện luận được. Vả lại văn rườm rà mà lý quanh co xét đến chỗ dụng tâm của Thánh nhân thì chưa thật rõ ràng. Vì sao vậy? Vì họ Thích chuyên nghiên cùng tánh mệnh, vượt ngoài hình hài, không chấp danh tướng, đối với việc đời hoàn toàn chẳng vướng mắc thì lấy gì để hợp với lễ nhạc nhân nghĩa. Thế nhưng từ lâu, họ đã lập ra giới là không sát sinh, không tà dâm, không trộm cắp, không uống rượu, không nói dối. Phàm không sát hại là Nhân, không tà dâm là Lễ, không trộm cắp là Nghĩa, không uống rượu là Trí, không nói dối là Tín. Như vậy so với Trọng Ni có gì xa đâu! Thông dong nơi Trung đạo là Thánh nhân vậy. Điều mà Thánh nhân làm cái gì chẳng phải là lễ nhạc, cái gì chẳng phải là nhân nghĩa, nhưng làm sao mà gọi tên được. Thí như trời đất vận hành, âm dương tuần hoàn chẳng có đầu mối, lẽ đâu có ý phân biệt xuân hạ thu đông ư? Đó là do người đời cưỡng gọi thế thôi, cũng giống như Sự khác nhau giữa nhân nghĩa lễ nhạc vậy. Thánh nhân sở dĩ thiết giáo để trị đời là vì cái thế phải như vậy. Nhân cưỡng gọi ấy rồi suy lường tìm cầu, đó chính là đạo. Đạo là tông của Nhân nghĩa lễ nhạc. Nhân nghĩa lễ nhạc cố nhiên là dụng của đạo. Dương Hùng bảo rằng Lão thị bỏ nhân nghĩa, diệt lễ nhạc, nhưng nay lần theo thư tịch của Lão tử thì thấy ông có ba điều đáng quý đó là: Từ, kiệm, khiêm cung (không dám làm gương cho thiên hạ). Khổng Tử nói đến: Ôn hòa, lương thiện, cung kính cần kiệm, khiêm nhường và lại nói chỉ có lòng nhân là lớn, như vậy lòng Từ mà Lão Tử nói đó lẽ đâu chẳng phải sự to lớn của lòng nhân đó ư! Nói không dám làm gương cho thiên hạ há chẳng phải cái bao la của khiêm nhường đó sao! Còn bàn đến chỗ hiểu đạo thì mỗi bên có cách nêu bày khác nhau. Điều đáng quý là nó trong sạch, thống nhất. Thật vậy, Phật giáo so với Khổng Thánh lẽ nào nghịch nhau! Bởi ngọn nguồn của tam giáo, những kẻ mê muội cố chấp tự cho là khác mà thôi. Phàm Phật, Lão đều dứt niệm, vô vi, sửa đổi thân tâm mà thôi. Điều mà Khổng Tử dạy để trị thiên hạ, cách thi thiết riêng nên thấy không giống, thí như cày là để cày đất, cái thoi là để dệt vải. Người học đời sau rồi bời, nhầm lẫn nên đánh mất cái lý của nó. Có người hỏi: “Phải làm thế nào để bỏ sự nhầm lẫn ấy?”

Đáp: Lấy Phật sửa tâm, lấy Lão sửa thân, lấy Nho trị đời, như vậy mới may ra. Chỉ có Thánh nhân mới hay làm cho đồng nhau được, điều ấy không thể không bàn. (Triều Thánh Chính Lục)

<i>Nhâm Dần: Thuần Hy năm thứ 9</i>	<i>Đại kim: Đại Định năm thứ 22</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	---	---------------

Tống: Mùa Xuân ngày mười chín tháng hai, Tôn giả Giải Không Khả Quán ở Đường Hồ Tú châu, đệ tử năm thứ tư của Tứ Minh Pháp Trí quy tịch, hưởng thọ chín mươi một tuổi, tăng lạp bảy mươi tám hạ. Từ nhỏ ngài theo Sa Khê Trạch Khanh nghe giảng kinh lãnh hội yếu chỉ. Ngày nọ, nghe cử Bát-nhã, ngay lời vắng lặng, ngài hoát nhiên đại ngộ nói: “Chẳng khác nào uống liều thuốc hạ nhiệt!” Trạch Khanh hứa khả. Ngài lại yết kiến Pháp sư Tuệ Giác ở Hồ châu. Ngài ngồi bên cửa sổ, bên ngoài tuyết rơi mà đọc bộ Chỉ yếu, đến câu: “Nếu chẳng cho rằng giường sắt thật chẳng khổ, biến dịch chẳng đổi đời”, ngài vui mừng nói: “Văn tự ngôn ngữ thế gian toàn là trấu cám mà thôi!” Hồi ấy, đời Cao Tông, năm Thiệu Hưng Mậu Ngọ, ngài trụ trì Đức Tạng ở Đường Hồ. Đến lúc này, mùa Thu năm Càn Đạo năm thứ bảy, tả tướng Ngụy Kỳ đang ở Bình Giang thỉnh ngài trụ chùa Bắc Thiên Thiên Thai. Ngày chín, ngài vào viện chỉ pháp tòa nói:

*Trong lòng một tức tro đã lành
Trên đầu ngàn sợi tuyết chuta tan
Tuổi già nên đi nơi bằng phẳng
Chẳng biết có gì ráng lên cao.*

Người nghe đều vui vẻ kính phục. Ngụy Kỳ làm châu mục Cận châu thỉnh ngài trụ tổ đình Diên Khánh. Lúc này, ngài đã tám mươi chín tuổi, không đầy hai năm sau ngài về Trúc Am và quy tịch. Ngày trà-tỳ không gió, không mưa, vô sự, người trong làng hãnh diện gọi đó là ngày “Tam vô sự”. Khói bay đến đâu nơi ấy đều có xá-lợi, tháp được dựng ở viện Đức Tạng. Tác phẩm của ngài gồm: Lăng-nghiêm Bồ Chú bốn quyển, Kim Cang Thông Luận Sự Uyển hai quyển, Viên Giác Thủ Giám một quyển, Lan-bồn Bồ Chú một quyển, Sơn Gia Nghĩa Uyển hai quyển, Thảo Lục một quyển. Sinh thời, ngài đề xướng tông chỉ, như tụng bốn câu về Trung luận:

*Pháp nhân duyên sinh trong Trung luận
Một câu gồm đủ không lời thừa
Tôi nói tức là không, giả, trung
Rèm châu cuốn mưa non Tây ấy.*

Ngài lại tụng về Thuyền tử:

*Bao phen từ chối ở Giáp Sơn
Trăng sáng hoa lau mấy bận hờn
Thuyền Tử cố nhiên không làm được
Chợt đến nơi này câu thích hơn.*

Nói pháp ngài có Tông Ấn v.v... Ấn họ Trần, con quan chủ quản

muối ở Hàng châu, năm mười lăm tuổi, thọ Đại giới, tham học, đắc đạo với Trúc Am, ẩn cư am Mao thị trên Lô Phong. Sau qua Hoa Đình Phổ Quang, rồi về Tú châu Đức Tạng, lại dời qua Siêu Quả ở Hoa Đình, Bắc Thiên ở Tô châu, Linh Sơn ở Thiên Trúc. Ninh Tông triệu Tông Ấn vào điện Tuyển Đức ứng đối, ban hiệu Tuệ Hạnh Pháp Sư. Năm Gia Định năm thứ sáu, ngài đi hành hóa, mồng tám tháng mười hai đến Tùng Giang, ngài nói với đồ chúng: “Ta hóa duyên xong ở chỗ này”. Nói xong, ngài nằm nghiêng bên phải quy tịch.

<i>Quý Mão: Thuần Hy năm thứ 10</i>	<i>Đại Kim: Đại Định năm thứ 23</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Giáp Thìn: Thuần Hy năm thứ 11</i>	<i>Đại Định năm thứ 24</i>	<i>Tây Hạ</i>

Hạo Thiên Tự: Tháng hai, Đại Trường công chúa nước Kim bỏ ra ba trăm vạn tiền xây chùa ở thành Yên Kinh, đặt tên là Hạo Thiên, cấp cho trăm mẫu ruộng, mỗi năm độ mười tám Tăng ni.

<i>Ất Ty: Thuần Hy năm thứ 12</i>	<i>Đại Kim: Đại Định năm thứ 25</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Bính Ngọ: Thuần Hy năm thứ 13</i>	<i>Đại Định năm thứ 26</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Đinh Mùi: Thuần Hy năm thứ 14. Mồng tám tháng mười thái Thượng hoàng Cao Tông băng hà.</i>	<i>Đại Định năm thứ 27</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Mậu Thân: Thuần Hy năm thứ 15</i>	<i>Đại Định năm thứ 28</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Kỷ Dậu: Thuần Hy năm thứ 16. Tháng hai Quang Tông nhận ngôi. Tháng ba, Hoàng tử Khoáng được tấn phong làm Gia Vương.</i>	<i>Đại Định năm thứ 29</i>	<i>Tây Hạ</i>

Tống: Mùa Xuân, tháng giêng cử Lưu Chính Chu Tất Đại làm Tả hữu Thừa Tướng. Mồng một Nhâm Tuất tháng hai Tân Dậu, Đế nhường ngôi, dời về ở cung Trùng Hoa. Hoàng Thái tử lên ngôi Hoàng đế, lập bà Phi họ Lý làm Hoàng hậu.

Quang Tông: Húy Đôn, con năm thứ năm của Hiếu Tông, năm bốn mươi tuổi, từ Đông cung lên nhận ngôi, tôn Hiếu Tông là Thọ

hoàng thánh đế. Ông tại vị năm, nhường ngôi cho Thái tử, tự xưng Thái Thượng hoàng, thọ năm mươi bốn tuổi. Niên hiệu Thiệu Hy năm.

<i>Canh Tuất:</i> <i>Thiệu Hy năm đầu</i>	<i>Đại Kim:</i> <i>Chương Tông Cảnh.</i> <i>Minh Xương năm đầu</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	--	---------------

Kim: Tháng giêng Quý Ty, quốc chủ Ung băng hà, Chương Tông Cảnh lên ngôi, con Thái tử Doãn Cung, đổi niên hiệu Minh Xương, truy thụy cho Ung là Thế Tông, cha Doãn Cung là Hiến Tông. Từ nhỏ Cảnh hiếu học, giỏi văn chương, khoan dung, ôn hòa. Mẹ ông là Triệu thị.

<i>Tân Hợi: Thiệu Hy</i> <i>năm thứ 2</i>	<i>Minh Xương năm thứ</i> <i>2</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Nhâm Tý: Thiệu Hy</i> <i>năm thứ 3</i>	<i>Minh Xương năm thứ</i> <i>3</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Quý Sửu: Thiệu Hy</i> <i>năm thứ 4</i>	<i>Minh Xương năm thứ</i> <i>4</i>	<i>Tây Hạ</i>

Kim: Tháng mười, giết Hoàng Thúc Trịnh Vương Doãn Đạo. Trước đây Thái tử Doãn Cung chết sớm, con trưởng hoặc con thứ của Doãn Đạo sẽ được kế vị. Khu mật sứ Trương Khắc Kỷ, nội thị Giang Uyên vv... chuyên quyền muốn lập Thái Tôn Cảnh. Nhưng Doãn Đạo tính khoan dung, nhân hậu, mẹ ông họ Triệu, đã tránh xa ân sủng, trong ngoài chẳng có bè đảng, nên mỗi lần gặp ông Cảnh có vẻ thẹn, ngày đêm chỉ biết uống rượu. Bọn nội thị Trí Tĩnh, Giang Uyên ra vào trong cung phục dịch, gom hết lễ vật bốn phương triều cống, vận nước bắt đầu suy thoái. Ở kinh đô người ta đồn sẽ lập Trịnh Vương, Cảnh nghe càng thêm ghét, mới sai Đông đội chủ Lý Bạch Diệu, Tây đội chủ Trương Phi Long, ngự tiền tướng quân Hoàn Nhan Hắc Thiết chia quân vây bắt Trịnh Vương, đặt ngục ở Hội Đồng Quán, giam Trịnh Vương Doãn Đạo, phò mã Đô úy Đường Quát Bồ Thích, em cùng mẹ là Tân Hưng công chúa, Vinh An Công Chúa rồi buộc họ tự sát, đồng đảng phản nghịch khác đều bị tru di tam tộc. Tháng giêng năm sau, con trưởng của Trịnh Vương là Đại Thông Tiết độ sứ Ái Vương Đại Biện chiếm cứ Ngũ Quốc thành, dấy binh làm phản, báo thù cho cha.

Kim: Đế hạ chiếu thỉnh Trưởng lão Vạn Tùng thuộc tông Tào

Động vào nội điện thuyết pháp. Chương Tông đích thân nghinh đón, bưng đại y Tăng-già-lê bằng gấm quý đến bảo tòa dâng cúng. Hậu phi, vương tôn đều quỳ lạy phía trước, ai nấy đều dâng cúng phẩm vật, mở pháp hội Phổ độ, hàng năm thiết trai cúng dường. Sau đó, vào năm Thừa An năm thứ hai, Đế thỉnh Thiền sư Vạn Tùng trụ ở Ngưỡng Sơn thuộc Tây Sơn.

<i>Giáp Dần: Thiệu Hy năm thứ năm. Tháng 06, Thọ Hoàng Thánh Đế Hiếu Tông băng hà.</i>	<i>Đại Kim: Minh Xương năm thứ năm. Thọ Vương làm phẫn.</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	---	---------------

Tống: Thiền sư Vô Chuẩn: Ngài họ Ung, húy Sư Phạm, quê ở Tử Đông, Thục quận. Tháng mười năm này, ngài thọ giới đến Hàng châu tham học, yết kiến Tùng Nguyên Nhạc ở Linh Ẩn, Khảng Đường Sung ở Tịnh Từ, yết kiến Thiền sư Pháp Am Tổ Tiên ở Bình Giang, Tây Hoa, Tú châu, lãnh ngộ huyền chỉ, ra hoàng hóa ở Thanh Lương thuộc Minh châu. Sau, ngài về Tiêu Sơn, dời qua Tuyết Đậu. Đế hạ chiếu thỉnh trụ ở Dục Vương, rồi dời về Kính Sơn, triệu vào ứng đối trong điện Tu Chính, ban cho Ca-sa viền vàng, tuyên chiếu thỉnh vào Từ Minh điện thăng tòa giảng pháp. Đế buông rèm ngồi nghe, ban ngài hiệu Phật Giám Thiền Sư. Về sau, ngài xây dựng nhà khách, Đế viết ban tám biển “Vạn Niên Chánh Tục”, lại đề tặng tượng thất trên ao Minh Nguyệt là Thoái Canh. Ngài xin về núi và quy tịch, tháp an táng toàn thân ở Viên Chiếu. Ngài nối pháp Thiền sư Pháp Am Tổ Tiên.

Thiền sư Pháp Am: Sư họ Vương, húy Tổ Tiên, quê ở Quảng An, hoàng hóa ở Ngọc Long, Quỳnh châu, nối pháp Thiền sư Mật Am Hàm Kiệt (theo Tông Pháp Tổ Đồ).

Thiền sư Mật Am: Sư họ Trịnh, húy Hàm Kiệt, người Phước Châu, hoàng hóa ở Thiên Đồng, Minh châu. Từ nhỏ, Sư đã thông minh đỉnh ngộ, xuất gia làm tăng, tham vấn khắp chư thiện tri thức, sau yết kiến Thiền sư Ứng Am ở Minh Quả Cù châu. Tông phong Ứng Am cao xa khó vào, nhiều lần Sư bị chửi mắng. Một hôm Ứng Am hỏi:

- Thế nào là chánh Pháp nhãn?

Sư đáp ngay: Pháp Sa Bôn!

Ứng Am hứa khả không bao lâu, Sư từ biệt về thăm song thân. Ứng Am làm bài kệ tiễn rằng:

Câu hợp cơ đại triệt

Trên cửa thành Đương đương

*Đến nay bốn năm ròng
Hỏi ra chẳng dấu vết
Dù chừa trao y bát
Khí khái nuốt đất trời
Lại đem chánh Pháp nhãn
Gọi là Phá Sa Bồn
Lần này sắp tỉnh thấy
Cấm kỵ bước quanh co
Ta có câu sau cùng
Đợi ông về mới nói.*

Sư ra hoằng hóa ở Ô Cự, Cù châu, rồi chuyển qua Tường Phù, Hoa Tạng ở Tường Sơn Kiến Khang. Không lâu, Đế hạ chiếu thỉnh trụ ở Linh Ấn, Kính Sơn. Về già, Sư ở Thiên Đồng, thị tịch, tháp an táng toàn thân trên ngọn Trung Phong thuộc chùa này. Sư nối pháp Thiền sư Ứng Am Đàm Hoa. (Ngũ Đẳng Hội Nguyên)

Thiền sư Ứng Am ở Thiên Đồng, Minh châu: Sư họ Giang húy Đàm Hoa, quê ở Kỳ châu, sinh ra đã là người kiệt xuất. Năm mười bảy tuổi, Sư xuất gia tại chùa Đông thiên, thọ Cụ túc, du phương tham vấn khắp thiện tri thức, yết kiến Thiền sư Viên Ngộ ở Vân Cư. Viên Ngộ vào đất Thục bảo Sư yết kiến Thiền sư Giáo Long. Giáo Long dời về Hồ Khâu, Sư theo hầu hạ nửa năm, lãnh ngộ yếu chỉ, nhiều lần dời ở những chùa nổi tiếng. Lúc Sư ở Quy Tông, Thiền sư Đại Tuệ đang ở Mai Dương có gọi Sư bài kệ:

*Ngồi đoạn kim luân đỉnh ngất trời
Ngàn yêu trăm quái biệt tâm hơi
Năm rồi lại được tin tức thật
Báo đáp Dương Kỳ chánh mạch thông.*

Đủ thấy Quy Tông kính trọng Sư như thế. Đời Hiếu Tông, ngày mười ba tháng sáu niên hiệu Long Hưng năm đầu, Sư an nhiên thị tịch, tháp an táng toàn thân trên núi của chùa này. Sư nối pháp Thiền sư Hồ Khâu Thiệu Long, Long nối pháp Viên Ngộ Khắc Cần, đều thuộc tông Lâm Tế.

Thiền sư Tịnh Từ Khẳng Đường, Phủ Lâm An: Sư họ Tiềm Thanh, húy Ngạn Sung, quê ở Hàng châu, từ nhỏ theo xuất gia với ngài Nghĩa Kham ở viện Minh Không, tham học và lãnh ngộ yếu chỉ của Thiền sư Vạn Am Đạo Nhan ở Đông Lâm. Sư phụng chiếu trụ trì Tịnh Từ, Thị tịch, tháp được dựng ở Nam Am của chùa này. Sư nối pháp Vạn Am Đạo Nhan.

Thiền sư Vạn Am: Sư húy Đạo Nhan, người Thục quận, Đông Xuyên, trụ ở Đông Lâm, Giang châu, gia tộc vốn người Tiên Can Tỷ. Sư tham học với Viên Ngộ rất lâu, lúc Viên Ngộ về đất Thục, dặn Sư đến tham học với Thiền sư Diệu Hỷ, và gửi thư nói với ngài Diệu Hỷ rằng: “Nhan Xuyên màu vẽ đã xong, chỉ thiếu điểm nhãn mà thôi!” Diệu Hỷ ở Vân Môn và Dương Cự, Sư đều theo hầu, sớm tối thưa hỏi mới được đại ngộ, và nổi pháp Thiền sư Đại Tuệ Tông Cao.

Thiền sư Sùng Nhạc: Sư họ Ngô, quê ở Long Tuyền, Xứ châu, trụ ở Cảnh Đức Linh Ẩn Thiền Tự, Hàng châu. Hiếu Tông, năm Long Hưng năm thứ hai, Sư xuất gia ở tinh xá Bạch Liên thuộc Tây Hồ, Hàng châu, du phương tham vấn. Sau cùng yết kiến Thiền sư Mật Am Hàm Kiệt ở Tây Sơn, Cù Châu. Mật Am dời về Hoa Tạng ở Tượng Sơn Kiến Khang, Kính Sơn ở Hàng châu, Sư đều theo hầu. Mật Am thượng đường hỏi một vị Tăng:

- Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật.

Sư đứng hầu bên cạnh, nghe đến đây liền hoát nhiên đại ngộ. Mật Am dời qua Linh Ẩn, sai Sư làm Thủ tòa. Sư ra hoằng hóa ở Trường Chiếu thuộc Bình Giang, nổi pháp Mật Am. Sau Sư ở những nơi như: Quang Hiếu, Vô Vi, Trì Phụ thuộc Giang Âm; Tiến Phước ở Nhiêu châu, Hương Sơn ở Minh châu, Hồ Khâu ở Bình Giang. Ninh Tông, năm Khánh Nguyên năm thứ ba, Sư ứng chiếu trụ ở Linh Ẩn. Khánh Nguyên năm thứ sáu, Sư dâng biểu xin cáo lão, Đế ứng thuận để Sư lui về ở tại Đông Am. Mồng bốn tháng tám năm Gia Thái năm thứ hai, Sư viết thư từ biệt các công khanh vốn là bạn bè cũ, dặn dò đồ chúng rằng: “Người có khả năng vẫn còn nhắc gót chân không lên”. Lại nói: “Mở miệng không phải trên đầu lưỡi”. Sư ghi thư dặn dò đệ tử nổi pháp là Quang Lục ở Hương Sơn, Thiện Khai ở Vân Cư hãy nỗ lực hoằng dương tông chỉ. Sư viết bài kệ:

*Đến chẳng từng đến
Đi chẳng từng đi
Chuyển ngay cửa huyện
Phật, Tổ mờ昧.*

Sư kiết già thị tịch, thọ bảy mươi một tuổi, táng lập bốn mươi chín hạ, tháp an táng toàn thân ở cao nguyên phía Bắc Cao Phong.

Tống: Mùa Xuân tháng ba năm Thiệu Hy năm thứ năm, Thọ Hoàng không được khỏe, đêm Đinh Dậu tháng sáu, Thọ Hoàng mất, Đế cũng bệnh nặng, hôm ấy Thái hoàng Thái hậu có chiếu chỉ cho phép Đế đến làm lễ thành phục ở nội cung. Mùa thu tháng bảy Giáp Tý, Thái

hoàng Thái hậu giáng chiếu chỉ rằng: “Từ khi Hoàng Đế ngã bệnh đến nay, chưa thể để tang, từng viết biểu tâu muốn thoái vị ở ẩn, hoàng tử Gia Vương có thể lên ngôi kế vị, tôn Hoàng Đế làm thái Thượng hoàng Đế, Hoàng hậu là Thái Thượng Hoàng hậu.” Gia Vương nhất mực chối từ, và quay qua nói với khu mật Triệu Nhữ Ngu rằng: “Ta là kẻ vô tội, nhưng sợ rằng phải mang cái tiếng bất hiếu!”, cấp môn tuyên tán, Trung thị quan lễ vv... bèn lấy hoàng bào khoát lên gia vương, vương vẫn không nhận. Nhữ Ngu cố thỉnh, Vương đành lên ngôi Hoàng Đế ở Tố Ác (nhà tang) của Đông Hạm.

Ninh Tông: Húy Khoáng, con trưởng Quang Tông, được phong Gia Vương, lên ngôi Hoàng Đế. Ông giản dị, khoan dung, giảm bớt hình phạt, cắt bớt tô thuế, bỏ triều cống hàng năm, ít dùng sức dân, lưu tâm trong sự nghiệp đế vương, mặc áo quần thì tự giặt. Năm hai mươi bảy tuổi, ông nhận ngôi, trị vì ba mươi năm, thọ năm mươi bảy tuổi. Niên hiệu Khánh Nguyên sáu năm, Gia Thái bốn năm, Khai Hy ba năm, Gia Định mười bảy năm.

<i>Ất Mão: Khánh Nguyên năm đầu</i>	<i>Đại Kim: Minh Xương năm thứ 6</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Bính Thìn: Khánh Nguyên năm thứ 2</i>	<i>Đại Kim: Thừa An năm đầu</i>	<i>Tây Hạ</i>

Kim: Ngày hai mươi ba tháng mười một, Đế đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu, độ cả ngàn tăng.

<i>Đinh Tỵ: Khánh Nguyên năm thứ 3</i>	<i>Đại Kim: Thừa An năm thứ 2</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Mậu Ngọ: Khánh Nguyên năm thứ 4</i>	<i>Đại Kim: Thừa An năm thứ 3</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Kỷ Mùi: Khánh Nguyên năm thứ 5</i>	<i>Đại Kim: Thừa An năm thứ 4</i>	<i>Tây Hạ</i>

Kim: Tháng chín Thái hậu Triệu thị lâm bệnh, quốc vương đến thăm bà gượng ngồi dậy. Trịnh Thần phi cũng đến, Thái hậu nói “Ta có một tâm nguyện vẫn chưa làm xong, Thần phi có thể hoàn thành giúp ta chăng! Cả nhà ta ba bốn trăm người đều bị Dương Vương (Hải Lăng Dương Vương) giết sạch, mồ mả chôn cả ở Hòa Long (phủ Hoàng

Long của dòng họ Mộ Dung nước Yên), ta muốn dựng ở đó một ngôi chùa để làm phước siêu độ, hằng năm cúng tế. Ta không dám tiêu phí tiền quốc khố, ta có bảy vạn tiền có thể đủ xây, người hãy thừa lại với Hoàng Đế.”

Mười ngày sau, Thái hậu băng hà. Thần phi đem di mệnh của Thái hậu bàn bạc với hai bên nội ngoại, đến những người họ Triệu gần xa nơi kinh thành. Đế hạ chiếu cho xây chùa Đại Minh ở phủ Hòa Long, dựng tháp chín tầng, giao cho Thái hậu điện nội thị Hầu Diễn giám sát việc xây cất, cốt phải nguy nga tráng lệ. Đồng thời Đế độ ba vạn tăng, ban cho độ điệp đến năm vạn người, xây tám ngôi chùa bên cạnh Đại Minh để họ ở.

<i>Canh Thân: Khánh Nguyên năm thứ 6</i>	<i>Đại Kim: Thừa An năm thứ 5</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	-----------------------------------	---------------

Tống: Tháng năm Đinh Hợi, Thọ Nhân Thái Thượng Hoàng hậu băng hà, thụy là Từ Ý. Tháng tám Đinh Hợi, Thái Thượng hoàng Đế Quang Tông băng hà.

Kim: Ái Vương làm phản, cầu viện với Đại Quân, năm này Đại Quân đem quân xâm lược. Tháng mười hai Đinh Dậu, chiếm Đại Đô thành, vây phủ Hòa Long. (Đại Quân nay là Đại Thế của Nguyên triều)

<i>Tân Dậu: Gia Thái năm đầu</i>	<i>Đại Kim: Thái Hòa năm đầu</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Nhâm Tuất: Gia Thái năm thứ hai. Ban hành bộ Thiên Tông Cơ Duyên Phổ Đăng Lục</i>	<i>Đại Kim: Thái Hòa năm 2</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Quý Hợi: Gia Thái năm thứ 3</i>	<i>Đại Kim: Thái Hòa năm 3</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Giáp Tý: Gia Thái năm thứ tư. Truy phong Nhạc Phi làm Ngạc Vương.</i>	<i>Đại Kim: Thái Hòa năm 4</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Ất Sửu: Khai Hy năm đầu</i>	<i>Đại Kim: Bàn việc dời đô. Thái Hòa năm thứ 5</i>	<i>Tây Hạ</i>

<i>Bính Dần: Khai Hy năm thứ 2</i>	<i>Đại Kim: Thái Hòa năm thứ 6</i>	<i>Tây Hạ</i>
------------------------------------	------------------------------------	---------------

Tây Hạ: Thất Bạt Thất Đô Nhi Hốt, cháu của Nhân Tông, con út của Càn Thuận, lên ngôi vào tháng năm, ở ngôi sáu năm.

<i>Đình Mão: Khai Hy năm thứ 3</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 7</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Mậu Thìn: Gia Định năm đầu</i>	<i>Thái Hòa năm thứ 8</i>	<i>Tây Hạ</i>

Kim: Tháng mười một Bính Thìn, Chương Tông mất, không có con nối dõi, quần thần theo di chiếu lập Vệ Vương Doãn Tế. Bính Dần, ông lên ngôi, vốn là con năm thứ bảy của Thế Tông, ở ngôi bốn năm, bị Hột Thạch Liệt Chấp Trung giết.

<i>Kỷ Ty: Gia Định năm thứ 2</i>	<i>Kim: Đại An năm đầu</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Canh Ngọ: Gia Định năm thứ ba. Tượng Phật bằng Chiên-đàn tồn tại đến lúc này đã được 2.202 năm</i>	<i>Đại An năm thứ 2</i>	<i>Tây Hạ</i>

Thụy tượng Chiên-đàn: Năm này thụy tượng thờ ở nước Kim đã mười hai năm. Tháng mười, nghinh vào cấm cung trong Thượng kinh để cúng dường. Trong bài thụy Tượng Điện Ký của Hàn lâm Trình Cự Phu ghi: “Thích-ca Như Lai lúc còn làm Thái tử, sinh được bảy ngày thì mẹ là Hoàng hậu Ma-da lia trần, thác sinh vào cõi trời Đao-lợi. Sau khi thành đạo, Đức Phật nghĩ đến ân sinh thành của mẹ liền lên cõi Đao Lợi thuyết pháp cho mẹ nghe. Quốc vương nước Ưu-điền từ lâu không được chiêm ngưỡng tôn dung Phật, muốn thấy Phật nhưng chẳng biết làm sao. Quốc vương bèn khắc cây Chiên-đàn làm tượng. Tôn giả Mục-kiên-liên lo họ khắc không vẹn toàn Thánh dung, nên ngài vận sức thần thông dẫn ba mươi hai người thợ lên cõi trời Đao-lợi, nhìn kỹ tướng tốt của Phật, lên xuống ba lần mới khắc xong tôn dung Đức Phật. Quốc vương thần dân đều phụng thờ như Phật sống. Đến khi Phật từ trời Đao-lợi về lại nhân gian, Quốc vương dẫn quần thần, nhân dân cùng

đi nghinh đón Phật. Pho tượng đột nhiên bay lên không trung hướng về đức Phật đánh lễ. Đức Phật xoa đầu thọ ký pho tượng ấy rằng: “Sau khi ta diệt độ ngàn năm, ông hãy qua Chấn Đán (Đông độ) làm lợi ích khắp trời người.” Tính ra, pho tượng có mặt ở Tây Độ đã một ngàn hai trăm tám mươi lăm năm, Quy Tứ sáu mươi tám năm, Lương Châu mười bốn năm, Trường An mười bảy năm, Giang Nam một trăm bảy mươi ba năm, Hoài Nam ba trăm sáu mươi bảy năm, lại đến Giang Nam hai mươi một năm, Biện Kinh một trăm bảy mươi bảy năm; được nghinh về Bắc, an trí tại chùa Thánh An, Yên Kinh mười hai năm, chùa Đại Trữ Khánh ở Thượng Kinh hai mươi năm; nghinh về nam, an trí trong Nội điện Yên Cung năm mươi bốn năm. Tháng ba năm Đinh Sửu, Yên Cung bị hỏa hoạn, tượng được nghinh về an trí lại tại chùa Thánh An đến nay đã năm mươi chín năm. Năm Ất Hợi, chính là năm Chí Nguyên năm thứ mười hai của Đường Kim Đại Nguyên Thế Tổ Hoàng Đế, Đế sai đại thần Bột La... cùng tứ chúng sắm sửa pháp giá, tấu vệ âm nhạc, nghinh tượng vào điện Nhân trí ở núi Vạn Thọ. Năm Đinh Sửu, dựng chùa Đại Thánh Vạn An, năm Kỷ Sửu nghinh tượng từ điện Nhân trí về hậu điện chùa này, mở pháp hội lớn. Kể từ khi quốc vương Ưu-điền tạc đến năm này là niên hiệu Diên Hựu năm Bính Thìn, Thụy tượng Chiên-đàn đã tồn tại hai ngàn ba trăm lẻ bảy năm. (Theo Điện Ký Bi Khắc).

<i>Tân Mùi: Gia Định năm thứ 4</i>	<i>Đại Kim: Đại An năm thứ 3</i>	<i>Tây Hạ: Thần Tông. Quang Định năm đầu</i>
------------------------------------	----------------------------------	--

Tây Hạ: Mùa Xuân, Thần Tông Thát Bạt Tu Phiên Đế lên ngôi Hoàng Đế. Lúc đầu, ông bị Đại Quân đánh nên cầu viện với Kim, Kim không cứu nên Tây Hạ phản Kim. Lúc này vận nước của Đại triều càng mạnh, nhưng vẫn còn ở đất cũ, đặt Hành Tỉnh ở Yên Vân sai đại thần của mình cai quản, và gọi là Thái sư quốc vương. Tiên tổ của Thát Đát cùng họ hàng với Nhữ Chân, bởi đều là con cháu của Mạt Hạt. Nước này trong thời Nguyên Ngụy, Tề, Chu, gọi là Vật Cát, đến đời Tùy thị xưng là Mạt Hạt. Đất đai dài thẳng tới Đông bắc Trường An sáu ngàn dặm, phía Đông dài đến Hải Ly đến mấy mươi quận có các địa danh như Hắc Thủy, Bạch Sơn. Bạch Sơn vốn thần phục Cao Ly, Đường diệt Cao Ly, số người sống sót nơi đây đều dẫn nhau đến sinh sống ở Bột Hải, chỉ có Hắc Thủy là còn nguyên lãnh thổ. Đến lúc Bột Hải thịnh trị thì dòng họ Mạt Hạt đều nô lệ cho Bột Hải, về sau bị Hề Khiết Đan đánh, các bộ tộc tan rã. Số người ở mặt trên của Hồn Đông Giang ban

đầu có tên là Nhữ Chân vốn là giống người Hắc Thủy còn sống sót. Số người ở tại Âm Sơn tự xưng là Thát Đát. Trong thời Đường Mạt, Ngũ Đại, họ thường qua lại Trung Quốc. Đầu nhà Tống, họ lại vào triều cống. Giống người Thát Đát ai nấy đều khỏe mạnh và thiện chiến. Số ở gần đất Hán có tên là Thục Thát Đát, họ biết trồng lúa nếp, dùng chảo bằng đất nung, đậy bằng phẳng để nấu ăn. Số ở xa đất Hán có tên là Sinh Thát Đát, họ chỉ biết săn bắn kiếm sống, không có khí giới chỉ dùng cái mũi nhọn bằng xương mà thôi, bởi vùng đất này không sản sinh ra sắt. Khiết Đan tuy qua lại buôn bán nhưng sắt bị cấm nghiêm ngặt. Về sau, nước Kim lấy đất Hà Đông và bắt Lưu Dự mới bỏ tiền sắt. Từ đó tiền sắt của thời Tần, Tấn đều về hết Thát Đát, họ đem đúc quân trang quân dụng, thế nước ngày càng mạnh. Ngay lúc nước Kim thịnh trị, hàng năm Thát Đát đều vào triều cống. Vệ Vương (Kim Chủ) lập Thát Đát chủ là Thắc Một Chân Thành Cát Tư Hoàng Đế (Người đầu tiên xưng đế) vùng Sơn Đông, Lương Hà đều bị Đại Triều thu phục. Lại có Mông Cốt Quốc nằm phía Đông bắc của Nhữ Chân, đời Đường gọi quốc gia này là Mông Ngột Bộ, Kim gọi họ là Mông Ngột hay Manh Cốt. Dân tộc này không biết nấu chín thức ăn, ban đêm vẫn có thể thấy được, lấy da cá giao làm giáp, có thể chống cả luồng tên. Từ năm Thiên Quyển đời Hy Tông nhà Kim họ bắt đầu làm phản. Đô nguyên soái Tông Bật đem binh thảo phạt nhiều năm liền nhưng không diệt được, chỉ chia binh chiếm giữ nơi hiểm yếu, trái lại phải tặng phẩm vật hậu hỹ cho họ. Quốc gia này cũng tự xưng Tổ Nguyên Hoàng Đế, lập ra niên hiệu, đương thời họ là mối lo biên ải của các nước khác. Họ bắt đàn bà, con gái của Khiết Đan, người Hán về làm thê thiếp, từ đó dần dần mới biết nấu chín thức ăn. Đến lúc này Đại triều đã tự xưng Đại Mông Cổ quốc, nhưng hai nước ở hai phía Đông tây, cách nhau đến mấy ngàn dặm, chẳng biết làm thế nào hợp lại làm một. Bởi vì lúc nước Kim thịnh trị, họ đặt Đông bắc chiêu thảo ty để chống quân của Manh Cốt, Cao Ly, Tây nam chiêu thảo ty để cai quản mạn bắc mạn đông, vốn đất bị Tây Hạ, Manh Cốt chiếm lấy. Kim chủ Thái Tông khi lập quốc, đất đai gồm hai mươi bảy vi trại đều nằm phương Bắc, phía Đông tiếp giáp phủ Lâm Hoàng, phía Tây giáp đến gần Tây Hạ, phía Nam đến Tĩnh Châu, phía Bắc đến Đại Nhân Quốc. Ngày nay các nước ấy đều thuộc hết về Đại triều.

<i>Nhâm Thân: Gia Định năm thứ 5</i>	<i>Kim: Trùng Khánh năm đầu</i>	<i>Tây Hạ</i>
--	-------------------------------------	---------------

<i>Quý Dậu: Gia Định năm thứ 6</i>	<i>Kim: Đổi thành Chí Ninh năm đầu. Tháng chín đổi Chí Ninh thành Trinh Hựu năm đầu.</i>	<i>Tây Hạ</i>
------------------------------------	--	---------------

Kim: Tháng tám, đưa Hột Thạch Liệt Chấp Trung làm hữu phó nguyên soái, đem ba ngàn quân vũ nghệ đón đánh Đại quân. Ngày hai mươi xuất phát từ Yên Kinh đi đến Tử Kim quan (Cửa ải Tử Kim). Chấp Trung mở cửa ải chống giặc thì nghe Đại quân đã qua cửa ải, thì đồng loạt tan chạy. Chấp Trung về kinh ra mắt Đế bảm: “Đại quân thế mạnh, khó lòng địch nổi.” Hoàn Nhan Cương cũng thua trận chạy về, mật tâu là Chấp Trung cố tình thả Đại quân vào ải. Chấp Trung nghe được, lo mình bị giết. Trước đây Tả phó nguyên soái Nam Bình Thư Cách Quân Thường cũng bị dân chúng oán ghét, Chấp Trung nhân lòng người phần nộ bèn muốn phế vua, liền đem quân về giết Nam Bình để hiệu triệu mọi người. Ngày 24, quân đến ngoài cửa Đông Hoa, Chấp Trung cho mời Nam Bình đến bàn việc rồi giết Nam Bình. Trong cung nghe có biến nên đóng hết các cửa thành. Chấp Trung muốn phóng hỏa đốt cửa thành, thì Thủ môn tướng quân Hợp Trụ mở cửa thành ấy, Chấp Trung dẫn binh vào cung. Thị vệ bỏ chạy tứ tán, Trung sai quân bắt Đế và Hoàng hậu giam ở phủ cũ. Đêm Giáp Ngọ, Trung sai nội thị Lý Giám Thành giết quốc chủ tại phủ đó. Quốc chủ là con người nhân hậu, trong số anh em, Đế là người hiền tài nhất, ở ngôi năm. Tuyên Tông lên ngôi, giáng phong Đế làm Đông Hải quận hầu.

Tuyên Tông: Húy Tuân, cháu của Thế Tông, con trưởng của Hiến Tông Doãn Cung. Tháng chín Bính Ngọ ông lên ngôi, đổi năm Chí Ninh thành năm Trinh Hựu, bái Hột Thạch Liệt Chấp Trung làm Thái sư đô nguyên soái thống lãnh việc của tam tỉnh, phong Trạch Vương. Đại quân lại đến cửa ải Tử Kim, cách Yên Kinh hai trăm dặm. Trung sai tả giám quân Cao Khất đem năm ngàn trát quân chống giặc nhưng Cao Khất sai hẹn không đến. Trung muốn chém Khất. Quốc chủ thấy Khất có công nên khấu dụ miễn tội chết. Chấp Trung lại thêm quân lệnh rằng: “Thắng trận thì tha tội, thua trận thì giết không tha.” Cao Khất dẫn quân đánh Đại quân bị thua trận, tự nghĩ ắt bị Chấp Trung giết, bèn dẫn trát quân vây phủ Chấp Trung, đột nhập vào trường và giết Chấp Trung rồi đến Ứng Thiên Môn đợi tội. Tháng mười, Tân Hợi, Quốc chủ

cho Cao Khất nắm binh quyền mà không bắt tội, bắt hết đồ đảng phản nghịch của Chấp Trung giết sạch rồi bái Cao Khất làm Bình chương quân quốc kiêm thêm khu mật đại sứ. Lúc này Đại quân vây Yên Kinh, lại hẹn với Tống cùng đánh.

<i>Kim: Trinh Hựu năm thứ 2</i>	<i>Giáp Tuất: Gia Định năm thứ 7</i>	<i>Tây Hạ</i>
---------------------------------	--------------------------------------	---------------

Kim: Tháng ba, Kinh đô thiếu lương thực, dân quân mười người hết bốn, năm người chết đói. Kim chủ sai sứ qua Đại Quân cầu hòa, Đại Quân bắt phải đưa công chúa, hộ giá tướng quân mười người, Tế quân một trăm người cùng đi theo công chúa. Đồng nam đồng nữ mỗi loại năm trăm người, thợ thêu ba ngàn người, tập ngựa mã ba ngàn con, cùng vàng bạc châu ngọc, xin thêm Tả Thừa Tướng Hoàn Nhan Phúc Hưng qua làm con tin. Kim chủ đều đồng ý, đem con gái út của Đông hải quận hầu ứng chiếu qua Đại Quân. Họ còn lệnh cho Kim chủ ở tại nước mình xa bái họ, Kim chủ không dám chống đối. Đại Quân lại nói: “Nguyên Soái vây Yên đã lâu nhưng chưa từng cướp phá, nay muốn có vàng lụa để khao quân”. Kim chủ đều làm theo. Đại Quân về Bắc. Lúc này ở kinh thành ba cân bạch kim không thể đổi được ba thăng gạo, người chết không kể xiết. Đế bàn dời đô về Biện Lương. Ngày hai mươi tám tháng chín, khởi giá, ngày hai mươi bốn tháng mười vào Biện kinh. Đại Quân đã kéo về nhưng khi nghe Kim dời đô vào Biện Kinh thì nổi giận nói: “Đã hòa mà còn dời đô là có lòng nghi ngờ chưa bỏ hận thù, cầu hòa chẳng qua là kế lừa ta mà thôi.” Tháng tám năm sau, Đại Quân vây Yên Kinh, chia quân các quận ở Trung Nguyên, sai sứ đến Biện Kinh, đòi vàng bạc châu ngọc vv...để khao quân. Kim chủ đều đem cho cả. Quân cần vương của Đông Bình Đại Danh Chân Định gặp phải Đại Quân đều bại trận, từ đó trong ngoài chẳng thông tin tức. Thái tử Thủ Tự ở Yên Kinh buộc phải về Biện Kinh. Cung thất ở Yên Kinh nguy nga tráng lệ nhất từ xưa tới nay, đến lúc này bị loạn binh đốt phá, lửa cháy hơn cả tháng trời chưa tắt.

<i>Ất Hợi: Gia Định năm thứ 8</i>	<i>Đại Kim: Trinh Hựu năm thứ 3</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Bính Tý: Gia Định năm thứ 9</i>	<i>Đại Kim: Trinh Hựu năm thứ 4</i>	<i>Tây Hạ</i>

<i>Đình Sửu: Gia Định 10</i> <i>Thiên tông Liên đăng lục Tịnh Từ hồi Ông Minh Thiên sư lục</i>	<i>Đại Kim: Hưng Định năm đầu</i>	<i>Tây Hạ</i>
---	-----------------------------------	---------------

Kim: Đất đai ngày càng hẹp dần, lại có gian mưu Nam Khuy Giang Hán gây oán với Tống, nhiều lần đánh chiếm đất Tống. Lúc này Tây Hạ càng ăn ở hai lòng với Kim, gửi thư cho Tống bàn với Tống cùng đánh Kim. Tháng tám, An Bính Duẩn của Tống bàn mưu với Tây Hạ.

<i>Mậu Dần: Gia Định năm thứ 11</i>	<i>Hưng Định năm thứ 2</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Kỷ Mão: Gia Định năm thứ 12</i>	<i>Hưng Định năm thứ 3</i>	<i>Tây Hạ</i>

Thiên sư Sĩ Tuyệt: Sư họ Cầu, húy Đạo Xung quê ở Trường Giang, Vũ Tín. Đời Quang Tông năm Thiệu Hưng năm thứ ba, Sư ra Giáp Sơn, tham yết Thiên sư Tùng Nguyên Nhạc ở chùa Tiến Phước, Nhiều châu. Gặp lúc Tùng Nguyên cử với thủ tòa “Diệu quả xuất thế của Hòa thượng sinh ở Tào Khê” Sư nghe đến đây vào được pháp môn, có chút tỉnh ngộ. Sư đi khắp tông lâm, nơi nào cũng nhường cho Sư nửa tòa. Đến lúc này, năm Gia Định năm thứ mười hai, từ chức thủ tòa ở Kính Sơn. Sư ra hoàng hóa ở Thiên Ninh, Gia Hưng, nối pháp Hòa thượng Sinh ở Tào Khê, dời qua Tưởng Sơn. Lý Tông, năm Gia Hy năm thứ ba, Sư chuyển về Tuyết Phong. Được nửa năm, Sư ứng chiếu chuyển về Thiên Đồng, chủ quản đạo tràng Dục Vương đồng thời chủ trì giảng dạy cả Lương Sơn. Năm Thuần Hựu năm thứ tư, Sư phụng chiếu trụ ở Linh Ẩn, cáo lão về Kim Lăng. Triều đình ban chiếu cho Sư dưỡng già ở Hồ Khâu. Tháng sáu năm Thuần Hựu năm thứ tám, Sư ứng chiếu trụ ở Dục Vương, nhưng sứ giả đi thỉnh ba lần nhưng Sư vẫn không đi. Tháng hai năm sau, khai sơn chùa Pháp Hoa ở đất Ngô. Tháng tám, ứng chiếu trụ ở Kính Sơn, phủ Lâm An. Ngày mười ba tháng năm Thuần Hy thứ mười, Sư quy tịch, thọ tám mươi hai tuổi, táng lập sáu mươi một hạ, di cốt xá-lợi được an táng trong núi Kim lăng.

<i>Canh Thìn: Gia Định năm thứ 13</i>	<i>Đại Kim: Hưng Định năm thứ 4</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Tân Ty: Gia Định năm thứ 14</i>	<i>Hưng Định năm thứ 5</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Nhâm Ngọ: Gia Định năm thứ 15</i>	<i>Hưng Định năm thứ 6</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Quý Mùi: Gia Định năm thứ 16</i>	<i>Đại Kim: Nguyên Quang năm đầu</i>	<i>Tây Hạ: Tháng 09, Thác Bạt Đức Nhân lên ngôi. Càn Định năm đầu</i>
<i>Giáp Thân: Gia Định năm thứ mười bảy, mùa thu tháng tám nhuận, Đế mất. Hoàng tử Thành Quốc Công lên ngôi.</i>	<i>Nguyên Quang năm thứ 2</i>	<i>Càn Định năm thứ 2</i>

Tống: Tháng tám nhuận Đinh Dậu, Đế mất ở điện Phước Ninh, thọ năm mươi bảy tuổi. Hoàng hậu Dương thị, Sứ Di Viễn lập Quý Thành làm hoàng tử, tấn phong Thành Quốc Công rồi lên ngôi Hoàng Đế. Quý Thành lại đổi tên là Quân, tôn Hoàng hậu làm Hoàng Thái hậu, buông rèm thính chính, phế Hoàng Thái tử Hoằng, giáng phong làm Tế Dương quận vương, đày ra phủ Ninh Quốc rồi giết.

Kim: Tháng mười, Quốc Chủ Tuân mất, miếu hiệu Tuyên Tông. Con năm thứ ba của Tuân là Thủ Tự lên ngôi Hoàng Đế, đó là Nghĩa Tông. Tính ông nhân từ, khoan dung, từ nhỏ ham đọc sách, lớn lên là người học rộng, những người hiền tài, phú quý đều là bạn văn chương của ông. Ông ở ngôi mười một năm.

Lý Tông: Húy Quân, cháu Ninh Tông, lên ngôi lúc hai mươi tuổi, kính chuộng đạo học, quý trọng hiền tài. Ban đầu, chánh sự rất hợp lòng dân, về sau Tế tướng Giả Tự Đạo mua ruộng dân làm ruộng quan, chèn ép ba quân, chẳng hề ban thưởng, đất nước vì thế mà suy vong. Ông ở ngôi bốn mươi một năm, thọ sáu mươi một tuổi. Niên hiệu Bảo Khánh ba năm, Thiệu Định sáu năm, Đoan Bình ba năm, Gia Hy bốn năm, Thuần Hựu mười hai năm, Bảo Hựu sáu năm, Khai Khánh một năm, Cảnh Định năm.

<i>Ất Dậu: Bảo Khánh năm đầu</i>	<i>Kim: Chánh Đại năm đầu</i>	<i>Tây Hạ</i>
<i>Bính Tuất: Bảo Khánh năm thứ 2</i>	<i>Chánh Đại năm thứ 2</i>	<i>Tây Hạ: Tháng 07 Thất Bạt Đức Nhân mất. Thanh Bình Quận Vương lên ngôi.</i>

Kim: Lúc này trộm cướp hoành hành, đánh nhau đầy đường, bắt hết ngựa, vét cạn lương, của công của tư đều cạn kiệt, nước Kim do đó nguy khốn.

<i>Đinh Hợi: Bảo Khánh năm thứ 3</i>	<i>Kim: Chánh Đại năm thứ 3</i>	<i>Tây Hạ diệt vong</i>
--------------------------------------	---------------------------------	-------------------------

Tây Hạ: Từ Ngũ đại đến Đường Minh Tông năm Thiên Thành, họ quấy loạn cướp phá, nhiều nương các châu thành. Hơn nữa, các trấn ở Hà Tây đều nói Định nạn Tiết độ sứ Lý Nhân Phước ngầm cấu kết với Khiết Đan, triều đình lo bọn họ liên kết binh mã thôn tính Hà Hữu, xâm phạm phía Nam là Quan Trung. Tháng ba năm Trường Hưng năm thứ tư, Quý Mùi, Nhân Phước chết, con ông ta là Di Siêu làm Chương Vũ lưu hậu. Chiêu không phụng chiếu, mới sai anh là A La Vương giữ cửa ải Thanh Lĩnh, tập hợp các người Hồ đầu đảng trong nước tự giữ và khinh rẻ triều đình, Phế Đế vào tháng hai Đinh Dậu năm Thanh Thái năm thứ hai. Hạ Châu (thành do Xích Liên Bột Bột xây, dòng họ Thất Bạt nhiều đời ở đây) Tiết độ sứ Lý Di Siêu dâng biểu cáo bệnh, anh là Hành quân Tư mã Di Ân nắm quyền trị quân châu sự. Mấy hôm sau, Di Siêu chết. Nhà Tấn, Xuất Đế niên hiệu Khai Vận năm đầu, tháng hai Nhâm Tý, hạ chiếu cho Di Ân làm Khiết Đan Tây nam diện chiêu thảo sứ. Nhà Hán, Càn Hựu năm thứ hai, tháng giêng Giáp Dần hạ chiếu cho Ân làm Tĩnh châu lệ định nạn quân. Tháng hai Tân Mùi, Di Ân dâng biểu từ chối. Ân cho Trung Nguyên xảy ra lăm việc nên có ý ngạo mạn khinh thường, các phiên trấn đều có người tạo phản thường ngầm giúp Ân, hối lộ cho Ân hậu hỷ. Triều đình biết việc đó, vẫn dùng ân sủng để kiềm chế Ân. Chu Hiển Đức năm thứ hai, tháng giêng Canh Dần, Định nạn Tiết độ sứ Lý Di Hưng hổ thẹn vì mình cũng ngang hàng với Tiết độ sứ Tích Đức Lệ, mới đóng cửa ải không đi sứ triều Chu. Tháng hai Quý Mùi, Thế Tông sai Cung phụng quan đem vàng bạc châu ngọc và chiếu

chỉ sang cầu hòa. Đến Tống Thái Tông năm Thái Bình Hưng Quốc năm thứ bảy, tháng mười, Lý Kế Bổng sang triều cống, Thái Tông hài lòng, hạ chiếu cho giữ chức Chương đức quân Tiết độ sứ, ban cho họ Triệu, tên Bảo Trung, giữ lại kinh đô phụng sự triều đình. Nhân Tông, năm Bảo Nguyên, Mậu Dần, Triệu Nguyên Hạo tiến xưng Đế, đến lúc này, Đinh Hợi, ngày hai mươi bảy tháng bảy, bị Bắc triều Đại Quân diệt, tồn tại một trăm chín mươi năm.

<i>Mậu Tý: Thiệu Định năm đầu</i>	<i>Kim: Chánh Đại năm thứ 4</i>
<i>Kỷ Sửu: Thiệu Định năm thứ 2</i>	<i>Chánh Đại năm thứ 5</i>
<i>Canh Dần: Thiệu Định năm thứ 3</i>	<i>Chánh Đại năm thứ 6</i>
<i>Tân Mão: Thiệu Định năm thứ 4</i>	<i>Chánh Đại năm thứ 7</i>
<i>Nhâm Thìn: Thiệu Định năm thứ 5</i>	<i>Kim: Mùa Xuân đổi niên hiệu Khai Hưng. Đến mùa hạ đổi niên hiệu Thiên Hưng. Thiên Hưng năm đầu.</i>

Kim: Bị Đại Quân hợp vây Biện Kinh, người Kim dùng mọi kế để giữ thành. Tháng tư, trời chuyển qua nóng, Đại Quân muốn trở về kinh đô, nên giảng hòa, bắt Thái tử Kim Tử làm con tin, đồng thời nhận vàng lụa vô số. Trong thành tuy tạm đẩy lui quân địch, nhưng quân mệt sức tàn, vùng Hà Nam bị chia năm xẻ bảy, quân Tống thôn tính phía Nam này, giặc cướp nổi lên cướp phá phía Đông. Thiên Sứ lại đến ban lệnh Kim chủ phải phế bỏ tôn hiệu của mình bái chiếu xưng thần, bỏ hết áo mũ lễ nghi, làm Tây kinh lưu thú, cắt giao kinh thành. Kim Chủ lâm vào tình thế ấy, bèn đích thân dẫn năm ngàn tướng quân hộ vệ đột phá vòng vây ra ngoài, đánh thắng được Đại Quân. Tả Thừa Tướng Hoàn Nhan Bạch Tát tâu “Xin Bệ hạ vượt qua sông chiếm lấy Vệ châu, cắt đường về của bọn họ.” Kim Chủ dẫn quân lên mạn Bắc đến Vệ châu. Đại Quân hợp binh vây, Kim Chủ liền quay lại thì Đại Quân đã đuổi kịp. Nguyên soái Hạ Đô Hỷ tử trận. Trước đây, khi ra khỏi thành, Kim chủ dặn dò Thôi Lập lo liệu mọi chuyện trong Lưu Thú, khi Vệ châu thất bại, chỉ còn hai ngàn binh sĩ đi theo, Biện Kinh được tin, Thôi Lập liền giết hết các quan lại trong kinh, đem Thái hậu, Hoàng hậu, hoàng phi, công chúa, hoàng huynh Kinh Vương đến hàng Đại Quân, lấy hết vàng bạc châu ngọc, đồ trang trí trong cung dâng hết cho Đại Quân, rồi tự xưng Trịnh Vương kiêm luôn chức Thừa Tướng. Đại Quân nhân đó

giao cho Lập làm Hà Nam Hành Tỉnh Quyền Hoàng Đế. Kim chủ tạm ở tại phủ Quy Đức.

<i>Quý Ty: Thiệu Định năm thứ 6</i>	<i>Đại Kim: Thiên Hưng năm thứ 2</i>
-------------------------------------	--------------------------------------

Kim: Phủ Quy Đức hết lương thực. Tháng sáu Mậu Tuất, Kim Chủ từ đất Hào dời về Sái châu. Tháng mười một, Tống Đế sai Trương Dương Thái úy Giang Hải, Trương Dương sủng Mạnh Cộng đem bốn vạn quân đánh Sái châu, đóng quân ở Thành Nam. Soái Thần Sử Tung Chi vận chuyển mười vạn斛 lương cấp phát cho quân Nam Bắc, đồng thời đặt luôn Giác trường (đánh thuế độc quyền) ở Thành Nam để buôn bán qua lại. Đại Quân càng lợi thế. Tháng chín tháng mười hai, Đại Quân đánh và chiếm được ngoại thành. Ngày mười sáu, cố sức đánh Tây thành nhưng không chiếm được. Ngày mười tám, Đại Quân lại dồn binh đục thủng được Tây thành. Ngày mười chín, Kim chủ đem hết vật dụng của mình khao thưởng quân sĩ. Ngày hai mươi hai, Kim chủ lén dẫn trăm quân mã, ngàn quân bộ đang đêm ra Đông thành để chạy trốn, đến sát vòng vây đánh nhau không thắng đành quay về.

<i>Giáp Ngọ: Doan Bình năm đầu</i>	<i>Đại Kim: Thiên Hưng năm thứ ba. Kim diệt vong</i>
------------------------------------	--

Kim: Tháng giêng, đêm mồng mười, Kim chủ chọn ba đội quân tinh nhuệ đợi sẵn ở Tây thành. Trời chưa sáng, Đại Quân đã kéo đến. Đang đánh nhau, thì mặt Nam hơn một vạn binh Tống đã lấy được Bạc thành rồi. Kim Chủ biết thành ắt bị phá mới triệu đại thần lại quay mặt về Đông nhường ngôi cho Tống soái Thừa Lân, Thừa Lân quay mặt về Tây ra sức chối từ. Kim chủ cầm ngọc tỷ truyền quốc đưa cho Thừa Lân và nói: “Trẫm sợ dĩ giao cho khanh đâu phải chỉ vì bản thân ta! Trẫm thân thể to mập, không tiện lên ngựa ra roi, sau khi thành bị vây, phá ra ngoài thật khó. Thấy khanh thường ngày lanh lẹ, vả lại có tài thao lược, may mắn thoát được thì làm cho vận nước đừng dứt, đó là chí nguyện của Trẫm!” Kim chủ ép Lân nhận ngọc tỷ, Lân quỳ xuống nhận. Kim chủ lui về Nhàn Cấp Môn thất cố tự vẫn. Tuyên huy sứ Ôn Đôn lệnh cho Đông thượng cấp môn sứ sự bệch tán Tà Bất Thất dẫn hậu chủ Thừa Lân lên Bảo Ngự, khoác cho giáp trụ, Thừa Lân đứng nhận các quan lễ lạy xong liền dẫn binh ra đón đánh Đại Quân. Trên tường Nam thành

toàn cấm tinh kỳ của Tống, bốn mặt đều thúc trống cùng đánh, âm thanh chấn động đất trời. Quan giữ cửa thành mở cửa thả Đại Quân tiến vào, quân Kim cố đánh nhưng không thể nào cản nổi, đành lui về Bảo Tử thành. Hậu Chủ Thừa Lân nghe tin Kim Chủ băng hà, liền dẫn cả bá quan đến trước thi hài lay khóc, và nói với các quan: “Tiên đế còn ở ngôi rất khoan dung cần kiệm, mưu tính khôi phục lại Tổ nghiệp, có ý chí nhưng việc không thành, thật quá bi ai! Ta muốn phong thụy cho Tiên Đế là Ai. Chúc chưa xong tuần rượu thì Đại Quân đã đến dưới thành công phá rất gấp, vây hãm thành. Hậu chủ bị loạn quân giết, đất nước diệt vong. Ông ban thụy cho Kim chủ là Ai Đế, hàm nghĩa cơ nghiệp chưa hết. Miếu hiệu Nghĩa Tông.

Nước Kim từ đời Huy Tông niên hiệu Trùng Hòa năm Mậu Tuất xưng Đế, đến lúc này niên hiệu Đoan Bình năm Giáp Ngọ, cả thảy chín chủ, trị vì một trăm mười bảy năm thì hết.

Sau khi Nghĩa Tông tự vẫn, quyền điểm kiểm Hoàn Nhan Tà Liệt hay tin liền sửa chiếu, triệu Thừa khanh Thạch Trản thị, Cận thị cục đại sử Tiêu Xuân Hòa, Nội thị cục điện đầu Tống Quy cùng đến trước linh cửu Nghĩa Tông. Tà Liệt đem danh phận hiểu dụ họ, rồi cùng ba người ấy tuần tiết theo. Trước lúc chết, Tà Liệt có dặn dò phụng ngữ Giáng Sơn bảo hãy thiêu mình tại U Lan Can - nơi mà Nghĩa Tông tự vẫn. Khi lửa vừa cháy thì Bảo Tử thành bị vây. Cận thị Tả hữu đều bỏ chạy, chỉ còn một mình Giáng Sơn ở lại và bị Đại Quân bắt. Đại Quân hỏi ông là ai, ông đáp:

- Ta là phụng ngữ. Tướng của Đại Quân hỏi:

- Mọi người đều bỏ chạy nhưng tại sao ông vẫn ở lại?

Giáng Sơn đáp:

- Vua của ta đã chết rồi, ta muốn nhật hài cốt đem chôn.

Tướng ấy cười nói: Ông điên ư! Cái thân ông còn không giữ nổi mà muốn chôn cất vua mình ư!

Giáng Sơn đáp: Ông thờ vua của ông, tôi thờ vua của tôi, vua của tôi trị vì thiên hạ hơn mười năm, công lao chưa hết, nay chết đi lẽ nào để cho vua cũng nằm phơi thây như bọn sĩ tốt mà được chôn! Tôi biết trước, ông ắt không làm trái tấm lòng chân tình của tôi, nên tôi cố ở lại đây.

Đại Quân đem lời của Giáng Sơn bẩm lại với Bôn Trản. Trản nói: “Đây là một đại trượng phu” và cho phép Giáng Sơn chôn cất. Giáng Sơn liền vào nhật nhạnh trong đồng tro tàn, gói xương trong tấm chăn

rách, đem chôn cạnh Nhữ Thủy. Giáng Sơn lạy hai lạy, gào khóc và trâm mình xuống Nhữ Thủy. Bọn lính tráng đến cứu, ông chưa chết.

* Ất Mùi: Đuan Bình năm thứ hai. Đế hạ chiếu bàn việc làm tiền giấy (Chữ tệ), ban hành độ điệp. Thâu Hội Tử của Lương Giới.

* Bính Thân: Đuan Bình năm thứ ba, cùng bàn bạc, quan chủ tệ tạo ra mười tám giới, viết bằng vàng đặt ra Hội tử.

* Đinh Dậu: Gia Hy năm đầu.

* Mậu Tuất: Gia Hy năm thứ hai.

* Kỷ Hợi: Gia Hy năm thứ ba, Đế hạ chiếu cho các châu huyện có người chết vì nghĩa để chuẩn bị phẩm vật chôn tể.

* Canh Tý: Gia Hy năm thứ tư, hữu Thừa Tướng Sử Tung Chi đề xướng về Hội tử, lấy năm phần trong năm đạo Hội tử của hai mươi bảy giới làm thành một đạo của mười tám giới.

* Tân Dậu: Thuần Hựu năm đầu.

* Nhâm Dần: Thuần Hựu năm thứ hai.

* Quý Mão: Thuần Hựu năm thứ ba.

* Giáp Thìn: Thuần Hựu năm thứ tư. Sử Di Trung chết, đặc biệt truy tặng chức Thiệu sư bảo ninh quân Tiết độ sứ Trịnh Quốc Công. Lệnh cho Hữu Ty chọn tên thụy rồi tâu lên. Đế hạ chiếu cho con của Di Trung là Tung Chi làm lại Hữu Thừa Tướng, kiêm luôn khu mật sứ Vĩnh Quốc Công.

* Ất Tỵ: Thuần Hựu năm thứ năm, Tung Chi từ quan.

* Bính Ngọ: Thuần Hựu năm thứ sáu.

* Đinh Mùi: Thuần Hựu năm thứ bảy.

* Mậu Thân: Thuần Hựu năm thứ tám. Ngày hai mươi bảy tháng ba, Thiên sư Tiểu Ông ở núi Dục Vương, Minh châu quy tịch, hưởng thọ bảy mươi hai tuổi, tặng lập năm mươi hai hạ. Sư họ Mao, húy Diệu Kham, quê ở Từ Khê, Minh châu. Ninh Tông năm Khánh Nguyên năm thứ ba, Sư thọ Cụ túc, tham học với Thiên sư Tùng Nguyên Nhạc ở Linh Ẩn, kế đến yết kiến Thiên sư Tịnh Toàn ở Thiên Đồng, lãnh hội yếu chỉ. Thiên sư Tịnh Toàn hiệu là Vô Dụng, họ Ông, người Việt Châu, nổi pháp Thiên sư Đại Tuệ Tông Cảo ở Kính Sơn. Diệu Kham ra hoàng hóa ở Diệu Thắng, Minh châu, nổi pháp Thiên sư Tịnh Toàn. Kế đó, Sư chuyển qua Kim Văn, Quang Hiếu; Báo Ân ở Thái châu, Hồ Khâu ở Giang Bình, Tuyết Phong ở Phước châu. Sư phụng chiếu trụ ở Cảnh Đức Linh Ẩn Thiên tự trong phủ Lâm An. Sư mở rộng bên trái chùa, vốn là cửa hàng thịt, dựng nên tông lâm lấy hiệu là Phi Lai Phong. Sư lại lập tam tháp ở phía Bắc núi để chôn cất, an táng linh cốt của chư tăng. Mọi

Phật sự ấy đều được Đế phê chuẩn.

Sử Ngụy Vương dựng chùa Đại Từ ở Minh châu, thỉnh Sư thuyết pháp, làm khai sơn đời thứ nhất. Vương mất, Sư cũng từ biệt, đến trụ ở Thụy Nham, Thái châu, chuyển về Giang Tâm, Ôn châu. Đế hạ chiếu thỉnh Sư trụ ở Thiên Đồng, Tịnh Từ, Dục Vương. Đến lúc này, mùa xuân năm Mậu Thân, Sư lại ứng chiếu trụ ở Tịnh Từ, nhưng Sư không đi và quy tịch.

* Kỷ Dậu: Thuần Hựu năm thứ chín.

* Canh Tuất: Thuần Hựu thứ mười.

* Tân Hợi: Thuần Hựu năm thứ mười một.

* Nhâm Tý: Thuần Hựu năm thứ mười hai.

* Quý Sửu: Bảo Hựu năm đầu.

* Giáp Dần: Bảo Hựu năm thứ hai.

* Ất Mão: Bảo Hựu năm thứ ba.

* Bính Thìn: Bảo Hựu năm thứ tư.

* Đinh Ty: Bảo Hựu năm thứ năm.

* Mậu Ngọ: Bảo Hựu năm thứ sáu.

* Kỷ Mùi: Khai Khánh năm đầu. Thích-ca Văn Phật nhập diệt đến năm này đã hai ngàn hai trăm lẻ tám năm.

Thất Đát Quốc Hiến Tông Hoàng Đế: Tháng chín, Đế đích thân thống lãnh Đại Quân tiến vào đất Thục, thuận dòng về Đông. Một đội quân của Tà Phúc từ nước Đại Lý kéo về phía Nam, ngang qua phía Nam vùng đất Hồ Quế thẳng đến phủ Tĩnh Giang. Một cánh quân vượt sông bao vây Ngạc châu. Ngô Tiềm về tâu, Đế cho Giả Tự Đạo làm Tuyên phủ thị sư giang thượng. Tháng mười, Đinh Đại Toàn bị bãi tướng, Ngô Tiềm giữ chức Thừa Tướng. Đế cho Giả Tự Đạo làm hữu tướng kinh hồ tuyên phủ sách ứng đại sứ, đem quân cứu viện Ngạc Châu, Triệu Quì làm Khu mật sứ Giang Đông, Tây tuyên phủ sách ứng đại sứ đồn quân ở Tín châu ngăn quân của Tà Phúc ở Quảng Hữu. Tháng mười một, Hiến Tông ngự giá đến dưới thành câu cá. Tự Đạo sai Sứ đến hòa ước, ngầm hứa triều cống vàng lụa hàng năm và giải binh. Tuyết rơi, trời lạnh, Đế cho xuất tiền lụa trong quốc khố khao thưởng cho binh lính vùng biển.

* Canh Thân: Cảnh Định năm đầu.

Thất Đát Quốc Bệ Thiện Hoàng Đế: Tháng tư, ông lên ngôi, ngày mười chín tháng năm lập niên hiệu Trung Thống. Giả Tự Đạo của Tống vào triều cống, Đế cho Đạo giữ chức hữu tướng kiêm Thái tử Thái sư. Sứ phương Bắc là Hác Kinh đến Tống hòa ước, Giả Thừa Tướng tránh bàn việc ngày trước, giam giữ Hác Kinh ở Chân châu không cho về

Tống, lại sai Sứ đến kinh Hồ, Giả Thừa Tướng cũng giữ sứ tại Thuận Khẩu thuộc Hán Dương, dẫn đến cái họa bội ước, cuối cùng đất nước diệt vong. Tháng mười, Tống đế cho hoàng đệ con của Tự Vinh Vương Dư Nhuế là Kỳ làm Hoàng Thái tử, phong làm Trung Vương.

* Tân Dậu: Cảnh Định năm thứ hai.

* Nhâm Tuất: Cảnh Định năm thứ ba. Hữu tướng Giả Tự Đạo mua ruộng của dân làm ruộng quan, muốn được cả ngàn vạn mẫu, hàng năm thu vào đến sáu bảy trăm vạn thạch. Đài thần Giao Chương nói: “Sao đời thì họa biến, không nên mua làm ruộng quan, muôn dân oán thán, dẫn đến bất bình.” Xin bãi ruộng quan để hợp ý trời. Giả hữu tướng cố sức biện minh, từ đó công luận gay gắt.

* Quý Mùi: Cảnh Định năm thứ tư.

* Giáp Tý: Cảnh Định năm thứ năm. Thát Đát Quốc đổi niên hiệu Chí Nguyên năm đầu. Tống làm ra vàng bạc, xuất hiện loại tiền quan tử, lấy một chuẩn là ba phần Hội tử của mười tám giới, bỏ pháp độ mười bảy giới không dùng và ban hành giá tiền quan tử, vật giá đều tăng vọt. Tháng mười, Đế mất, hoàng Thái tử lên ngôi. Đế vốn là tông thất ở huyện Cổ Điền, Phước châu, cha làm Việt châu Sơn âm úy, lấy vợ là Toàn thị trong huyện này, sinh được hai người con. Một là Dư Cử tức Ô Thái Bảo Lý Tông. Một là Dư Nhuế tức Tự Vinh Vương. Vương đến đất Việt và trở thành người xứ Việt.

Độ Tông: Ban đầu húy là Mạnh Khải, em của Lý Tông, con của Tự Vinh Vương Dư Nhuế. Lý Tông có nhiều con nhưng không nuôi, Mạnh Khải ở trong cung đổi tên là Tư, lại đổi tên là Kỳ, được lập làm hoàng Thái tử, phong làm Trung Vương, ban cho tên Duệ. Ông lên ngôi, tấn phong Tự Vinh Vương làm Phước Vương. Lúc này quyền thần lộng hành nắm quyền, Đế chỉ là hư vị, ở ngôi mười năm, thọ ba mươi lăm tuổi. Niên hiệu Hàm Thuần mười năm.

* Ất Sửu: Hàm Thuần năm đầu. Đế hạ chiếu thỉnh Thiền sư Hư Đường Ngu ở Tịnh Từ trụ trì Kính Sơn. Sư nổi pháp Thiền sư Vận Am Nghiễm ở núi Đạo Tràng, Hồ châu. Nghiễm nổi pháp Thiền sư Tùng Nguyên Nhạc.

* Bính Dần: Hàm Thuần năm thứ hai.

* Đinh Mão: Hàm Thuần năm thứ ba. Đế đến miếu thờ Tăng Sâm Bính quốc công, Khổng Nhung Nghi quốc công, tế tự Tiên Thánh Chuyên Tôn Sư Trần quốc công, phong vào hàng Thập triết. Tấn phong Giả Tự Đạo làm bình chương quân quốc trọng sự ngụy quốc công. Đế xưng là Sư thần, cả nước gọi là Sư tướng.

* Mậu Thìn: Hàm Thuần năm thứ tư.

* Kỷ Ty: Hàm Thuần năm thứ năm.

* Canh Ngọ: Hàm Thuần năm thứ sáu. Tháng hai, ngày nọ Đế hỏi

Tự Đạo: Tướng Dương bị vây đã ba năm rồi, phải tính sao?

Đạo đáp: Quân phía Bắc đã rút lui rồi, bệ hạ nghe ai nói vậy.

- Vừa rồi mới nghe một nữ tỳ nói thế.

Giả Tự Đạo tra hỏi người nữ tỳ ấy rồi giết đi. Từ đó, không ai dám trả lời việc biên cương cho Đế nghe.

* Tân Mùi: Hàm Thuần năm thứ bảy. Tháng ba Hoài Tây Chế trí ty giải bày rằng Tướng Dương bị vây không giải được, xin điều binh đến tăng viện. Thát Đát quốc lấy quốc hiệu là Đại Nguyên, là lấy nghĩa quẻ Càn Nguyên trong Chu Dịch, nhằm nêu tỏ vương nghiệp bắt đầu từ đây.

Thủ Tòa Tịnh Phục: Ngài làm thủ tòa Thiên Trúc Vĩnh Tộ Thiên tự trong phủ Lâm An, ra hoàng hóa ở Thạch Sương, Đàm châu, nối pháp Thiền sư Hư Chu Độ. Đế hạ chiếu thỉnh Thiền sư Hư Chu Phổ Độ ở Trung Thiên Trúc trụ trì Cảnh Đức Linh Ẩn. Sư quê ở Dương châu, xuất gia tại chùa Bạch Liên thuộc Dương Tử Kiều, nối pháp Thiền sư Vô Đắc Thông ở Hoa Tạng, Thường châu. Thông nối pháp Thiền sư Tùng Nguyên Nhạc.

* Nhâm Thân: Hàm Thuần năm thứ tám.

* Quý Dậu: Hàm Thuần năm thứ chín.

* Giáp Tuất: Hàm Thuần thứ mười. Tháng bảy, Đế băng hà.

Thiếu Đế: Húy Thập, con trưởng của Độ Tông, lên ngôi lúc năm tuổi, Thái hoàng Thái hậu Tạ thị buông rèm thính chính. Năm sau, Đế đổi niên hiệu Đức Hựu, ông ở ngôi hai năm. Đại binh đến thành, cả nước đều quy hàng. Niên hiệu Đức Hựu hai năm.

* Ất Hợi: Đức Hựu năm đầu.

* Bính Tý: Đức Hựu năm thứ hai. Tháng hai Bính Thân, mồng một Ất Mão, dời ba cung về Bắc. Đinh Ty, ra khỏi cung, Thái Hoàng Đến đất Yên, được bảy năm thì mất. Phong Thọ Xuân quận phu nhân Toàn thị làm Ni ở chùa Chánh Trí. Thiếu đế được phong Doanh quốc công.

Nhà Tống gồm mười sáu chủ, trị vì tổng cộng ba trăm mười bảy năm, đất nước về tay nhà Nguyên.

Bảo châu đem bộ Cựu Tập Thủ Giám chỉnh sửa lại, viết rộng ra mà thành bộ Kê Cổ Lược này. Tôi đọc lại thấy rất hay, nên làm một bài tán nhằm nêu tỏ diệu nghĩa trong muôn một vậy. Tinh Môn Lưu Dung lễ bái mà rằng:

*Thích thị tân thư đắc tĩnh quan
Kỳ trung diệu lý túc bàn hoàn
Nhân tri nghiên thảo giai dư tự
Vạn tượng minh minh tổng nội an.
Nghĩa là :*

*Sách mới họ Thích được xem qua
Diệu lý trong kia lắm ngọc ngà
Mới hay mình biết đều thừa cả
Vạn tượng bao hàm ẩn hiện ra.*